BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TƯ PHÁP

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**

**PHẠM THỊ KIM ANH**

# HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM – NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN THỰC TIỄN

**Chuyên ngành: LUẬT QUỐC TẾ**

**Mã số: 9.38.01.08**

# LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

**Người hướng dẫn khoa học: 1. TS Vũ Đức Long**

**2. TS Bùi Xuân Nhự**

**Hà Nội, 2017**

## LỜI CẢM ƠN VÀ CAM ĐOAN

Tôi xin trân trọng cảm ơn TS.Vũ Đức Long, TS.Bùi Xuân Nhự và các thầy cô đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn để tôi có thể nghiên cứu và hoàn thành Luận án.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu, Khoa sau Đại học trường Đại học Luật, Hà Nội đã tạo điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành khóa học đào tạo tiến sĩ luật học.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới bạn bè, gia đình và cơ quan đã tạo điều kiện cho tôi tham gia chương trình đào tạo nghiên cứu sinh và hoàn tất Luận án.

Dù đã có nhiều cố gắng để hoàn thành luận án bằng tất cả sự nhiệt tình, năng lực và kinh nghiệm công tác nhưng khó có thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định, tôi rất mong nhận được những ý kiến góp ý quý báu của các thầy, cô và Hội đồng khoa học Nhà trường.

Tôi xin cam đoan công trình nghiên cứu khoa học này là do bản thân tôi thực hiện, không sao chép Luận án của người khác. Mọi nguồn tài liệu được sử dụng trong Luận án đều được trích dẫn nguồn văn bản rõ ràng.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*

**Nghiên cứu sinh**

**Phạm Thị Kim Anh**

## DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

| | |
|---|---|
| Bộ luật dân sự | BLDS |
| Xã hội chủ nghĩa | XHCN |
| Cơ sở nuôi dưỡng | CSND |
| Điều ước quốc tế | ĐƯQT |
| Hôn nhân và gia đình | HN&GĐ |
| Hoàn cảnh đặc biệt | HCĐB |
| Liên hợp quốc | LHQ |
| Lao động, Thương binh và Xã hội | LĐ-TBXH |
| Quy phạm pháp luật | QPPL |
| Tư pháp quốc tế | TPQT |
| Tương trợ tư pháp | TTTP |
| Ủy ban nhân dân | UBND |
| Yếu tố nước ngoài | YTNNg |

# MỤC LỤC

**MỞ ĐẦU** ..... **1**

**1. Tính cấp thiết của đề tài** ..... **1**

**2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu** ..... **3**

***2.1. Mục đích nghiên cứu*** ..... ***3***

***2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*** ..... ***3***

**3. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu** ..... **4**

***3.1. Phạm vi nghiên cứu*** ..... ***4***

***3.2. Đối tượng nghiên cứu*** ..... ***5***

**4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu** ..... **5**

***4.1. Phương pháp luận*** ..... ***5***

***4.2. Phương pháp nghiên cứu*** ..... ***6***

**5. Hướng tiếp cận của đề tài luận án và cơ sở lý thuyết** ..... **7**

***5.1. Hướng tiếp cận của đề tài luận án*** ..... ***7***

***5.2. Cơ sở lý thuyết*** ..... ***8***

**6. Câu hỏi nghiên cứu và các giả thuyết nghiên cứu** ..... **9**

***6.1. Câu hỏi nghiên cứu*** ..... ***9***

***6.2. Các giả thuyết nghiên cứu*** ..... ***9***

**7. Dự kiến kết quả nghiên cứu** ..... **10**

**CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU** ... **12**

**1.1.Tình hình và kết quả nghiên cứu trên thế giới** ..... **12**

***1.1.1. Các công trình nghiên cứu quốc tế*** ..... ***12***

***1.1.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu của các công trình quốc tế*** ..... ***14***

**1.2. Tình hình và kết quả nghiên cứu trong nước** ..... **16**

***1.2.1. Các công trình nghiên cứu trong nước*** ..... ***16***

***1.2.2. Đánh giá kết quả các công trình nghiên cứu trong nước*** ..... ***20***

**1.3. Những vấn đề đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu ..... 22**
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 ..... **24**
**CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THIỆN CỦA PHÁP LUẬT ..... 25**
**2.1. Cơ sở lý luận chung pháp luật về nuôi con nuôi ..... 26**
***2.1.1. Nuôi con nuôi là một sự kiện hộ tịch ..... 26***
2.1.1.1. Cách tiếp cận nuôi con nuôi dưới góc độ hộ tịch ..... 26
2.1.1.2. Điều kiện ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi ..... 28
***2.1.2. Nuôi con nuôi làm phát sinh quan hệ cha, mẹ và con ..... 28***
***2.1.3. Nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi ..... 30***
2.1.3.1. Là biện pháp tìm gia đình thay thế nhằm bảo vệ trẻ em ..... 30
2.1.3.2. Vì lợi ích tốt nhất của trẻ em ..... 32
***a) Khái niệm lợi ích tốt nhất của trẻ em ..... 32***
***b) Các biện pháp bảo đảm thực hiện nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em ..... 34***
2.1.3.3. Bảo đảm nguyên tắc tự nguyện ..... 35
***2.1.4. Đối tượng trẻ em được cho làm con nuôi ..... 36***
2.1.4.1 Độ tuổi của người được nhận làm con nuôi ..... 36
2.1.4.2. Trẻ em cần tìm gia đình thay thế ..... 37
**2.2. Phân biệt pháp luật về nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg ..... 39**
***2.2.1. Một số vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật về nuôi con nuôi trong nước ..... 40***
2.2.1.1. Nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi thực tế ..... 40
2.2.1.2. Chủ thể của quan hệ nuôi con nuôi trong nước ..... 41
2.2.1.3. Trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước ..... 42
2.2.1.4. Hệ quả của việc nuôi con nuôi trong nước ..... 43

2.2.1.5. Chấm dứt việc nuôi con nuôi trong nước ..... 44
2.2.1.6. Công nhận xuyên biên giới việc nuôi con nuôi trong nước .. 45
***2.2.2. Một số vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg..... 47***
2.2.2.1. Nuôi con nuôi có YTNNg và các cách thức thực hiện..... 47
2.2.2.2. Chủ thể của quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg ..... 50
2.2.2.3. Điều kiện của người nhận con nuôi..... 53
2.2.2.4. Điều kiện trẻ em được nhận làm con nuôi ở nước ngoài ..... 56
2.2.2.5. Hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg ..... 59
**2.3. Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở nước ta ..... 62**
***2.3.1. Phù hợp với Công ước La Hay 1993 ....*** *Error! Bookmark not defined.*
***2.3.2. Phòng ngừa việc mua bán trẻ em để cho làm con nuôi vì mục đích trục lợi ..... 63***
***2.3.3. Bảo đảm quyền của các bên có liên quan ..... 64***
2.3.3.1. Quyền của người nhận con nuôi..... 64
2.3.3.2. Quyền của cha mẹ đẻ, người giám hộ của trẻ em được cho làm con nuôi ..... 66
2.3.3.3. Quyền của trẻ em được nhận làm con nuôi..... 66
2.3.3.4. Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền của các bên liên quan..... 67
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 **..... 69**
**CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ TÁC ĐỘNG ẢNH HƯỞNG TỚI THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT VIỆC NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY .. 70**
**3.1. Thực trạng nội luật hóa Công ước La Hay 1993 trong hệ thống pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở nước ta..... 70**
***3.1.1. Phạm vi điều chỉnh việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài..... 71***
3.1.1.1. Theo Công ước La Hay 1993 ..... 71

3.1.1.2. Theo pháp luật của nước thành viên Công ước La Hay 199374

***3.1.2. Thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo Công ước La Hay 1993..... 75***

3.1.2.1. Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cho làm con nuôi..... 75

***3.1.2.2. Thủ tục giải quyết nuôi con nuôi quốc tế..... 76***

3.1.2.3.Thủ tục giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài (matching/apparentement)..... 78

3.1.3. Xác định pháp luật áp dụng đối với hệ quả của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ***..... 80***

3.1.3.1. Quy định về hệ quả của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và pháp luật áp dụng..... 80

3.1.3.2. Công nhận việc nuôi con nuôi có YTNNg đã được giải quyết ở Việt Nam và hệ quả phát sinh ..... 82

**3.2. Thực trạng triển khai thực hiện Công ước La Hay 1993 ở nước ta..... 87**

***3.2.1. Thực hiện những nguyên tắc jus cogens theo Công ước La Hay 1993 ..... 87***

3.2.1.1. Nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước..... 87

3.2.1.2. Nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em..... 89

***3.2.2. Thực tiễn tổ chức thi hành pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và nguồn nhân lực bảo đảm thực hiện ..... 91***

3.2.2.1. Thực trạng ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm việc thực hiện Công ước La Hay 1993..... 91

3.2.2.2. Thực trạng nguồn nhân lực và năng lực thi hành pháp luật.. 92

**3.3. Ảnh hưởng của thực trạng hoàn thiện pháp luật tới thực tiễn giải quyết việc nuôi con nuôi có có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam ..... 93**

***3.3.1. Lẩn tránh áp dụng Công ước La Hay 1993 và thủ tục giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài..... 93***

***3.3.2. Lạm dụng việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo ..... 97***

*3.3.3. Việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài còn gắn với hỗ trợ nhân đạo* ..... *99*

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 ..... **103**

**CHƯƠNG 4: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở NƯỚC TA TRONG TÌNH HÌNH MỚI** ..... **105**

**4.1. Quan niệm, ý nghĩa và nhu cầu hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở nước ta** ..... **105**

*4.1.1. Quan niệm hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài* ..... *105*

*4.1.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài* ..... *108*

*4.1.3. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở nước ta* ..... *109*

4.1.3.1. Số lượng lớn trẻ em có HCĐB cần tìm gia đình thay thế ... 109

4.1.3.2. Các cơ quan có thẩm quyền và đội ngũ cán bộ đa ngành nghề trong hoạt động nuôi con nuôi quốc tế ..... 111

4.1.3.3. Nhu cầu sử dụng dịch vụ công tác xã hội trong lĩnh vực nuôi con nuôi ..... 115

4.1.3.4. Các chính sách và cơ chế bảo đảm thi hành pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ..... 118

**4.2. Kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở nước ta trong tình hình mới** ..... **123**

*4.2.1. Nội luật hóa Công ước La Hay 1993* ..... *123*

4.2.1.1. Thay thế một số khái niệm ..... 123

4.2.1.2. Bổ sung một số quy định pháp luật bảo đảm tính tương thích với Công ước La Hay 1993 ..... 126

4.2.1.3. Bãi bỏ một số quy định cản trở việc thực hiện nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước ..... 131

4.2.1.4. Bổ sung quy định xác định điều kiện nuôi con nuôi trong nước ..... 131

***4.2.2. Hoàn thiện các quy phạm xung đột pháp luật ..... 133***

4.2.2.1. Bổ sung quy định xác định pháp luật áp dụng về điều kiện của người nhận con nuôi ..... 133

4.2.2.2. Bổ sung quy định xác định pháp luật áp dụng đối với hệ quả của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ..... 136

***4.2.3. Tăng cường cơ chế bảo đảm thực hiện Công ước La Hay 1993... 137***

4.2.3.1. Quy định tách bạch nuôi con nuôi có YTNNg và hỗ trợ nhân đạo ..... 137

4.2.3.2. Thay đổi cơ chế tài chính và tăng cường nguồn lực tài chính cho cơ sở nuôi dưỡng ..... 137

4.2.3.3. Xây dựng chính sách hỗ trợ bảo vệ/duy trì gia đình ..... 138

***4.2.4. Hoàn thiện thiết chế thực hiện Công ước La Hay 1993 ..... 139***

4.2.4.1. Hoàn thiện chức năng nhiệm vụ của Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi quốc tế ..... 139

4.2.4.2. Xây dựng chế định tổ chức được ủy quyền ..... 141

4.2.4.3. Nâng cao chức năng, nhiệm vụ của Tổ công tác liên ngành thực thi Công ước La Hay 1993 ..... 141

***4.2.5. Đào tạo nguồn cán bộ làm công tác trợ giúp xã hội trong lĩnh vực nuôi con nuôi ..... 143***

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4 ..... 145

**KẾT LUẬN ..... 146**

**DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO ..... 149**

**PHỤ LỤC A**

**PHỤ LỤC B**

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Từ những năm 70 của thế kỷ XX, một số lượng lớn trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi, trẻ em thất lạc cha mẹ do bom đạn chiến tranh đã được đưa ra nước ngoài và sau đó được nhận làm con nuôi ở các nước như Pháp, Canada, Thụy Điển [53. *Hơn 3000 trẻ em Việt Nam đã được đưa ra nước ngoài trong chiến dịch Babylift và đã được cho làm con nuôi nước ngoài*]. Kể từ đó tới nay, nước ta vẫn tiếp tục giải quyết một số lượng lớn trẻ em làm con nuôi ở những nước phát triển [72].

Trong xu hướng phát triển của hoạt động cho nhận con nuôi quốc tế/có YTNNg trên thế giới, Việt Nam luôn ở vị trí Nước gốc (nước cho trẻ em làm con nuôi), đối lập với Nước nhận (nước tiếp nhận trẻ em làm con nuôi). Trẻ em Việt Nam được giải quyết cho làm con nuôi ở nước ngoài chủ yếu ở những nước phát triển như Pháp, Hoa Kỳ, Canada, Thụy Điển, Thụy Sỹ, Đan Mạch, Italia, Tây Ban Nha. Từ năm 2003 cho tới năm 2015 có khoảng hơn 12.000 trẻ em Việt Nam được giải quyết cho làm con nuôi ở nước ngoài (*Xem Bảng 1 Phụ lục A*).

Có thể nói pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg của nước ta đã ra đời rất muộn, sau trào lưu *Babylift* vào cuối những năm 70 của thế kỷ XX. Cho đến nay, trải qua nhiều giai đoạn phát triển, quy định về nuôi con nuôi có YTNNg đã trở thành hệ thống pháp luật chuyên ngành. Hoạt động cho nhận con nuôi có YTNNg được điều chỉnh cùng với hoạt động cho nhận con nuôi trong nước tại những văn bản QPPL có giá trị pháp lý cao như Luật nuôi con nuôi, Nghị định số 19/2011/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi.

Tuy nhiên, kể từ khi Luật nuôi con nuôi có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 cho đến nay, bối cảnh cho nhận con nuôi có YTNNg ở nước ta đã có những thay đổi căn bản. Về bối cảnh quốc tế, nước ta đã trở thành thành viên Công ước La Hay số 33 ngày 29/5/1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế (*dưới đây gọi là Công ước La Hay 1993*). Đây là bước thay đổi chưa từng có trong hoạt động cho nhận con nuôi có YTNNg ở Việt Nam: từ quan hệ hợp tác song phương chuyển sang quan hệ hợp tác đa phương. Điều này đòi hỏi Việt

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 12 pt, After: 3 pt

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

Nam phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg cho phù hợp với Công ước La Hay 1993.

Về bối cảnh trong nước, sau Hiến pháp năm 2013 Quốc hội nước ta đã ban hành một loạt các văn bản QPPL quan trọng liên quan đến vấn đề gia đình, con nuôi và trẻ em như Luật HN&GĐ 2014, BLDS 2015, Luật hộ tịch 2014 và Luật trẻ em 2016 nhằm tăng cường bảo vệ quyền con người ,và quyền trẻ em.

Trong bối cảnh đó, pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta đã bộc lộ những điểm hạn chế, chưa phù hợp với các quy định mới được ban hành; một số quy định có xu hướng hạn chế quyền được nhận làm con nuôi và quyền nhận con nuôi; một số quy định không phù hợp với thực tiễn. Điều này dẫn đến hoạt động cho nhận con nuôi có YTNNg có những hạn chế nhất định về số lượng và chất lượng.

Về số lượng, trong thời gian gần đây các trường hợp cho nhận con nuôi ~~có YTNNg~~ nước ngoài giảm mạnh trong khi còn một số lượng lớn trẻ em có ~~hoàn cảnh đặc biệt~~ HCĐB sống tại cộng đồng hoặc trong các CSND không được giải quyết cho làm con nuôi trong nước hoặc nước ngoài . ~~[~~*(Xem Bảng 2 Phụ lục A).~~]~~

Formatted: Font: Not Bold, Italic, English (United States)

Formatted: Font: Not Bold, Italic, English (United States)

Về chất lượng, các trường hợp cho nhận con nuôi ~~có YTNNg~~nước ngoài còn gắn với vấn đề hỗ trợ tài chính của cha mẹ nuôi hoặc tổ chức con nuôi nước ngoài, trong khi đó theo Công ước La Hay 1993, việc nuôi con nuôi quốc tế phải tách bạch với các khoản hỗ trợ nhân đạo và trợ giúp kỹ thuật.

Để bảo đảm hoạt động cho nhận con nuôi có YTNNg/quốc tế vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, phù hợp với thực tiễn và chuẩn mực quốc tế, thì cần phải tính đến việc sửa đổi, bổ sung Luật nuôi con nuôi.

Vì vậy, đề tài "Hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn" có tính cấp thiết và có khả năng ứng dụng cao trong bối cảnh Việt Nam tăng cường trách nhiệm thực thi Công ước La Hay 1993 và chuẩn bị cho việc sửa đổi, bổ sung Luật nuôi con nuôi.

## 2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

### *2.1. Mục đích nghiên cứu*

Formatted: Space Before: 6 pt, After: 6 pt

Formatted: (none)

Luận án tập trung nghiên cứu pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg của nước ta trong mối quan hệ với ĐƯQT về nuôi con nuôi và hệ thống pháp luật trong nước nhằm đánh giá hiệu quả, mức độ hoàn thiện, tính phù hợp với Công ước La Hay 1993 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Từ đó xác định nhu cầu và giải pháp hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta. ~~.~~

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu tổng quát, luận án cần tập trung làm rõ cơ sở lý luận chung pháp luật về nuôi con nuôi, phân biệt quy định pháp luật điều chỉnh việc nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg. Để làm rõ nhu cầu hoàn thiện pháp luật, luận án cần phân tích và đánh giá thực trạng hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg, những yếu tố ảnh hưởng tới thực tiễn giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Trên cơ sở đó, luận án làm rõ những nội dung hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg trong tình hình mới cho phù hợp với xu hướng phát triển của hoạt động cho nhận con nuôi quốc tế trên thế giới.

### *2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

Để thực hiện mục đích nghiên cứu, luận án có những nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, luận án cần làm sáng tỏ cơ sở lý luận chung pháp luật về nuôi con nuôi, những vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật điều chỉnh việc nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg. Lý luận chung về nuôi con nuôi được tiếp cận dưới góc độ ~~sự kiện~~ hộ tịch, quan hệ pháp luật và nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi.

*Thứ hai*, luận án cần phân biệt cơ sở lý luận pháp luật về nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg dựa trên những chủ thể của quan hệ nuôi con nuôi (người nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi), công nhận việc nuôi con nuôi. Từ đó, luận án đưa ra những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật

Formatted: Font: Not Bold, English (United States)

về nuôi con nuôi có YTNNg, chủ yếu dựa trên tiêu chí bảo đảm quyền của các bên liên quan.

*Thứ ba*, luận án cần phân tích thực trạng pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg, nội luật hóa Công ước La Hay 1993 và đánh giá những tác động của thực trạng hoàn thiện pháp luật tới thực tiễn giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg ở Việt Nam.

*Thứ tư,* luận án cần làm rõ quan niệm, ý nghĩa hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg từ đó, xác định những nhu cầu hoàn thiện pháp luật.

*Thứ năm*, trên cơ sở nhu cầu hoàn thiện pháp luật, luận án đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở Việt Nam trong tình hình mới.

## 3. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

### *3.1. Phạm vi nghiên cứu*

Formatted: Space Before: 6 pt, After: 6 pt

*Về nội dung*, luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu của luận án được giới hạn tập trung vào các quy định pháp luật hiện hành về nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg, mối quan hệ phụ thuộc giữa pháp luật của nước ta và pháp luật của nước có liên quan với tư cách là nước nhận trẻ em làm con nuôi. Pháp luật của Nước gốc có vị trí nhất định trong việc công nhận hoặc chuyển đổi hình thức nuôi con nuôi. Luận án nghiên cứu nội dung quy định của Công ước La Hay 1993 nhằm đối chiếu, so sánh với các quy định của pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi.

*Về không gian*, luận án nghiên cứu những quy định pháp luật có hiệu lực thi hành trên lãnh thổ Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu, luận án mở rộng phạm vi nghiên cứu pháp luật của một số nước nhận nhiều trẻ em Việt Nam làm con nuôi như pháp luật của Pháp, Tây Ban Nha, Italia, Hoa Kỳ và Canada. Pháp luật của nước ngoài có ảnh hưởng tới việc xác định hệ quả của việc cho nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở nước đó.

*Về thời gian*, luận án nghiên cứu các quy định pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg và thực tiễn cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở nước ngoài kể từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX cho đến nay. Những giải pháp hoàn thiện pháp luật về

nuôi con nuôi có YTNNg sẽ được ứng dụng nhằm phục vụ cho việc sửa đổi, bổ sung Luật nuôi con nuôi trong giai đoạn tới. ~~.~~

### *3.2. Đối tượng nghiên cứu*

Formatted: Heading 3, Indent: First line: 0 cm

Formatted: Font: Not Bold

Luận án nghiên cứu nội dung hệ thống các văn bản QPPL điều chỉnh việc nuôi con nuôi có YTNNg ở Việt Nam bao gồm ĐƯQT về nuôi con nuôi, Luật nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bên cạnh đó, luận án nghiên cứu hệ thống các văn bản QPPL trong nước có liên quan đến vấn đề nuôi con nuôi trong BLDS 2015, Luật HN&GĐ 2014, Luật hộ tịch 2014 và Luật trẻ em 2016; từ đó làm rõ thực trạng pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg.

Luận án nghiên cứu thực trạng hoàn thiện pháp luật gắn với thực tiễn giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg ở Việt Nam, đặt trong bối cảnh chung về nuôi con nuôi quốc tế trên thế giới và mối quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi giữa Việt Nam với các nước khác. Thực trạng pháp luật được phân tích và đánh giá lồng ghép trong nội dung đánh giá thực trạng hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg. Trên cơ sở đó, luận án tìm ra những vướng mắc, khó khăn trong việc giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg và làm rõ nhu cầu hoàn thiện pháp luật ở nước ta.

## 4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

### *4.1. Phương pháp luận*

Formatted: Heading 3, Indent: First line: 0 cm

Luận án nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chính sách và ~~quan điểm~~Nghị quyết của Đảng về hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg nói riêng trong mối quan hệ với pháp luật về dân sự, HN&GĐ và trẻ em.

Luận án được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng pháp luật và hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta. Pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta được tiếp cận dưới góc độ pháp luật của Nước gốc. Hệ thống pháp luật này được đặt trong mối quan hệ tổng thể với ĐƯQT về nuôi con nuôi, Hiến pháp 2013 và hệ thống các văn bản QPPL khác có liên quan như pháp luật về dân sự, HN&GĐ và~~,~~ trẻ em.

Luận án có đối chiếu và so sánh với pháp luật của một số nước nhận nhiều trẻ em Việt Nam làm con nuôi và ĐƯQT về nuôi con nuôi mà Việt Nam là thành viên. Ngoài ra, luận án cũng tập trung nghiên cứu, tham khảo lý luận và thực tiễn của hoạt động cho nhận con nuôi quốc tế/có YTNNg trên thế giới và ở nước ta qua các thời kỳ.

### *4.2. Phương pháp nghiên cứu*

Formatted: Heading 3, Indent: First line: 0 cm, Widow/Orphan control

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trong quá trình nghiên cứu luận án, nghiên cứu sinh sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau:

- *Phương pháp phân tích và bình luận* để làm rõ quy định pháp luật hiện hành về nuôi con nuôi, sự khác biệt giữa hai chế định nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg, mối tương quan giữa pháp luật Việt Nam với tư cách là Nước gốc và pháp luật của một số nước nhận nhiều trẻ em Việt Nam làm con nuôi; tính phù hợp giữa pháp luật trong nước và Công ước La Hay 1993.

- *Phương pháp tổng hợp* nhằm khái quát hoá thực trạng hoàn thiện pháp luật và thực tiễn hoạt động cho nhận con nuôi có YTNNg, từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị phù hợp.

- *Phương pháp luật học so sánh* nhằm chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật nước ngoài, đặc thù của quy định pháp luật về nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg, mối tương quan giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước liên quan. Đây là một phương pháp nghiên cứu phổ biến và quan trọng trong tư pháp quốc tế và nuôi con nuôi có YTNNg.

- *Phương pháp hệ thống hóa* nhằm trình bày vấn đề và nội dung trong luận án theo trình tự, bố cục hợp lý, chặt chẽ; có sự gắn kết, kế thừa và phát triển các vấn đề, các nội dung để đạt được mục đích, yêu cầu của luận án. Luận án hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung pháp luật về nuôi con nuôi, làm rõ nội hàm của pháp luật về nuôi con nuôi trong nước, được coi là nền tảng của các quy định pháp luật điều chỉnh việc nuôi con nuôi có YTNNg.

- *Phương pháp rà soát, tổng hợp và phân tích thực tiễn* nhằm đánh giá thực trạng của việc nuôi con nuôi có YTNNg, đánh giá mức độ hoàn thiện của các quy định pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg qua các thời kỳ và đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay.

- *Phương pháp khảo cứu báo cáo, tài liệu hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế* để nghiên cứu nhu cầu, xu hướng chung của hoạt động nuôi con nuôi quốc tế trên thế giới, tìm hiểu những vướng mắc, khó khăn trong quá trình hoàn thiện pháp luật trong nước. Từ đó tìm ra những tồn tại, hạn chế của pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta và những ~~biểu hiện lạm dụng trong~~cách thức thực hiện trái với chuẩn mực quốc tế trong thực tiễn giải quyết việc nuôi con nuôi ở nước ta. ~~i.~~

**5. Hướng tiếp cận của đề tài luận án và cơ sở lý thuyết**

***5.1. Hướng tiếp cận của đề tài luận án***

- Luận án kế thừa các kết quả nghiên cứu trong nước và quốc tế đã được công bố trên cơ sở tập hợp, hệ thống ở mức đầy đủ nhất có thể những công trình khoa học có liên quan đến pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở Việt Nam.

- Luận án tiếp cận pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg dưới góc độ lý luận chung và phân biệt với chế định nuôi con nuôi trong nước. Từ đó, nghiên cứu sinh rút ra những điểm chung và điểm riêng của các quy định pháp luật điều chỉnh việc nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg, tìm ra sự liên thông giữa hai chế định đó.

- Trong khuôn khổ ~~Công ước La Hay 1993~~các ĐƯQT mà Việt Nam là thành viên, pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg còn được tiếp cận dưới góc độ chính sách của N~~n~~hà nước về chăm sóc và bảo vệ trẻ em, nhằm bảo đảm quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em trong việc giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg; cơ chế đồng trách nhiệm giữa Nước gốc và Nước nhận trong hoạt động cho nhận con nuôi nước ngoài và ~~,~~ vai trò quan trọng của các cơ quan có thẩm quyền để bảo đảm tính hợp pháp của việc cho nhận con nuôi nước ngoài.

- Luận án tiếp cận pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg theo quan điểm mới về hệ thống pháp luật, theo đó hệ thống nguồn ~~pháp~~ luật, các thiết chế bảo đảm thực



**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Heading 2, Indent: First line: 0 cm

hiện, tổ chức thi hành và thông tin, đào tạo đội ngũ nhân lực là 4 yếu tố trụ cột trong hệ thống ~~đó~~. Điều này phù hợp với chủ trương và đường lối chính sách của Đảng và ~~Nhà nước~~Nhà nước theo Nghị quyết số 48/2005/NQ-TW về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết số 48/2005/NQ-TW).

- Trên cơ sở tiếp cận đó, luận án đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg theo hướng hoàn thiện 4 yếu tố cơ bản của hệ thống pháp luật về nuôi con nuôi nhằm tăng cường bảo đảm quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em được cho làm con nuôi ở nước ngoài, bảo đảm sự hợp tác tối đa trong hoạt động cho nhận con nuôi quốc tế giữa Nước nhận và Nước gốc.

### *5.2. Cơ sở lý thuyết*

Formatted: Heading 3, Indent: First line: 0 cm

Nội dung luận án được phát triển dựa trên cơ sở lý thuyết cơ bản về tư pháp quốc tế và đặc trưng của hệ thống pháp luật Việt Nam. Từ đó, xây dựng lý thuyết về tính phụ thuộc/liên thông giữa hệ thống pháp luật về nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg, giữa pháp luật Nước gốc và Nước nhận và tính phù hợp với Công ước La Hay 1993.

*Thứ nhất*, lý luận chung pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg; khái niệm về nuôi con nuôi có YTNNg được xem xét dưới các góc độ là sự kiện hộ tịch, nuôi con nuôi làm phát sinh quan hệ cha mẹ con giữa người nhận con nuôi ~~và~~ nước và người được nhận làm con nuôi, những nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi có tính bắt buộc chung (*jus cogens*) theo Công ước La Hay 1993.

*Thứ hai*, mối tương quan giữa các quy định pháp luật về nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg được xác định như thế nào về mặt lý luận và thực tiễn; liệu ~~có xu hướng có yếu tố nước ngoài~~ trong quan hệ nuôi con nuôi trong nước có thể xuất hiện yếu tố nước ngoài không. Hệ quả của việc nuôi con nuôi trong nước có áp dụng cho các trường hợp nuôi con nuôi có YTNNg không. Hệ quả pháp lý của nuôi con nuôi có YTNNg bao gồm những thành tố cơ bản nào.

*Thứ ba*, quyết định cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài có giá trị pháp lý như thế nào tại Nước nhận, làm phát sinh những hệ quả gì; có thuận lợi và khó khăn gì

không khi tiến hành thủ tục chuyển đổi hình thức nhận con nuôi; các bản án, quyết định về nuôi con nuôi được các cơ quan có thẩm quyền thực hiện ở nước ngoài được công nhận và ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi như thế nào theo quy định của pháp luật hiện hành của nước ta.

*Thứ tư*, pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg của nước ta đã phù hợp với chuẩn mực quốc tế chưa; có cần thiết phải bổ sung và thay đổi cho tương thích với Công ước La Hay 1993 nhằm bảo đảm quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài không.

## 6. Câu hỏi nghiên cứu và các giả thuyết nghiên cứu

Formatted: Heading 2, Indent: First line: 0 cm

Formatted: Font: Not Bold

### *6.1. Câu hỏi nghiên cứu*

Luận án trả lời những câu hỏi nghiên cứu sau đây:

- Nuôi con nuôi có YTNNg có phải là giải pháp sau cùng và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em không ?

- Pháp luật hiện hành về nuôi con nuôi có YTNNg có đáp ứng lợi ích tốt nhất của trẻ em Việt Nam cần tìm gia đình thay thế không ? Có phải là một biện pháp chăm sóc thay thế dành cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt không ?

- Pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg cần điều chỉnh những vấn đề gì ?

- Có cần hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg không ? Có nên xã hội hóa một số nhiệm vụ trong thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg không ?

### *6.2. Các giả thuyết nghiên cứu*

Formatted: Heading 3, Indent: First line: 0 cm

Trên cơ sở lý luận và thực trạng pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg, nghiên cứu sinh xác định luận án cần tập trung vào một số giả thuyết khoa học sau:

*Một là*, nuôi con nuôi có YTNNg ~~thực sự~~ là giải pháp cuối cùng ~~và~~ vì lợi ích tốt nhất của trẻ em cần tìm gia đình thay thế. Tuy nhiên, biện pháp nuôi con nuôi có YTNNg lại có tác động mạnh mẽ tới thực trạng trẻ em bị bỏ rơi, tách trẻ em ra khỏi gia đình gốc vì hoạt động cho nhận con nuôi còn gắn với các khoản hỗ trợ nhân đạo.

*Hai là*, hiện tại pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg chưa thực sự liên thông với pháp luật về nuôi con nuôi trong nước, đồng thời chưa có sự gắn kết giữa việc nuôi con nuôi với các biện pháp chăm sóc thay thế khác dành cho trẻ em có HCĐB, hệ thống bảo trợ xã hội chưa đủ mạnh để thúc đẩy biện pháp ưu tiên nuôi con nuôi trong nước, dẫn đến trẻ em có HCĐB ở CSND chủ yếu được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài.

*Ba là*, pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg trong bối cảnh mới ~~-~~đặt ra vấn đề xác định pháp luật áp dụng về điều kiện nuôi con nuôi, hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg, thẩm quyền giải quyết và công nhận các quyết định nuôi con nuôi. Hệ quả của việc nuôi con nuôi trong nước có ảnh hưởng tới hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg. Việc thiếu vắng quy định về hệ quả nuôi con nuôi có YTNNg cũng ảnh hưởng tới việc tăng cường cơ chế bảo đảm quyền và lợi ích của trẻ em Việt Nam ở nước ngoài, bảo đảm quyền của công dân Việt Nam nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.

*Bốn là*, pháp luật hiện hành chưa~~a có~~ quy định về tổ chức con nuôi trong nước. Điều này có thể dẫn đến việc giải quyết nuôi con nuôi trong nước và nước ngoài chưa phù hợp với thông lệ quốc tế và là hạn chế của pháp luật trong nước khi Việt Nam đã là thành viên của Công ước La Hay 1993. Vì vậy, một số nhiệm vụ trong thủ tục giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg có thể được xã hội hóa thông qua chế định các tổ chức con nuôi trong nước.

**7. Dự kiến kết quả nghiên cứu**

*Một là,* luận án tiếp tục phát triển kết quả các công trình nghiên cứu trước đây về hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg tại Việt Nam như: xây dựng và bổ sung một số QPPL còn thiếu về hệ quả của việc nuôi con nuôi YTNNg;~~,~~ xã hội hóa một số nhiệm vụ trong giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg thông qua chế định tổ chức con nuôi trong nước nhằm tăng cường tính chuyên nghiệp, bảo đảm tốt nhất quyền và lợi ích của trẻ em, người nhận con nuôi và cha mẹ đẻ của trẻ em.

*Hai là*, luận án sẽ là công trình nghiên cứu sâu sắc ~~những vấn đề~~ thực ~~trạng giải quyết~~tiễn giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài và thực trạng pháp luật về nuôi

**Formatted:** Heading 2, Indent: First line: 0 cm

**Formatted:** Font: Not Bold

con nuôi có YTNNg của nước ta trong mối quan hệ với pháp luật của những nước có liên quan và Công ước La Hay 1993; thực trạng nội luật hóa~~, áp dụng~~ Công ước La Hay 1993~~,~~; xác định pháp luật áp dụng về điều kiện nuôi con nuôi, hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg;~~,~~ từ đó phân tích những nhu cầu hoàn thiện pháp luật trong nước.

*Ba là*, luận án sẽ làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận chung pháp luật về nuôi con nuôi;~~,~~ phân biệt pháp luật về nuôi con nuôi trong nước và pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg/quốc tế;~~,~~ những nguyên tắc *jus cogens* trong thủ tục nuôi con nuôi có YTNNg được quy định tại Công ước La Hay 1993;~~,~~ công nhận và hệ quả của việc nuôi con nuôi, chuyển đổi hình thức nuôi con nuôi.

*Bốn là*, luận án sẽ là công trình nghiên cứu đầu tiên đề xuất chính sách nuôi con nuôi phải gắn với chính sách bảo trợ xã hội nhằm tăng cường và thực hiện tốt nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước, trước khi giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg. Đây chính là một trong những giải pháp hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg thông qua giải pháp cơ chế và chính sách.

*Năm là*, luận án đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật theo hướng vừa tiếp tục nội luật hóa những nguyên tắc cơ bản (*jus cogens*) của Công ước La Hay 1993 vừa tăng cường hệ thống các thiết chế bảo đảm thi hành pháp luật~~,~~; tổ chức thi hành pháp luật~~,~~; đào tạo nguồn nhân lực nhằm bảo đảm pháp luật được đưa vào cuộc sống.

# CHƯƠNG 1

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

### 1.1.Tình hình và kết quả nghiên cứu trên thế giới

#### *1.1.1. Các công trình nghiên cứu quốc tế*

~~Vấn đề nuôi con nuôi có YTNNg ở Việt Nam đã được một số nước và các tổ chức quốc tế nghiên cứu và đánh giá khi nước ta là một trong số những Nước gốc cho nhiều trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài.~~ Thực trạng cho nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở nước ngoài đã được phản ánh trong một số công trình nghiên cứu quốc tế ~~lớn,~~ có phạm vi rộng trên thế giới. Cụ thể như "Báo cáo về việc cho nhận trẻ em có nguồn gốc nước ngoài làm con nuôi" [54, Van Loon J.H. 1989] đã đánh giá hoạt động cho nhận trẻ em có nguồn gốc nước ngoài trong đó có trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi ở nước ngoài, pháp luật của các nước và quy định về tư pháp quốc tế, nhằm phục vụ cho việc xây dựng nội dung dự thảo Công ước La Hay 1993.

"Báo cáo số 410 về dự án luật phê chuẩn Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa CH Pháp và CH XHCN Việt Nam"[71, Nghị viện Pháp, 2000] và "Báo cáo số 2370 về dự án luật phê chuẩn Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa Pháp và Việt Nam" [45, Issac-Sibille Bernadette 2000] đã đánh giá sâu sắc tình hình cho nhận con nuôi quốc tế ở Việt Nam và một số hạn chế của quy định pháp luật có liên quan. Tiếp theo đó, Chính phủ Pháp đã xây dựng "Báo cáo về nuôi con nuôi" [42, Jean-Marie Colombani, 2008] đánh giá thực trạng việc nuôi con nuôi quốc tế ở một số Nước gốc trong đó có tình hình cho nhận con nuôi ở Việt Nam.

Đặc biệt, trước khi Luật nuôi con nuôi được Quốc hội ban hành, Cơ quan xã hội quốc tế (ISS) và Quỹ bảo vệ nhi đồng LHQ đã lập báo cáo đánh giá tình hình cho nhận con nuôi ở Việt Nam "Báo cáo về tình hình cho nhận con nuôi ở Việt Nam: những phát hiện và khuyến nghị"[66, Hervé Boéchat, Nigel Cantwell & Mia Djambach].



Formatted: Heading 1

Formatted: Vietnamese

Formatted: Space Before: 12 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.15 li

Formatted: Vietnamese

Formatted: Space Before: 6 pt, After: 6 pt

Formatted: Heading 3, Indent: First line: 0 cm

Báo cáo chỉ ra thực trạng giải quyết việc nuôi con nuôi ở Việt Nam trong mối liên quan với chính sách bảo trợ xã hội; sự liên thông giữa nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg. Đặc biệt, Báo cáo đã chỉ ra những hạn chế cơ bản trong chính sách và quy định pháp luật về nuôi con nuôi nói chung và nuôi con nuôi có YTNNg nói riêng, đưa ra một số khuyến nghị nhằm cải thiện tình hình cho nhận con nuôi nước ngoài ở Việt Nam và tiến tới hoàn thiện pháp luật. .

Nhằm góp ý hoàn thiện dự thảo Luật nuôi con nuôi, Cơ quan xã hội quốc tế (ISS) đã lập "Bản góp ý dự thảo Luật nuôi con nuôi" [67, ISS, 2009]. Bản góp ý dự thảo Luật nuôi con nuôi tập trung khuyến nghị Việt Nam không nên đưa vấn đề khuyến khích hỗ trợ nhân đạo trong Luật. Việc hỗ trợ nhân đạo phải được điều chỉnh trong một văn bản QPPL khác.

Trong quá trìnhSau khi Luật nuôi con nuôi có hiệu lực thi hành, Cơ quan xã hội quốc tế (ISS) đã đánh giá tình hình thi hànhgiải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg ở Việt Nam và những nêu ra một số khiếm khuyết của Luật nuôi con nuôi [69, Nigel Cantwell, 2018] [70].

Tác giả Selman Peter (Anh) đã thống kê số liệu trẻ em trên thế giới và trẻ em Việt Nam được giải quyết cho làm con nuôi ở các nước [53, Selman Peter, 2015]. Số liệu giải quyết việc nuôi con nuôi ở các nước trên thế giới và Việt Nam đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Hội nghị tư pháp quốc tế La Hay (*Xem Phụ lục B*).

Tác giả Smolin David [52, Smolin David, 2007] và Nigel Cantwell [69, Nigel Cantwell, 2018] đã nghiên cứu và lập báo cáo về tình hình mua bán trẻ em nhằm cho làm con nuôi trên thế giới. Tác giả Boechat Hervé [40, Boechat Hervé, 2010] nghiên cứu "Những vùng xám trong việc cho nhận nuôi con nuôi quốc tế", đã đề cập đến vấn đề "*tẩy rửa*" (*blanchissement*) trẻ em để cho làm con nuôi, trong đó có nêu một số vụ việc cụ thể như ở Nam Định, Việt Nam. Tác giả Nigel Cantwell [68, Nigel Cantwell, 2017] nghiên cứu việc cho trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo (hay còn gọi là trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt) làm con nuôi quốc tế, trong đó có đưa ra một số nhận định về hoạt động cho nhận con nuôi quốc tế ở Việt Nam.

"Báo cáo 20 năm thực thi Công ước La Hay 1993" của Ban thường trực Công ước La Hay năm 2015" [63, HccH, 2015] đánh giá kết quả và những thách thức thực

Formatted: Font: Italic

Formatted: Font: Italic

Formatted: Font: Italic

hiện Công ước La Hay 1993; tác động của Công ước tới thực trạng hiện nay, theo đó số lượng trẻ em nước ngoài được giải quyết cho làm con nuôi quốc tế giảm mạnh trong khi đó chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi quốc tế lại tăng và thời gian giải quyết lại kéo dài [63, HccH, 2015].

### *1.1.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu của các công trình quốc tế*

Các công trình nghiên cứu nêu trên đã đánh giá thực tiễn giải quyết cho trẻ em nước ngoài làm con nuôi, trong đó có trẻ em Việt Nam; đồng thời chỉ ra những lạm dụng trong quá trình giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg vào cuối những năm 90 của thế kỷ XX [45, Issac-Sibille Bernadette, 2000] [51, Nicolas de La Casiniere, 1998]. Việc cho nhận con nuôi không tuân thủ điều kiện của trẻ em được cho làm con nuôi, ý kiến đồng ý của cha mẹ đẻ và vấn đề thiếu minh bạch tài chính trong việc tiếp nhận các khoản hỗ trợ nhân đạo.

Các công trình nghiên cứu đã phân tích sâu sắc thực trạng thiếu bảo đảm pháp lý trong việc giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta trong những giai đoạn trước. Trước thực trạng đáng cảnh báo đó, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã dừng cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài để chấn chỉnh và thay đổi quy định pháp luật có liên quan.

Qua "Báo cáo năm 2009 về tình hình cho nhận con nuôi ở Việt Nam: những phát hiện và khuyến nghị" [66, ISS, 2009] cho thấy nhu cầu nhận con nuôi của người nước ngoài đã có ảnh hưởng to lớn đối với việc giải quyết cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở nước ngoài trong những giai đoạn trước năm 2010 ~~bị ảnh hưởng lớn bởi nhu cầu nhận con nuôi của người nước ngoài~~ [66, ISS, 2009]. Trước sức ép của nhu cầu nhận con nuôi, ~~có~~ một số lượng lớn trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi ở nước ngoài.

Đây là một trong những yếu tố gây tác động nhất định tới nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi ở nước ngoài. Quy trình giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg ở Việt Nam trước khi Luật nuôi con nuôi ra đời có thể nói là không phù hợp với~~trái~~ chuẩn mực quốc tế, không vì nhu cầu và lợi ích của trẻ em mà vì nhu cầu của người nhận con nuôi. Nói cách khác, pháp luật nước ta cho phép người nước

ngoài trực tiếp đi tìm kiếm trẻ em để nhận làm con nuôi, chứ không phải tìm một gia đình phù hợp cho trẻ em.

Quy định tại khoản 3 Điều 58 Nghị định số 68/2002/NĐ-CP yêu cầu các tổ chức con nuôi nước ngoài hoạt động về nuôi con nuôi ở Việt Nam phải có chương trình, dự án hoạt động nhân đạo, hỗ trợ kỹ thuật~~ nhằm hỗ trợ người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi~~. Điều này dẫn đến thực trạng việc giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg gắn trực tiếp với các khoản hỗ trợ nhân đạo và hỗ trợ kỹ thuật. Quy định này cũng trái với nguyên tắc *jus cogens* của Công ước La Hay 1993, theo đó việc giải quyết nuôi con nuôi phải tách bạch với các khoản hỗ trợ nhân đạo và trợ giúp kỹ thuật.

Các công trình nghiên cứu quốc tế chỉ cho chúng ta thấy vai trò của Bộ Tư pháp với tư cách là cơ quan trung ương về con nuôi quốc tế còn có nhiều hạn chế, cần phải tăng cường nhiệm vụ và thẩm quyền trong việc theo dõi và quản lý việc nuôi con nuôi có YTNNg [67, ISS, 2009].

Qua các công trình nghiên cứu quốc tế ~~chứng tỏ~~cho thấy nuôi con nuôi có YTNNg là một vấn đề phức tạp, liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của trẻ em là đối tượng yếu thế dễ bị xâm hại. Các nước và các tổ chức quốc tế bảo vệ quyền trẻ em phải có sự can thiệp, kiểm tra và giám sát chặt chẽ hoạt động cho nhận con nuôi này. Giữa các nước phải có sự hợp tác, chia sẻ thông tin và kịp thời ngăn chặn những cách thức thực hiện trái pháp luật và chuẩn mực quốc tế.

Về lý luận tư pháp quốc tế, các công trình nghiên cứu cho thấy trong quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg, pháp luật của Nước gốc điều chỉnh trực tiếp điều kiện của trẻ em được nhận làm con nuôi, ý kiến đồng ý của cha mẹ đẻ hoặc ~~của~~ người giám hộ. Tuy nhiên, các công trình khoa học trên thế giới lại không nghiên cứu vấn đề xác định luật áp dụng trong quy định pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg của nước ta và vấn đề công nhận việc nuôi con nuôi đã được giải quyết ở Việt Nam.

Các công trình nghiên cứu quốc tế mới chủ yếu tập trung đánh giá thực tiễn giải quyết cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở nước ngoài và đưa ra những khuyến nghị đối với Việt Nam trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật, trước khi Quốc hội ban hành Luật nuôi con nuôi.

Tạp chí của Cơ quan xã hội quốc tế [70, ISS, 2015] chỉ ra Luật nuôi con nuôi còn có những điểm tồn tại như thiếu quy định về hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg; luật còn khuyến khích các tổ chức, cá nhân hỗ trợ nhân đạo trong quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi; quy định về việc cho nhận con nuôi có quan hệ họ hàng chưa bảo đảm vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Ngoài ra, còn có một số bài viết về quyết định cho nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi trước tòa án Pháp, chủ yếu bàn về hệ quả của việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật Việt Nam. Theo đó, một số cơ quan có thẩm quyền của Pháp nhận định việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật Việt Nam có hệ quả tương đương với việc nhận con nuôi đơn giản tại Pháp [55, AFA]. Điều này dẫn đến việc các cha mẹ nuôi người Pháp thường yêu cầu nhận lại trẻ em Việt Nam làm con nuôi trước tòa án Pháp theo hình thức nuôi con nuôi trọn vẹn.

## 1.2. Tình hình và kết quả nghiên cứu trong nước

### *1.2.1. Các công trình nghiên cứu trong nước*

Cùng với trào lưu phát triển của các quan hệ dân sự có ~~yếu tố nước ngoài~~YTNNg, thì nuôi con nuôi có YTNNg cũng là một lĩnh vực thu hút sự quan tâm nghiên cứu của khá nhiều tác giả trong nước. TS. Dương Thanh Mai và ThS. Đinh Bích Hà [13, 1998] đã nghiên cứu quy định của các ĐƯQT về nuôi con nuôi trong mối tương quan với pháp luật trong nước và xác định trách nhiệm của nước thành viên. Các tác giả nhận định phải từng bước đưa pháp luật quốc gia hài hòa với quy định của các ĐƯQT về nuôi con nuôi [13, 1998].

Tác giả Vũ Ngọc Bình [23, 2000] nhìn nhận và đánh giá vấn đề nuôi con nuôi nước ngoài là một biện pháp chăm sóc và bảo vệ trẻ em (*a child welfare mesure*). Nói rộng ra, nuôi con nuôi thể hiện chính sách quốc gia trong việc chăm sóc và bảo vệ trẻ em. Các quốc gia phải củng cố hệ thống bảo trợ xã hội và hệ thống pháp luật để đạt được mục tiêu đó. Nhận định này vẫn phù hợp với xu hướng phát triển hiện nay về nuôi con nuôi quốc tế; lợi ích tốt nhất của trẻ em là điểm trọng tâm trong việc giải quyết nuôi con nuôi quốc tế.

**Formatted:** Heading 2

**Formatted:** Heading 3, Indent: First line: 0 cm

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

TS. Vũ Đức Long nhận định nuôi con nuôi quốc tế ở Việt Nam hiện nay đã thay đổi căn bản về bản chất [2, Vũ Đức Long, 2005]. -Trước đây, việc cho nhận con nuôi quốc tế dựa vào ý chí thỏa thuận của các cá nhân và kết quả tự tìm kiếm trẻ em cho làm con nuôi ở nước ngoài. Hiện nay, việc cho nhận trẻ em có nguồn gốc nước ngoài làm con nuôi đã trở thành nhiệm vụ của ~~Nhà nước~~Nhà nước (*Affaire d'État*). Điều này thể hiện qua việc các nước ký kết các ĐƯQT song phương hoặc đa phương về nuôi con nuôi quốc tế nhằm bảo đảm quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em. Các Nước gốc cố gắng giảm dần hoặc tiến tới xóa bỏ hiện tượng cho nhận con nuôi cá lẻ/độc lập, áp đặt những điều kiện nuôi con nuôi khắt khe hơn với người nước ngoài nhận con nuôi.

Trong cuốn Bình luận khoa học về Luật HN&GĐ năm 2000, TS. Nguyễn Công Khanh nhận định pháp luật áp dụng đối với điều kiện nuôi con nuôi là pháp luật quốc tịch (*lex nationalis*) của người nhận con nuôi; luật áp dụng đối với thẩm quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi là pháp luật nơi thường trú (*lex domicilii*) của người nhận con nuôi để xác định hệ quả của việc nuôi con nuôi ở nước ngoài. Tác giả lồng ghép khái niệm nuôi con nuôi có YTNNg với khái niệm quan hệ hôn nhân và gia đình có YTNNg theo quy định tại khoản 14 Điều 8 Luật HN&GĐ 2000.

Trong tham luận tại Hội thảo quốc tế năm 2005- tai Hà Nội về "Một số vấn đề về quan hệ nhân thân và tài sản trong tư pháp quốc tế", TS.-Nguyễn Công Khanh cũng đã đề cập tới khái niệm quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg là việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài theo nghĩa hẹp và cũng nhận định rằng quan hệ nuôi con nuôi trong các quan hệ dân sự có YTNNg được điều chỉnh "*lồng ghép*" trong các văn bản pháp luật dân sự của Việt Nam [28, Nguyễn Công Khanh, 2005]. Khái niệm về nuôi con nuôi có YTNNg không được xác định riêng mà được coi có chung nội hàm với "quan hệ hôn nhân và gia đình có YTNNg". Ngoài ra, TS.Nguyễn Công Khanh nhận định khái niệm quan hệ hôn nhân và gia đình có YTNNg theo quy định tại khoản 14 Điều 8 Luật HN&GĐ 2000 là sự vận dụng quy định về quan hệ dân sự có YTNNg tại Điều 826 BLDS 1995.

Trong khuôn khổ bình luận khoa học và tham luận tại Hội thảo, tác giả bàn về việc giải quyết xung đột pháp luật và xung đột thẩm quyền về nuôi con nuôi có YTNNg trong TPQT, nhận diện những khó khăn trong việc xác định luật áp dụng theo TPQT của Việt Nam và theo ĐƯQT như hiệp định ~~tương trợ tư pháp~~TTTP hay hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi.

Trong lĩnh vực quan hệ dân sự và gia đình có YTNNg, luận án tiến sĩ luật học của tác giả Nguyễn Hồng Bắc về "Pháp luật điều chỉnh quan hệ gia đình có YTNNg ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập" [22, Nguyễn Hồng Bắc, 2003] và luận án tiến sĩ luật học của tác giả Nguyễn Công Khanh về "Cơ sở lý luận và thực tiễn của pháp luật điều chỉnh một số quan hệ dân sự có YTNNg ở nước ta hiện nay" [27, Nguyễn Công Khanh, 2003] đã đề cập vấn đề nuôi con nuôi có YTNNg dưới góc độ giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg, phân tích những vướng mắc khó khăn trong thực tiễn thi hành. Quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg được xem xét dưới góc độ là một quan hệ dân sự có YTNNg và quan hệ gia đình có YTNNg.

Về lý luận chung pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg, cho đến nay mới có một luận án tiến sĩ luật học nghiên cứu "Cơ sở lý luận và thực tiễn của chế định pháp lý về nuôi con nuôi ở Việt Nam" của tác giả Nguyễn Phương Lan [31, Nguyễn Phương Lan, 2006]. Tác giả đã đưa ra hệ thống khái niệm về nuôi con nuôi dưới những góc độ khác nhau, nghiên cứu điều kiện và hệ quả của việc nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi. Để hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi, tác giả đề xuất cần thiết phải bổ sung quy định thu hồi và hủy bỏ quyết định nuôi con nuôi trong nước, bổ sung hệ quả nuôi con nuôi trọn vẹn trong hệ thống QPPL về nuôi con nuôi có YTNNg [31, Nguyễn Phương Lan, 2006]. Tuy nhiên, cho đến nay các kiến nghị đó vẫn chưa được các cơ quan xây dựng pháp luật tiếp thu.

Trong cuốn sách tham khảo "Quan hệ hôn nhân và gia đình có YTNNg ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế", TS. Nông Quốc Bình và TS. Nguyễn Hồng Bắc xác định quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg thuộc nội hàm của quan hệ cha mẹ ~~và~~ con có YTNNg; theo đó nuôi con nuôi có YTNNg là việc xác lập quan hệ cha mẹ ~~và~~ con giữa hai bên chủ thể khác quốc tịch hoặc có cùng quốc tịch nhưng sự kiện

nhận nuôi con nuôi xảy ra ở nước ngoài [24, Nông Quốc Bình & Nguyễn Hồng Bắc, 2006].

Ngoài ra, các tác giả cho rằng nguyên tắc điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình có YTNNg được xác định theo "luật nơi thực hiện hành vi" (*lex loci actus*) [24, Nông Quốc Bình & Nguyễn Hồng Bắc, 2006] và như vậy, pháp luật Việt Nam được áp dụng để điều chỉnh quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi và chấm dứt việc nuôi con nuôi nếu việc nhận con nuôi được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Theo quan điểm của các tác giả, theo khoản 1 Điều 105 Luật HN&GĐ 2000 ~~dẫn chiếu~~ pháp luật Việt Nam điều chỉnh quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi là phù hợp với thực tế của Việt Nam.

Các tác giả đã nhìn nhận và đánh giá tiến trình phát triển của ~~quy định~~ pháp luật điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình có YTNNg bao gồm cả quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg; đồng thời phân tích điều kiện nuôi con nuôi, quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi, giải quyết xung đột pháp luật theo quy định của một số nước trên thế giới. Tuy nhiên, cho đến nay các quy định pháp luật được nghiên cứu đều đã hết hiệu lực thi hành (~~[~~*Chương VIII gồm các điều từ Điều 67 đến Điều 78 và Điều 105 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đã bị bãi bỏ theo quy định tại Điều 51 Luật Nuôi con nuôi năm 2010*)~~]~~.

Trước khi Luật nuôi con nuôi có hiệu lực thi hành, Bộ Tư pháp đã hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ năm 2005 về "Hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg trước yêu cầu gia nhập Công ước La Hay năm 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế" [2, Vũ Đức Long, 2005]. Đề tài khoa học này đã nghiên cứu nội dung cơ bản của Công ước La Hay 1993 và các quy định pháp luật~~ý~~ hiện hành về nuôi con nuôi quốc tế, đánh giá rõ những điểm tồn tại, chưa tương thích của pháp luật Việt Nam với Công ước La Hay. Đề tài đặt cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn để Việt Nam chuẩn bị tham gia Công ước La Hay 1993.

Các dự án "Điều tra cơ bản thực trạng nuôi con nuôi" [12, Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý, 2008] và "Đánh giá tác động dự thảo Luật nuôi con nuôi" năm 2009 của Bộ Tư pháp đã đánh giá thực tiễn giải quyết nuôi con nuôi trong nước và

nuôi con nuôi có YTNNg theo quy định của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP và 69/2006/NĐ-CP của Chính phủ, tạo tiền đề cho việc xây dựng dự thảo Luật nuôi con nuôi năm 2010.

Sau khi Luật nuôi con nuôi có hiệu lực thi hành, nhiều luận văn thạc sĩ luật học đã tập trung nghiên cứu vấn đề nuôi con nuôi có YTNNg theo quy định của Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay, trong đó cần phải kể đến một số luận văn thạc sĩ về "Pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Việt Nam trong mối tương quan với Công ước La Hay" năm 2013 của Vũ Kim Dung; "Nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi theo Luật nuôi con nuôi" năm 2014 của Nguyễn Thị Phương Thu, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2014.

Nhiều hội nghị, hội thảo quan trọng liên quan đến lĩnh vực này đã được tổ chức thực hiện. Hội thảo về "Nuôi con nuôi có YTNNg theo Luật nuôi con nuôi năm 2010" do Đại học Luật Hà Nội tổ chức năm 2011; Hội nghị "Đánh giá 6 năm thi hành Luật nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP và Công ước La Hay 1993 giai đoạn 2011-2016" do Bộ Tư pháp tổ chức năm 2016 [6, Bộ Tư pháp, Cục Con nuôi, 2016].

Ba đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ và cấp trường trong lĩnh vực này bao gồm các đề tài "Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng Luật Tư pháp quốc tế" [8, Nguyễn Khánh Ngọc, 2016], "Nghiên cứu xây dựng cơ chế bảo đảm thực thi cam kết quốc tế của Việt Nam về quyền con người trong lĩnh vực hành chính-tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp" [9, Cao Xuân Phong, 2016] và "Luật nuôi con nuôi - thực tiễn thi hành và giải pháp hoàn thiện" do TS. Nguyễn Phương Lan làm chủ nhiệm đề tài [17, Nguyễn Phương Lan, 2017].

### *1.2.2. Đánh giá kết quả các công trình nghiên cứu trong nước*

Về mặt lý luận, các công trình nghiên cứu trong nước đã góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg trong TPQT và pháp luật trong nước, tìm ra những khoảng trống trong quy định pháp luật hiện hành như thiếu quy định về hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg, thiếu quy định về việc tư vấn cho cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ trong việc đưa ra ý kiến đồng ý cho con làm con nuôi

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Heading 3

ở nước ngoài, cơ chế bảo đảm thực hiện cam kết quốc tế trong lĩnh vực nuôi con nuôi có YTNNg còn hạn chế.

Đa số các tác giả có cùng quan điểm là ~~hiện tại~~ pháp luật Việt Nam vào thời điểm nghiên cứu còn thiếu quy định về việc xác định pháp luật áp dụng đối với hệ quả của nuôi con nuôi có YTNNg, điều kiện nuôi con nuôi, thu hồi và hủy bỏ quyết định~~việc~~ nuôi con nuôi có YTNNg. Tuy nhiên, vẫn có quan điểm cho rằng Điều 24 Luật nuôi con nuôi đã quy định đầy đủ hệ quả của việc nuôi con nuôi bao gồm cả hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg.

Các công trình nghiên cứu có ý nghĩa đóng góp to lớn trong quá trình đánh giá thực tiễn giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg, cung cấp số liệu trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi ở nước ngoài qua các thời kỳ và đưa ra những ~~,~~ khuyến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi ở nước ta. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy thực tiễn giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg rất phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ dễ dẫn đến việc không tuân thủ lợi ích tốt nhất của trẻ em được cho làm con nuôi như thực hiện trái quy định pháp luật, các biểu hiện hành vi trục lợi, đánh tráo, mua bán trẻ em nhằm cho làm con nuôi ở nước ngoài.

Hoạt động cho nhận nuôi con nuôi có YTNNg đòi hỏi các cơ quan có thẩm quyền phải tuân thủ quy định pháp luật của nước mình và của nước liên quan, tuân thủ trình tự thủ tục và nguyên tắc giải quyết nuôi con nuôi quốc tế theo ĐƯQT. Nuôi con nuôi có YTNNg không còn là thỏa thuận giữa các cá nhân mà là trách nhiệm của ~~Nhà nước~~Nhà nước và đòi hỏi phải có sự hợp tác giữa các nước trong khuôn khổ ĐƯQT song phương hoặc đa phương.

Kết quả nghiên cứu trong nước cho thấy quy định pháp luật trước đây coi quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg là quan hệ hôn nhân và gia đình có YTNNg. Chính vì vậy, trong các công trình nghiên cứu, quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg chưa được phân tích một cách sâu sắc và toàn diện. Song có thể nhận định, kết quả nghiên cứu trong nước đã có đóng góp lớn trong việc xác định pháp luật áp dụng trong quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg theo quy định trước đây.

Tác giả Nguyễn Phương Lan (2006) đã chỉ ra sự không thống nhất ~~[30]~~ về pháp luật áp dụng để xác định điều kiện nuôi con nuôi theo quy định tại khoản 1 Điều 105 Luật HN&GĐ 2000 (áp dụng pháp luật quốc tịch *lex nationalis*) và khoản 1 Điều 37

Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 (áp dụng luật nơi cư trú *lex domicilii*) [30, Nguyễn Phương Lan, 2006]. Điều này gây khó khăn trong việc áp dụng pháp luật khi giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg.

Tuy nhiên, tác giả chưa đề cập đến việc xác định pháp luật áp dụng đối với điều kiện nuôi con nuôi và xác định hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg, chưa đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật nước ngoài tại Việt Nam và thực tiễn công nhận ở nước ngoài quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

Các nhà lý luận và thực tiễn trong nước đã đề xuất kiến nghị bổ sung hình thức nuôi con nuôi trọn vẹn [15, Chính phủ, 2009] nhưng cho đến nay hình thức nhận con nuôi này chưa được quy định một cách rõ ràng và dứt khoát. Điều này cũng gây khó khăn trong việc áp dụng pháp luật Việt Nam trước các cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài.

Kết quả nghiên cứu khoa học trong nước đặt nền tảng cơ sở lý luận và thực tiễn trong việc đề xuất tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật ở nước ta về nuôi con nuôi, làm sâu sắc hơn một số vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn về nuôi con nuôi có YTNNg, trên cơ sở đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta.

### 1.3. Những vấn đề đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu

Formatted: Heading 2

Qua phân tích, đối chiếu các văn bản QPPL hiện hành, nghiên cứu sinh nhận thấy một số đề xuất, kiến nghị của các công trình nghiên cứu quốc tế và trong nước ~~và trên thế giới~~ có liên quan trực tiếp tới pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi có YTNNg chưa được tiếp thu trong quá trình xây dựng dự thảo Luật nuôi con nuôi.

Do đó, luận án cần tiếp tục đưa ra một số luận điểm và luận cứ cơ bản nhằm hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở ~~Việt Nam~~nước ta.

*Thứ nhất*, cần tiếp tục nội luật hóa những nguyên tắc mang tính bắt buộc chung (*jus cogens)* của Công ước La Hay 1993 như ba nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, tách bạch hỗ trợ nhân đạo và nuôi con nuôi; bổ sung một số QPPL còn thiếu như hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg, tổ chức con nuôi trong nước được chỉ định/được cấp phép và chuyển đổi hình thức nuôi con nuôi.

*Thứ hai*, để bảo đảm pháp luật có hiệu lực và hiệu quả trong cuộc sống cần nghiên cứu đề xuất những chính sách, cơ chế bảo đảm thi hành Công ước La Hay 1993 và pháp luật về nuôi con nuôi, đặc biệt về cơ chế tài chính và cơ chế liên thông giữa nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi YTNNg, chuyển đổi các biện pháp chăm sóc thay thế khác sang việc nuôi con nuôi.

*Thứ ba*, chức năng, thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức tham gia giải quyết nuôi con nuôi cần phải được tăng cường; một số chức năng, nhiệm vụ cần được chuyên môn hóa và xã hội hóa; xây dựng đội ngũ cán bộ tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Các công trình nghiên cứu quốc tế và trong nước về tình hình cho nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở nước ngoài đã góp phần quan trọng trong việc đánh giá thực trạng pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta. Các công trình nghiên cứu cũng đã ~~và~~ nêu ra những yếu tố ảnh hưởng tới việc giải quyết việc nuôi con nuôi con nuôi có YTNNg giai đoạn trước đây và sau khi Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay 1993 có hiệu lực thi hành ở nước ta.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu trong nước và nước ngoài còn tản mạn, chưa được các cơ quan xây dựng pháp luật khai thác, tiếp thu và sử dụng. Phần lớn những báo cáo quốc tế quan trọng về tình hình giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg ở Việt Nam được xây dựng bằng tiếng nước ngoài (tiếng Anh và tiếng Pháp). Vì vậy, việc khai thác và tiếp thu những khuyến nghị hoàn thiện pháp luật chưa đạt~~có~~ hiệu quả cao.

Do đó, trong quá trình nghiên cứu luận án, nghiên cứu sinh nỗ lực khai thác nguồn tài liệu bằng tiếng nước ngoài để tổng hợp, phân tích và khái quát hóa những khuyến nghị của nước ngoài đối với Việt Nam, có kết hợp với những đề xuất và kiến nghị hoàn thiện pháp luật của các ~~tác giả~~nhà nghiên cứu trong nước.

# CHƯƠNG 2

## CƠ SỞ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THIỆN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg của nhiều nước trên thế giới được xây dựng dựa trên những quy định chung của pháp luật về nuôi con nuôi. Nuôi con nuôi có YTNNg được xây dựng dưới hình thức quy phạm xung đột pháp luật như pháp luật ~~của~~ Pháp *(~~[~~Chương III Điều 370-5 BLDS về xung đột pháp luật về quan hệ nuôi con nuôi và hệ quả ở Pháp các quyết định nuôi con nuôi được thực hiện ở nước ngoài)~~]~~* hoặc ban hành đạo luật nuôi con nuôi quốc tế như pháp luật ~~của~~ Tây Ban Nha ~~[~~*(Đạo luật số 54/2007 về nuôi con nuôi quốc tế)*~~]~~, hoặc văn bản QPPL chứa đựng các quy định ~~nội dung~~nội dung và quy định xung đột [39, Boulanger François].

Có quan điểm cho rằng nuôi con nuôi có YTNNg/nuôi con nuôi quốc tế là quy định kéo dài của pháp luật trong nước. Quan điểm này dựa trên việc xây dựng quy phạm xung đột để giải quyết vấn đề nuôi con nuôi có YTNNg [22, Nguyễn Hồng Bắc, 2003] [41, Bischoff J.-M, 1985].

Theo nghiên cứu sinh, trong xu hướng phát triển chung trên thế giới, tùy thuộc vào chính sách nhập cư của các nước và mục tiêu theo đuổi các tổ chức quốc tế về bảo vệ trẻ em thì, quan điểm xây dựng quy phạm xung đột về nuôi con nuôi có YTNNg gần như không còn cấp thiết và phù hợp với thực tiễn, mặc dù vẫn cần phải có quy định nhằm giải quyết xung đột. Cho đến nay, 98 nước trên thế giới trong đó có Việt Nam đã trở thành thành viên của Công ước La Hay 1993 [63, HccH]. Công ước La Hay 1993 là khuôn khổ pháp lý chung cho hoạt động nuôi con nuôi quốc tế giữa các nước thành viên.

Trong hoạt động cho nhận trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài, Việt Nam được xác định là Nước gốc. Trên phương diện pháp luật của Nước gốc, giải quyết xung đột pháp luật ngày nay chỉ là một trong những vấn đề cơ bản của quy định pháp luật về nuôi con nuôi.



**Formatted:** Space Before: 12 pt, After: 3 pt

**Formatted:** Vietnamese

**Formatted**

**Formatted:** Normal

**Formatted:** Font: 14 pt

**Formatted:** Font: 14 pt, Italic

**Formatted:** Normal

~~Ngày nay~~Trong giai đoạn hiện nay, pháp luật của Nước gốc không chỉ giới hạn ở việc xác định điều kiện pháp lý của trẻ em được cho làm con nuôi ở nước ngoài mà còn giữ vai trò bảo đảm việc giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài là giải pháp cuối cùng, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Pháp luật của Nước gốc phải đặt cơ sở pháp lý bảo đảm tìm một gia đình phù hợp cho trẻ em chứ không phải tìm một trẻ em cho một gia đình ở nước ngoài.~~.~~

Xu hướng trên là tất yếu và làm thay đổi trình tự, thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg của nước ta. Điều này đòi hỏi pháp luật về nuôi con nuôi phải là một tổng thể thống nhất, bao gồm các văn bản QPPL trong nước và ĐƯQT về nuôi con nuôi mà Việt Nam là thành viên.

Do đó, nghiên cứu sinh tiếp cận cơ sở lý luận pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg được dựa trên cơ sở lý luận chung pháp luật về nuôi con nuôi và phân biệt quy định pháp luật về nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg.

Việc phân tích cơ sở lý luận pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg dựa trên hệ thống nguồn luật thực định bao gồm Công ước La Hay 1993, Hiệp định hợp tác song phương về nuôi con nuôi, Luật nuôi con nuôi, BLDS, Luật HN&GĐ, Luật hộ tịch và Luật trẻ em; đồng thời có sự đối chiếu và so sánh với các quy định pháp luật trong những thời kỳ trước và pháp luật của một số nước có quan hệ hợp tác với Việt Nam về nuôi con nuôi.

## 2.1. Cơ sở lý luận chung pháp luật về nuôi con nuôi

### *2.1.1. Nuôi con nuôi là một sự kiện hộ tịch*

#### *2.1.1.1. Cách tiếp cận nuôi con nuôi dưới góc độ hộ tịch*

Kể từ khi chế định nuôi con nuôi được quy định tại Luật HN&GĐ 1959, trải qua Luật HN&GĐ 1986 và 2000 cho đến Luật nuôi con nuôi 2010 và Luật hộ tịch 2014, nuôi con nuôi (bao gồm cả nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg) luôn được coi là một sự kiện hộ tịch. Các văn bản QPPL vào những thời kỳ trước (~~(~~*Sắc lệnh số 47/SL ngày 10/10/1945 hướng dẫn về công tác đăng ký hộ tịch bao gồm cả các việc hộ tịch đối với kiều bào ở nước ngoài và Điều lệ đăng ký hộ tịch năm 1961 về việc ghi chú thay đổi về hộ tịch, việc công nhận và đăng ký hộ*

Formatted: Space Before: 6 pt, After: 6 pt

Formatted: (none)

Formatted: Heading 4

Formatted: Font: 14 pt, Italic

*tịch đối với ngoại kiều và Việt kiều về cư trú trong nước*) ~~]~~ cũng tiếp cận một cách gián tiếp vấn đề nuôi con nuôi của kiều bào hoặc Việt kiều về nước cư trú dưới góc độ là một sự kiện hộ tịch.

Formatted: Font: 14 pt

Cách tiếp cận ~~dưới góc độ~~ nuôi con nuôi là một sự kiện hộ tịch có bề dày lịch sử. Nuôi con nuôi ~~được coi~~ thuộc lĩnh vực hành chính tư pháp [9, Cao Xuân Phong, 2016] [11, Nguyễn Quốc Cường, 1998]. Việc giải quyết nuôi con nuôi do các cơ quan hành chính tư pháp thực hiện. ~~Chính v~~Vì vậy, trên phương diện lý luận việc phân biệt bản chất của việc nuôi con nuôi và sự kiện hộ tịch còn gặp khó khăn. ~~.~~ Việc không đăng ký nuôi con nuôi dẫn đến hậu quả ~~Nhà nước~~Nhà nước không công nhận giá trị pháp lý, mặc dù việc nuôi con nuôi đó vẫn được ~~tiến hành~~tiến hành nếu chỉ theo ý chí của các cá nhân.

Nuôi con nuôi thuộc loại sự kiện hộ tịch được ghi vào ~~Sổ hộ tịch~~Sổ hộ tịch. Hành vi cho nhận con nuôi phải được ~~nhà nước~~Nhà nước công nhận và ghi vào ~~sổ hộ tịch~~Sổ hộ tịch. Việc cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc ghi vào ~~Sổ hộ tịch~~Sổ hộ tịch (Sổ đăng ký nuôi con nuôi) tạo cơ sở pháp lý để ~~Nhà nước~~Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân và ~~,~~ thực hiện quản lý về dân cư.

Việc ghi vào ~~sổ hộ tịch~~Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi dẫn đến việc thay đổi hộ tịch của con nuôi, bổ sung ~~phần~~ thông tin về cha mẹ nuôi trong Giấy khai sinh của con nuôi hoặc ghi trực tiếp họ tên của cha mẹ nuôi trong Giấy trích lục khai sinh của con nuôi theo quy định ~~của pháp luật~~ hiện hành của Luật~~về~~ hộ tịch.

Tuy nhiên, việc giải quyết nuôi con nuôi lại không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về hộ tịch. Thẩm quyền và thủ tục giải quyết các việc về nuôi con nuôi được thực hiện theo quy định của Luật nuôi con nuôi. Do đó, về lý luận cần phân biệt rõ nuôi con nuôi không phải là một sự kiện hộ tịch được xác nhận mà là một sự kiện hộ tịch được ghi vào ~~Sổ hộ tịch~~Sổ hộ tịch. Việc xác nhận, công nhận việc nuôi con nuôi thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật nuôi con nuôi.

*2.1.1.2. Điều kiện ghi vào ~~Sổ hộ tịch~~Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi*

Formatted: Heading 4

Quan hệ nuôi con nuôi được hình thành trên cơ sở ý chí của người nhận con nuôi, cha mẹ đẻ, người được nhận làm con nuôi và ~~của~~ cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền. Ý chí của các cá nhân có liên quan phải bảo đảm tính tự nguyện, không vụ lợi, không bị mua chuộc và không bị lừa dối. Cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền thể hiện ý chí của mình thông qua hành vi công nhận hoặc không công nhận việc nuôi con nuôi trên cơ sở xem xét, đánh giá tính tự nguyện của các bên.

Đồng thời, quan hệ nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg chỉ được công nhận sau khi hành vi nhận nuôi con nuôi đáp ứng đầy đủ các điều kiện về nội dung và hình thức, tuân thủ trình tự thủ tục giải quyết theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi.

Luật nuôi con nuôi quy định rõ cha mẹ nuôi là người nhận con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi được cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền đăng ký; con nuôi là người được nhận làm con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi được cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền đăng ký. Như vậy, quan hệ cha, mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi chỉ phát sinh sau khi việc nuôi con nuôi được đăng ký/được ghi vào Sổ đăng ký việc nuôi con nuôi.

Việc xác định điều kiện ghi vào ~~sổ hộ tịch~~Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc ghi vào ~~sổ hộ tịch~~Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Ghi chú việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chính là việc đương nhiên công nhận việc nuôi con nuôi đó. Tuy nhiên, trong bối cảnh quốc tế hóa ngày càng sâu rộng, việc bổ sung quy định về điều kiện ghi vào ~~Sổ hộ tịch~~Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi được thực hiện ở nước ngoài là cần thiết nhằm~~để~~ đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

***2.1.2. Nuôi con nuôi làm phát sinh quan hệ cha mẹ và con***

Formatted: (none)

Formatted: Space Before: 6 pt, After: 6 pt

Theo quan điểm cổ điển, tác giả Trần Văn Liêm cho rằng nuôi con nuôi hay còn gọi là nghĩa dưỡng được hiểu như sau: nghĩa dưỡng là một hành vi pháp lý tạo

nên giữa hai người những mối quan hệ phụ hệ hay mẫu hệ có tính giả tạo và dân sự [31, Nguyễn Phương Lan].

Theo quan điểm hiện đại, việc nuôi con nuôi nhằm làm phát sinh quan hệ cha mẹ và con lâu dài, bền vững và vì lợi ích tốt nhất của người nhận con nuôi, bảo đảm cho con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình. Khi việc nuôi con nuôi được cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền đăng ký và ghi vào Sổ đăng ký việc nuôi con nuôi, quan hệ cha~~,~~ mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi được công nhận và bảo vệ trước pháp luật.

Trên thế giới, việc nuôi con nuôi tạo cho người chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em mối quan hệ pháp lý của người cha hay người mẹ, trừ trường hợp một số nước Hồi giáo không công nhận hoặc cấm đoán việc nuôi con nuôi như Ma-rốc, Ăng-giê-ri [47, Le Boursicot Marie-Christine]. Ở những nước này chỉ thừa nhận chế định *kaffala*, tức là việc nhận nuôi trẻ em không làm phát sinh quan hệ cha, mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi [47, Le Boursicot Marie-Christine].

Theo tác giả Vũ Văn Mẫu, quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận con nuôi và con nuôi có tính giả định. Tác giả Nguyễn Phương Lan cũng cho rằng nuôi con nuôi là "một hình thức pháp lý nhằm xác lập quan hệ cha mẹ và con hợp pháp giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi, mà không liên quan đến quan hệ huyết thống sinh học giữa hai bên" [31, Nguyễn Phương Lan].

Theo nghiên cứu sinh, tính giả định của quan hệ cha mẹ và con chính là việc quan hệ này có thể thay thế quan hệ huyết thống hoặc có thể tồn tại đồng thời với quan hệ huyết thống. Tính chất giả định hay giả tạo của quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi còn thể hiện ở tính chất dịch chuyển của mối quan hệ cha mẹ con, tức là chuyển từ quan hệ huyết thống sang quan hệ cha~~,~~ mẹ nuôi và con nuôi; cha mẹ nuôi có thể thay thế hoặc không thay thế hoàn toàn cha mẹ đẻ. Hệ quả này hoàn toàn tùy thuộc vào ý chí của pháp luật của mỗi nước.

Pháp luật của một số nước như Pháp, Italia, Quebec (Canada) quy định hình thức nuôi con nuôi trọn vẹn, theo đó việc nuôi con nuôi làm chấm dứt vĩnh viễn quan

hệ pháp lý tồn tại giữa cha mẹ đẻ và trẻ em được cho làm con nuôi và mối quan hệ này không được hủy ngang. Bên cạnh đó, Pháp và Đức quy định hình thức nuôi con nuôi đơn giản, tức là việc cho nhận con nuôi không làm chấm dứt quan hệ pháp lý đã tồn tại trước đó và việc nuôi con nuôi có thể bị hủy ngang.

Theo quy định của pháp luật hiện hành ở nước ta, việc nuôi con nuôi làm phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi; đồng thời con nuôi trở thành thành viên trong gia đình của cha mẹ nuôi. Tuy nhiên, pháp luật về nuôi con nuôi ở nước ta vẫn quy định những trường hợp chấm dứt việc nuôi con nuôi. Do đó, trong một số trường hợp, một số nước như Pháp vẫn coi hệ quả của việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật Việt Nam tương đương với hình thức nuôi con nuôi đơn giản theo quy định của pháp luật Pháp [55].

### *2.1.3. Nguyên tắc giải quyết việc nuôi con nuôi*

Formatted: Heading 3

*2.1.3.1. ~~Nuôi con nuôi l~~Là biện pháp tìm gia đình thay thế nhằm bảo vệ trẻ em*

~~Vấn đề n~~Nuôi con nuôi không còn là một hiện tượng xã hội~~,~~ phụ thuộc vào ý chí thỏa thuận giữa các cá nhân mà là một nhiệm vụ quốc gia. Theo quan điểm hiện đại, vấn đề nuôi con nuôi được tiếp cận dưới góc độ là một biện pháp tìm gia đình thay thế dành cho trẻ em có ~~hoàn cảnh đặc biệt~~HCĐB, bị mất môi trường gia đình gốc của mình.

*a) Khái niệm gia đình thay thế*

Khoản 9 Điều 3 Luật nuôi con nuôi quy định gia đình thay thế là gia đình nhận trẻ em làm con nuôi. Có thể nói khái niệm gia đình thay thế là một ~~một khái niệm~~ khái niệm khá mới mẻ trong quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Tuy nhiên, khái niệm gia đình thay thế đã được quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em năm 2004, theo đó gia đình thay thế là gia đình hoặc cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt~~. Khoản 9 Điều 3 Luật nuôi con nuôi quy định gia đình thay thế là gia đình nhận trẻ em làm con nuôi~~.

Như vậy, phạm vi gia đình thay thế theo quy định của Luật nuôi con nuôi hẹp hơn phạm vi gia đình thay thế theo quy định của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục

trẻ em năm 2004. ~~Do đó, trong giai đoạn thực hiện Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 cho đến Luật trẻ em 2016 thì khái niệm gia đình thay thế có sự chồng chéo với khái niệm theo quy định của Luật nuôi con nuôi.~~ Theo đó, gia đình thay thế là gia đình nhận con nuôi mà trong đó việc nhận nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt làm phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con. Đây là đặc điểm khác nhau cơ bản giữa biện pháp nuôi con nuôi và biện pháp chăm sóc thay thế dành cho trẻ em. Do đó, trong giai đoạn thực hiện Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 cho đến khi Luật trẻ em 2016 có hiệu lực thi hành thì, khái niệm gia đình thay thế có sự chồng chéo với khái niệm theo quy định của Luật nuôi con nuôi.

Theo nghĩa hẹp, gia đình thay thế là một thủ tục phải được thực hiện nhằm bảo đảm nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước trước khi giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg. Về nguyên tắc, việc nuôi con nuôi trong nước cũng phải thực hiện biện pháp tìm gia đình thay thế. Tuy nhiên, do pháp luật ~~trong nước~~ chưa quy định rõ ràng nên việc giải quyết nuôi con nuôi trong nước còn được thực hiện trực tiếp giữa người nhận con nuôi và cha mẹ đẻ. Đồng thời, pháp luật về nuôi con nuôi hiện hành chưa có quy định đánh giá sự phù hợp giữa gia đình nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước, xác nhận đủ điều kiện đối với người nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi.

*b) Biện pháp chăm sóc thay thế và bảo vệ trẻ em*

Chỉ đến khi Luật trẻ em 2016 có hiệu lực thi hành thì biện pháp nuôi con nuôi mới được coi là một trong các biện pháp chăm sóc thay thế dành cho trẻ em có HCĐB. Ở đây cần phân biệt rõ, dưới góc độ chăm sóc và bảo vệ trẻ em thì nuôi con nuôi là một trong những biện pháp chăm sóc thay thế (*foster care*) thông qua việc tìm gia đình thay thế. Dưới góc độ thi hành Luật nuôi con nuôi thì gia đình thay thế chính là biện pháp/thủ tục để thực hiện việc nuôi con nuôi.

~~Theo nghĩa rộng~~Do đó, việc tìm gia đình thay thế cấu thành biện pháp bảo vệ trẻ em. Theo kết quả nghiên cứu, các tác giả Lucker-Babel Marie-Francoise (Pháp) [48, Lucker-Babel Marie-Francoise], Van Loon J.H (Hà Lan) [54, Van Loon J.H], Vũ Ngọc Bình [23, Vũ Ngọc Bình] và TS.Nguyễn Hồng Bắc [22, Nguyễn Hồng

Bắc] đều cho rằng ~~biện pháp~~ nuôi con nuôi có YTNNg/nuôi con nuôi quốc tế là một biện pháp chăm sóc thay thế dành cho trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác ở những nước thứ ba [48, Lucker-Babel Marie-Francoise] và là biện pháp bảo vệ trẻ em [54, Van Loon J.H, đoạn 35].

Trên phương diện chính trị, các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, Hội nghị Tư pháp quốc tế La Hay [54, Van Loon J.H], Viện nhất thể hóa tư pháp (Unidroit), Hội đồng Châu Âu, Viện trẻ em Liên châu Mỹ, Tổ chức bảo vệ trẻ em quốc tế (DEI), Hội đồng quốc tế về công tác xã hội (CIAS), Cơ quan xã hội quốc tế (ISS) [66, ISS, 2009], Hiệp hội quốc tế về tòa án thanh thiếu niên và gia đình (AIMJF), Hiệp hội luật quốc tế (ILA) đều coi nuôi con nuôi quốc tế/có YTNNg là một biện pháp bảo vệ trẻ em, đặc biệt ở những nước thứ ba hầu như không có hệ thống chăm sóc, bảo vệ trẻ em [54, Van Loon J.H, đoạn 20].

*2.1.3.2. ~~Nuôi con nuôi vì~~Vì lợi ích tốt nhất của trẻ em*

Formatted: Heading 4

Trong hoạt động cho nhận con nuôi, vấn đề nuôi con nuôi phải được tiếp cận dưới góc độ vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản, mang tính bắt buộc chung (*jus cogens*) của Công ước La Hay 1993. Nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em đã được ghi nhận trong pháp luật về nuôi con nuôi của nước ta.

*a) Khái niệm lợi ích tốt nhất của trẻ em*

Trẻ em là chủ thể non nớt về thể chất và trí tuệ cần được ~~Nhà nước~~Nhà nước chăm sóc và bảo vệ đặc biệt để bảo đảm quyền trẻ em được sống trong môi trường gia đình, được phát triển đầy đủ và hài hòa nhân cách của mình. Điều 21 Công ước năm 1989 của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em (*dưới đây gọi là Công ước Quyền trẻ em*) thiết lập nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em. Nguyên tắc này được hiểu là: các nước phải bảo đảm trẻ em được cho làm con nuôi ở nước ngoài được hưởng các điều kiện như trẻ em được cho làm con nuôi trong nước (không có sự phân biệt về điều kiện), phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết nhằm phòng ngừa và ngăn chặn những trục lợi bất chính về tài chính.

Khái niệm lợi ích tốt nhất của trẻ em là một khái niệm rất rộng và chung chung. Pháp luật về nuôi con nuôi và pháp luật về trẻ em của nước ta đều quy định nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em. Tuy nhiên, pháp luật lại không quy định khái niệm hoặc tiêu chí xác định lợi ích tốt nhất của trẻ em được cho làm con nuôi. Theo thông lệ quốc tế, nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em là nguyên tắc cơ bản của hầu hết các nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi với nước ta như Pháp, Italia, Đức, Tây Ban Nha.

Theo pháp luật Đức, việc tuân thủ trật tự công (hay các quyền cơ bản) được dẫn chiếu tới việc tôn trọng lợi ích cao nhất của trẻ em, trong đó việc nuôi con nuôi phải cải thiện điều kiện sống lâu dài của trẻ em [41, Bischoff J-M.]. Vì vậy, cần phải đối chiếu lợi ích từ việc nhận con nuôi với những bất lợi từ việc cắt đứt mối liên hệ giữa trẻ em với gia đình gốc của trẻ; việc đánh giá mối quan hệ giữa người nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi cũng được Tòa án ~~của~~ Đức coi là vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Ở một số nước như Hoa Kỳ, Anh, Italia, lợi ích tốt nhất của trẻ em là yếu tố quan trọng nhất để tòa án quyết định việc nuôi con nuôi. Theo đó, nguyên tắc này không chỉ được hiểu theo nghĩa đơn giản là những lợi ích về thể chất và tinh thần mà còn được hiểu theo nghĩa rộng, tức là nếu như trẻ em được nhận làm con nuôi thì hệ quả của việc nuôi con nuôi sẽ có tác động như thế nào tới hoàn cảnh của trẻ [41, Bischoff J-M.].

~~Ở một số Nước gốc, n~~Nhằm bảo đảm việc cho nhận con nuôi vì quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em, pháp luật ~~trong nước~~của một số Nước gốc như Nhật Bản đã thay đổi điều kiện và hệ quả của việc nuôi con nuôi theo hình thức trọn vẹn và đơn giản ~~như ở Nhật Bản;~~; Colombia đã bãi bỏ hình thức nhận con nuôi đơn giản và chỉ cho phép một cặp vợ chồng kết hôn nhận con nuôi trọn vẹn; Bra-xin, Pê-ru và Bo-li-vi-a chỉ cho phép nhận con nuôi trọn vẹn đối với những trẻ em mồ côi, hoặc không tìm được cha mẹ đẻ của trẻ, hoặc trẻ em có "hoàn cảnh đặc biệt" ví dụ như cha mẹ đẻ mất quyền làm cha mẹ, trẻ em sống ở CSND [54, Van Loon J.H, tr.56].

Như vậy, ~~trong thực tiễn~~ việc đánh giá lợi ích tốt nhất của trẻ em rất khác nhau, phụ thuộc vào quan điểm và chính sách của các nước. Lợi ích tốt nhất của trẻ em là



Formatted: Font: 14 pt
Formatted: Font: 14 pt
Formatted: Font: 14 pt
Formatted: Font: 14 pt
Formatted: Font: 14 pt
Formatted: Font: 14 pt

một công cụ pháp lý để các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đưa ra quyết định nuôi con nuôi một cách phù hợp nhất dành cho trẻ em.

Theo nghiên cứu sinh, do khái niệm lợi ích tốt nhất của trẻ em là một khái niệm rất rộng, khó đưa ra được các yếu tố định lượng nên việc đánh giá lợi ích tốt nhất của trẻ em phải được xem xét trong từng trường hợp, có thể dựa trên những tiêu chí phổ biến như lợi ích về tinh thần, vật chất và sức khỏe của trẻ em được nhận làm con nuôi, theo đó quyết định nuôi con nuôi phải bảo đảm cho trẻ em được sống trong môi trường gia đình phù hợp hoặc tương đồng để trẻ em hòa nhập và phát triển hài hòa, có tính đến những sở thích, thói quen đặc biệt của trẻ em được nhận làm con nuôi.

*b) Các biện pháp bảo đảm thực hiện nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em*

Theo Công ước La Hay 1993, nuôi con nuôi có YTNNg là biện pháp cuối cùng vì lợi ích tốt nhất của trẻ em không có/không còn gia đình gốc, nhằm mang lại cho trẻ một gia đình bền vững và yêu thương. Công ước đưa ra 03 biện pháp bảo đảm tuân thủ nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em, bao gồm xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi, lưu giữ các thông tin về trẻ em và tìm gia đình phù hợp cho trẻ em [60, HccH, đoạn 31].

Các biện pháp này cũng đã được nội luật hóa trong quy định của Luật nuôi con nuôi thông qua thủ tục xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài (Điều 33 Luật), quyền được biết về nguồn gốc của con nuôi (Điều 11 Luật); thủ tục giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài (Điều 35 Luật). Tuy nhiên, trong thực tiễn thi hành, cơ chế bảo đảm tuân thủ nguyên tắc này chưa đầy đủ và còn hạn chế.

Đồng thời, đối chiếu với quy định pháp luật về nuôi con nuôi trong nước cho thấy nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em chưa được quy định cụ thể trong trình tự thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước, đặc biệt là còn thiếu quy định xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi trong nước. Điều này gây khó khăn cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc đưa ra quyết định cho nhận con nuôi trong nước đối với trẻ em.

*2.1.3.3. ~~Nuôi con nuôi phải b~~Bảo đảm nguyên tắc tự nguyện*

Formatted: Heading 4

Nguyên tắc tự nguyện là một trong những nguyên tắc cơ bản của việc giải quyết việc nuôi con nuôi, theo đó việc nuôi con nuôi phải bảo đảm sự tự nguyện giữa người nhận con nuôi, cha mẹ đẻ và trẻ em được nhận làm con nuôi khi đạt một độ tuổi nhất định.

Ý chí tự nguyện của các bên trong hoạt động cho nhận con nuôi bảo đảm việc nuôi con nuôi không bị ép buộc, không bị đe dọa hay mua chuộc, không vụ lợi, không kèm theo yêu cầu trả tiền hoặc lợi ích vật chất khác. Tuy nhiên, ý chí tự nguyện của các bên không có nghĩa là cha mẹ đẻ và người nhận con nuôi tự ý thỏa thuận cho trẻ em làm con nuôi. Pháp luật hiện hành ngăn cấm việc tự ý cho con làm con nuôi. Việc nhận con nuôi chỉ được thực hiện khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiền hành~~, mà phải thông qua~~ thủ tục lấy ý kiến đồng ý của cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ, trước khi giao trẻ em làm con nuôi cho người nhận con nuôi.~~.~~

Để bảo đảm tính tự nguyện cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài thì cần phải có ý kiến đồng ý của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ và trẻ em từ đủ 9 tuổi trở lên. Nếu không có sự tự nguyện thực sự thì không thể xác lập quan hệ cha mẹ con giữa người nhận con nuôi và trẻ em [31, Nguyễn Phương Lan].

Formatted: Font: 14 pt

Quy định này nhằm đáp ứng yêu cầu của Công ước La Hay 1993. Ý kiến đồng ý cho con làm con nuôi phải được thể hiện bằng văn bản, có sự xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ và trẻ em từ đủ 9 tuổi trở lên phải được tư vấn đầy đủ về mục đích của việc nuôi con nuôi; quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi; quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ đẻ và con sau khi người đó được nhận làm con nuôi, có thời hạn 15 ngày đối với việc nuôi con nuôi trong nước và 30 ngày đối với việc nuôi con nuôi có YTNNg để suy nghĩ và thay đổi quyết định cho trẻ em làm con nuôi.

Theo quy định hiện hành, giám đốc CSND không phải là người giám hộ trẻ em mà chỉ là người nuôi dưỡng. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 4 Công ước La Hay 1993 thì trường hợp trẻ em ở CSND cũng cần có ý kiến đồng ý của giám đốc cơ sở

với tư cách là người nuôi dưỡng trẻ em, thể hiện ý chí tự nguyện của người hiện đang chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em.

### *2.1.4. Đối tượng trẻ em được cho làm con nuôi*

Formatted: Font: 14 pt, Bold, Italic, (none)
Formatted: Space Before: 6 pt, After: 6 pt
Formatted: Font: Bold, (none)

Trẻ em là đối tượng chủ yếu trong việc giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước cũng như nước ngoài. Quy định về đối tượng của trẻ em được cho làm con nuôi là một quy định quan trọng, là cơ sở pháp lý để đánh giá nhu cầu cần tìm gia đình thay thế cho trẻ. Đây là loại chủ thể thụ động trong quan hệ nuôi con nuôi với lý do, những chủ thể này được người nhận con nuôi lựa chọn/chấp thuận nhận làm con nuôi. Với tính chất là một loại chủ thể thụ động, trẻ em được nhận làm con nuôi còn là một loại chủ thể đặc biệt vì đa số các trường hợp được nhận làm nuôi đều là trẻ em dưới 01 tuổi hoặc từ 01 tuổi đến dưới 05 tuổi [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp].

Tuân thủ quy định về đối tượng trẻ em trong trình tự thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có ý nghĩa quan trọng nhằm ngăn chặn và phòng ngừa các trường hợp mua bán, bắt cóc và đánh tráo trẻ em để cho làm con nuôi trong nước và nước ngoài. Quy định về đối tượng trẻ em được cho làm con nuôi bao gồm quy định về độ tuổi và diện trẻ em được nhận làm con nuôi.

#### *~~a)~~ 2~~Đ~~.1.4.1. Độ tuổi của người được nhận làm con nuôi*

Formatted: Heading 4

Theo quy định của Luật nuôi con nuôi, người được nhận làm con nuôi dưới 16 tuổi, trừ trường hợp là con riêng, cháu ruột của người nhận con nuôi thì có thể từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Người được nhận làm con nuôi phải ở độ tuổi vị thành niên. Quy định này được ngầm hiểu là người thành niên không phải là đối tượng được nhận làm con nuôi theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi ở nước ta.

Sở dĩ như vậy là vì, pháp luật về nuôi con nuôi của nước ta không có quy định về việc nuôi con nuôi đối với người thành niên, ngoại trừ quy định tại Luật HN&GĐ 2000 nay đã hết hiệu lực thi hành. Theo đó, người trên 15 tuổi có thể được nhận làm con nuôi nếu là thương binh, người tàn tật, người mất năng lực hành vi dân sự hoặc làm con nuôi của người già yếu cô đơn.

*2.1.4.2.~~b)~~ Trẻ em cần tìm gia đình thay thế*

Formatted: Heading 4

Trẻ em là ~~đối tượng chủ yếu~~chủ thể bị động trong quan hệ nuôi con nuôi, trong đó đa phần là trẻ em có HCĐB. Luật nuôi con nuôi không quy định cụ thể về đối tượng trẻ em được cho làm con nuôi mà chỉ quy định theo hướng ~~Nhà nước~~Nhà nước khuyến khích nhận trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác làm con nuôi (~~[~~khoản 4 Điều 8 Luật)~~]~~. Thuật ngữ "khuyến khích" thể hiện chính sách của ~~Nhà nước~~Nhà nước về nuôi con nuôi đối với những đối tượng này mà không có tính chất hạn chế theo hướng chỉ những đối tượng trẻ em đó mới được giải quyết cho làm con nuôi.

Đối chiếu với Điều 15 Luật nuôi con nuôi thì trẻ em cần tìm gia đình thay thế bao gồm trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi, trẻ em có cha mẹ đẻ hoặc người thân thích nhưng không có khả năng nuôi dưỡng, có thể sống ở gia đình, ở nơi khác hoặc ở CSND. Những nhóm trẻ em này cũng thuộc trong 14 nhóm đối tượng trẻ em có HCĐB được quy định tại Điều 10 Luật trẻ em.

Tuy nhiên, nhóm đối tượng trẻ em được nhận làm con nuôi theo quy định của Luật nuôi con nuôi có phạm vi hẹp hơn so với đối tượng trẻ em cần chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật về trẻ em (~~[~~*khoản 10 Điều 4 Luật trẻ em quy định trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là trẻ em không đủ điều kiện thực hiện quyền được sống, quyền được bảo vệ, quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, quyền học tập, cần có sự hỗ trợ, can thiệp đặc biệt của ~~Nhà nước~~Nhà nước, gia đình và xã hội, để được an toàn, hòa nhập gia đình, cộng đồng*)~~]~~.

Đối tượng trẻ em bị bỏ rơi được định nghĩa tại khoản 7 Điều 3 Luật nuôi con nuôi, là trẻ em không xác định được cha mẹ đẻ. Trên thực tế, nhiều trường hợp trẻ em bị bỏ rơi nhưng sau đó cơ quan có thẩm quyền xác định được cha, mẹ đẻ hoặc người thân của trẻ em. Như vậy, tình trạng pháp lý của trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi đã thay đổi. Trong trường hợp này, khi giải quyết cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài phải có ý kiến đồng ý của những người có liên quan.

Đối với những trường hợp trẻ em bị bỏ rơi ~~nhưng~~ sau đó xác định được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ nhưng~~và~~ cơ quan có thẩm quyền không thể liên hệ được với

họ thì việc giải quyết cho trẻ em làm con nuôi gặp khó khăn, trẻ em có thể không đủ điều kiện được cho làm con nuôi do không lấy được ý kiến đồng ý của cha mẹ đẻ; như vậy trẻ sẽ phải sống lâu dài, thậm chí suốt đời ở CSND.

Theo nghiên cứu sinh, trong trường hợp này thì vẫn nên coi đối tượng trẻ em đó là trẻ em bị bỏ rơi với lý do, mặc dù xác định được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ nhưng trên phương diện pháp lý thì quan hệ cha mẹ và con giữa trẻ em và những người được cho là cha, mẹ đẻ của trẻ vẫn không thể xác định hoặc thiết lập được vì không thể tiến hành thủ tục nhận cha mẹ và con. Do đó, trong trường hợp này trẻ em phải được coi thuộc diện bị bỏ rơi theo quy định của Luật nuôi con nuôi. Một số nước như Pháp đã trao cho tòa án thẩm quyền tuyên bố trẻ em bị từ bỏ trong những trường hợp đó.

Đối tượng trẻ em mồ côi được định nghĩa tại khoản 6 Điều 3 Luật nuôi con nuôi, là trẻ em mà cả cha mẹ đẻ đã chết hoặc một trong hai người đã chết và người kia không xác định được. Đối chiếu với quy định tại Điều 3 và Điều 5 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP quy định một số điều của Luật trẻ em (*dưới đây gọi là Nghị định số 56/2016/NĐ-CP*) thì trẻ em mồ côi bao gồm trẻ em mồ côi cả cha và mẹ không có người chăm sóc, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống với người thân thích, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nuôi dưỡng tại các CSND. Trường hợp trẻ em sống với người thân thích thì người thân thích ~~phải~~ phải thuộc diện không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ thì mới được xem xét giải quyết cho làm con nuôi.

Trường hợp trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người kia không xác định được, được hiểu là trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật, hoặc có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật, hoặc mồ côi cha hoặc mẹ và người kia đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại CSND.

Đối tượng trẻ em có cha mẹ đẻ hoặc người thân thích nhưng cha mẹ đẻ hoặc người thân thích không có khả năng nuôi dưỡng cũng được giải quyết cho làm con nuôi. Khái niệm "*không có khả năng nuôi dưỡng*" được hiểu theo quy định của Nghị định số 56/2016/NĐ-CP như sau: trẻ em có cha mẹ đẻ hoặc người thân thích không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em; trẻ em sống cùng cha mẹ đẻ trong độ

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

tuổi trẻ em; cha mẹ đẻ đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam hoặc đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại CSND.

Ngoài ra, cha mẹ đẻ hoặc người thân thích của trẻ em mất năng lực hành vi dân sự, hoặc có thể gặp những biến cố bất ngờ, bệnh tật hiểm nghèo khiến họ mất nguồn chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em cũng có thể là căn cứ xác định họ không có khả năng nuôi dưỡng. Những lý do như thu nhập thấp, đông con, không có việc làm không phải là căn cứ xác đáng để quyết định tách trẻ em ra khỏi gia đình gốc của mình.

Trẻ em có quan hệ họ hàng, thân thích với người nhận con nuôi cũng thuộc đối tượng được cho làm con nuôi. Quan hệ họ hàng, thân thích được hiểu là trẻ em là con riêng của vợ/chồng được cha dượng/mẹ kế nhận làm con nuôi hoặc trẻ em là cháu được cô, cậu, dì, chú, bác ruột ~~ruột~~ nhận làm con nuôi.

Trường hợp trẻ em là con riêng của vợ/chồng được cha dượng, mẹ kế nhận làm con nuôi thì không phải đáp ứng điều kiện cha hoặc mẹ đẻ của trẻ em không có khả năng nuôi dưỡng vì việc nhận con nuôi là nhằm mục đích đoàn tụ gia đình.

Trong trường hợp trẻ em là cháu được cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi thì cha mẹ đẻ của trẻ em cũng phải đáp ứng điều kiện không có khả năng chăm sóc nuôi dưỡng hoặc trẻ em có HCĐB khác như mồ côi cả cha và mẹ hoặc cha mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự. Sở dĩ như vậy là để tránh trường hợp tách trẻ em ra khỏi gia đình gốc một cách không cần thiết, ~~hoặc~~ vì mục đích khác ngoài việc nhận con nuôi ~~để làm phát sinh quan hệ cha mẹ con~~như để cho trẻ em có điều kiện sinh sống và học tập ở nước ngoài.

### 2.2. Phân biệt pháp luật về nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg

Quy định pháp luật về nuôi con nuôi trong nước đóng vai trò nền tảng, trụ cột của pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg. Một hệ thống pháp luật hoàn thiện và hiệu quả chỉ khi các quy định pháp luật về nuôi con nuôi trong nước cũng phải phù hợp với ĐƯQT về nuôi con nuôi mà Việt Nam là thành viên; nuôi con nuôi có YTNNg là biện pháp cuối cùng sau khi việc nuôi con nuôi trong nước không thành. Việc nghiên cứu, đánh giá những quy định pháp luật về nuôi con nuôi trong nước là

Formatted: Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

Formatted: Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

Formatted: Heading 2

cơ sở để phân tích và đánh giá mức độ hoàn thiện của quy định pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg.

### *2.2.1. Một số vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật về nuôi con nuôi trong nước*

Formatted: Font: 14 pt, Condensed by 0.3 pt

Formatted: Heading 3, Indent: First line: 0 cm

Formatted: Font: Not Bold, Not Italic, Condensed by 0.3 pt

#### *2.2.1.1. Nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi thực tế*

Theo cách nói dân gian, nuôi con nuôi trong nước chính là việc nhận con nuôi giữa những người đồng bào với nhau, tức là giữa những người Việt Nam ở trong nước với nhau. Theo phong tục, tập quán của nước ta, việc nhận con nuôi trong nước có quan hệ rất gần gũi giữa người nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi như việc nhận con nuôi trong gia đình, họ hàng thân thích vì truyền thống đạo đức "*một giọt máu đào hơn ao nước lã*", việc nhận con nuôi trong chòm xóm để "*đùm bọc lẫn nhau*" hay "*lá lành đùm lá rách*". Đây cũng là điểm đặc trưng của việc nuôi con nuôi trong nước.

Nếu chỉ thuần túy xét trên phương diện xã hội và đạo đức gia đình thì việc nuôi con nuôi trong nước mà không được cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền công nhận thì sẽ không có giá trị pháp lý. Việc cho, nhận con nuôi mà không thực hiện việc đăng ký và ghi vào ~~Sổ hộ tịch~~Sổ hộ tịch thì chỉ là việc nuôi con nuôi thực tế.

Theo hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán ~~của~~ Tòa án nhân dân tối cao tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988, nuôi con nuôi thực tế tức là việc nuôi con nuôi mà chưa được ghi vào ~~sổ hộ tịch~~Sổ hộ tịch nhưng việc nuôi con nuôi được mọi người công nhận, cha mẹ nuôi đã thực hiện nghĩa vụ đối với con nuôi; trong trường hợp này thì việc nuôi con nuôi vẫn có những hậu quả pháp lý do luật định. Mặc dù Luật nuôi con nuôi có quy định thời hạn đăng ký nuôi con nuôi thực tế nhưng tuy nhiên, thực trạng này vẫn còn tiếp diễn [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp]. Sau khi thời hạn đăng ký nuôi con nuôi thực tế chấm dứt, theo quy định của Luật nuôi con nuôi và Luật hộ tịch 2014 thì việc nuôi con nuôi phải được đăng ký tại các cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền. Các trường hợp nuôi con nuôi thực tế không có giá trị pháp lý.

*2.2.1.2. Chủ thể của quan hệ nuôi con nuôi trong nước*

Việc phân biệt chủ thể của quan hệ nuôi con nuôi trong nước là cần thiết nhằm phân biệt với chủ thể của quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg, từ đó để xác định đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục giải quyết.

Khái niệm nuôi con nuôi trong nước được quy định lần đầu tiên tại Luật nuôi con nuôi, là việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau thường trú ở trong nước. Để được hưởng chế định nuôi con nuôi trong nước, người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi cần phải đáp ứng hai yếu tố: là công dân Việt Nam và thường trú ở Việt Nam.

Trong quan hệ nuôi con nuôi trong nước, người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi trước hết phải đáp ứng yếu tố có quốc tịch Việt Nam. Công dân Việt Nam được hiểu là người có quốc tịch Việt Nam. Theo Điều 4 Luật quốc tịch Việt Nam thì công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp Luật này có quy định khác.

Nếu một người có quốc tịch Việt Nam và quốc tịch nước ngoài sinh sống ở Việt Nam thì, theo khoản 2 Điều 672 BLDS 2015, trường hợp pháp luật được dẫn chiếu đến là pháp luật của nước mà cá nhân đó có quốc tịch nhưng cá nhân đó là người có nhiều quốc tịch, trong đó có quốc tịch Việt Nam thì pháp luật áp dụng là pháp luật Việt Nam. Theo nghiên cứu sinh, trong trường hợp này có thể vận dụng giải quyết theo chế định nuôi con nuôi trong nước. Tuy nhiên, nếu việc nhận con nuôi đó kéo theo việc di chuyển trẻ em ra nước ngoài thì việc giải quyết nuôi con nuôi trong nước lại không tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em đó. Pháp luật của nước ta cũng cho phép người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nếu nhận con nuôi sẽ được giải quyết tương tự như thủ tục nuôi con nuôi trong nước, nhưng quan hệ nuôi con nuôi đó vẫn được coi là quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg.

Đồng thời, để được hưởng chế định nuôi con nuôi trong nước, người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi đều phải thường trú ở trong nước. Khái niệm thường trú ở trong nước được xác định theo Luật cư trú, là nơi cư trú, sinh sống



**Formatted:** Heading 4, Indent: First line: 0 cm

**Formatted:** Normal, Indent: First line: 1.27 cm

**Formatted:** Normal, Indent: First line: 1.27 cm

**Formatted:** Font: 12 pt, Bold, Italic

thường xuyên, ổn định, không có thời hạn tại một chỗ ở nhất định và đã đăng ký thường trú.

Trường hợp nuôi con nuôi giữa các công dân Việt Nam với nhau tạm trú ở nước ngoài, pháp luật nước ta coi đó là những trường hợp nuôi con nuôi trong nước. Trên thực tiễn, gần như không xảy ra trường hợp nhận con nuôi giữa các công dân Việt Nam tạm trú ở nước ngoài với nhau [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp].

Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi là công dân Việt Nam chỉ tạm trú ở trong nước thì không được coi là chủ thể của quan hệ nuôi con nuôi trong nước. Trên thực tế, có một số trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhưng vẫn còn Sổ đăng ký hộ khẩu ở trong nước về nước nhận con nuôi theo thủ tục trong nước. Trong những trường hợp này, việc cho nhận con nuôi theo thủ tục trong nước sẽ không có giá trị pháp lý vì không đúng thẩm quyền theo quy định của Luật nuôi con nuôi.

*2.2.1.3. Trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước*

Formatted: Heading 4

Điều kiện về độ tuổi và diện trẻ em được nhận làm con nuôi đã được phân tích tại mục 2.1.4 về đối tượng trẻ em được cho làm con nuôi. Đối với trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước, pháp luật hiện hành không phân biệt trẻ em sống tại gia đình, ở nơi khác hoặc ở CSND.

Theo số liệu thống kê nuôi con nuôi trong nước từ năm 2011-2017 của Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp thì đa số trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi trong nước thuộc diện ở gia đình (*chiếm 78.60%)* và ở nơi khác (*chiếm 17.29%)*. Số trẻ em ở CSND được nhận làm con nuôi trong nước là rất hạn chế (*chỉ chiếm 4.11% số trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước trên toàn quốc*).

Do thủ tục giải quyết nuôi con nuôi trong nước còn được thực hiện trực tiếp giữa người nhận con nuôi và cha mẹ đẻ của trẻ em nên còn có những hạn chế nhất định, đặc biệt trong những trường hợp "trao tay" trực tiếp giữa cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi mà không có giấy tờ của trẻ em hoặc không tiến hành thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi. Điều này dẫn đến những tình huống nuôi con nuôi thực tế, không bảo đảm quyền và lợi ích của trẻ em và người nhận con nuôi.

Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi hoặc trẻ em được giao trực tiếp đã được trao làm con nuôi nhưng có thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em trong Giấy chứng sinh hoặc những giấy tờ tài liệu khác có liên quan, thì pháp luật chưa có quy định hướng dẫn giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước đó. Nhiều trường hợp không thể giải quyết việc nuôi con nuôi do đối tượng trẻ em không rõ ràng, không xác minh được nguồn gốc của trẻ em.

*2.2.1.4. Hệ quả của việc nuôi con nuôi trong nước*

Formatted: Heading 4

Formatted: Normal

Việc nuôi con nuôi là nhằm tạo lập mối quan hệ cha, mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi. Suy cho cùng thì quan hệ cha, mẹ và con được pháp luật cho phép cũng chính là hệ quả của việc nuôi con nuôi. Khoản 3 Điều 68 Luật HN&GĐ 2014 quy định giữa con nuôi và cha nuôi, mẹ nuôi có các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con được quy định tại Luật này, Luật nuôi con nuôi và BLDS và các luật khác có liên quan.

Như vậy, việc nuôi con nuôi làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi. Theo đó, cha mẹ nuôi có tất cả các quyền và nghĩa vụ đối với con nuôi, gồm nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi, bồi thường thiệt hại do con nuôi gây ra; cha nuôi, mẹ nuôi có quyền đại diện cho con nuôi; quyền định đoạt tài sản riêng của con nuôi chưa thành niên, mất năng lực hành vi dân sự, quyền có tài sản riêng của con nuôi, quyền quản lý tài sản riêng của con nuôi. Ngược lại, con nuôi cũng có các quyền và nghĩa vụ của con cái đối với cha mẹ nuôi. Khoản 16 Điều 3 Luật HN&GĐ 2014 còn ghi nhận con nuôi thành viên của gia đình.

Điều 24 Luật nuôi con nuôi quy định kể từ thời điểm giao nhận con nuôi, cha mẹ nuôi có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con. Theo phân tích ở trên, quan hệ cha mẹ con giữa cha mẹ nuôi và con nuôi là loại quan hệ pháp lý được tạo lập sau hành vi đăng ký việc nuôi con nuôi, có tính chất dịch chuyển từ cha mẹ đẻ sang cha mẹ nuôi.

Xét về tính chất mối quan hệ cha mẹ con giữa cha mẹ nuôi và con nuôi thì việc duy trì hay chấm dứt nghĩa vụ của cha mẹ đẻ với trẻ em được cho làm con nuôi phụ thuộc vào yếu tố thỏa thuận giữa cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi như quy định tại Điều

24 Luật nuôi con nuôi. Theo nghiên cứu sinh, tính chất thỏa thuận về hệ quả của việc nuôi con nuôi sẽ tạo ra những điểm không chắc chắn trong quan hệ cha mẹ con, có thể gây tranh chấp giữa cha mẹ nuôi và cha mẹ đẻ, hoặc giữa gia đình cha mẹ đẻ và gia đình cha mẹ nuôi.

Quan hệ nuôi con nuôi còn trao một số quyền nhân thân cho con nuôi như quyền thay đổi họ, tên và chữ đệm của con nuôi theo quy định của pháp luật dân sự và hộ tịch. Con nuôi có quyền thay đổi họ theo họ của cha nuôi hoặc mẹ nuôi mà không cần ý kiến đồng ý của cha mẹ đẻ. Việc thay đổi hộ tịch của con nuôi bao gồm cả việc thay đổi phần khai về cha mẹ trong giấy khai sinh của con nuôi. Theo pháp luật hiện hành về hộ tịch, con nuôi không được đăng ký lại khai sinh khi thay đổi họ, tên và phần khai về cha mẹ đã được đăng ký. Điều này ảnh hưởng tới yếu tố bí mật trong quan hệ cha mẹ con giữa cha mẹ nuôi và con nuôi, đồng thời thể hiện quan hệ huyết thống tồn tại song song với quan hệ nuôi con nuôi.

Về quyền thừa kế, con nuôi có quyền thừa kế như con đẻ. Con nuôi và cha mẹ nuôi được quyền thừa kế di sản của nhau và còn được thừa kế di sản theo pháp luật và thừa kế thế vị. Quyền thừa kế của con nuôi có tính lịch sử. Điều 380 Bộ luật Hồng Đức quy định: con nuôi có văn tự và ghi trong giấy sẽ chia điền sản cho con nuôi khi cha mẹ nuôi chết không có chúc thư. Quyền thừa kế còn được công nhận trong trường hợp con nuôi thực tế theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

*2.2.1.5. Chấm dứt việc nuôi con nuôi trong nước*

Formatted: Heading 4

Nếu việc đăng ký/ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính tư pháp thì quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi do tòa án nhân dân cấp huyện thực hiện. Quyết định này sẽ chấm dứt mọi quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi.

Pháp luật về nuôi con nuôi của nước ta quy định các căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi trong nước. Theo đó, việc nuôi con nuôi trong nước có thể bị chấm dứt khi con nuôi thành niên và cha mẹ nuôi tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi; con nuôi hoặc cha mẹ nuôi bị kết án một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức

khỏe, nhân phẩm hoặc danh dự của cha mẹ nuôi hoặc con nuôi; ngược đãi, hành hạ con nuôi hoặc cha mẹ nuôi; hoặc con nuôi có hành vi phá tán tài sản của cha mẹ nuôi và các trường hợp vi phạm hành vi cấm tại Điều 13 Luật nuôi con nuôi.

Trường hợp con nuôi được giao lại cho cha mẹ đẻ thì các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đẻ đã chấm dứt được khôi phục lại; con nuôi có quyền lấy lại họ tên của mình như trước khi được cho làm con nuôi; trường hợp con nuôi có tài sản riêng thì được nhận lại tài sản đó, nếu con nuôi có công lao đóng góp vào khối tài sản chung của cha mẹ nuôi thì được hưởng phần tài sản tương xứng với công lao đóng góp theo thỏa thuận với cha mẹ nuôi; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

So với Luật HN&GĐ 1959 thì Luật nuôi con nuôi không quy định tiêu chí chấm dứt việc nuôi con nuôi vì lợi ích của con nuôi. Do đó, trong những trường hợp bất khả kháng hoặc vì một lý do nghiêm trọng có ảnh hưởng tới lợi ích của con nuôi thì việc nuôi con nuôi không thể được chấm dứt. Hiện nay, những lý do đề nghị chấm dứt việc nuôi con nuôi như cha mẹ nuôi không còn khả năng nuôi dưỡng con nuôi hoặc cha mẹ nuôi ~~đã~~ chết khi con nuôi ở độ tuổi vị thành niên;~~,~~ con nuôi không thể hòa nhập trong gia đình cha mẹ nuôi đều không phải là những căn cứ pháp lý chấm dứt việc nuôi con nuôi.

Do không có căn cứ pháp lý chấm dứt việc nuôi con nuôi vì lợi ích của con nuôi nên trên thực tiễn nhiều trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước không có cơ hội để được nhận làm con nuôi ở nước ngoài khi con nuôi gặp phải những hoàn cảnh nêu trên, hoặc cha me nuôi tư ý đem trả lai con nuôi ~~bị cha mẹ nuôi trong nước "tự ý" đem trả lại~~cho ~~cơ sở nuôi dưỡng~~CSND. Trong những trường hợp đó, trẻ em phải ở lại cơ sở nuôi dưỡng gần như suốt đời vì không được giải quyết cho làm con nuôi lần thứ hai.

*2.2.1.6. Công nhận xuyên biên giới việc nuôi con nuôi trong nước*

Formatted: Heading 4

Thuật ngữ công nhận xuyên biên giới việc nuôi con nuôi trong nước là thuật ngữ do Nhóm chuyên gia về quyền làm cha mẹ/mang thai hộ của Ban thường trực Công ước La Hay sử dụng [64, HccH].

Để được công nhận xuyên biên giới việc nuôi con nuôi trong nước thì cha mẹ nuôi phải tiến hành thủ tục cho thi hành bản án/quyết định nước ngoài hoặc thủ tục công nhận trước tòa án ở nước ngoài. Loại thủ tục này kéo dài và tốn kém. Loại việc công nhận xuyên biên giới việc nuôi con nuôi trong nước được phân biệt với việc công nhận quyết định nuôi con nuôi có YTNNg.

Như phân tích tại mục 2.2.1.2 về chủ thể của quan hệ nuôi con nuôi trong nước, trong xu hướng phát triển chung trên thế giới, yếu tố trong nước có xu hướng bị ảnh hưởng bởi yếu tố nước ngoài. Theo quy định của một số nước thì việc nuôi con nuôi trong nước vẫn có thể bao gồm cả yếu tố nước ngoài, ví dụ như pháp luật Philippines quy định việc nuôi con nuôi giữa công dân của nước mình với nhau nhưng một bên thường trú ở nước ngoài là việc nuôi con nuôi trong nước.

Nếu một công dân Việt Nam hiện đang thường trú ở trong nước nhận một trẻ em Việt Nam ở trong nước làm con nuôi nhằm mục đích sau đó cho trẻ em nhập cảnh cùng cha mẹ nuôi vào một nước khác để sinh sống và làm việc thì, về nguyên tắc việc nuôi con nuôi đó được hưởng chế định nuôi con nuôi trong nước. Sở dĩ như vậy là do, vào thời điểm đăng ký việc nuôi con nuôi chưa xuất hiện yếu tố nước ngoài trong quan hệ pháp luật này.

Tuy nhiên, trong bối cảnh di cư quốc tế ngày càng phát triển, việc nuôi con nuôi trong nước trong trường hợp nêu trên sẽ có thể gặp nhiều rắc rối sau này như: trẻ em có thể không được nhập cảnh vào nước ngoài cùng cha mẹ nuôi, hoặc không có tư cách là con nuôi theo quy định của pháp luật của nước nơi cha mẹ nuôi sẽ sinh sống, con nuôi không được hưởng quyền cư trú cùng cha mẹ nuôi tại nước đó hoặc không có quốc tịch nước ngoài của cha mẹ nuôi [64, HccH].

Formatted: Font: Not Bold

Theo nghiên cứu sinh, những rắc rối này bắt nguồn từ việc quyết định nuôi con nuôi trong nước có thể không được công nhận tại nước nơi cha mẹ nuôi sẽ sinh sống và làm việc. Thực tiễn của vấn đề công nhận việc nuôi con nuôi trong nước rất khác với việc công nhận việc nuôi con nuôi có YTNNg. Có trường hợp quyết định nuôi con nuôi trong nước bị từ chối công nhận do vi phạm trật tự công hoặc do gian dối. Có trường hợp việc nuôi con nuôi trong nước được công nhận ở nước ngoài nhưng chỉ tương đương với một quyết định giao giám hộ đối với trẻ em [64, HccH]. Trong

Formatted: Font: Not Bold

xu hướng hiện nay, công nhận xuyên biên giới việc nuôi con nuôi trong nước là một vấn đề chưa có văn bản quốc tế nào điều chỉnh.

***2.2.2. Một số vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài***

*2.2.2.1. ~~Nuôi con nuôi độc lập, nuôi con nuôi theo thỏa thuận riêng và n~~Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và các cách thức thực hiện*

~~Trong một thời gian dài, trên thế giới tồn tại hình thức cho nhận con nuôi cá lẻ/độc lập (adoptions indépendantes) [60, tr.15]. Người nhận con nuôi tự mình sang Nước gốc tìm kiếm, lựa chọn trẻ em được nhận làm con nuôi mà không có sự hỗ trợ của Cơ quan trung ương hoặc tổ chức con nuôi được cấp phép [60, tr.15]. Nhiều trường hợp trẻ em bị tách ra khỏi gia đình huyết thống của mình một cách không cần thiết để cho làm con nuôi người nước ngoài, ví dụ như không có ý kiến đồng ý của cha, mẹ đẻ [45] [71]. Hình thức nuôi con nuôi độc lập đó không phù hợp với Công ước La Hay 1993 và không được xác nhận phù hợp theo Điều 23 Công ước [60, tr.15].~~

~~Nuôi con nuôi độc lập cũng có tính chất tương tự giống với việc nhận nuôi con nuôi theo thỏa thuận riêng (adoption privée) tức là cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi cùng thỏa thuận về việc cho trẻ em làm con nuôi. Việc nuôi con nuôi như vậy cũng không phù hợp Công ước La Hay 1993 và phải được Công ước điều chỉnh [60, tr.15].~~

~~Ở nước ta, vào những năm 90 của thế kỷ XX, hiện tượng cho người nước ngoài nhận trẻ em làm con nuôi luôn là biện pháp cứu cánh đối với các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế và đông con hoặc những người mẹ trẻ rơi vào hoàn cảnh đơn thân cơ nhỡ. Về tâm lý, họ sẵn sàng cho con làm con nuôi người nước ngoài thay vì làm con nuôi ở trong nước.~~

~~Sở dĩ như vậy là do, những người cha, mẹ đẻ luôn nghĩ đứa trẻ được cho con làm con nuôi ở nước ngoài sẽ được hưởng điều kiện vật chất tốt, được đổi đời, có thể quay trở về hỗ trợ kinh tế cho gia đình và việc cho con làm con nuôi sẽ giữ được bí mật gia đình vì khoảng cách địa lý xa xôi.~~

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Space Before: 6 pt, After: 6 pt

**Formatted:** (none)

**Formatted:** Heading 4

~~Hoạt động cho nhận con nuôi này gần như bột phát và có tính "tự do" vì người nước ngoài được phép trực tiếp đi tìm kiếm trẻ em ở gia đình, cơ sở y tế hoặc CSND để nhận con nuôi con nuôi theo Nghị định số 184/CP ngày 30/11/1994 quy định về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài [11, Nguyễn Quốc Cường].~~

~~Bối cảnh của việc cho nhận con nuôi nước ngoài ở Việt Nam giống bối cảnh chung trên thế giới trong giai đoạn trước khi Công ước La Hay 1993 được ban hành, tức là có sự lộn xộn, trực tiếp tìm kiếm trẻ em để cho làm con nuôi ở nước ngoài, dẫn đến các biểu hiện tiêu cực, lợi dụng việc cho nhận con nuôi để trục lợi, không vì lợi ích tốt nhất của trẻ em [54, Van Loon J.H].~~

Cùng với sự phát triển của các quan hệ dân sự giữa công dân của một nước này với công dân của một nước khác, cụm từ "có yếu tố nước ngoài" được sử dụng nhằm chỉ yếu tố ngoại lai hoặc "yếu tố quốc tế" có liên quan đến các chủ thể của quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình có YTNNg [35, Trần Minh Ngọc]. Theo thuật ngữ kinh điển, việc cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài được gọi là việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài/yếu tố ngoại lai.~~.~~

Nuôi con nuôi có YTNNg theo Điều 105 Luật HN&GĐ 2000 được thực hiện chủ yếu giữa người nước ngoài và trẻ em Việt Nam. Quy định này phù hợp với thực tiễn cho nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở nước ngoài, vì vào cuối những năm 90 của thế kỷ XX một số lượng lớn người nước ngoài đến Việt Nam trực tiếp đi tìm trẻ em để nhận làm con nuôi ~~là rất lớn (~~*Xem Bảng 1 Phụ lục A*~~)~~. Vào giai đoạn đó, theo tác giả Nguyễn Công Khanh, nuôi con nuôi có YTNNg được xem xét dưới góc độ là quan hệ dân sự có YTNNg, được điều chỉnh chủ yếu trong BLDS, Luật HN&GĐ, các hiệp định tương trợ tư pháp và hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi [28, Nguyễn Công Khanh].

Tác giả Nguyễn Hồng Bắc cho rằng quan hệ gia đình có YTNNg bao gồm cả quan hệ ~~giữa~~ cha ~~,~~ mẹ ~~và~~ con có YTNNg, theo đó quan hệ cha ~~,~~ mẹ ~~và~~ con còn có thể phát sinh qua sự kiện nhận con nuôi [22, Nguyễn Hồng Bắc]. Cả hai tác giả Nông Quốc Bình và Nguyễn Hồng Bắc đều cho rằng quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg thuộc nội hàm của quan hệ cha mẹ con có YTNNg, theo đó nuôi con nuôi có YTNNg

**Formatted:** Font: Not Bold

**Formatted:** Font: Not Bold

**Formatted:** Font: Not Bold

là việc xác lập quan hệ cha mẹ con giữa hai bên chủ thể có quốc tịch khác nhau hoặc có cùng một quốc tịch nhưng sự kiện nhận nuôi con nuôi xảy ra ở nước ngoài [24, Nông Quốc Bình & Nguyễn Hồng Bắc, tr.37, 38, 62].

Khái niệm nuôi con nuôi có YTNNg theo quy định của Luật nuôi con nuôi được xây dựng dựa trên khái niệm quan hệ dân sự có YTNNg theo quy định của BLDS 2005. Trên cơ sở đó, việc nuôi con nuôi có YTNNg là việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa người nước ngoài với nhau thường trú ở Việt Nam, giữa công dân Việt Nam với nhau mà một bên định cư ở nước ngoài. Khái niệm này được cụ thể thành các trường hợp nuôi con nuôi có YTNNg theo quy định tại Điều 28 Luật nuôi con nuôi.

Như vậy, khái niệm nuôi con nuôi có YTNNg theo quy định của pháp luật nước ta chỉ được xem xét dưới góc độ xung đột pháp luật chứ chưa thể hiện được bản chất, tính chất cũng như xu hướng của việc cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài trên thế giới.

Trong một thời gian dài, việc nhận trẻ em có nguồn gốc nước ngoài làm con nuôi được thực hiện phần lớn theo cách thức cho nhận con nuôi cá lẻ/độc lập (*adoptions individuelles/indépendantes*) [60, HccH, tr.15]. Người nhận con nuôi tự mình sang Nước gốc tìm kiếm, lựa chọn trẻ em được nhận làm con nuôi mà không có sự hỗ trợ của Cơ quan trung ương hoặc tổ chức con nuôi được cấp phép [60, HccH, tr.15]. Nhiều trường hợp trẻ em bị tách ra khỏi gia đình huyết thống của mình một cách không cần thiết để cho làm con nuôi nước ngoài, ví dụ như không có ý kiến đồng ý của cha, mẹ đẻ [45, Issac-Sibile Bernadette] [71, Thượng nghị viện]. Cách thức nhận con nuôi cá lẻ/độc lập đó không phù hợp với Công ước La Hay 1993 và không được xác nhận phù hợp theo Điều 23 Công ước [60, HccH, tr.15].

Nuôi con nuôi cá lẻ/độc lập cũng có tính chất tương tự giống với việc nhận nuôi con nuôi theo thỏa thuận riêng (*adoption privée*) tức là cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi cùng thỏa thuận về việc cho trẻ em làm con nuôi. Việc nuôi con nuôi như vậy cũng không phù hợp Công ước La Hay 1993 và phải được Công ước điều chỉnh [60, HccH, tr.15].

**Formatted:** Font: Not Bold

**Formatted:** Font: Not Bold

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

Ở nước ta, vào những năm 90 của thế kỷ XX, hiện tượng cho người nước ngoài nhận trẻ em làm con nuôi là một biện pháp cứu cánh đối với các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế và đông con hoặc những người mẹ trẻ đơn thân rơi vào hoàn cảnh cơ nhỡ. Về tâm lý, họ sẵn sàng cho con làm con nuôi ở nước ngoài thay vì làm con nuôi trong nước. Sở dĩ như vậy là do, những người cha mẹ đẻ luôn nghĩ đứa trẻ được cho con làm con nuôi ở nước ngoài sẽ được hưởng điều kiện vật chất tốt, được đổi đời, có thể quay trở về hỗ trợ kinh tế cho gia đình và việc cho con làm con nuôi sẽ giữ được bí mật gia đình vì khoảng cách địa lý xa xôi.

Hoạt động cho nhận con nuôi này gần như bột phát và có tính "tự do" vì người nước ngoài được phép trực tiếp đi tìm kiếm trẻ em ở gia đình, cơ sở y tế hoặc CSND để nhận con nuôi con nuôi theo Nghị định số 184/CP ngày 30/11/1994 quy định về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài [11, Nguyễn Quốc Cường].

Thực tiễn người nước ngoài trực tiếp đi kiếm trẻ em để cho làm con nuôi ở Việt Nam giống bối cảnh chung trên thế giới vào những năm 80 của thế kỷ trước. Thực trạng lôn xôn đó dẫn đến các biểu hiện tiêu cực, lợi dụng việc cho nhận con nuôi để trục lợi, không vì lợi ích tốt nhất của trẻ em [54, Van Loon J.H].

Kể từ khi Công ước La Hay 1993 có hiệu lực thi hành, phần lớn các nước thành viên đã giải quyết việc nuôi con nuôi quốc tế với sự tham gia của các tổ chức được cấp phép, nhằm hạn chế và xóa bỏ hiện tượng trung gian bất hợp pháp.

*2.2.2.2. Chủ thể của quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg*

Người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi là một loại chủ thể chủ động. Họ chủ động thực hiện dự định nhận con nuôi nhằm thiết lập mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, bền vững giữa người nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi.

Những chủ thể chủ động này phải đáp ứng các điều kiện pháp lý và thủ tục hành chính theo quy định pháp luật của nước nơi họ thường trú hoặc pháp luật của nước mà họ có quốc tịch. Loại chủ thể này bao gồm người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người nước ngoài sinh sống và làm việc ở Việt Nam từ trên 01 năm trở

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Font: Not Bold

Formatted: Heading 4

lên, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài thường trú ở Việt Nam.

*a) Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài*

Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài là một chủ thể phổ biến trong hoạt động nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi. Khái niệm người nước ngoài được quy định thống nhất trong các văn bản QPPL của nước ta. Theo khoản 1 Điều 3 Luật quốc tịch Việt Nam 2008, người nước ngoài là người có quốc tịch của một nước khác không phải là quốc tịch Việt Nam. Theo khoản 1 Điều 3 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài năm 2014, người nước ngoài là người mang giấy tờ xác định quốc tịch nước ngoài và người không quốc tịch nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam.

Về lý luận, chủ thể người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi bao gồm người có quốc tịch nước ngoài và người không quốc tịch. Tuy nhiên, trong thực tiễn, yêu cầu nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi của người không quốc tịch thường khó được giải quyết. Sở dĩ như vậy là vì, việc giải quyết cho người không quốc tịch nhận trẻ em làm con nuôi dẫn đến tình trạng không bảo đảm được quyền và lợi ích của trẻ em do thân phận pháp lý của cha, mẹ nuôi không được xác định rõ ràng.

*b) Người nước ngoài sinh sống và làm việc ở Việt Nam từ trên 01 năm trở lên*

Trường hợp người nước ngoài sinh sống và làm việc ở Việt Nam từ trên 01 năm trở lên cũng là chủ thể của quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg. Đối với chủ thể là người nước ngoài sinh sống và làm việc ở Việt Nam từ trên 01 năm trở lên được nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi theo thủ tục đích danh. Đây là loại chủ thể không phổ biến trong quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg. Tuy nhiên, thủ tục giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg cho chủ thể này dễ dẫn đến những lạm dụng và tiếp xúc trực tiếp giữa người nhận con nuôi và cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ trẻ. Do đó không bảo đảm nguyên tắc nêu tai Điều 39 Công ước La Hay 1993.

*c) Người Việt Nam định cư ở nước ngoài*

Về địa vị pháp lý, Điều 18 Hiến pháp 2013 khẳng định người Việt Nam định cư ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời khỏi cộng đồng dân tộc Việt Nam. Khái niệm người Việt Nam định cư ở nước ngoài được quy định thống nhất

trong các văn bản QPPL. Theo khoản 3 Điều 3 Luật quốc tịch Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam đang cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở nước ngoài. Khoản 4 Điều 3 Luật quốc tịch Việt Nam quy định người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài là người Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống và con, cháu của họ đang cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài.

Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là một trong những chủ thể trong quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình có YTNNg. Chủ thể này được quy định trong BLDS năm 1995 và 2005, Luật HN&GĐ năm 2000 và 2014. Trên cơ sở Điều 758 của BLDS năm 2005, Luật nuôi con nuôi quy định người Việt Nam định cư ở nước ngoài cũng là một trong những chủ thể của quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg. Tuy nhiên, theo BLDS năm 2015 thì chủ thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài không còn là chủ thể của quan hệ dân sự có YTNNg nữa.

*d) Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam*

Về đối tượng người nước ngoài thường trú ở Việt Nam, theo quy định tại Điều 39 Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 thì đối tượng người nước ngoài được xét cho thường trú bao gồm:

- Người nước ngoài có công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam được ~~Nhà nước~~Nhà nước Việt Nam tặng huân chương hoặc danh hiệu vinh dự ~~nhà nước~~Nhà nước;

- Người nước ngoài là nhà khoa học, chuyên gia đang tạm trú ở Việt Nam;

- Người nước ngoài được cha, mẹ, vợ, chồng, con là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam bảo lãnh;

- Người không quốc tịch đã tạm trú liên tục tại Việt Nam từ năm 2000 trở về trước.

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật, cho đến năm 2013 có 620 người nước ngoài được đăng ký thường trú ở Việt Nam, họ đều thuộc trường hợp có vợ/chồng là công dân Việt Nam, chỉ có 2 trường hợp là người nước ngoài được tặng ~~Nhà nước~~Nhà nước ta tặng thưởng huy chương [4, Bộ Tư pháp]. Như vậy, số lượng người nước

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

ngoài thường trú ở Việt Nam là rất ít. Trong lĩnh vực nuôi con nuôi có YTNNg thì người nước ngoài thường trú ở Việt Nam là một loại chủ thể không phổ biến.

*2.2.2.3. Điều kiện ~~nuôi con nuôi~~ của người ~~nước ngoài~~nhận con nuôi*

Formatted: Heading 4, None, Indent: First line: 0 cm

Điều kiện nuôi con nuôi là một chế định quan trọng trong hệ thống pháp luật về nuôi con nuôi của các nước. Để bảo đảm quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg được hình thành hợp pháp và được cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc cho phép, người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện theo quy định pháp luật của các nước có liên quan.

Việc xác định pháp luật áp dụng về điều kiện của người nhận con nuôi là một vấn đề tất yếu và ngày càng trở nên khó khăn hơn khi pháp luật của Nước nhận luôn tiến bộ hơn so với pháp luật của Nước gốc và xu hướng người nhận con nuôi di chuyển từ nước này sang nước khác để kết hôn, sinh sống và làm việc ngày càng trở nên phổ biến và dễ dàng hơn.

*a) Xác định pháp luật áp dụng*

Trước đây, khoản 1 Điều 105 Luật HN&GĐ 2000 quy định pháp luật áp dung về điều kiện nuôi con nuôi là pháp luật của nước mà người nhận con nuôi là công dân. Theo quy định hiện hành,~~K~~ khoản 1 Điều 29 Luật nuôi con nuôi ~~giải quyết xung đột pháp luật về điều kiện nuôi con nuôi,~~quy định ~~theo đó~~ người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài phải có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật của nước nơi người nhận con nuôi thường trú và quy định tại Điều 14 của Luật này.

Như vậy, pháp luật hiện hành của nước ta đã lựa chọn áp dụng pháp luật nơi thường trú của người nhận con nuôi (~~t~~*lex domicilii*) để xác định điều kiện của người nhận con nuôi. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 674 BLDS 2015 thì năng lực hành vi dân sự của người nước ngoài được xác định theo pháp luật của nước mà người nước ngoài có quốc tịch (*lex nationalis*).

Trường hợp hai vợ chồng người nhận con nuôi có quốc tịch khác nhau thì ~~V~~việc áp dụng pháp luật quốc gia ~~tịch~~ của người nhận con nuôi ~~cũng có thể~~ được thay thế bởi pháp luật điều chỉnh hệ quả hôn nhân khi hai vợ chồng người nhận con

nuôi có quốc tịch khác nhau [39, François Boulanger, tr.178]. Phương pháp giải quyết xung đột này được các nước như Pháp, Bồ Đào Nha, Đức lựa chọn.

Pháp luật Bỉ quy định trường hợp hai vợ chồng người nhận con nuôi không có cùng quốc tịch thì pháp luật áp dụng sẽ là pháp luật nơi cư trú chung [73], nếu không điều kiện nuôi con nuôi sẽ tuân thủ theo pháp luật của Bỉ [39, François Boulanger, tr.193]. Thậm chí pháp luật của Bỉ còn được áp dụng kể cả trong trường hợp luật quốc tịch của một trong hai vợ chồng không công nhận quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi. Quy định này chỉ áp dụng đối với việc nuôi con nuôi đơn giản, không áp dụng cho trường hợp nuôi con nuôi trọn vẹn [39, François Boulanger, tr.199].

Theo pháp luật Tây Ban Nha, luật quốc tịch của người chồng sẽ áp dụng trong trường hợp hai vợ chồng có quốc tịch khác nhau [41, Bischoff J.-M, tr.706]. Theo pháp luật Áo, luật quốc tịch của cả hai vợ chồng đều được áp dụng để xác định điều kiện nuôi con nuôi [41, Bischoff J.-M, tr.706], tức là áp dụng những điều kiện nuôi con nuôi chặt chẽ nhất. Trường hợp người nhận con nuôi có hai quốc tịch thì nguyên tắc quốc tịch hữu hiệu sẽ được áp dụng, tùy thuộc vào pháp luật của mỗi quốc gia.

Trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993, người nhận con nuôi phải đáp ứng điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật của nước nơi người đó thường trú. Song thông thường, cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú sẽ căn cứ vào pháp luật quốc gia của người nhận con nuôi để xác định điều kiện nuôi con nuôi.

Do đó, để có thể xác định điều kiện ~~nuôi con nuôi~~ của người ~~nước ngoài~~nhận con nuôi thì có khả năng phải áp dụng ba hệ thống pháp luật *lex nationalis* và *lex domicilii* và pháp luật của Việt Nam [29, Nguyễn Công Khanh], chưa kể trường hợp vợ chồng người nhận con nuôi có quốc tịch khác nhau. Pháp luật nước ta hiện chưa có quy định lựa chọn pháp luật áp dụng trong trường hợp hai vợ chồng người nhận con nuôi có quốc tịch khác nhau.

*b) Điều kiện pháp lý*

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, giữa người nhận con nuôi và con nuôi phải đảm bảo khoảng cách 20 tuổi. Pháp luật của một số nước hợp tác về nuôi con nuôi với Việt Nam có quy định rất khác nhau về khoảng cách độ tuổi. Pháp, Bỉ và



**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)
**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)
**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)
**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)
**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)
**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)
**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)
**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)
**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)
**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)
**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)
**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)
**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)
**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

Tây Ban Nha đều quy định khoảng cách độ tuổi giữa người nhận con nuôi và con nuôi là 15 tuổi. Pháp luật Anh và Đức không quy định khoảng cách độ tuổi chênh lệch giữa người nhận con nuôi và con nuôi.

Riêng pháp luật Italia quy định khoảng cách chênh lệch độ tuổi giữa người nhận con nuôi và con nuôi ít nhất là 18 tuổi và không được vượt quá 45 tuổi. Quy định này là phù hợp vì cho phép xác định người nhận con nuôi ở độ tuổi phù hợp hợp với việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em ở một độ tuổi nhất định.

Trong trường hợp người nhận con nuôi là vợ chồng, pháp luật Việt Nam không quy định thời gian kết hôn cần thiết để có thể nhận con nuôi. Tuy nhiên, người nhận con nuôi phải tuân thủ quy định về thời gian kết hôn cần thiết để nhận con nuôi theo quy định pháp luật của nước nơi họ thường trú hoặc của nước mà người có quốc tịch.

Pháp luật HN&GĐ của Việt Nam không công nhận hôn nhân giữa cặp vợ chồng cùng giới tính nên họ không có quyền nhận con nuôi tại Việt Nam ngay cả khi pháp luật của nước nơi họ thường trú như pháp luật Pháp, Bỉ, Lúc-xăm-bua, Ai-len, Đan Mạch, Tây Ban Nha, một số tỉnh/bang Canada và Hoa Kỳ cho phép vợ chồng có cùng giới tính nhận con nuôi trong nước.

Để bảo đảm trẻ em Việt Nam được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong điều kiện tốt, phù hợp với sự phát triển của trẻ em, pháp luật của nước ta quy định người nhận con nuôi phải có điều kiện sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện nay chưa có các tiêu chí cụ thể nhằm đánh giá điều kiện kinh tế, gia đình, tâm lý của người nhận con nuôi nước ngoài.

Vì vậy, người nhận con nuôi chỉ phải đáp ứng các điều kiện đó theo quy định của nước nơi họ thường trú. Hầu hết các nước như Pháp, Đức, Italia, Tây Ban Nha, Canada, Ai-len, Lúc-xăm-bua, Hoa Kỳ, Đan Mạch đều quy định người nhận con nuôi phải đáp ứng các điều kiện về gia đình, xã hội, tâm lý và giáo dục. Việc xác nhận điều kiện nuôi con nuôi thường do tòa án vị thành niên, cơ quan bảo vệ trẻ em hoặc các vấn đề xã hội ra quyết định.

Theo khoản 2 Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi, những người đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh; đang chấp hành hình phạt tù; chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật, mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em không được nhận con nuôi.

Trên thực tế, quy định này dường như không phát huy được hiệu quả vì theo pháp luật của nước có liên quan, trong những trường hợp đó hoặc trong những trường hợp tương tự tòa án hoặc cơ quan hành chính của Nước nhận không chấp thuận cho những chủ thể đó nhận con nuôi. Ngay tại Nước nhận, người nhận con nuôi cũng không đủ điều kiện nhận con nuôi.

*c) Điều kiện về thủ tục hành chính/tư pháp*

Để nhận con nuôi ở Việt Nam, người nhận con nuôi phải đáp ứng các điều kiện pháp lý về nuôi con nuôi và các điều kiện về thủ tục hành chính/tư pháp theo quy định pháp luật của Nước nhận. Điều kiện nuôi con nuôi và điều kiện về gia đình, xã hội, tâm lý và giáo dục của người nhận con nuôi được tòa án hoặc cơ quan hành chính đánh giá và xác nhận theo cơ chế cấp giấy phép đủ điều kiện cho nhận con nuôi.

Đây là thủ tục hành chính bắt buộc đối với mọi trường hợp nhận con nuôi trong nước cũng như nước ngoài ở hầu hết các nước nhận trẻ em làm con nuôi. Giấy phép cho nhận con nuôi do phía cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, xác định điều kiện pháp lý của người nhận con nuôi về độ tuổi, thời hạn kết hôn, điều kiện về gia đình, xã hội, tâm lý của người nhận con nuôi và đặc điểm, độ tuổi của trẻ em được cho làm con nuôi.

*2.2.2.4. Điều kiện trẻ em được nhận làm con nuôi ở nước ngoài*

Formatted: Heading 4, None, Indent: First line: 0 cm

Quy định chung về độ tuổi và đối tượng trẻ em được cho làm con nuôi đã được phân tích tại mục 2.1.4 ở trên. Đối tượng trẻ em được nhận làm con nuôi ở nước

ngoài được phân thành hai loại, bao gồm trẻ em sống tại gia đình nếu là con riêng, cháu ruột của người nhận con nuôi và trẻ em cần tìm gia đình thay thế sống ở CSND.

Trong thực tiễn trước đây, số lượng trẻ em Việt Nam được giải quyết cho làm con nuôi ở nước ngoài là rất lớn và phần lớn bị ảnh hưởng bởi nhu cầu nhận con nuôi của người nước ngoài [66, ISS]. Do đó, đa số trẻ em ở CSND được nhận làm con nuôi ở nước ngoài là trẻ em thuộc diện bị bỏ rơi.

Formatted: Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

Nhằm tránh những lạm dụng trong hoạt động cho nhận con nuôi nước ngoài, quy định xác định điều kiện trẻ em được nhận làm con nuôi ở nước ngoài là một quy định quan trọng trong hệ thống pháp luật về nuôi con nuôi của Nước gốc. Điều kiện của trẻ em được nhận làm con nuôi có sự gắn bó mật thiết tới đối tượng trẻ em. Trẻ em được cho làm con nuôi ở nước ngoài trước hết phải có nhu cầu cần tìm gia đình thay thế.

*a) Đối tượng trẻ em ở CSND cần tìm gia đình thay thế ở nước ngoài*

Có thể hiểu khái niệm trẻ em cần tìm gia đình thay thế cũng chính là thể hiện nhu cầu của trẻ em cần được nhận làm con nuôi ở nước ngoài. ~~Quy định chung về độ tuổi và đối tượng trẻ em được cho làm con nuôi đã được phân tích tại mục 2.1.4 ở trên. Đối tượng trẻ em được nhận làm con nuôi ở nước ngoài được phân thành hai loại, bao gồm trẻ em sống tại gia đình nếu là con riêng, cháu ruột của người nhận con nuôi và trẻ em cần tìm gia đình thay thế sống ở CSND.~~

Đối với diện trẻ em cần tìm gia đình thay thế sống ở CSND thì chỉ được giải quyết cho làm con nuôi ở nước ngoài nếu CSND nơi trẻ em sinh sống được UBND cấp tỉnh chỉ định giới thiệu trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP. Như vậy, những trẻ em cần tìm gia đình thay thế nhưng sống tại các CSND không được UBND cấp tỉnh chỉ định thì không được giải quyết cho làm con nuôi ở nước ngoài. Điều này dẫn đến sự phân biệt đối tượng trẻ em và CSND, hạn chế quyền được nhận làm con nuôi của trẻ em [5, Bộ Tư pháp].

Việc xác định nhu cầu cần tìm gia đình thay thế của trẻ em được thực hiện thông qua trách nhiệm chuyển đổi hình thức chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật về trẻ em và trách nhiệm tìm gia đình thay thế theo quy định của Luật nuôi con nuôi. Những trẻ em có ~~hoàn cảnh đặc biệt~~HCĐB ở CSND không tìm được gia

đình thay thế ở trong nước mới thuộc diện được giải quyết cho làm con nuôi ở nước ngoài.

Hết thời hạn 60 ngày ở cấp tỉnh và 60 ngày ~~ở cấp trung ương~~trên toàn quốc mà không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi thì coi như trẻ em không tìm được gia đình thay thế trong nước. Quy định này nhằm bảo đảm thực hiện nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước theo Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay 1993.

Tuy nhiên hiện nay, điểm d khoản 2 Điều 28 Luật nuôi con nuôi cho phép người nước ngoài nhận trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em nhiễm HIV/AIDS theo diện đích danh nên những trẻ em này được miễn thủ tục tìm gia đình thay thế trong nước theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP. Quy định này đã hạn chế cơ hội tìm gia đình thay thế trong nước đối với những trẻ em mắc bệnh thông thường hoặc khuyết tật thể nhẹ, vô hình chung là không phù hợp với nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước theo Công ước La Hay 1993.

*b) ~~Trẻ em là~~Đối tượng người được nhận làm con nuôi là con riêng, cháu ruột của người nhận con nuôi*

Trẻ em sống tại gia đình chỉ được giải quyết cho làm con nuôi ở nước ngoài nếu là con riêng của vợ/chồng được cha dượng hoặc mẹ kế là người nước ngoài nhận làm con nuôi nhằm mục đích đoàn tụ gia đình hoặc là cháu được cô, cậu, dì, chú, bác ruột ở nước ngoài nhận làm con nuôi.

Tuy nhiên, việc giải quyết cho cháu ruột làm con nuôi của cô, cậu, dì, chú, bác ở nước ngoài nếu chỉ vì mục đích định cư ở nước ngoài hoặc du học ở nước ngoài thì điều đó trái với mục đích của việc nuôi con nuôi. Do đó, trong thực tiễn một số nước từ chối cấp thị thực nhập cảnh cho trẻ em được gia đình thân thích ở nước ngoài nhận làm con nuôi vì mục đích du học hoặc mục đích khác [77. *Ở Bỉ, từ ngày 01/92005 cho tới ngày 31/8/2015, 576/4331 trường hợp nuôi con nuôi quốc tế chủ yếu từ các nước Công-gô, Ghana, Cameroun, Rwanda và Thổ Nhĩ Kỳ bị từ chối công nhận vì việc nhận con nuôi vì lý do nhập cư, lẩn tránh quy định về quốc tịch, để hưởng bảo hiểm xã hội hoặc để đi du học ở Bỉ*].

**Formatted:** Font: Not Bold, English (United States)

- Trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993, đối tượng trẻ em sống ở gia đình được người họ hàng nhận làm con nuôi cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

*b) c)Trẻ em được Xxác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi ở nước ngoài*

Kể từ khi Luật nuôi con nuôi có hiệu lực thi hành, mọi trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài đều phải được Sở Tư pháp nơi trẻ em thường trú xác nhận đủ điều kiện được cho làm con nuôi ở nước ngoài. Về phạm vi áp dụng, việc xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi chỉ áp dụng đối với các trường hợp nuôi con nuôi có YTNNg, nhằm bảo đảm tính pháp lý trong thủ tục giải quyết nuôi con nuôi quốc tế và đồng thời bảo đảm tuân thủ khoản a Điều 4 Công ước La Hay 1993.

Việc xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi được thực hiện thông qua thủ tục kiểm tra, xác minh hồ sơ trẻ em, đối chiếu điều kiện về độ tuổi, đối tượng trẻ em, diện trẻ em được giải quyết theo thủ tục giới thiệu trẻ em hay đích danh; lấy ý kiến của cha mẹ đẻ, người giám hộ nhằm thể hiện sự tự nguyện trong việc cho trẻ em làm con nuôi; xác minh nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi và kiểm tra việc tuân thủ nguyên tắc tìm gia đình thay thế trong nước.

Việc lấy ý kiến đồng ý của cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ trẻ em nhằm bảo đảm nguyên tắc tự nguyện như đã phân tích tại mục 2.1.3.3 ở trên.

*2.2.2.5. Hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg*

Hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg là một chế định quan trọng nhằm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của con nuôi và bảo đảm con nuôi hòa nhập trong môi trường gia đình cha mẹ nuôi ~~người~~ nước ngoài. Hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg đặt ra vấn đề xác định pháp luật áp dụng và nội dung hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg.

*a) Xác định pháp luật áp dụng*

Khi Luật HN&GĐ năm 2000 còn hiệu lực thi hành, pháp luật áp dụng đối với hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg theo pháp luật của nước nơi thực hiện hành vi (*lex loci actus*). Khoản 2 Điều 105 Luật HN&GĐ 2000 quy định trường hợp

**Formatted:** Font: 14 pt, Italic

**Formatted:** Font: 14 pt, Italic

**Formatted:** List Paragraph, Line spacing: 1.5 lines, Numbered + Level: 1 + Numbering Style: a, b, c, … + Start at: 1 + Alignment: Left + Aligned at: 1 cm + Indent at: 1.63

**Formatted:** Font: 14 pt, Italic

**Formatted:** Font: Italic

**Formatted:** Font: 14 pt, Not Italic

**Formatted:** Heading 4, Line spacing: single, Tab stops: Not at 1 cm

việc nuôi con nuôi có YTNNg được thực hiện tại Việt Nam thì quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi được xác định theo quy định của Luật này.

Trường hợp việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài được thực hiện tại nước ngoài thì quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi, việc chấm dứt nuôi con nuôi được xác định theo pháp luật của nước nơi thường trú của con nuôi. Tuy nhiên, cho đến nay Luật HN&GĐ 2000 đã hết hiệu lực thi hành, chế định về nuôi con nuôi đã được thay thế bởi Luật nuôi con nuôi.

Qua rà soát các quy định của Luật nuôi con nuôi cho thấy, không có quy định về việc xác định luật áp dụng về hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg. Do đó, xung đột pháp luật về hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg được giải quyết theo quy định của ĐƯQT song phương.

Trong mối quan hệ song phương giữa Nước nhận và Nước gốc, theo thông lệ quốc tế thì pháp luật của Nước nhận được áp dụng để xác định hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg (~~[~~*Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa Việt Nam với Hoa Kỳ và Quebec*)~~]~~. Pháp luật của Nước nhận có thể hiểu là pháp luật của nước nơi người nhận con nuôi thường trú (*lex domicilii*) hoặc pháp luật quốc gia của người nhận con nuôi (*lex nationalis*) hoặc pháp luật của nước nơi hoàn tất thủ tục nuôi con nuôi (*lex loci actus*).

Hiệp định hợp tác song phương về nuôi con nuôi giữa Việt Nam với các nước ~~như~~ Italia, Đan Mạch, Ai-len, Thụy Sỹ, Pháp và Thụy Điển đều quy định hệ quả của việc nuôi con nuôi được xác định theo pháp luật của nước nơi hoàn tất thủ tục nuôi con nuôi (*lex loci actus*). Trong khi đó các hiệp định tương trợ tư pháp lại dựa trên hệ thuộc luật *lex nationalis* để xác định pháp luật áp dụng đối với việc nhận con nuôi và hủy bỏ việc nuôi con nuôi.

Kể từ khi Việt Nam trở thành thành viên Công ước La Hay 1993 thì ~~với~~ những nước có quan hệ hợp tác song phương đều chuyển sang quan hệ hợp tác đa phương nhằm áp dụng Công ước La Hay 1993. Những nước không có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi với Việt Nam thì hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài sẽ được áp dụng một cách "*ngầm định*" theo pháp luật của Nước nhận.

*b) Nội dung hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg*

Bàn về hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg, TS. Nguyễn Công Khanh nhận định Điều 74, 75 Luật HN&GĐ 2000 chỉ quy định chung chung: sau khi việc nuôi con nuôi được đăng ký tại cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền, thì giữa người nhận con nuôi và con nuôi phát sinh đầy đủ các quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con theo quy định của pháp luật; cha mẹ nuôi có quyền thay đổi họ, tên cho con nuôi; các hệ quả pháp lý khác thì không được quy định.

Ngoài ra, tác giả cũng nhận định theo Điều 679 và Điều 681 BLDS 1995, hiểu một cách gián tiếp rằng pháp luật nước ta vẫn cho phép cha mẹ đẻ và trẻ em được cho làm con nuôi duy trì mối quan hệ pháp lý cha mẹ con. Tức là, trẻ em được cho làm con nuôi vẫn duy trì quan hệ pháp lý với cha mẹ đẻ, kể cả quan hệ thừa kế vì pháp luật về dân sự quy định con nuôi thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Đây là một khó khăn vướng mắc đối với việc xác định hệ quả của việc nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam do vẫn còn cho phép duy trì mối quan hệ giữa cha mẹ đẻ với trẻ em được cho làm con nuôi.

Theo nghiên cứu sinh, ngoài vấn đề quốc ~~tịch~~ tịch của trẻ em được nhận làm ~~của~~ con nuôi nước ngoài thì các nội dung khác liên quan đến hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg không được pháp luật hiện hành quy định cụ thể.

*c) ~~c)~~Quốc tịch của trẻ em Việt Nam được nhận làm con nuôi người nước ngoài*

Quốc tịch của con nuôi cũng là một trong những hệ quả quan trọng của việc nuôi con nuôi có YTNNg. Trong khi nội dung hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg không được quy định trong Luật nuôi con nuôi thì quốc tịch của trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi người nước ngoài lại được điều chỉnh tại Điều 37 Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008. Theo đó, trẻ em là công dân Việt Nam được người nước ngoài nhận làm con nuôi thì vẫn giữ quốc tịch Việt Nam, tức là vẫn giữ mối quan hệ pháp lý với Việt Nam (Nước gốc).~~.~~

~~Tuy nhiên, t~~Trong khuôn khổ hiệp định hợp tác song phương về nuôi con nuôi giữa Việt Nam với các nước thì hầu hết các Nước nhận đều cam kết tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em Việt Nam sau khi được nhận làm con nuôi có quốc tịch của Nước nhận, nhưng vẫn mang quốc tịch của Nước gốc theo pháp luật của Nước gốc,

**Formatted:** Font: 14 pt, Italic

**Formatted:** List Paragraph, Numbered + Level: 1 + Numbering Style: a, b, c, … + Start at: 1 + Alignment: Left + Aligned at: 1 cm + Indent at: 1.63 cm

**Formatted:** Font: Italic

thực hiện quyền lựa chọn quốc tịch khi trẻ em đó đạt đến độ tuổi mà pháp luật quy định được quyền lựa chọn quốc tịch.

Trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993, nếu việc nuôi con nuôi được công nhận hoặc chuyển đổi sang hình thức con nuôi trọn vẹn, thì hệ quả của việc nuôi con nuôi theo pháp luật của Nước nhận sẽ thay thế hệ quả của việc nuôi con nuôi theo pháp luật của Nước gốc, trong đó bao gồm cả vấn đề quốc tich của con nuôi.

### 2.3. Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta

#### *2.3.1. Phù hợp với Công ước La Hay số 33*

Công ước La Hay 1993 là ĐƯQT đa phương quan trong về nuôi con nuôi ~~quan trọng~~, được áp dụng tại 98 nước thành viên [61, HccH]. Công ước đã pháp điển hóa thực tiễn quốc tế, thống nhất cao sự khác biệt trong quy định pháp luật về nuôi con nuôi giữa các nước, dung hòa tối đa lợi ích của các nước trong việc cho và nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi [16, Đại học Luật].

Công ước La Hay 1993 đã cụ thể hóa nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước theo quy định tại Điều 21 Công ước Quyền trẻ em, quy định những nguyên tắc mang tính bắt buộc chung (*jus cogens)* trong hoạt động cho nhận con nuôi quốc tế. Đồng thời, Công ước đã xây dựng thủ tục nuôi con nuôi quốc tế chung giữa các nước thành viên, tạo ra những bảo đảm pháp lý quan trọng trong việc di chuyển trẻ em từ nước này sang nước khác nhằm mục đích cho làm con nuôi.

Để bảo đảm thực hiện, Công ước tạo cơ chế đồng trách nhiệm giữa Nước nhận và Nước gốc và hợp tác quốc tế thông qua hệ thống các cơ quan trung ương [43, Jean Derrupé, p.146]. Công ước yêu cầu thủ tục nuôi con nuôi quốc tế phải tuân thủ quy định theo pháp luật của các nước thành viên và quy định của Công ước.

Việc giải quyết cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993 tạo cơ chế đương nhiên công nhận việc nuôi con nuôi nước ngoài do các cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên thực hiện; ngăn ngừa hành vi nhập cảnh trái phép theo cơ chế hợp tác giữa các cơ quan trung ương của Nước nhận và Nước gốc.

**Formatted:** Font: 14 pt, Not Italic

**Formatted:** Font: 14 pt, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

Trước đó, pháp luật ~~của~~ Đức, Thụy Sỹ, Italia và Pháp đều yêu cầu thủ tục cho công nhận hoặc cho thi hành quyết định nuôi con nuôi nước ngoài trước khi ghi chú hoặc tòa án có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú ra quyết định mới về nuôi con nuôi đối với trẻ em nước ngoài.

Trong mối quan hệ với các ĐƯQT khác mà Việt Nam là thành viên thì các hiệp định hợp tác song phương về nuôi con nuôi giữa nước ta với Pháp, Tây Ban Nha, Đan Mạch, Italia và Thụy Sỹ được duy trì chỉ nhằm phát huy hiệu lực của một số quy định về miễn giấy tờ, tài liệu về hồ sơ của người nhận con nuôi và trẻ em Việt Nam được nhận làm con nuôi ở những nước đó.

Đối với các hiệp định TTTP, theo nghiên cứu sinh các hiệp định này không phải là ĐƯQT về nuôi con nuôi, vì chỉ chứa đựng những quy định xác định pháp luật áp dụng và thẩm quyền giải quyết. Trong xu hướng phát triển hiện nay thì giải quyết xung đột pháp luật không còn là điều mà các nước đặc biệt quan tâm nữa. Các hiệp định này không giải quyết được những vấn đề như phòng ngừa tệ nạn mua bán, bắt cóc trẻ em nhằm mục đích cho làm con nuôi mà các nước quan ngại, không điều chỉnh trực tiếp quan hệ hợp tác và phối hợp giữa các cơ quan trung ương của các nước với nhau.

### *2.3.2. Phòng ngừa việc mua bán trẻ em để cho làm con nuôi vì mục đích trục lợi*

Nuôi con nuôi có YTNNg kéo theo việc di chuyển trẻ em từ nước này sang nước khác một cách hợp pháp. Trước hiện tượng di cư quốc tế ngày càng tăng, một số lượng lớn trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi từ các nước "*nghèo*" hay còn gọi là các "*nước gốc*" được di cư sang các nước "*giàu*" hay còn gọi là "*Nước nhận*" ở Hoa Kỳ và châu Âu [54, Van Loon J.H] ~~([~~*Xem Phụ lục B*~~)]~~. Việc di cư quốc tế dưới hình thức cho nhận con nuôi gây ảnh hưởng mạnh mẽ tới quyền và lợi ích của trẻ em.

Hiện tượng cho nhận con nuôi có YTNNg còn kéo theo nhiều vấn đề phức tạp về xã hội, đạo đức và pháp lý, có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích của trẻ em, đặc biệt khi đa số các trường hợp cho nhận con nuôi đều là những trường hợp nhận con nuôi được thực hiện dưới hình thức cá lẻ/độc lập~~tự do~~ (*Adoptions individuelles/indépendantes–Independent adoption*) [54, Van Loon J.H, đoạn 42],

**Formatted:** Heading 3, Line spacing: Multiple 1.45 li

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

hoặc đa số trẻ em được cho làm con nuôi ở nước ngoài thuộc diện trẻ em bị bỏ rơi [66, ISS].

Điều này dễ kéo theo việc mua bán trẻ em nhằm mục đích cho làm con nuôi ở nước ngoài thông qua các hành vi bất hợp pháp như mua bán, bắt cóc trẻ em, lừa dối hoặc cưỡng ép cha mẹ đẻ của trẻ [40, Boéchat Hervé], thậm chí còn có thể thực hiện các hành vi "*tẩy rửa*" trẻ em [40, Boéchat Hervé] hoặc cố tình che giấu tình trạng hộ tịch gốc của trẻ em [40, Boéchat Hervé].

Như vậy, việc cho nhận trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài phải là một nhiệm vụ của ~~Nhà nước~~Nhà nước (*Affaire d'Etat*) khi tiến hành thủ tục cho và nhận con nuôi, nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích của trẻ em, bảo đảm việc cho nhận con nuôi quốc tế phù hợp với đạo đức xã hội [49, Mayer Fabre].

Đây là một loại quan hệ dân sự có YTNNg cần phải có sự tham gia và can thiệp của các cơ quan có thẩm quyền và hợp tác giữa các quốc gia. Xu hướng này hoàn toàn phù hợp với việc thay đổi bản chất của việc cho nhận con nuôi [2, Vũ Đức Long]. Do đó, mức độ hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg còn phải bảo đảm tiêu chí có sự tham gia của các cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền nhằm phòng tránh việc mua bán, bắt cóc trẻ em để cho làm con nuôi ở nước ngoài.

### *2.3.3. Bảo đảm quyền của các bên có liên quan*

#### *2.3.3.1. Quyền của người nhận con nuôi*

Quyền của người nhận con nuôi trong quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg được thể hiện trước hết ở quyền bình đẳng về giới tính, quyền kết hôn hay không kết hôn của người nhận con nuôi. Pháp luật của nước ta cho phép một người độc thân và hai người là cặp vợ chồng hợp pháp nhận con nuôi.

Theo Bách khoa toàn thư, người độc thân/đơn thân chỉ tình trạng của một người chưa kết hôn hoặc người đã ly hôn chưa kết hôn lại. Pháp luật về HN&GĐ và nuôi con nuôi của nước ta chưa đưa ra khái niệm độc thân. Tuy nhiên, để có thể kết hôn thì hai bên có ý định kết hôn phải có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (độc thân), chứng tỏ vào thời điểm kết hôn họ không có quan hệ hôn nhân với một người khác hoặc đã từng có quan hệ hôn nhân nhưng đã chấm dứt quan hệ hôn nhân đó.

Trong lĩnh vực nuôi con nuôi có YTNNg, việc xác nhận tình trạng độc thân còn gặp khó khăn nhất định trong trường hợp pháp luật nước ngoài không có quy định

**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Heading 3, None, Line spacing: single

về việc xác nhận tình trạng độc thân hoặc cho phép người nhận con nuôi sống chung với một người khác có cùng giới tính mà không cần thiết lập quan hệ hôn nhân.

Ngoài ra, người độc thân nam nhận con nuôi thường có sự phân biệt, hạn chế hơn so người độc thân là nữ giới. Sở dĩ như vậy có thể là do xã hội thường chấp nhận chức năng làm mẹ hơn là chức năng làm cha; đồng thời pháp luật về HN&GĐ cũng quy định ~~Nhà nước~~Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ phụ nữ, trẻ em, giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ.

Đối với trường hợp người nhận con nuôi là một cặp vợ chồng có cùng giới tính, theo pháp luật ~~của~~ Hoa Kỳ, Pháp, Bỉ, Tây Ban Nha, Hà Lan, Vương quốc Anh và Lúc-xăm-bua đều công nhận hôn nhân của những người có cùng giới tính hoặc một hình thức giao kết hôn khác như hợp đồng pắc-sê. Pháp đã thông qua đạo luật số 2013-404 ngày 17/5/2013 cho phép những người đồng tính kết hôn với nhau và điều này đồng nghĩa với việc họ có quyền nhận con nuôi [79. *Vụ việc "Fretté/Pháp" năm 2008, Tòa án châu Âu về quyền con người không cho phép từ chối cấp giấy chấp thuận cho nhận con nuôi với lý do thiếu vắng người khác giới vì điều đó có nghĩa làm mất đi quyền những người độc thân xin cấp giấy chấp thuận cho nhận con nuôi. Sự từ chối cấp giấy chấp thuận đó vi phạm Điều 14 Công ước châu Âu về quyền con người (phân biệt) và kết hợp với Điều 8 Công ước (Quyền tôn trọng đời sống riêng tư và gia đình*)].

Formatted: Font: Not Italic

Luật HN&GĐ 2014 không công nhận hôn nhân giữa những người có cùng giới tính. Vì vậy, những cặp vợ chồng có cùng giới tính mặc dù được pháp luật nước ngoài công nhận cũng sẽ không được nhận con nuôi ở Việt Nam. Trong xu hướng tăng cường và bảo đảm quyền con người thì, việc từ chối đơn nhận con nuôi trong nước cũng như nước ngoài ~~mà~~ căn cứ vào lý do giới tính hoặc hôn nhân giữa những người có cùng giới tính là một vấn đề hết sức phức tạp và nhạy cảm, dễ được cho là vi phạm quyền con người, không phù hợp với Điều 39 BLDS 2015, theo đó mọi cá nhân đều có quyền nhận con nuôi.

*2.3.3.2. Quyền của cha mẹ đẻ, người giám hộ của trẻ em được cho làm con nuôi*

Đối với bên có liên quan là cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em thì việc bảo đảm quyền được thể hiện ý kiến, được tư vấn trước khi quyết định cho con đẻ của mình làm con nuôi cũng là một vấn đề hệ trọng, bảo đảm tính hợp pháp của việc cho nhận con nuôi.

Pháp luật về nuôi con nuôi phải bảo đảm ý kiến đồng ý của cha mẹ đẻ, người giám hộ là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, mua chuộc hoặc kèm theo yêu cầu trả tiền hoặc vì lợi ích vật chất khác. Trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993, các cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền của Nước gốc còn phải bảo đảm cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ đã được ~~thông báo~~tư vấn kỹ lưỡng về những hậu quả mà sự đồng ý của họ có thể đem lại, đặc biệt là việc vẫn giữ hay cắt đứt các mối quan hệ pháp lý giữa trẻ em và gia đình gốc do hệ quả việc nuôi con nuôi mang lại.

Đối chiếu với quy định của pháp luật về nuôi con nuôi của nước ta cho thấy chưa có quy định pháp luật nào điều chỉnh hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg trong đó bao gồm cả hệ quả cắt đứt hay vẫn giữ mối quan hệ pháp lý tồn tại trước đó giữa trẻ em được cho làm con nuôi và cha mẹ đẻ, người giám hộ của trẻ.

Theo nghiên cứu sinh, việc bảo đảm quyền của cha mẹ đẻ, người giám hộ và quyền của trẻ em được nhận làm con nuôi có mối quan hệ mật thiết với chế định hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg. Hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg là một chế định quan trọng, bảo đảm quyền của cha mẹ đẻ, người giám hộ trong việc đưa ra ý kiến đồng ý vẫn giữ hay cắt đứt mối quan hệ pháp lý giữa trẻ em và gia đình gốc.

*2.3.3.3. Quyền của trẻ em được nhận làm con nuôi*

Quyền của trẻ em được nhận làm con nuôi được thể hiện dưới hai góc độ: quyền trẻ em được nhận làm con nuôi và quyền của trẻ em được hưởng từ chế định nuôi con nuôi có YTNNg. Dưới góc độ quyền được nhận làm con nuôi, Điều 39 BLDS 2015 quy định mọi cá nhân có quyền được nhận làm con nuôi. Do đó, những quy định có tính chất hạn chế quyền của trẻ em được nhận làm con nuôi trong pháp luật về nuôi con nuôi nói chung và nuôi con nuôi có YTNNg nói riêng cần phải được

**Formatted:** Font: 14 pt, Condensed by 0.3 pt

**Formatted:** Heading 4, Line spacing: single

**Formatted:** Font: Not Italic, Condensed by 0.3 pt

**Formatted:** Heading 4, Indent: First line: 0 cm, Line spacing: single

bãi bỏ, cụ thể như Điều 11 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP giới hạn việc giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg ở các CSND được UBND cấp tỉnh chỉ định.

Dưới góc độ quyền của trẻ em được hưởng từ chế định nuôi con nuôi có YTNNg, trước hết trong quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi, ở một độ tuổi nhất định trẻ em phải có quyền thể hiện ý kiến của mình, phải được lắng nghe và được tư vấn về hệ quả của việc được nhận làm con nuôi ở nước ngoài.

Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có quyền được biết về nguồn gốc của mình, quyền được giữ bí mật thông tin riêng tư của trẻ em (kể cả việc trẻ em được nhận làm con nuôi), được ~~Nhà nước~~Nhà nước Việt Nam bảo vệ trong trường hợp cần thiết, được hỗ trợ tìm hiểu thông tin về nguồn gốc; giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam.

Về vấn đề hộ tịch của con nuôi, trẻ em được nhận làm con nuôi ở nước ngoài còn có quyền thay đổi họ, tên, chữ đệm, quyền thay đổi hay giữ nguyên phần khai về cha mẹ đẻ trong giấy khai sinh gốc của trẻ em được cho làm con nuôi. Hiện nay, mặc dù BLDS 2015 đã quy định quyền thay đổi họ, tên của con nuôi nhưng phạm vi điều chỉnh và cơ chế bảo đảm thực hiện còn bị hạn chế bởi còn thiếu vắng các quy định của pháp luật chuyên ngành, đặc biệt là Luật nuôi con nuôi.

*2.3.3.4. Cơ chế bảo đảm thực hiện quyền của các bên liên quan*

Formatted: Heading 4, Line spacing: single

Việc bảo đảm quyền được tư vấn của cha mẹ đẻ và ~~của~~ trẻ em còn phụ thuộc vào mức độ phát triển của hệ thống dịch vụ công tác xã hội trong giải quyết việc nuôi con nuôi. Hầu hết các nước trên thế giới đều phát triển hệ thống dịch vụ công tác xã hội trong lĩnh vực nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg. Việc tư vấn, đào tạo, tập huấn cho người nhận con nuôi, trẻ em được nhận làm con nuôi và cha mẹ đẻ của trẻ em được thực hiện thông qua nhân viên công tác xã hội của các cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền và/hoặc tổ chức con nuôi được cấp phép hoạt động.

Trong quá trình tiến hành thủ tục ~~cho nhận con nuôi~~tìm gia đình nhận con nuôi phù hợp cho trẻ em, đội ngũ nhân viên đa ngành nghề (luật sư, nhân viên công tác xã hội, nhân viên tâm lý, giáo dục hoặc chăm sóc bảo vệ trẻ em) cũng đóng vai trò quan trọng.

Đối chiếu với quy định của pháp luật hiện hành của nước ta thì, hệ thống dịch vụ công tác xã hội trong lĩnh vực nuôi con nuôi chưa được hình thành, chưa có Luật công tác xã hội. Điều này cũng ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước cũng như nước ngoài.

Formatted: Heading 1, Line spacing: single

Formatted: Heading 1

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg được xây dựng dựa trên cơ sở lý luận chung pháp luật về nuôi con nuôi, theo đó nuôi con nuôi có YTNNg là một sự kiện hộ tịch, làm phát sinh quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi; việc nuôi con nuôi phải tuân thủ các nguyên tắc giải quyết theo đó lợi ích tốt nhất của trẻ em phải đặt lên hàng đầu.

Nhằm bảo đảm không có sự phân biệt về điều kiện nuôi con nuôi, pháp luật về nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg phải có sự liên thông về điều kiện, hệ quả của việc nuôi con nuôi. Trong chỉnh thể thống nhất đó, pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg cũng có những điểm đặc thù riêng, độc lập với quy định pháp luật về nuôi con nuôi trong nước như giải quyết xung đột pháp luật, công nhận việc nuôi con nuôi và hệ quả ~~phát sinh ở nước ngoài.~~của việc nuôi con nuôi được công nhận theo quy định của pháp luật nước ngoài.

Điểm khác biệt giữa pháp luật về nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có YTNNg chính là chủ thể nhận con nuôi (người nhận con nuôi), hệ quả của việc nuôi con nuôi. Tuy nhiên, trong xu hướng quốc tế hóa sâu rộng, nuôi con nuôi trong nước cũng dần xuất hiện những yếu tố nước ngoài (có thể phát sinh sau khi nhận con nuôi). Đây cũng là một vấn đề mới mà các nước đang phải đối diện và Hội nghị tư pháp La Hay đang nghiên cứu hướng giải quyết.

Một hệ thống pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg hoàn thiện phải là một hệ thống bao gồm các quy định pháp luật phù hợp với Công ước La Hay 1993; bảo đảm quyền của các chủ thể có liên quan bao gồm người nhận con nuôi, cha mẹ đẻ, người giám hộ và trẻ em được nhận làm con nuôi; đồng thời ngăn chặn và phòng ngừa việc mua bán, bắt cóc trẻ em và thu lợi bất chính từ hoạt động cho nhận con nuôi quốc tế.

# CHƯƠNG 3

## THỰC TRẠNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ TÁC ĐỘNG ẢNH HƯỞNG TỚI THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT VIỆC NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Việc hình thành và phát triển của pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ về số lượng trẻ em được cho làm con nuôi ở nước ngoài, "gắn với quá trình hoàn thiện và phát triển của pháp luật về hộ tịch nói chung" [11, Nguyễn Quốc Cường, tr.114]. Pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg của nước ta đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển: từ một chế định trong Luật HN&GĐ cho đến nay, nuôi con nuôi trở thành một chế định pháp luật chuyên ngành được Công ước La Hay 1993 và Luật nuôi con nuôi điều chỉnh.

Trên phương diện quốc tế, Công ước La Hay 1993 là văn bản pháp lý đa phương quan trọng trong hoạt động cho nhận con nuôi quốc tế. Trải qua hơn 20 năm thực hiện, Công ước đã trở thành xu hướng tất yếu và là thước đo chuẩn mực trong lĩnh vực này.

Ở Việt Nam, Công ước La Hay 1993 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2012. Tuy nhiên, cho đến nay số lượng trẻ em được giải quyết làm con nuôi nước ngoài theo Công ước còn rất hạn chế, không đáp ứng được nhu cầu của trẻ em cần tìm gia đình thay thế ở trong nước và nước ngoài [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp]. Một trong những nguyên nhân là do một số quy định pháp luật chưa tương thích với Công ước La Hay 1993; một số quy định được nội luật hóa trước khi Việt Nam là thành viên Công ước La Hay 1993. Do vậy, tính phù hợp giữa quy đinh pháp luật trong nước và Công ước La Hay 1993 còn bị hạn chế. ~~hay nói cách khác pháp luật nước ta chưa nội luật hóa đầy đủ Công ước.~~

### 3.1. Thực trạng nội luật hóa Công ước La Hay 1993 trong hệ thống pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở nước ta

Luật nuôi con nuôi được Quốc hội ban hành ngày 17/6/2010 trước khi Công ước La Hay 1993 có hiệu lực thi hành ở nước ta. Về cơ bản, Luật nuôi con nuôi đã



Formatted: Heading 1

Formatted: Space Before: 12 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.15 li

Formatted: Font: Not Bold, Not Italic

Formatted: Font: Not Bold, Not Italic

Formatted: Font: Not Bold, Not Italic

dần tiệm cận với chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, một trong những yêu cầu đối với các nước thành viên là phải xem xét hệ thống pháp luật trong nước có tạo ra những cản trở hoặc ngăn cản việc triển khai và thi hành Công ước hay không [60, HccH], các nước phải có lộ trình sửa đổi quy định pháp luật trong nước nhằm thiết lập các biện pháp bảo đảm thực hiện Công ước [60, HccH, đoạn 114].

Như vậy, Công ước La Hay 1993 đã đặt cơ sở pháp lý cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước về nuôi con nuôi có YTNNg của các nước thành viên, được thực hiện thông qua việc nội luật hóa Công ước nhằm bảo đảm các quy định pháp luật trong nước phù hợp với Công ước, mặc dù Công ước được áp dụng trực tiếp. .

Để thi hành Công ước La Hay 1993, một số nước trên thế giới như Thụy Sỹ [59, Ủy ban quốc tế về hộ tịch], Đức [57, Ủy ban quốc tế về hộ tịch], Bỉ [73], Italia [58, Ủy ban quốc tế về hộ tịch] đã ban hành các văn bản QPPL nhằm nội luật hóa Công ước hoặc bổ sung quy định pháp luật trong nước về các biện pháp bảo vệ trẻ em trong trường hợp nuôi con nuôi có YTNNg, tiến tới cải cách việc nuôi con nuôi có YTNNg.

Ở một mức độ nhất định thì pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg của nước ta còn thiếu vắng một số quy định liên quan đến phạm vi áp dụng Công ước La Hay 1993; thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi theo Công ước và một số quy định liên quan đến những nguyên tắc có tính bắt buộc chung (*jus cogens*) còn chưa tương thích với Công ước.

***3.1.1. Phạm vi điều chỉnh việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài***

*3.1.1.1. Theo Công ước La Hay 1993*

Xác định phạm vi điều chỉnh việc nuôi con nuôi có YTNNg theo Công ước La Hay 1993 là một quy định pháp luật quan trọng, vì đây là căn cứ pháp lý để xác định thẩm quyền và thủ tục áp dụng, bảo đảm Công ước được tuân thủ. Công ước được áp dụng trong trường hợp trẻ em thường trú ở một nước ký kết (Nước gốc) đã, đang hoặc sẽ di chuyển đến một nước ký kết khác (Nước nhận) sau khi được một người hay một cặp vợ chồng thường trú ở Nước nhận nhận làm con nuôi.

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: 14 pt, Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: 14 pt, Not Bold, English (United States)

**Formatted:** Font: 14 pt, Not Bold, English (United States)

**Formatted:** Font: 14 pt, Not Bold, English (United States)

**Formatted:** Font: 14 pt, Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: 14 pt, Not Bold, Italic, English (United States)

Công ước không áp dụng đối với trường hợp trẻ em thường trú ở một nước thành viên và người nhận con nuôi thường trú ở một nước không phải là thành viên Công ước hoặc ngược lại [24, Nông Quốc Bình & Nguyễn Hồng Bắc], hoặc cả hai bên đều cùng thường trú ở một nước là thành viên của Công ước khi không có sự di chuyển trẻ em.

Formatted: Font: Not Italic

Yếu tố cơ bản để áp dụng Công ước La Hay 1993 chính là việc di chuyển trẻ em từ nước thành viên này sang nước thành viên khác. Việc đưa trẻ em từ Nước gốc sang Nước nhận là trách nhiệm của các nước thành viên được quy định tại Điều 19 Công ước và chỉ được thực hiện sau khi đáp ứng các điều kiện theo Điều 17 Công ước.

Vào thời điểm xây dựng và ban hành Luật nuôi con nuôi, nước ta mới chỉ là thành viên của hiệp định hợp tác song phương về nuôi con nuôi với một số nước như Pháp, Italia, Canada, Thụy Sỹ, Đan Mạch và Tây Ban Nha mà chưa là thành viên của Công ước La Hay 1993. Do vậy, theo nghiên cứu sinh ĐƯQT về nuôi con nuôi theo khoản 1 Điều 28 Luật nuôi con nuôi chủ yếu nhằm chỉ các hiệp định hợp tác song phương về nuôi con nuôi giữa Việt Nam với những nước đó mà chưa chuẩn bị điều kiện để trở thành nước thành viên của Công ước La Hay 1993.

Do đó, khoản 1 Điều 28 Luật nuôi con nuôi chỉ quy định các trường hợp nuôi con nuôi có YTNNg dựa trên yếu tố thường trú ở nước có quan hệ hợp tác song phương với Việt Nam mà chưa quy định rõ yếu tố đã, đang hoặc sẽ di chuyển trẻ em từ nước thành viên này sang nước thành viên khác để xác định phạm vi áp dụng Công ước La Hay 1993.

Về lý thuyết, Công ước La Hay 1993 phải được áp dụng thống nhất cho tất cả các nước thành viên trong thủ tục nuôi con nuôi quốc tế, khi có sự di chuyển trẻ em từ nước thành viên này sang nước thành viên khác. Tuy nhiên, ở nước ta, trong thực tiễn Công ước không được áp dụng đối với những nước thành viên không thiết lập quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993 (*Quyết định số 696/QĐ-BTP ngày 03/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phê duyệt lộ trình hợp tác quốc tế giữa Việt Nam với các nước thành viên của Công ước*). Hay nói cách khác, phạm vi áp dụng của Công ước trên thực

tế bị giới hạn trong khuôn khổ hợp tác quốc tế giữa Việt Nam với các nước theo một quyết định hành chính.

Trường hợp người nước ngoài nhận con nuôi thường trú ở nước cùng là thành viên Công ước La Hay 1993 nhưng nước đó chưa thiết lập quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi với Việt Nam thì chỉ giải quyết việc nhận con riêng, cháu ruột làm con nuôi nước ngoài theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 Luật Nuôi con nuôi. Tuy nhiên, theo Công ước La Hay 1993 thì đối tượng nhận con nuôi trong gia đình cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước và việc giải quyết việc nuôi con nuôi họ hàng cũng phải tuân thủ những điều kiện bảo đảm và thủ tục theo Công ước [60, HccH, đoạn 511, tr.117~~tr.15~~].

Cho đến nay, nước ta mới chỉ thiết lập quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi có YTNNg trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993 với các nước Pháp, Italia, Tây Ban Nha, Thụy Sỹ, Đan Mạch, Canada, Thụy Điển, Ailen, Hoa Kỳ, Đức, Na Uy, Bỉ, Lúc-xăm-bua và Man-ta. Riêng Man-ta, chưa giải quyết trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nào với Việt Nam do chưa có tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp].

Đối với Hoa Kỳ thì nước này vẫn chưa cho phép người Việt Nam định cư ở Hoa Kỳ hoặc công dân Hoa Kỳ thường trú ở Hoa Kỳ nhận trẻ em Việt Nam thuộc diện con riêng của vợ/chồng, cháu ruột làm con nuôi do phía Hoa Kỳ có chính sách nhập cư riêng. Ngay cả đối với diện trẻ em sống ở CSND thì phạm vi áp dụng Công ước La Hay 1993 giữa Việt Nam và Hoa Kỳ chỉ giới hạn đối với trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo ở CSND cần tìm gia đình thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP mà không áp dụng đối với diện trẻ em có sức khỏe bình thường thuộc Danh sách 1 theo khoản 1 Điều 6 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP~~]~~.

Như vậy, phạm vi áp dụng của Công ước La Hay 1993 bị hạn chế trong thực tiễn và chưa được hướng dẫn cụ thể trong các văn bản QPPL. Mặc dù thực tiễn này không trái với Công ước La Hay 1993 [60, HccH. *Nước gốc có thể căn cứ vào nhu cầu trẻ em cần tìm gia đình thay thế ở nước mình để hạn chế số lượng các nước có quan hệ hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế*], nhưng lại gây ra việc áp dụng



**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

Công ước không thống nhất giữa các nước thành viên với nhau. Điều này kéo theo thực trạng thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài không thống nhất.

Theo nghiên cứu sinh, cần phân biệt việc thiết lập quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi giữa nước ta với các nước thành viên của Công ước với việc áp dụng thống nhất Công ước La Hay 1993 ~~với việc thiết lập quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi giữa nước ta với các nước thành viên của Công ước~~. Đối với những nước thành viên mà Việt Nam chưa có điều kiện/nhu cầu thiết lập quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi có YTNNg, nếu giải quyết một trường hợp nuôi con nuôi cụ thể như việc nhận con nuôi trong gia đình thì vẫn phải áp dụng Công ước La Hay 1993 trong trình tự, thủ tục giải quyết, nhằm tuân thủ tính thống nhất của Công ước.

*3.1.1.2. Theo pháp luật của nước thành viên Công ước La Hay 1993*

Formatted: Heading 4, None

Quy phạm xung đột pháp luật của một số ~~N~~nước là thành viên Công ước La Hay 1993 cũng ảnh hưởng tới việc xác định phạm vi áp dụng của Công ước. Điểm đ khoản 2 Điều 28 Luật nuôi con nuôi cho phép người nước ngoài sinh sống và làm việc ở Việt Nam từ trên 01 năm trở lên nhận đích danh trẻ em Việt Nam làm con nuôi thuộc trường hợp nuôi con nuôi có YTNNg. ~~Đồng thời,~~Theo khoản 2 Điều 29 Luật nuôi con nuôi thì phải áp dụng đồng thời pháp luật của Nước nhận và Điều 14 Luật và phải được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép nhận con nuôi theo điểm c khoản 1 Điều 31 Luật nuôi con nuôi.

Trong khi đó, theo pháp luật của Anh và Canada thì việc công dân của nước mình sinh sống, làm việc ở nước ngoài nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nước sở tại, tức là theo pháp luật của nước nơi trẻ em thường trú. Do vậy, trường hợp người nước ngoài sinh sống và làm việc ở Việt Nam từ 01 năm trở lên thì cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nhận con nuôi mang quốc tịch không cấp giấy phép cho nhận con nuôi và bản báo cáo đánh giá điều kiện gia đình và xã hội của người nhận con nuôi.

Trong những trường hợp này, ~~thì~~ việc giải quyết cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi người nước ngoài gặp khó khăn, kể cả trường hợp trẻ em là con riêng của người nhận con nuôi. Điều này là ~~,~~ do, pháp luật nước ta quy định hồ sơ của người nhận con nuôi phải có những giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ~~mà~~ người

nhận con nuôi ~~quốc tịch/~~thường trú cấp như những trường hợp thông thường khác, trong khi đó Giấy phép cho nhận con nuôi và báo cáo đánh giá điều kiện gia đình, xã hội của người nước ngoài nhận con nuôi chỉ được phía nước ngoài cấp trong trường hợp người nước ngoài thường trú ở Nước nhận con nuôi.

Quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 28 Luật nuôi con nuôi cho phép chủ thể là người nước ngoài sinh sống và làm việc ở Việt Nam từ trên 01 năm trở lên được nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi theo thủ tục đích danh còn dẫn đến tình trạng lẩn tránh áp dụng Công ước La Hay 1993 khi họ thường trú ở nước thành viên của Công ước, tạo sự không công bằng với những người nước ngoài khác vì họ được hưởng quyền nhận con nuôi đích danh: trực tiếp đi tìm trẻ em làm con nuôi. Điều này trái với Công ước La Hay 1993 vì Công ước nghiêm cấm việc tiếp xúc trực tiếp với cha mẹ đẻ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em trước khi giới thiệu trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài.

***3.1.2. Thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo Công ước La Hay 1993***

Formatted: Heading 3

*3.1.2.1. Thủ tục xác nhận trẻ em đủ điều kiện ~~nuôi con nuôi đối với trẻ em~~được cho làm con nuôi*

Điều 4 Công ước La Hay 1993 quy định Nước gốc phải bảo đảm trẻ em được nhận làm con nuôi có đủ điều kiện được nhận làm con nuôi. Theo phạm vi hẹp thì trẻ em được giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài mới cần đáp ứng đủ điều kiện nuôi con nuôi. Trong phạm vi rộng, bất cứ trẻ em nào được giải quyết nuôi con nuôi cũng phải được cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền xác nhận đủ điều kiện được nhận làm con nuôi.

Hiện nay, pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg của nước ta mới chỉ quy định thủ tục xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi nước ngoài mà chưa quy định thủ tục xác nhận trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi trong nước~~s~~. Chính vì vậy, việc nuôi con nuôi trong nước vẫn còn được thực hiện trực tiếp giữa người nhận con nuôi và cha mẹ đẻ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, hoặc người nhận con nuôi tự liên hệ với các cơ sở y tế để được giới thiệu trẻ em cho làm

con nuôi; nhiều trường hợp người dân tự ý mang trẻ em về chăm sóc, nuôi dưỡng mà không đăng ký việc nuôi con nuôi [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp].

Việc người dân tự ý nhận trẻ em có ~~hoàn cảnh đặc biệt~~HCĐB về chăm sóc, nuôi dưỡng là trái quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, pháp luật về hộ tịch và pháp luật về trẻ em. Luật nuôi con nuôi, Nghị định số 123/2014/NĐ-CP quy định các biện pháp thi hành Luật hộ tịch và Luật trẻ em quy định trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, cơ quan có thẩm quyền phải tìm người chăm sóc, nuôi dưỡng tạm thời hoặc giao chăm sóc thay thế. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng tạm thời và giao chăm sóc thay thế phải có quyết định của UBND cấp xã nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi.

Trường hợp trẻ em do người mẹ đơn thân sinh ra và trực tiếp "trao ~~tay~~" con cho người có nhu cầu nhận con nuôi cũng là hành vi trái pháp luật, do việc giải quyết nuôi con nuôi phải có được ý kiến đồng ý của các bên liên quan theo thủ tục lấy ý kiến đồng ý theo Điều 21 Luật nuôi con nuôi. Nhiều trường hợp sau khi cho con làm con nuôi, người mẹ đã bỏ đi khỏi nơi cư trú hoặc không để lại danh tính. Trong những trường hợp này, việc đăng ký nuôi con nuôi đối với những trẻ em đó rất khó khăn.~~, s~~ Sở dĩ như vậy là do, trẻ em không có giấy khai sinh và các giấy tờ khác kèm theo. Trong quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi, cơ quan đăng ký nuôi con nuôi không tìm lại được mẹ đẻ để tiến hành lấy ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi.

Trên thực tế vẫn còn nhiều trường hợp người dân tự ý nhận trẻ em về nuôi dưỡng mà không tiến hành thủ tục đăng ký nuôi con nuôi. Thực trạng này làm phát sinh các trường hợp nuôi con nuôi thực tế, không bảo đảm quyền và lợi ích của trẻ em cũng như quyền của người nhận con nuôi.

*3.1.2.2. Thủ tục giải quyết nuôi con nuôi quốc tế*

Về thẩm quyền giải quyết, Công ước La Hay 1993 cho phép các nước lựa chọn tòa án hoặc cơ quan hành chính ở Nước gốc hoặc Nước nhận ra quyết định việc nuôi con nuôi, và cũng không cấm đoán việc Nước gốc quy định việc nhận một trẻ em thường trú trên lãnh thổ của nước mình phải được hoàn tất trước khi trẻ em đó được di chuyển hoặc giao trẻ em đó làm con nuôi ở Nước nhận [60, HccH, đoạn 444, tr.104].

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

Ngoài việc tuân thủ trình tự thủ tục giải quyết theo quy định pháp luật của các nước có liên quan thì việc thực hiện thủ tục nuôi con nuôi có YTNNg theo Công ước La Hay 1993 là một trong những bảo đảm pháp lý quan trọng cho hoạt động cho nhận con nuôi quốc tế, nhằm hoàn tất thủ tục cho nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở Nước nhận. Công ước La Hay 1993 đã quy định từ Điều 14 đến Điều 22 Chương IV những yêu cầu về thủ tục cho nhận con nuôi quốc tế/nước ngoài thông qua việc xác định trách nhiệm của cơ quan trung ương của Nước nhận và Nước gốc.

Về phía Nước nhận, Cơ quan Trung ương về con nuôi quốc tế là cơ quan liên hệ của người nhận con nuôi khi công dân của nước mình có yêu cầu nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi; bảo đảm người nhận con nuôi có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật nước mình; lập và chuyển báo cáo về người nhận con nuôi cho Cơ quan Trung ương của Nước gốc.

Về phía Nước gốc, Cơ quan Trung ương về con nuôi quốc tế phải xác định trẻ em có đủ điều kiện được cho làm con nuôi; bảo đảm việc nuôi con nuôi quốc tế/nước ngoài là biện pháp cuối cùng, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, sau khi đã xem xét kỹ lưỡng các biện pháp chăm sóc thay thế phù hợp dành cho trẻ em ở Nước gốc. Cơ quan Trung ương phải bảo đảm trẻ em, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ được tư vấn, thông báo đầy đủ về hậu quả của việc cho trẻ em làm con nuôi và không có bất kỳ sự trả tiền hay bồi thường nào để có được ý kiến đồng ý đó. Nước gốc có trách nhiệm lập và chuyển báo cáo về trẻ em cho Cơ quan Trung ương của Nước nhận.

Trong quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi quốc tế, Cơ quan Trung ương của Nước gốc và Nước nhận phải trao đổi ý kiến đồng ý cho tiếp tục thực hiện thủ tục nuôi con nuôi quốc tế theo Điều 17 Công ước. Thủ tục quy định tại Điều 17 Công ước là một thủ tục bắt buộc, theo đó không một cơ quan, tổ chức nào được giao trẻ em cho cha mẹ nuôi nước ngoài chừng nào Cơ quan trung ương của Nước gốc chưa được bảo đảm rằng cha mẹ nuôi đồng ý với việc giới thiệu trẻ em và Cơ quan trung ương của cả hai nước chưa đồng ý về việc nhận con nuôi này [60, HccH, đoạn 372, tr. 92].

Formatted: Font: 14 pt, Not Italic

Formatted: Font: 14 pt, Not Italic

Điều 17c) Công ước La Hay 1993 là một trong những thủ tục quan trọng nhất, thể hiện sự kiểm duyệt của các Cơ quan Trung ương trong thủ tục nuôi con nuôi quốc tế và bảo đảm trẻ em được nhận làm con nuôi sẽ được nhập cảnh và thường trú

tại Nước nhận. Nếu như việc nhận con nuôi không đáp ứng lợi ích tốt nhất của trẻ em hoặc có khiếm khuyết trong thủ tục giải quyết thì các Cơ quan Trung ương của hai nước sẽ dừng hoặc chấm dứt việc hoàn tất thủ tục cho nhận con nuôi theo quy định tại Điều 17c) Công ước [60, HccH, đoạn 373, tr.92].

Đối chiếu với quy định của pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta cho thấy chưa có quy định cụ thể về việc phân biệt thủ tục theo Công ước La Hay 1993 *(procedure between the countries members of the Hague Convention)* và thủ tục ngoài thủ tục Công ước La Hay (*Procedure none Hague Convention*). Khoản 2 Điều 28 Luật nuôi con nuôi chỉ quy định các trường hợp nhận đích danh trẻ em làm con nuôi mà chưa quy định thủ tục giải quyết theo khuôn khổ ĐƯQT và ngoài khuôn khổ ĐƯQT. Việc phân biệt thủ tục giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg theo Công ước La Hay 1993 có ý nghĩa rất quan trọng để xác định pháp luật áp dụng và thủ tục giải quyết.

*3.1.2.3.—Thủ tục giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài (matching/apparentement)*

Giới thiệu trẻ em làm con nuôi quốc tế/nước ngoài là một thủ tục cốt lõi trong trình tự thủ tục giải quyết, nhằm bảo đảm trẻ em được giới thiệu (*matching*) cho một gia đình phù hợp nhất với trẻ em, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Khoản 1 Điều 16 Công ước La Hay 1993 quy định Cơ quan trung ương của Nước gốc phải xác định việc giới thiệu trẻ em là vì lợi ích tốt nhất của trẻ và lập báo cáo về trẻ em.

~~Cơ chế~~Thủ tục giới thiệu trẻ em phải do một hội đồng các nhà chuyên môn về bảo vệ trẻ em ~~đảm nhiệm~~thực hiện, bao gồm cả những cán bộ chuyên môn về lý luận và thực tiễn. Trong việc giải quyết nuôi con nuôi quốc tế, Công ước La Hay 1993 khuyến nghị nên mời luật sư tham gia vào hội đồng giới thiệu trẻ em [60, HccH, đoạn 357, tr.90].

Về cơ quan tiếp nhận kết quả giới thiệu trẻ em, Công ước La Hay 1993 khuyến nghị quyết định giới thiệu trẻ em phải được thông báo cho Cơ quan trung ương của Nước nhận hoặc tổ chức được cấp phép hoạt động, trước khi thông báo cho cha mẹ nuôi tương lai [60, HccH, đoạn 356, tr.90]. Cơ quan Trung ương của Nước gốc lập và chuyển báo cáo về trẻ em kèm theo bằng chứng về ý kiến đồng ý cần thiết có

**Formatted:** Font: 14 pt, Not Italic

**Formatted:** Font: 14 pt, Not Italic

**Formatted:** Heading 4, Line spacing: single

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

được và những lý do xác nhận việc giới thiệu nuôi con nuôi, đồng thời tránh để lộ danh tính của cha mẹ nếu danh tính của họ không thể được tiết lộ tại Nước gốc.

Đối chiếu với quy định của Luật nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP cho thấy pháp luật hiện hành chưa nội luật hóa đầy đủ thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg theo Công ước La Hay 1993, đặc biệt là thủ tục theo Điều 16 và 17c) Công ước. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, thủ tục giới thiệu trẻ em làm con nuôi quốc tế không áp dụng đối với tất cả những trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi. Khoản 2 Điều 36 Luật nuôi con nuôi quy định Bộ Tư pháp thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi. Tuy nhiên, quy định này chỉ áp dụng đối với thủ tục giới thiệu trẻ em theo Điều 36 Luật nuôi con nuôi, chỉ bao gồm những trẻ em hết thời hạn thông báo tìm gia đình thay thế nhưng không có người trong nước nhận làm con nuôi, mà không áp dụng đối với trẻ em được giải quyết theo thủ tục đích danh theo khoản 2 Điều 28 Luật nuôi con nuôi.

Đối với những đối tượng trẻ em thuộc điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 28 Luật nuôi con nuôi được giải quyết theo diện đích danh làm con nuôi thì không áp dụng Điều 36 Luật nuôi con nuôi, tức là không giải quyết thông qua Cơ quan trung ương của Nước nhận. Như vậy, việc cho nhận con nuôi đích danh giữa người nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi khiến cho Cơ quan Trung ương của Nước nhận không kiểm soát được hoạt động cho nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi vì pháp luật nước ta không có quy định về thủ tục thông báo kết quả giới thiệu trẻ em thuộc diện đích danh.

Mặc dù Thông tư số 15/2014/TT-BTPP đã quy định thủ tục giới thiệu trẻ em đối với những trẻ em khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo nhưng thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg theo pháp luật hiện hành chưa hoàn toàn phù hợp với Điều 17c) Công ước La Hay 1993.

Trong giai đoạn 2011-2017, khoảng hơn 65% trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi đích danh ở nước ngoài thuộc diện trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp]. Đây là thực tiễn mà các nước có quan hệ hợp tác với nước ta quan ngại, đặc biệt đối với diện trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo sống tại các CSND. ~~Như vậy, có thể nhận định thủ tục giải quyết việc~~

Formatted: Font: 14 pt, Not Italic

~~nuôi con nuôi có YTNNg theo pháp luật hiện hành về nuôi con nuôi chưa hoàn toàn phù hợp với Điều 17c) Công ước La Hay 1993.~~

*Thứ hai,* việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài hiện nay chủ yếu dựa vào đội ngũ cán bộ pháp lý mà chưa có đội ngũ cán bộ chuyên môn về bảo vệ trẻ em cùng tham gia. Do vậy, việc bảo đảm tính phù hợp giữa gia đình cha mẹ nuôi tương lai và nhu cầu của trẻ em được nhận làm con nuôi còn bị hạn chế.

*Thứ ba*, khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP quy định Bộ Tư pháp thông báo kết quả giới thiệu cho người nhận con nuôi và không quy định các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo báo cáo về trẻ em theo Điều 16 Công ước La Hay 1993. Quy định này không phù hợp với Điều 17c) Công ước [60, HccH, đoạn 356, tr.90]. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài, việc cung cấp các giấy tờ, tài liệu liên quan đến hồ sơ trẻ em cho Cơ quan Trung ương của Nước nhận còn chưa được bảo đảm, do pháp luật của nước ta chưa có quy định cụ thể về việc này. Điều này cũng gây ra những khó khăn nhất định cho phía Nước nhận để hoàn tất thủ tục cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở nước ngoài.

***3.1.3. Xác định pháp luật áp dụng đối với hệ quả của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài***

*3.1.3.1. Quy định về hệ quả của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và pháp luật áp dụng*

Như phân tích ở trên, pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg của nước ta chưa có quy định về hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg, đồng thời cũng không có quy định xác định pháp luật áp dụng đối với hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg. Do vậy, có thể dẫn đến hai cách hiểu khác nhau về hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg.

Cách hiểu thứ nhất, hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg được xác định theo hệ quả của việc nuôi con nuôi trong nước quy định tại Điều 24 Luật nuôi con nuôi. Tức là, sau khi có quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài của UBND cấp tỉnh và Sở Tư pháp thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi có YTNNg thì, việc nuôi con nuôi phát sinh hệ quả của việc nuôi con nuôi trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, mục đích của việc nuôi con nuôi có YTNNg là trẻ em được nhận

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Heading 3, Line spacing: single, Tab stops: Not at 1 cm

làm con nuôi phải được bảo vệ theo quy định pháp luật của Nước nhận, chứ không phải là nhằm phát sinh hệ quả theo quy định của pháp luật Việt Nam (pháp luật của nước mà ~~con nuôi mà~~ trẻ em được nhận làm con nuôi là công dân).~~phải được bảo vệ theo quy định pháp luật của Nước nhận.~~

Trường hợp việc nuôi con nuôi có YTNNg được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài sau khi được ghi chú theo quy định của pháp luật về hộ tịch thì sẽ phát sinh hệ quả của việc nuôi con nuôi theo Điều 24 Luật nuôi con nuôi. Tuy nhiên, hiện nay pháp luật về nuôi con nuôi của nước ta cũng chưa trực tiếp quy định công nhận hay không công nhận toàn bộ hệ quả của việc nuôi con nuôi theo pháp luật của nước đã ra quyết định.

Theo cách hiểu thứ nhất thì hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg chỉ giới hạn trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Theo tư pháp quốc tế ~~của~~ của một số nước như Đức và Thụy Sỹ thì trong một số trường hợp hệ quả của nuôi con nuôi có YTNNg chỉ được công nhận theo phạm vi hệ quả mà pháp luật của nước ra quyết định ~~quy định~~ khi việc nuôi con nuôi được thực hiện ngoài thủ tục Công ước La Hay 1993.

Cách hiểu thứ hai, hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg được xác định theo pháp luật của nước nơi thường trú của con nuôi như khoản 2 Điều 105 Luật HN&GĐ 2000 (Luật này đã hết hiệu lực thi hành) và theo hiệp định hợp tác song phương giữa Việt Nam và một số nước (tức là theo pháp luật của Nước nhận). Song cách hiểu về việc xác định hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg không được quy định tại Luật nuôi con nuôi.

Theo thông lệ quốc tế, trường hợp trẻ em Việt Nam được nhận làm con nuôi ở nước ngoài và thường trú ở nước ngoài, quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở nước ngoài sẽ được các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận/cho thi hành (*exequatur*), và sau khi được công nhận việc nuôi con nuôi sẽ phát sinh hệ quả theo quy định pháp luật của nước nơi người nhận con nuôi/con nuôi thường trú.

Formatted: Font: 14 pt, Italic

Tuy nhiên, trong trường hợp pháp luật nước ngoài quy định hệ quả của việc nuôi con nuôi không được trái với hệ quả theo quy định pháp luật của nước mà trẻ em có quốc tịch hoặc một số nước phân biệt hình thức nhận con nuôi trọn vẹn và

nhận con nuôi đơn giản thì việc công nhận hệ quả của việc nuôi con nuôi theo hình thức trọn vẹn đối với trẻ em Việt Nam sẽ gặp khó khăn. Đặc biệt nếu như tòa án nước ngoài cho rằng hình thức nhận con nuôi theo quy định pháp luật Việt Nam tương đương với hình thức nhận con nuôi đơn giản vì không có sự cắt đứt hoàn toàn và vĩnh viễn mối quan hệ pháp lý giữa cha mẹ đẻ và trẻ em được nhận làm con nuôi.

*3.1.3.2. Công nhận việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đã được giải quyết ở Việt Nam và hệ quả phát sinh*

Formatted: English (United States)

Formatted: Heading 4, Line spacing: single, Tab stops: Not at 1 cm

Dưới góc độ pháp lý, nuôi con nuôi có YTNNg nhằm mục đích tạo lập mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, bền vững giữa người nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi. Để làm phát sinh mối quan hệ cha mẹ con giữa người nước ngoài nhận con nuôi và trẻ em Việt Nam được nhận làm con nuôi trên lãnh thổ của Nước nhận thì một trong những thủ tục quan trọng chính là thủ tục công nhận quyết định nuôi con nuôi có YTNNg tại Nước nhận.

a) *Đương nhiên công nhận quyết định nuôi con nuôi có YTNNg được thực hiện theo Công ước La Hay 1993*

Trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993, nếu việc nuôi con nuôi được chứng nhận phù hợp với Công ước theo Điều 23 Công ước La Hay thì được công nhận có giá trị pháp lý ở những nước thành viên khác của Công ước. Hầu hết pháp luật của các nước Pháp, Đức, Italia, Tây Ban Nha, Thụy Sỹ, Đan Mạch, Bỉ đều quy định trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993 thì quyết định nuôi con nuôi có YTNNg của các nước thành viên đều được đương nhiên công nhận ở các nước thành viên khác, trừ trường hợp việc nuôi con nuôi trái trật tự công, có xem xét đến lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Quyết định nuôi con nuôi sẽ được cơ quan có thẩm quyền của Nước nhận ghi chú căn cứ vào Giấy chứng nhận hoàn tất thủ tục theo Điều 23 Công ước La Hay 1993 và một số giấy tờ khác kèm theo tùy thuộc vào pháp luật của mỗi nước. Cụ thể như theo pháp luật Pháp, người nhận con nuôi cần cung cấp thêm giấy xác nhận không có khiếu nại, phản đối việc nuôi con nuôi ở nước ngoài và việc nuôi con nuôi chấm dứt hoàn toàn mối quan hệ giữa trẻ em với cha mẹ đẻ và không thể hủy ngang.

Theo pháp luật Italia, trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993, quyết định nuôi con nuôi được thực hiện ở nước ngoài được công nhận trước tòa án vị thành niên khi quyết định đó không trái với quy định của pháp luật Italia, có giấy đồng ý cho phép trẻ em được nhập cảnh và thường trú ở Italia, giấy chứng nhận tuân thủ quy định của Công ước do Ủy ban con nuôi quốc tế thuộc Hội đồng Bộ trưởng cấp [58, Ủy ban hộ tịch quốc tế].

Formatted: Font: Not Italic

Đạo luật ngày 05/11/2001 của Đức đã nội luật hóa Điều 23 và Điều 26 Công ước La Hay 1993. Theo đó, quyết định nuôi con nuôi do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thực hiện được đương nhiên công nhận và có hệ quả của việc nuôi con nuôi theo hình thức trọn vẹn ở Đức nếu như việc nuôi con nuôi đó cắt đứt toàn bộ mối quan hệ pháp lý giữa trẻ em với gia đình gốc và việc nuôi con nuôi không thể hủy bỏ được; nếu không, quyết định nuôi con nuôi sẽ có hệ quả theo hình thức con nuôi đơn giản, nhưng có thể được chuyển đổi sang hình thức con nuôi trọn vẹn trước Tòa án giám hộ của Đức [57, Ủy ban hộ tịch quốc tế].

Formatted: Font: Not Italic

Theo pháp luật Tây Ban Nha, Điều 25 Luật số 54/2007 quy định các quyết định nuôi con nuôi ở nước ngoài được công nhận theo các ĐƯQT và các chuẩn mực quốc tế có hiệu lực thi hành ở Tây Ban Nha, đặc biệt là Công ước La Hay 1993. Như vậy, các quyết định nuôi con nuôi ở nước ngoài được đương nhiên công nhận theo quy định pháp luật của nước này, trừ trường hợp trái với trật tự công. Điều 23 Luật số 54/2007 quy định khái niệm trật tự công trong trường hợp áp dụng pháp luật nước ngoài, có tính đến lợi ích của trẻ em và những mối liên hệ thực tế ở Tây Ban Nha.

Theo pháp luật Quebec, trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993, người nhận con nuôi trình Giấy chứng nhận hoàn tất thủ tục theo Điều 23 trước cơ quan con nuôi trung ương Quebec (SAI) và chuyển cho cơ quan trung ương tờ khai hộ tịch Quebec, trong đó ghi rõ họ tên của trẻ em được nhận làm con nuôi. Cơ quan trung ương Quebec xác nhận việc nuôi con nuôi tuân thủ Công ước và thông báo cho cơ quan hộ tịch để cấp giấy khai sinh mới cho trẻ em, trong đó có ghi họ tên mới của trẻ em được nhận làm con nuôi [76].

Formatted: Font: Not Italic

Theo Công ước La Hay 1993, người nhận con nuôi trình Giấy chứng nhận hoàn tất thủ tục theo Điều 23 trước cơ quan con nuôi trung ương Quebec (SAI) và chuyển cho cơ quan trung ương tờ khai hộ tịch Quebec, trong đó ghi rõ họ tên của

trẻ em được nhận làm con nuôi. Cơ quan trung ương Quebec xác nhận việc nuôi con nuôi tuân thủ Công ước và thông báo cho cơ quan hộ tịch để cấp giấy khai sinh mới cho trẻ em, trong đó có ghi họ tên mới của trẻ em được nhận làm con nuôi [76].

*b) Công nhận quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài được thực hiện ngoài thủ tục Công ước La Hay 1993*

Nếu việc nuôi con nuôi được thực hiện ngoài thủ tục Công ước La Hay 1993 thì theo pháp luật của đa số các nước như Pháp, Đức, Italia và Tây Ban Nha, việc công nhận quyết định nuôi con nuôi có YTNNg được thực hiện ở nước ngoài là một vấn đề hết sức phức tạp [54, Van Loon, J.H, tr.709], phụ thuộc vào pháp luật của nước nơi người nhận con nuôi thường trú, nhất là khi Nước nhận có chính sách hạn chế nhập cư [54, Van Loon, J.H], hoặc trước thực trạng số lượng trẻ em nước ngoài được nhận làm con nuôi ngày càng tăng như ở Tây Ban Nha. ~~.~~

Theo pháp luật của Pháp, Italia [41, tr.710] và ~~,~~ Tây Ban Nha, điều kiện để được công nhận, việc nuôi con nuôi phải tuân thủ pháp luật của nước ra quyết định, tuân thủ trật tự công [57] và/hoặc không có gian lận pháp luật hoặc không được trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật về gia đình và trẻ em như ở Italia [41, Bischoff J-M, tr.710]. Ngoài ra, ở một số nước như Pháp và Italia, cha mẹ nuôi phải có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải trải qua thời gian nuôi thử con nuôi ít nhất là 6 tháng, thời hạn này có thể được kéo dài tùy thuộc vào lợi ích của trẻ em. Tòa án vị thành niên Italia có thẩm quyền quyết định hệ quả của việc nuôi con nuôi được thực hiện ở nước ngoài.

Ở Đức, trường hợp nuôi con nuôi được thực hiện ở nước không phải là thành viên của Công ước La Hay 1993 cũng được đương nhiên ~~được~~ công nhận, nhưng với điều kiện việc nuôi con nuôi phải được cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài tuyên theo luật tư pháp quốc tế Đức và việc nuôi con nuôi không được trái trật tự công.

Việc tuân thủ trật tự công (hay các quyền cơ bản của trẻ em) được dẫn chiếu tới việc tôn trọng lợi ích cao nhất của trẻ em được cho làm con nuôi, trong đó việc nuôi con nuôi phải cải thiện điều kiện sống lâu dài của trẻ em. Vì vậy, cần phải đối chiếu lợi ích từ việc nhận con nuôi với những bất lợi từ việc cắt đứt mối liên hệ giữa

**Formatted:** Font: Italic
**Formatted:** Font: Italic
**Formatted:** Font: Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic

trẻ em với gia đình gốc của trẻ; việc đánh giá mối quan hệ giữa người nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi cũng được coi là biện pháp xem xét vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Trường hợp việc nuôi con nuôi có YTNNg không được công nhận ở nước ngoài dẫn đến hiện tượng nhận con nuôi "khập khiễng" (*limping adoption*); điều này không bảo đảm lợi ích của trẻ em được nhận làm con nuôi.

*c) Hệ quả của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đã được giải quyết tại các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam*

Hệ quả của việc nuôi con nuôi theo quy định pháp luật của các nước vốn dĩ rất khác nhau, phụ thuộc vào điều kiện văn hóa, xã hội và mức độ phát triển của chế định nuôi con nuôi. Chính vì vậy, hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg thường được công nhận theo phương pháp tương tự hoặc tương đương với hệ quả của việc nuôi con nuôi được quy định ở Nước nhận.

Ở Pháp, nếu như xét thấy việc nuôi con nuôi có YTNNg đã được thực hiện ở nước ngoài có những hệ quả pháp lý tương tự/tương đương với hình thức nuôi con nuôi trọn vẹn theo quy định của Pháp thì quyết định nuôi con nuôi được ghi chú theo hình thức nuôi con nuôi trọn vẹn theo Điều 370-5 Bộ luật dân sự Pháp [79]. Việc ghi chú này được coi như việc lập giấy khai sinh của trẻ em và giấy khai sinh gốc không còn có giá trị pháp lý.

Formatted: Font: Not Italic

Ở Italia, trường hợp việc nuôi con nuôi được thực hiện ở nước không phải là thành viên Công ước La Hay 1993, quyết định nuôi con nuôi được tuyên ở nước ngoài phải tuân thủ các điều kiện về việc từ bỏ trẻ em vị thành niên hoặc ý kiến đồng ý của cha mẹ đẻ đối với hình thức nuôi con nuôi đòi hỏi phải cắt đứt các mối liên hệ huyết thống [58, Ủy ban hộ tịch quốc tế].

Formatted: Font: Not Italic

Ở Tây Ban Nha, việc nuôi con nuôi có YTNNg được công nhận có hệ quả pháp lý tương đương với hệ quả của việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật Tây Ban Nha. Công chức hộ tịch có thẩm quyền kiểm tra tính có hiệu lực của quyết định nuôi con nuôi được tuyên ở nước ngoài khi thực hiện thủ tục ghi vào ~~sổ hộ tịch~~Sổ hộ tịch [74].

Formatted: Font: Not Italic

Ở Đức, trường hợp việc nuôi con nuôi được thực hiện ở nước không phải là thành viên của Công ước La Hay 1993 thì hệ quả của việc nuôi con nuôi đó chỉ hạn chế trong phạm vi hệ quả của việc nuôi con nuôi theo quy định pháp luật của nước đã ra quyết định [57].

Formatted: Font: Not Italic

Ở Thụy Sỹ, trường hợp nhận con nuôi không thuộc phạm vi Công ước La Hay 1993, thì quyết định đó được công nhận ở Thụy Sỹ nếu việc nuôi con nuôi do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú hoặc nước nơi người nhận con nuôi/cặp vợ chồng nhận con nuôi mang quốc tịch giải quyết. Trường hợp việc nuôi con nuôi theo pháp luật nước ngoài có hệ quả khác với hệ quả của việc nuôi con nuôi theo quy định pháp luật của Thụy Sỹ thì quyết định nuôi con nuôi đó chỉ được công nhận theo hệ quả của pháp luật của nước đã ra quyết định. Cơ quan cấp tổng nơi người nhận con nuôi cư trú thực hiện việc ghi chú theo quyết định của cơ quan giám sát cùng cấp. Trường hợp nhận con nuôi ở nước ngoài được công nhận và ghi vào ~~sổ hộ tịch~~Sổ hộ tịch sẽ có hệ quả như trường hợp nhận con nuôi trọn vẹn được tuyên ở Thụy Sỹ [59, Ủy ban hộ tịch quốc tế].

Formatted: Font: Not Italic

Ở Bỉ, Cơ quan con nuôi trung ương liên bang xác định hệ quả của việc nuôi con nuôi theo hình thức trọn vẹn hay đơn giản tùy thuộc vào pháp luật quốc gia của nước ra quyết định nuôi con nuôi (Nước gốc). Thủ tục công nhận quyết định nuôi con nuôi được tiến hành trước khi trẻ em nhập cảnh vào Bỉ. Sau khi việc nuôi con nuôi được công nhận, Đại Sứ quán Bỉ tại nước sở tại cấp hộ chiếu và thị thực nhập cảnh cho trẻ em; người nhận con nuôi trở thành cha mẹ nuôi của trẻ, trẻ em có quốc tịch Bỉ nếu như người nhận con nuôi là người Bỉ; căn cứ vào quyết định công nhận đó, cha mẹ nuôi tiến hành thủ tục ghi hộ tịch của con nuôi vào sổ hộ khẩu của gia đình ở xã [73].

Formatted: Font: Not Italic

Trường hợp trẻ em Việt Nam được nhận làm con nuôi theo hình thức con nuôi trọn vẹn, trẻ em sẽ có họ, tên mới theo họ và tên của cha mẹ nuôi  nước ngoài; trẻ em sẽ có quốc tịch nước ngoài; các quyền lợi và nghĩa vụ được xác định theo quy định của pháp luật nước ngoài; trẻ em có đầy đủ các quyền như con đẻ của người nhận con nuôi và được pháp luật của Nước nhận bảo vệ.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác định hệ quả của việc nuôi con nuôi theo hình thức nuôi con nuôi đơn giản, trẻ em Việt Nam không đương

nhiên có quốc tịch nước ngoài và quan hệ cha mẹ con giữa người nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi không thay thế và đồng thời tồn tại cùng với quan hệ cha mẹ con giữa cha mẹ đẻ và trẻ em. Trong trường hợp này, việc nuôi con nuôi có thể bị hủy ngang hay chấm dứt.

*d) Tiến hành lại thủ tục nhận con nuôi hoặc chuyển đổi hình thức nuôi con nuôi*

Hầu hết các nước quy định việc nuôi con nuôi quốc tế được thực hiện ở nước ngoài phát sinh hệ quả theo quy định pháp luật của Nước nhận. Do đó, người nhận con nuôi phải tiến hành thủ tục công nhận, hoặc thủ tục cho thi hành quyết định (*exequatur*) hoặc tiến hành lại thủ tục nhận con nuôi trước cơ quan có thẩm quyền của Nước nhận.

Một số nước như Pháp và Đức, do không chắc chắn về hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg được thực hiện trước cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có tương đương với hình thức con nuôi trọn vẹn hay không, nên cha mẹ nuôi thường tiến hành thủ tục chuyển đổi sang hình thức con nuôi trọn vẹn trước tòa án sơ thẩm có thẩm quyền rộng nếu ở Pháp hoặc tòa án giám hộ nếu ở Đức [57, Ủy ban hộ tịch quốc tế]. 95% trẻ em nước ngoài được nhận làm con nuôi con nuôi tại Pháp chủ yếu theo hình thức nuôi con nuôi trọn vẹn trước tòa án có thẩm quyền của Pháp [72]. Thực tế này khá phổ biến đối với trẻ em Việt Nam được nhận làm con nuôi ở nước ngoài trong giai đoạn trước khi nước ta trở thành thành viên Công ước La Hay 1993.

Trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993, Điều 27 quy định trường hợp việc nuôi con nuôi nước ngoài có hệ quả tương đương với hình thức nuôi con nuôi đơn giản, người nhận con nuôi có thể tiến hành thủ tục chuyển đổi sang hình thức trọn vẹn trước tòa án có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú nếu như pháp luật của Nước nhận cho phép.

## 3.2. Thực trạng triển khai thực hiện Công ước La Hay 1993 ở nước ta

### *3.2.1. Thực hiện những nguyên tắc jus cogens theo Công ước*

#### *3.2.1.1. Nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước*

Nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước được quy định tại Điều 4 Luật nuôi con nuôi. Trong giai đoạn 2011-2017, thông qua việc tổ chức thi hành Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay 1993 cho thấy, việc giải quyết nuôi con nuôi có

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Heading 2

**Formatted:** Font: 14 pt, Condensed by 0.2 pt

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, Condensed by 0.2 pt

YTNNg đạt được một số kết quả nhất định: nhiều trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo đã tìm được gia đình thay thế ở nước ngoài, được chăm sóc và chữa trị bệnh tật trong những điều kiện y tế hiện đại; việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài bảo đảm yêu cầu pháp lý, chưa có nước nào phản đối quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở nước ngoài.

Tuy nhiên, so với các giai đoạn trước khi Luật nuôi con nuôi có hiệu lực thi hành, số lượng trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi nước ngoài giảm mạnh. Việc giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg chưa đáp ứng được nhu cầu của trẻ em Việt Nam cần tìm gia đình thay thế.

Trên toàn quốc, cho đến nay mới chỉ có 1.7% số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt sống ở cơ sở nuôi dưỡng được cho làm con nuôi; hiện còn có 170.000 trẻ em được gia đình, cá nhân nhận chăm sóc thay thế nhưng chưa được rà soát, đánh giá nhu cầu để thực hiện việc chuyển đổi sang hình thức nuôi con nuôi [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp]. Việc để trẻ em sống lâu dài tại các CSND hoặc tại các gia đình chăm sóc thay thế sẽ không bảo đảm quyền của trẻ em được sống trong môi trường gia đình bền vững.

Ngoài ra, biện pháp để trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng chỉ là biện pháp chăm sóc thay thế cuối cùng, cần phải ưu tiên biện pháp nuôi con nuôi nhằm bảo đảm trẻ em được sống trong môi trường gia đình phù hợp, từ đó ~~cũng~~ giảm bớt gánh nặng cho ~~nhà nước~~Nhà nước trong công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em.

Nguyên nhân của thực trạng trên là do quy định pháp luật và chính sách về nuôi con nuôi chưa khuyến khích việc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước. Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP giới hạn chỉ những cơ sở nuôi dưỡng được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định mới được giải quyết cho trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài.

Quy định này đã hạn chế quyền được tìm gia đình thay thế trong nước và nước ngoài đối với những trẻ em hiện đang sống tại các CSND ngoài công lập hoặc cơ sở công lập nhưng chưa được UBND cấp tỉnh chỉ định; tạo sự phân biệt giữa CSND công lập và ngoài công lập. Trên thực tế, phần lớn trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa lại được chăm sóc, nuôi dưỡng ở các cơ sở ngoài công

lập không được chỉ định. Chỉ có 53/413 cơ sở nuôi dưỡng trên toàn quốc, chiếm 12,8% được chỉ định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài [5, Bộ Tư pháp] và [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp].

Điều này không phù hợp với khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 vì đã gián tiếp hạn chế quyền của trẻ em có HCĐB được nhận làm con nuôi, không bảo đảm thực hiện quy định tìm gia đình thay thế trong nước theo Điều 15 của Luật nuôi con nuôi. Việc bãi bỏ quy định chỉ định cơ sở nuôi dưỡng tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là điều cần thiết nhằm loại bỏ những cản trở trong công tác này [21].

Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP cũng làm hạn chế cơ hội tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo khi miễn thủ tục tìm gia đình thay thế trong nước cho những trẻ em đó. Quy định này không phù hợp với khuyến nghị của Ủy ban đặc biệt lần thứ 4 của Công ước La Hay ~~số 33~~1993.

Các quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 6 và Điều 49 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP tạo ưu tiên đối với trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo (Danh sách 2) như miễn thủ tục tìm gia đình thay thế trong nước, miễn chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi. Từ đó đã tạo ra sự phân biệt đối tượng trẻ em Danh sách 2 với Danh sách 1 (*trẻ em có sức khỏe bình thường*) và lựa chọn đối tượng trẻ em để cho làm con nuôi nước ngoài, sao nhãng giải quyết việc nuôi con nuôi đối với trẻ em Danh sách 1 do thủ tục giải quyết kéo dài, không được trực tiếp giới thiệu cho làm con nuôi và phải đóng chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài.

Theo nghiên cứu sinh, một số quy định của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP về việc phân loại và giải quyết cho làm con nuôi dựa trên tình trạng sức khỏe của trẻ em làm mất đi cơ hội tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em, như vậy chưa phù hợp với Công ước La Hay 1993. Đây cũng chính là điểm bất cập cơ bản trong trình tự thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg.

*3.2.1.2. Nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em*

Nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em là nguyên tắc cốt lõi trong việc giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg theo pháp luật của các nước và Công ước La Hay



**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Heading 4, Space After: 0 pt, Line spacing: single

1993. Pháp luật về trẻ em và nuôi con nuôi có YTNNg của nước ta đã nội luật hóa nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em trong Luật nuôi con nuôi năm 2010 và Luật trẻ em năm 2016. Tuy nhiên, hai văn bản pháp luật quan trọng này lại không đưa ra khái niệm thế nào là lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Phân tích các quy định pháp luật về nuôi con nuôi cho thấy lợi ích tốt nhất của trẻ em phải được tuân thủ trong trình tự thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg như việc tìm gia đình thay thế cho trẻ em, lấy ý kiến đồng ý của trẻ em được cho làm con nuôi, việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi phải vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Tuy nhiên, việc thiếu vắng các tiêu chí xác định khái niệm lợi ích tốt nhất của trẻ em cũng có thể dẫn đến việc lạm dụng nguyên tắc lợi ích tốt nhất để cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài trong trường hợp không cần thiết hoặc kéo dài thời gian tìm kiếm gia đình trong nước hoặc trì hoãn việc thực hiện các biện pháp chăm sóc thay thế phù hợp như nuôi con nuôi.

Các cơ quan có thẩm quyền ở một số địa phương chưa thực sự quan tâm tới nhu cầu cần tìm gia đình thay thế cho trẻ em có HCĐB thông qua biện pháp nuôi con nuôi [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp]; chưa có hướng dẫn đánh giá nhu cầu tìm gia đình thay thế cho trẻ em; việc xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi ở nước ngoài chỉ chú trọng tới điều kiện pháp lý của trẻ em được cho làm con nuôi mà chưa chú trọng tới các điều kiện sức khỏe, tâm lý, gia đình và xã hội của trẻ em được nhận con nuôi.

Formatted: Font: Not Italic

Một số nước như Bỉ, Na Uy, Thụy Điển đã đề nghị trước khi cấp giấy chấp thuận cho công dân của nước mình nhận trẻ em Việt Nam thuộc diện là cháu ruột làm con nuôi thì, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phải xác định việc cho cháu ruột làm con nuôi ở nước ngoài có vì lợi ích tốt nhất của trẻ em không. Tuy nhiên, cho đến nay pháp luật hiện hành về nuôi con nuôi có YTNNg chưa có quy định cụ thể và không có quy định thủ tục để thực hiện, trước khi người nước ngoài nhận con nuôi nộp hồ sơ tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Việc thực hiện Công ước La Hay 1993 đòi hỏi phải nội luật hóa nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em trong hệ thống văn bản QPPL trong nước về nuôi con nuôi

và các văn bản khác có liên quan như Luật hộ tịch, Luật HN&GĐ, Luật trẻ em để bảo đảm có sự áp dụng thống nhất nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em.

***3.2.2. Thực tiễn tổ chức thi hành pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và nguồn nhân lực bảo đảm thực hiện***

Formatted: Heading 3

Theo quan điểm mới về hệ thống pháp luật [10, Nguyễn Văn Cương] [36, Đinh Dũng Sĩ], tổ chức thi hành pháp luật là một nhiệm vụ quan trọng nhằm bảo đảm hiệu quả điều chỉnh của pháp luật và là một trụ cột của hệ thống thi hành pháp luật mà người ta thường ít để ý đến, nhưng cũng rất quan trọng [36, Đinh Dũng Sĩ]. Bên cạnh đó, các thiết chế bảo đảm cho việc thực thi pháp luật, thông tin và nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng không kém, nhằm bảo đảo đưa pháp luật vào cuộc sống. Nếu các trụ cột này không được bảo đảm thì hệ thống văn bản pháp luật cũng ít ý nghĩa và kém hiệu quả.

Do đó, để đánh giá toàn diện mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg, cần đánh giá đầy đủ các thiết chế bảo đảm cho việc thực thi pháp luật, công tác tổ chức thi hành pháp luật ở cấp trung ương và ở địa phương và nguồn nhân lực tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

*3.2.2.1. Thực trạng ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm việc thực hiện Công ước La Hay 1993*

Formatted: Heading 4

Formatted: Font: Bold

Thời điểm Công ước La Hay 1993 có hiệu lực ở Việt Nam cũng là thời điểm triển khai thi hành Luật nuôi con nuôi. Do vậy, việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi là một trong những yêu cầu cần thiết, góp phần đảm bảo thực thi Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay 1993. Cho đến nay, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật về cơ bản đã đầy đủ, tạo khung pháp lý thống nhất và toàn diện cho việc thực hiện Công ước La Hay 1993.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn có những hạn chế trong công tác hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg, cụ thể như: Nghị định số 19/2011/NĐ-CP còn có một số quy định gây cản trở trong công tác giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg dẫn đến thực trạng lạm dụng tình trạng sức khỏe bệnh tật của trẻ em trong thủ tục nhận con nuôi đích danh [5, Bộ Tư pháp], tình trạng lệ thuộc tài chính giữa

Formatted: Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

CSND và tổ chức con nuôi nước ngoài gây ảnh hưởng tới việc xác nhận tình trạng sức khỏe của trẻ em, hạn chế quyền của trẻ em được tìm gia đình thay thế trong nước và nước ngoài, và ách tắc về tài chính ở địa phương [5, Bộ Tư pháp].

Formatted: Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

Về vấn đề hỗ trợ nhân đạo, khoản 4 Điều 4 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP chưa được quy định cụ thể và chưa có cơ chế bảo đảm nguyên tắc minh bạch tài chính, dẫn đến việc cha mẹ nuôi, tổ chức con nuôi nước ngoài tặng cho trực tiếp cho cơ sở nuôi dưỡng mà không thông qua chương trình, dự án chăm sóc, bảo vệ trẻ em. Bộ Tư pháp không đủ thẩm quyền quản lý, kiểm tra, theo dõi việc tiếp nhận và sử dụng các khoản tặng cho, dẫn đến sự quan ngại của các nước có quan hệ hợp tác với Việt Nam.

Các văn bản QPPL về lệ phí và chi phí giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg chưa giải quyết được những vướng mắc khó khăn về vấn đề tài chính. Các cơ quan, tổ chức tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg chưa sử dụng được các khoản kinh phí giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg. Điều này dẫn đến thực trạng các cơ quan, tổ chức tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở địa phương không quan tâm tới việc triển khai thi hành Luật ~~N~~nuôi con nuôi và Công ước La Hay 1993. Đây cũng là cản trở lớn đối với việc thi hành pháp luật.

*3.2.2.2. Thực trạng nguồn nhân lực và năng lực thi hành pháp luật*

Formatted: Heading 4

Theo yêu cầu của Công ước La Hay 1993, đội ngũ cán bộ tham gia giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài phải đáp ứng đủ năng lực và trình độ chuyên môn về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, đặc biệt phải có đội ngũ cán bộ đa ngành nghề trong lĩnh vực này. Việc thiếu đội ngũ cán bộ ~~đa ngành nghề~~về bảo vệ trẻ em, tâm lý, gia đình và xã hội trong giải quyết nuôi con nuôi quốc tế và thiếu điều kiện vật chất là một trong những khó khăn cơ bản mà các Nước gốc gặp phải khi triển khai thực hiện Công ước La Hay 1993 ~~số 33~~[50, Martinez-Mora Laura].

Formatted: Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

Trong quá trình triển khai thực hiện Công ước ở Việt Nam, các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương và trung ương còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt ở địa phương nhận thức của các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em chưa theo kịp với những thay đổi của

quy định pháp luật và trình tự thủ tục giải quyết theo Công ước [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp].

Nước ta còn thiếu đội ngũ cán bộ đa ngành nghề tham gia giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp] để đánh giá điều kiện về gia đình, xã hội, y tế, tâm lý của trẻ em, tư vấn cho trẻ em và cha mẹ đẻ của trẻ em trong quá trình tiến hành thủ tục.

Ở địa phương, cán bộ tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg vẫn phải làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, thường xuyên chuyển đổi vị trí công tác nên không bảo đảm tính chuyên nghiệp. Chưa có đội ngũ chuyên gia tâm lý, y tế, xã hội về nuôi con nuôi trong hệ thống cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg.

Đội ngũ nhân lực và nguồn lực vật chất đảm bảo triển khai thực hiện Công ước La Hay 1993 là điều kiện quan trọng bảo đảm hiệu quả thi hành của Công ước trên toàn quốc.

### 3.3. Ảnh hưởng của thực trạng ~~nội luật hóa~~hoàn thiện pháp luật ~~Công ước La Hay 1993~~ tới thực tiễn giải quyết việc nuôi con nuôi có có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam

#### *3.3.1. Lẩn tránh áp dụng Công ước La Hay 1993 và thủ tục giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài*

Trong thời gian qua, do chưa có văn bản QPPL hướng dẫn xác định phạm vi áp dụng Công ước La Hay 1993 nên thực tiễn giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg còn phát sinh hiện tượng lẩn tránh hoặc không áp dụng trình tự thủ tục Công ước và lẩn tránh thủ tục nuôi con nuôi có YTNNg.

Hiện tượng lẩn tránh áp dụng Công ước La Hay 1993 được thực hiện giữa người nhận con nuôi thường trú ở nước thành viên của Công ước với trẻ em Việt Nam dưới 16 tuổi hiện đang du học có thời hạn ở nước ngoài theo thủ tục nuôi con nuôi trong nước ở nước sở tại. Thực tiễn này xuất phát từ việc do Công ước La Hay 1993 không quy định khái niệm thường trú mà khái niệm này được xác định theo

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Heading 2, Indent: First line: 0 cm, Tab stops: Not at 11.05 cm

**Formatted:** Heading 3

pháp luật của các nước có liên quan [26, Phạm Hồ Hương], các yếu tố xác định nơi thường trú phụ thuộc vào nội luật của từng nước [6, HccH].

Một số nước như Hoa Kỳ đã ban hành văn bản xử lý vấn đề lẩn tránh thực hiện Công ước La Hay 1993. Theo bản Ghi nhớ Chính sách số 602-0095 (*Policy Memorandum 602-0095*), cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ xác định tiêu chí thường trú tại Hoa Kỳ đối với trẻ em là công dân của một nước thành viên Công ước La Hay 1993 [75, Cơ quan Uscis].

Trường hợp trẻ em là công dân của một nước thành viên Công ước sống ở ngoài lãnh thổ nước mình, để được nhận làm con nuôi theo thủ tục trong nước tại Hoa Kỳ thì người nhận con nuôi phải chứng minh được trẻ em không còn thường trú tại Nước gốc. Cơ quan Trung ương của Nước gốc xác nhận Cơ quan này biết việc trẻ em là công dân của nước mình hiện đang ở Hoa Kỳ, có biết việc trẻ em đang được giải quyết làm con nuôi tại Hoa Kỳ và xác nhận trẻ em đó không còn thường trú tại Nước gốc.

Tòa án Hoa Kỳ dựa vào ba tiêu chí, bao gồm mục đích nhập cảnh khác với mục đích được nhận làm con nuôi, nơi cư trú thực tế: trẻ em đó đã sống tại Hoa Kỳ trong một khoảng thời gian đáng kể, đã tạo dựng được mối quan hệ ràng buộc nhất định với Hoa Kỳ và Cơ quan Trung ương của Nước gốc đã được thông báo về việc nhận con nuôi và không phản đối tiến trình nhận con nuôi trước tòa án trong vòng 120 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hoặc trong thời gian lâu hơn tòa án quyết định [75, Cơ quan Uscis].

Như vậy, trường hợp trẻ em Việt Nam du học có thời hạn ở nước ngoài được công dân Hoa Kỳ hoặc người Việt Nam định cư ở Hoa Kỳ nhận làm con nuôi, nếu cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam là Bộ Tư pháp với tư cách là Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi quốc tế xác nhận trẻ em đó không còn thường trú ở Việt Nam thì, tòa án cấp tỉnh/bang của Hoa Kỳ sẽ tuyên bố quyết định nuôi con nuôi trong nước.

Tuy nhiên, việc xác định trẻ em không còn thường trú ở Việt Nam gặp khó khăn vì việc trẻ em dưới 16 tuổi được cha mẹ cho du học ở nước ngoài trong khoảng thời gian có hạn thì pháp luật chưa quy định cụ thể về nơi thường trú của trẻ em đó



**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic

sẽ được xác định như thế nào [26, Phạm Hồ Hương], hơn nữa Bộ Tư pháp không có thẩm quyền xác nhận nơi thường trú của trẻ em Việt Nam.

Formatted: Font: Not Italic

Theo Điều 13 Luật cư trú thì nơi cư trú của người chưa thành niên được xác định theo nơi cư trú của cha mẹ và có thể có nơi cư trú khác nếu được cha mẹ đồng ý hoặc pháp luật có quy định. Tác giả Phạm Hồ Hương cho rằng trong trường hợp này có thể coi là cha mẹ đã cho phép trẻ em cư trú tại nước ngoài, tuy nhiên khoảng thời gian cư trú có đủ dài để xác định trẻ em thường trú ở nước ngoài hay không [26, Phạm Hồ Hương] lại là một vấn đề.

Formatted: Font: Not Italic

Theo nghiên cứu sinh, nếu coi trẻ em Việt Nam hiện đang du học ở nước ngoài trong khoảng thời gian có hạn (thông thường từ 2 đến 5 năm hoặc có thể lâu dài hơn) thuộc diện thường trú ở nước ngoài, thì phải tiến hành thủ tục xóa đăng ký thường trú theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Luật cư trú.

Xóa đăng ký thường trú có hệ quả nặng nề, kéo theo việc điều chỉnh hồ sơ đăng ký thường trú trong tàng thư hồ sơ hộ khẩu và tàng thư căn cước công dân theo khoản 2 Điều 11 Thông tư số 35/2014/TT-BCA quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014. Trẻ em sẽ thuộc diện người Việt Nam/công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Như vậy, khi chưa có quy định về việc xác định trẻ em du học có thời hạn ở nước ngoài thuộc diện không thường trú ở Việt Nam thì không nên coi đây là đối tượng người Việt Nam định cư ở nước ngoài và thuộc diện bị xóa đăng ký thường trú. Theo nghiên cứu sinh, trẻ em là du học sinh Việt Nam có thời hạn ở nước ngoài không nên coi là thường trú nhân ở nước ngoài.

~~Ngoài ra, việc xác định trẻ em Việt Nam du học ở nước ngoài thuộc diện thường trú ở nước ngoài là hết sức khó khăn vì hầu hết các nước như Pháp, Canada, Úc đều yêu cầu chế độ bảo lãnh/giám hộ đối với du học sinh. Do đó, du học sinh ở nước ngoài không thể được coi là thường trú nhân ở nước ngoài.~~

Giả sử cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam (Bộ Tư pháp) thực hiện chính sách tạo điều kiện cho trẻ em Việt Nam định cư ở nước ngoài thì việc xác nhận trẻ em không còn thường trú ở Việt Nam cũng không phải là điều kiện tiên quyết bảo đảm trẻ em được định cư ở nước ngoài.

Sở dĩ như vậy là vì, sau khi hoàn tất thủ tục nuôi con nuôi ở nước ngoài Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ vẫn đề nghị Bộ Tư pháp cấp giấy chứng nhận phù hợp Công ước La Hay theo Điều 23 Công ước. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành, Bộ Tư pháp không có thẩm quyền~~được phép~~ cấp Giấy chứng nhận phù hợp Công ước La Hay khi các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam không giải quyết trường hợp nuôi con nuôi đó.

Nếu tiếp cận dưới góc độ công nhận việc nuôi con nuôi trong nước đối với trẻ em Việt Nam thì pháp luật Việt Nam hiện nay chưa có quy định nào điều chỉnh vấn đề này. Chế định đương nhiên công nhận quyết định nuôi con nuôi không được áp dụng trong trường hợp này vì đó không phải là quyết định nuôi con nuôi quốc tế/có YTNNg giữa các nước thành viên [64, HccH].

Formatted: Font: Not Italic

Tình trạng lẩn tránh thủ tục nuôi con nuôi có YTNNg liên quan đến chủ thể là một số ít người Việt Nam định cư ở nước ngoài quay trở về Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam (thường là diện cháu ruột) làm con nuôi theo thủ tục con nuôi trong nước, nhằm tạo điều kiện cho trẻ em được định cư ở nước ngoài. Sở dĩ như vậy là vì, người nhận con nuôi là người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhưng vẫn còn những quan hệ và gắn bó với hoặc còn có sự hiện diện ở Việt Nam.

Các chủ thể này căn cứ vào những giấy tờ như sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, sổ bảo hiểm y tế, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp để tiến hành thủ tục nuôi con nuôi trong nước thay vì phải thực hiện thủ tục nuôi con nuôi có YTNNg.

Thực trạng trên một phần là do không tuân thủ thủ tục xóa đăng ký thường trú để định cư ở nước ngoài theo quy định pháp luật về cư trú. Cơ quan đăng ký nuôi con nuôi không được hướng dẫn cụ thể về tiêu chí xác định như thế nào là người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Chính vì vậy, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gặp khó khăn trong việc giải quyết yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi đối với những chủ thể đó, đồng thời dẫn đến tình trạng đăng ký việc nuôi con nuôi không đúng thẩm quyền ở một số địa phương.

Việc giải quyết nuôi con nuôi cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và trẻ em Việt Nam thường trú ở Việt Nam theo thủ tục nuôi con nuôi trong nước là không

phù hợp với pháp luật Việt Nam và Công ước La Hay 1993. Ngoài ra, việc giải quyết nuôi con nuôi trong nước sẽ không đảm bảo việc trẻ em sẽ được nhập cảnh vào Nước nhận hoặc quyết định nuôi con nuôi sẽ được công nhận ở Nước nhận.

Trong thực tế, Đại sứ quán của một số nước đã đề nghị phía Việt Nam xác nhận giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước trước khi quyết định cho trẻ em nhập cảnh hoặc định cư ở nước ngoài cùng cha mẹ nuôi.

### *3.3.2. Lạm dụng việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo*

Formatted: Heading 3

Như đã phân tích ở trên, đối tượng trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, nhiễm HIV/AIDS thuộc diện được cho nhận đích danh làm con nuôi ở nước ngoài theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 Luật nuôi con nuôi. Quy định về việc nhận con nuôi đích danh dẫn đến việc văn bản hướng dẫn thi hành Luật nuôi con nuôi miễn thủ tục tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em thuộc diện này. Trong hơn 6 năm thi hành Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay 1993, số lượng trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài theo thủ tục giới thiệu trẻ em chỉ chiếm 13,5% [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp], trong khi trẻ em thuộc diện được giải quyết đích danh cho làm con nuôi nước ngoài chiếm gần 65% (1.825/2.861 trường hợp) [5, Bộ Tư pháp] [21].

Formatted: Font: Not Italic

Formatted: Font: Not Italic

Formatted: Font: Not Italic

Trên thế giới, Việt Nam xếp vị trí thứ 01 trong tổng số 10 Nước gốc đầu tiên gồm có Ấn Độ, Trung Quốc, Haiti, Bờ Biển Ngà, Thái Lan, Nga, Madagascar, Colombia, Bungari cho trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt làm con nuôi ở nước ngoài. Số trẻ em Việt Nam có nhu cầu chăm sóc đặc biệt được giải quyết cho làm con nuôi ở Pháp chiếm 88% số trẻ em nước ngoài được nhận làm con nuôi [21].

Formatted: Font: Not Italic

Như vậy, một tỷ lệ lớn trẻ em nhỏ tuổi mắc một số bệnh thông thường hoặc thể nhẹ được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài mà không được tìm gia đình thay thế trong nước. Thực trạng này khiến cho các nước có quan hệ hợp tác với nước ta quan ngại về việc tuân thủ nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước theo Công ước Quyền trẻ em và Công ước La Hay 1993 và có sự tiếp xúc trực tiếp giữa CSND và tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động ở Việt Nam. Đặc biệt hơn,

do giải quyết nuôi con nuôi đích danh nên không có quy định về thủ tục thông báo kết quả giới thiệu trẻ em theo quy định tại Điều 17 Công ước La Hay 1993 [5, Bộ Tư pháp].

Cơ quan xã hội quốc tế (ISS) cũng đánh giá Việt Nam là một trong những nước giải quyết cho trẻ em có nhu cầu đặc biệt làm con nuôi ở nước ngoài mà không tính đến giải pháp nuôi con nuôi trong nước [68, Cơ quan xã hội quốc tế]. Hơn nữa, việc giải quyết cho trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt làm con nuôi ở nước ngoài đòi hỏi phải có một hệ thống quốc gia bảo vệ trẻ em ở mức độ cao mới đáp ứng được nhu cầu của trẻ em [68, Cơ quan xã hội quốc tế].

Thủ tục giải quyết đích danh trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo (Danh sách 2) làm con nuôi nước ngoài tạo ra nhiều điểm ưu tiên hơn so với những trẻ em có sức khỏe bình thường (Danh sách 1) như việc miễn thủ tục tìm gia đình thay thế trong nước sẽ rút ngắn thời gian giải quyết; việc miễn chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài. Điều này đã -tạo ra sự phân biệt đối xử với đối tượng trẻ em trẻ em có sức khỏe bình thường; tổ chức con nuôi nước ngoài được lựa chọn trẻ em có nhu cầu đặc biệt làm con nuôi.

Hệ quả là CSND lựa chọn đối tượng trẻ em có nhu cầu đặc biệt để cho làm con nuôi nước ngoài, sao nhãng giải quyết việc nuôi con nuôi đối với trẻ em có sức khỏe bình thường được giải quyết theo thủ tục giới thiệu trẻ em. Thủ tục giới thiệu trẻ em kéo dài thời gian giải quyết, người nước ngoài nhận con nuôi phải đóng chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi và tổ chức con nuôi nước ngoài không được trực tiếp giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

Theo nghiên cứu sinh, Nghị định số 19/2011/NĐ-CP phân loại giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài dựa trên tình trạng sức khỏe của trẻ em (phân loại trẻ em theo Danh sách 1 và Danh sách 2) làm mất đi cơ hội tìm gia đình thay thế trong nước của trẻ em, tạo sự phân biệt đối tượng trẻ em. Điều này chưa phù hợp với Công ước La Hay 1993 và cũng là điểm bất cập cơ bản trong trình tự thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta.

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

### *3.3.3. Việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài còn gắn với hỗ trợ nhân đạo*

Yếu tố tài chính hoặc những chính sách khuyến khích hỗ trợ nhân đạo luôn là những "tác nhân" dễ dẫn đến những trường hợp cho nhận con nuôi bất hợp pháp nếu không tuân thủ quy định pháp luật về việc tiếp nhận, sử dụng và quản lý đúng mục đích chăm sóc và bảo vệ trẻ em [21].

Trong giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg, vấn đề tài chính luôn được bàn bạc và thảo luận tại Hội nghị của Ủy ban đặc biệt Công ước La Hay 1993 [62, HccH]. Nếu vấn đề tài chính không được quản lý và kiểm soát chặt chẽ thì sẽ gây ra nhiều hệ lụy tiêu cực như lạm dụng, mua bán, bắt cóc trẻ em cho làm con nuôi ở nước ngoài nhằm mục đích trục lợi [60, HccH, đoạn 617].

Điều 32 Công ước La Hay 1993 quy định không ai được thu lợi bất chính hoặc các khoản thu khác bất chính từ một hoạt động liên quan đến nuôi con nuôi quốc tế; chỉ có thể chi trả những phí tổn và chi phí bao gồm cả lệ phí chuyên môn vừa phải cho những người có liên quan vào việc nuôi con nuôi; những người lãnh đạo, những nhà quản lý, nhân viên của tổ chức có liên quan đến vấn đề nuôi con nuôi không được nhận thù lao cao hơn một cách bất hợp lý với công việc mà họ đã làm.

Điều 12 Luật nuôi con nuôi quy định người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài nhận con nuôi ở Việt Nam phải nộp lệ phí và chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài. Ngoài lệ phí và chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg, cá nhân, tổ chức có liên quan không được đặt ra bất kỳ một khoản thu nào khác.

Về chi phí, theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật nuôi con nuôi, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài là một khoản tiền bù đắp một phần chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài, bao gồm chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ khi được giới thiệu làm con nuôi đến khi hoàn thành thủ tục giao nhận con nuôi, xác minh nguồn gốc của người được giới thiệu làm con nuôi, giao nhận con nuôi và thù lao hợp lý cho nhân viên của CSND.



Formatted: Heading 3

Formatted: Font: Not Italic

Formatted: Font: Not Italic

Formatted: Font: Not Italic

Formatted: Font: Not Italic

Đối chiếu với các thuật ngữ do Nhóm chuyên gia về các vấn đề tài chính năm 2013 của Ban thường trực Công ước La Hay 1993 soạn thảo thì khái niệm "chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài" theo quy định của Luật nuôi con nuôi tương ứng với khái niệm "đóng góp" (*contributions*) do Nước gốc yêu cầu. Đây là khoản đóng góp bắt buộc nhằm mục đích cải thiện hệ thống cho nhận con nuôi hoặc hệ thống bảo vệ trẻ em, mức đóng góp do Nước gốc quy định, các khoản đóng góp do các cơ quan hoặc tổ chức được ủy quyền của Nước gốc quản lý và quyết định việc sử dụng [62, HccH].

Formatted: Font: Not Italic

Hiện nay, cơ chế tài chính về chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg chưa được hướng dẫn cụ thể về việc chuyển và sử dụng kinh phí. Các địa phương hầu như không sử dụng được khoản chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài do việc sử dụng, lập dự toán và rút lệ phí và chi phí còn rất khó khăn [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp]. .

Trên thực tế, các quy định về tài chính chưa phát huy được hiệu quả nhằm cải thiện hệ thống cho nhận con nuôi và hệ thống bảo vệ trẻ em; nguồn kinh phí chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em từ nguồn ngân sách ~~Nhà nước~~Nhà nước còn rất hạn hẹp, trong khi đó thì nguồn kinh phí giải quyết việc nuôi con nuôi lại không sử dụng được.

Ngoài ra, quy định miễn chi phí giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg và trách nhiệm phân loại trẻ em cần tìm gia đình thay thế theo tình trạng sức khỏe khiến cho các CSND gặp khó khăn trong kinh phí khám sức khỏe chuyên sâu cho trẻ em nhằm phát hiện bệnh tật hoặc khuyết tật của trẻ em để giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài.

Việc thực hiện các quy định nêu trên dẫn đến thực trạng CSND thường yêu cầu/đề nghị tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam hỗ trợ kinh phí khám sức khỏe chuyên sâu và chăm sóc y tế cho trẻ em. Từ đó, tạo ra sự lệ thuộc tài chính giữa CSND và tổ chức con nuôi nước ngoài, có thể dẫn đến sự không khách quan trong việc xác định tình trạng sức khỏe đặc biệt của trẻ em được cho làm con nuôi người nước ngoài [5, Bộ Tư pháp].

Chính vì vậy, trong thời gian qua đã phát sinh các khoản hỗ trợ nhân đạo dưới hình thức *"tặng cho" (dons)* trực tiếp sau khi nhận con nuôi nhằm bù đắp lại nguồn

kinh phí thiếu hụt. Về khái niệm, "*tặng cho*" là một khoản tiền hoặc các tài sản vật chất được cha mẹ nuôi tương lai hoặc tổ chức được cấp phép đưa một cách bột phát, trên cơ sở tự nguyện vì lợi ích của trẻ em sống tại các trung tâm [62~~0~~, HccH tr.4].

Thông thường, các khoản tặng cho dành cho các CSND hoặc CSND có mối liên hệ với trẻ em đã được cho làm con nuôi. Tổ chức được cấp phép cũng có thể đóng góp vào một Quỹ riêng ở Nước gốc thông qua việc tặng cho. Có quan điểm cho rằng, các khoản hỗ trợ "*tặng cho*" trực tiếp là thỏa thuận dân sự nên không phải là các khoản hỗ trợ nhân đạo theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP.

Cũng có quan điểm cho rằng các khoản tặng cho (*dons*) chính là các khoản hỗ trợ nhân đạo dưới hình thức việc trợ phi dự án nên thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 4 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP.

Tuy nhiên, trong trường hợp nếu các khoản tặng cho ảnh hưởng trực tiếp tới tính nghiêm minh của việc cho nhận con nuôi thì nên nghiêm cấm vì vi phạm Điều 7 Luật nuôi con nuôi. Điều này hoàn toàn phù hợp với khuyến nghị nêu tại Báo cáo của Ủy ban đặc biệt năm 2000 của Công ước La Hay 1993 theo đó "các cơ quan, tổ chức tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi không được yêu cầu cha mẹ nuôi tương lai cho tặng, hứa hẹn và thực hiện cho tặng" [60, HccH, đoạn 244].

Thực tiễn tặng cho (*dons*) trước, trong và sau khi giải quyết việc nuôi con nuôi ở nước ta khiến một số nước có quan hệ hợp tác với nước ta lo ngại các cơ quan quản lý ~~nhà nước~~Nhà nước về nuôi con nuôi không có hệ thống giám sát và không có chế độ báo cáo về việc sử dụng các khoản tặng cho, do các khoản tài chính này thường chi trả trực tiếp và không có chứng từ chứng minh, mức tặng cho thường thay đổi theo yêu cầu hoặc khi thực hiện [60, HccH, đoạn 244] [5, Bộ Tư pháp].

Theo khuyến nghị của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế, không khuyến khích các khoản tặng cho (*dons*), nếu có phải được thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản và có giới hạn mức độ tặng cho nhằm tránh sự cạnh tranh và dễ dẫn đến việc mua bán trẻ em.

Đối chiếu với các chuẩn mực quốc tế cho thấy các quy định hiện hành của pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta chưa nội luật hóa được đầy đủ ~~các~~ nguyên



**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic
**Formatted:** Font: Not Italic

tắc tách bạch hỗ trợ nhân đạo và nuôi con nuôi và minh bạch tài chính. Việc thiếu hướng dẫn cụ thể nhằm bảo đảm thực thi nguyên tắc và không có những biện pháp thích hợp nhằm hạn chế tình trạng tặng cho trực tiếp cho CSND sẽ dẫn đến những hệ lụy khó lường.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Sau hơn 6 năm thực hiện Công ước La Hay 1993, Luật nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP chưa được sửa đổi, bổ sung nhằm loại bỏ những cản trở trong việc triển khai thực hiện và tăn cường các biện pháp bảo đảm thực hiện Công ước. ~~đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Công ước và yêu cầu phát sinh trong thực tiễn.~~ Một số quy định của pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg không phát huy được hiệu quả, gây cản trở tới việc thi hành pháp luật và một số vấn đề phát sinh trên thực tiễn chưa được quy định.

Những nguyên tắc cơ bản, mang tính bắt buộc chung (*jus cogens*) của Công ước La Hay 1993 do được "nội luật hóa" trước khi Công ước có hiệu lực ở Việt Nam nên còn có những hạn chế nhất định, đặc biệt các thiết chế bảo đảm thi hành. Một số quy định cốt lõi nhằm bảo đảm tính phù hợp giữa pháp luật trong nước và ĐƯQT chưa được nội luật hóa như phạm vi áp dụng Công ước La Hay 1993. Trình tự thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg chưa phù hợp với Chương IV Công ước về thủ tục nuôi con nuôi quốc tế, do đó cần phải có những sửa đổi và bổ sung nhất định.

~~Chính vì vậy~~Thực trạng pháp luật và hoàn thiện pháp luật đã có ảnh hưởng nhất định tới thực tiễn giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta. Theo đó, ~~,~~ ~~trong thời gian qua thực tiễn~~ việc giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg ~~cũng có ảnh hưởng nhất định,~~ chưa đáp ứng được nhu cầu về số lượng trẻ em có ~~hoàn cảnh đặc biệt~~HCĐB cần tìm gia đình thay thế trong nước và nước ngoài.

Việc thi hành pháp luật trong nước và Công ước La Hay 1993 còn có những biểu hiện chưa tuân thủ chuẩn mực quốc tế do cơ chế thi hành chưa đủ mạnh nhằm loại bỏ những cản trở trong việc triển khai thi hành. ~~Nhà nước~~Nhà nước ~~ta~~ chưa có chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích việc nuôi con nuôi trong nước. Cơ chế tài

**Formatted:** Heading 1, Indent: First line: 0 cm, Tab stops: Not at 11.05 cm

**Formatted:** Heading 1, Left, Line spacing: single

**Formatted:** Centered, Indent: First line: 0 cm, Line spacing: Multiple 1.15 li, Tab stops: Not at 11.05 cm

**Formatted:** Font: Italic

chính chưa thông suốt từ trung ương tới địa phương, tạo ra cản trở lớn đối với việc nuôi con nuôi có YTNNg.

# CHƯƠNG 4

## ĐỀ XUẤT ~~NHỮNG~~ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở NƯỚC TA TRONG TÌNH HÌNH MỚI ~~Ở VIỆT NAM~~

Kể từ khi thực hiện Công ước La Hay 1993, quy trình thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg đã thay đổi xu hướng giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta. Từ quy trình tìm trẻ em cho một gia đình chuyển sang việc tìm một gia đình phù hợp ~~với trẻ em~~, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Thay vì giải quyết sức ép nhu cầu của người nhận con nuôi nước ngoài, thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg đã tập ~~; việc cho nhận con nuôi ở nước ngoài không còn chịu sức ép nhu cầu từ phía nước ngoài mà phải tập~~ trung đáp ứng nhu cầu tìm gia đình thay thế của trẻ em có HCĐB. ~~.~~

Theo yêu cầu và mục tiêu đề ra của Công ước La Hay 1993, để triển khai thực hiện Công ước, các nước thành viên phải xem xét hệ thống pháp luật trong nước có tạo ra những cản trở hoặc ngăn cản việc triển khai và thi hành Công ước hay không [60, HccH]. Các nước phải có lộ trình sửa đổi quy định pháp luật trong nước nhằm thiết lập các biện pháp bảo đảm thực hiện Công ước [60, HccH].

### 4.1. Quan niệm, ý nghĩa và nhu cầu hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có ~~YTNNg ở Việt Nam~~yếu tố nước ngoài ở nước ta

#### *4.1.1. Quan niệm hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có ~~YTNNg~~ yếu tố nước ngoài*

Theo quan điểm pháp luật truyền thống, hệ thống pháp luật bao gồm các quy phạm pháp luật và hệ thống các văn bản QPPL. Nói cách khác, hệ thống pháp luật đồng nghĩa với hệ thống các văn bản pháp luật hay hệ thống nguồn luật [36, Đinh Dũng Sỹ]. Chính vì vậy, hoàn thiện pháp luật là bổ sung những quy định còn thiếu hụt, những quy định chưa phù hợp hoặc chưa giải quyết được những vấn đề phát sinh trong thực tiễn [10, Nguyễn Văn Cương].

**Formatted:** Heading 1, Indent: First line: 0 cm, Tab stops: Not at 11.05 cm

**Formatted:** Space Before: 12 pt, After: 3 pt

**Formatted:** Vietnamese

**Formatted:** Space Before: 12 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.15 li

**Formatted:** Vietnamese

**Formatted:** Vietnamese

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic, English (United States)

**Formatted:** (none)

**Formatted:** (none)

**Formatted:** (none)

**Formatted:** (none), Condensed by 0.4 pt

**Formatted:** (none), Condensed by 0.4 pt

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

Theo quan điểm mới, hệ thống pháp luật được xây dựng dựa trên 4 trụ cột, bao gồm hệ thống các văn bản QPPL, các thiết chế bảo đảm cho việc thực hiện pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật và nguồn nhân lực, đào tạo nguồn nhân lực làm công tác pháp luật về nghề luật [10, Nguyễn Văn Cương] [36, Đinh Dũng Sỹ]. Bốn yếu tố này có mối quan hệ nội tại, biện chứng và lô gic với nhau, không thể tách rời nhau [36, Đinh Dũng Sỹ]. Hệ thống pháp luật hoàn thiện cũng phải dựa trên 4 yếu tố đó.

Theo nghiên cứu sinh, quan điểm này phù hợp với thực tiễn và bảo đảm đưa pháp luật vào cuộc sống, nhằm điều chỉnh và giải quyết được những vấn đề bức xúc nhất trong xã hội hoặc trong một lĩnh vực chuyên ngành cụ thể.

Trên quan điểm đó, việc hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta chính là việc bổ sung những quy phạm pháp luật (chế định pháp luật) còn thiếu), sửa đổi những quy định chưa phù hợp, chưa đáp ứng thực tiễn, hạn chế quyền của các bên liên quan và có thể gây cản trở cho việc thực hiện Công ước La Hay 1993. Đồng thời, hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg còn nhằm tăng cường hệ thống các thiết chế và nguồn nhân lực bảo đảm thi hành Công ước La Hay 1993 và pháp luật trong nước về nuôi con nuôi.

Theo nghĩa rộng, hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg là việc hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật trong đó chứa đựng những chính sách của ~~nhà nước~~Nhà nước ta về trẻ em và các biện pháp chăm sóc thay thế; quy trình thủ tục, thiết chế có trách nhiệm giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn cho nhận con nuôi có YTNNg. Từ đó tăng cường tập trung bảo vệ quyền con người và quyền trẻ em được cho làm con nuôi ở nước ngoài trước yêu cầu thực thi Hiến pháp năm 2013, Luật nuôi con nuôi và ĐƯQT về nuôi con nuôi mà Việt Nam là thành viên.

Trên phạm vi rộng, quyền con người, quyền trẻ em là những giá trị cốt yếu của nhân loại; bảo đảm quyền con người, quyền trẻ em là trách nhiệm chung của các ngành, các cấp, các địa phương, cơ sở phải tích cực và chủ động thực hiện, nhằm ngày càng hoàn thiện và nâng cao quyền con người [10, Nguyễn Văn Cương], quyền trẻ em. Các văn kiện của Đảng và các văn bản pháp luật, pháp quy của ~~Nhà nước~~Nhà nước đã chính thức đề cập tới quyền con người, quyền trẻ em, đặc biệt Hiến pháp năm 2013 chứa đựng nhiều điểm tiến bộ lớn. Theo Điều 37 Hiến pháp năm 2013,

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

~~Nhà nước~~Nhà nước, gia đình và xã hội có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, trẻ em phải được tham gia vào các vấn đề về trẻ em.

Trong phạm vi hẹp, quyền của các bên liên quan chính là quyền nuôi con nuôi và quyền được nhận làm con nuôi. Đây là một trong những quyền nhân thân trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình được ghi nhận tại Điều 39 BLDS 2015. ~~Nhà nước~~Nhà nước bảo hộ quyền nuôi con nuôi và quyền được nhận làm con nuôi.

Tham gia Công ước Quyền trẻ em và Công ước La Hay 1993, Việt Nam phải ý thức được sâu sắc đó là sự cam kết chính trị-pháp lý của ~~Nhà nước~~Nhà nước trong sự nghiệp bảo vệ nhân quyền [9, Cao Xuân Phong], bảo vệ trẻ em trước cộng đồng thế giới.

Formatted: Font: Not Bold, Not Italic

Trước hết, quyền trẻ em được thể hiện thông qua việc bảo đảm thực hiện quyền được sống trong môi trường gia đình gốc; quyền được tìm gia đình thay thế trong nước; quyền thể hiện ý kiến của mình về việc cho làm con nuôi; con nuôi có quyền được biết về nguồn gốc của mình; con nuôi có quyền có họ, tên, quyền thay đổi họ, tên; có quyền lấy lại họ, tên của mình như trước khi được cho làm con nuôi trong trường hợp chấm dứt việc nuôi con nuôi.

Quyền của trẻ em được cho làm con nuôi trong nước và nước ngoài đều phải được thống nhất như nhau, ~~nhà nước~~Nhà nước thực hiện thủ tục giải quyết nuôi con nuôi trên nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em. Đối với trẻ em được cho làm con nuôi nước ngoài, trẻ em có quyền được giữ bí mật thông tin riêng tư của trẻ em, được ~~nhà nước~~Nhà nước ta bảo vệ trong trường hợp cần thiết, được hỗ trợ tìm hiểu thông tin về nguồn gốc; giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam.

Quan niệm hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến quyền của trẻ em được cho làm con nuôi ở nước ngoài còn phải đáp ứng được yêu cầu thực tiễn và những ghi nhận mới của các nước trên thế giới về quyền con người đối với người chuyển đổi giới tính, đồng tính, lưỡng tính, quyền của trẻ em (đặc biệt là trẻ em gái), nhằm mục tiêu phát triển yếu tố con người hài hòa và phù hợp với các chuẩn mực pháp luật quốc tế, thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết quốc tế về quyền con người, quyền trẻ em.

Theo các công ước quốc tế về quyền con người và quyền trẻ em, với tư cách là nước thành viên, Việt Nam phải có trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc thực hiện các

quy định của công ước. Việc thực hiện công ước có nhiều hình thức, nhưng một trong nghĩa vụ bắt buộc và đầu tiên mà quốc gia thành viên nào cũng phải thực hiện tại quốc gia thành viên chính là thông qua biện pháp lập pháp [9, Cao Xuân Phong]. Điều 40 Công ước La Hay 1993 không chấp nhận việc bảo lưu đối với Công ước.

Như vậy, quan niệm hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg là việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới các quy định pháp luật trong nước, bảo đảm phù hợp với Công ước La Hay 1993, loại bỏ những cản trở trong việc triển khai thi hành Công ước. Ngoài ra, điều này còn có ý nghĩa nhằm tăng cường năng lực thực thi Công ước La Hay 1993 và pháp luật trong nước về nuôi con nuôi có YTNNg.

***4.1.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có ~~YTNNg~~ yếu tố nước ngoài***

Về mặt lý luận, với tư cách là pháp luật chuyên ngành, gắn bó mật thiết với pháp luật về dân sự, hôn nhân và gia đình có YTNNg thì việc hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg nhằm xây dựng và hoàn thiện một cách tổng thể luật nội dung, luật tố tụng và luật xung đột [27, Nguyễn Công Khanh].

Trên cơ sở đó làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, giải quyết xung đột về điều kiện nuôi con nuôi, hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg, công nhận quyết định nuôi con nuôi có YTNNg được thực hiện trước các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII, phải chuyển hướng chỉ đạo chiến lược từ việc đặt trọng tâm vào việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật sang hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, tính liên thông, gắn kết mật thiết giữa công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Do đó, việc hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg nhằm xây dựng và hoàn thiện giải pháp tăng cường các thiết chế bảo đảm thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi; nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật ở các cấp, đồng thời giải quyết được những vấn đề đặt ra trong thực tiễn thi hành pháp luật về nuôi con nuôi.

Trên thực tế, Luật nuôi con nuôi còn chậm đi vào cuộc sống và chưa phát huy hiệu quả là do còn thiếu các điều kiện cơ bản bảo đảm cho việc thi hành, thiếu cơ chế kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật và thiếu quy định xử lý một số vi phạm



**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** (none)

**Formatted:** (none)

**Formatted:** Space Before: 6 pt, After: 6 pt

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi [9, Cao Xuân Phong]. Trách nhiệm của một số cơ quan còn chưa rõ ràng, chưa có sự thông suốt trong việc chỉ đạo triển khai thi hành Luật. Việc phối hợp liên ngành còn gặp nhiều khó khăn do có sự "*cắt khúc*" giữa hệ thống QPPL về nuôi con nuôi và QPPL về trẻ em và việc thực hiện trách nhiệm có liên quan giữa ngành tư pháp và ngành LĐ-TBXH trong công tác quản lý ~~nhà nước~~Nhà nước về trẻ em và nuôi con nuôi.

***4.1.3. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có ~~YTNNg~~ yếu tố nước ngoài ở nước ta***

Theo tác giả Nguyễn Văn Cương, nhu cầu hoàn thiện pháp luật trước hết phải được giải mã theo hướng phải là nhu cầu của người dân và là công cụ để Nhà nước giải quyết các vấn đề của xã hội [10, Nguyễn Văn Cương]. Trong lĩnh vực nuôi con nuôi có YTNNg, nhu cầu hoàn thiện pháp luật chính là bảo đảm cho những trẻ em có HCĐB có thể tìm được gia đình thay thế ở nước ngoài theo đúng pháp luật và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

~~*Trong lĩnh vực nuôi con nuôi có YTNNg, nhu cầu hoàn thiện pháp luật trước hết được xác định từ nhu cầu về số lượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần tìm gia đình thay thế và tạo ra những yếu tố bảo đảm thi hành pháp luật cho phù hợp với những cách thức thực hiện tốt Công ước La Hay 1993.*~~

*4.1.3.1. Số lượng lớn trẻ em có ~~hoàn cảnh đặc biệt~~HCĐB cần tìm gia đình thay thế*

Nhu cầu hoàn thiện pháp luật trước hết được xác định từ nhu cầu về số lượng trẻ em có ~~hoàn cảnh đặc biệt~~HCĐB cần tìm gia đình thay thế và tạo ra những yếu tố bảo đảm thi hành pháp luật cho phù hợp với những cách thức thực hiện tốt Công ước La Hay 1993.

~~Theo tác giả Nguyễn Văn Cương, nhu cầu hoàn thiện pháp luật trước hết phải được giải mã theo hướng phải là nhu cầu của người dân và là công cụ để nhà nước giải quyết các vấn đề của xã hội [*10, Nguyễn Văn Cương*].~~

~~Trong lĩnh vực nuôi con nuôi có YTNNg, nhu cầu hoàn thiện pháp luật trước hết được xác định từ nhu cầu về số lượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần tìm gia~~

Formatted: Font: Not Bold, Not Italic

Formatted: Heading 3, Line spacing: single

Formatted: Font: Not Italic

Formatted: Heading 4

~~đình thay thế ở trong nước và tạo ra những yếu tố bảo đảm thi hành pháp luật cho phù hợp với những cách thức thực hiện tốt Công ước La Hay 1993.~~

Khái niệm trẻ em có ~~hoàn cảnh đặc biệt~~HCĐB và các nhóm trẻ em có HCĐB ~~hoàn cảnh đặc biệt~~ đã được phân tích ở mục 2.1.5.2 Chương 2. Theo Chỉ tiêu trẻ em Việt Nam năm 2015-2016 do Cục trẻ em thuộc Bộ LĐ-TBXH phát hành năm 2017, trên toàn quốc có khoảng 1.4 triệu trẻ em có HCĐB~~hoàn cảnh đặc biệt~~, trong đó có khoảng 156.000 trẻ em bị bỏ rơi và trẻ em không nơi nương tựa *(10 nhóm trẻ em có HCĐB ~~hoàn cảnh đặc biệt~~ theo Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2005).* Theo số liệu thống kê của Cục BTXH thuộc Bộ LĐ-TBXH có khoảng 170.000 trẻ em được gia đình, cá nhân nhận chăm sóc thay thế nhưng chưa được rà soát, đánh giá nhu cầu để chuyển đổi sang việc nuôi con nuôi, thường xuyên có khoảng 21.000 trẻ em sống tại các CSND [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp].

Trong khi đó, theo số liệu của Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp, trên toàn quốc cho đến nay mới chỉ có khoảng 1.~~,~~7% số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt sống ở CSND được cho làm con nuôi trong nước và nước ngoài [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp].

Việc để trẻ em có HCĐB ~~hoàn cảnh đặc biệt~~ sống lâu dài trong các gia đình tạm thời nuôi dưỡng và chăm sóc thay thế hoặc ở các CSND sẽ không bảo đảm quyền của trẻ em được nhận làm con nuôi và tăng thêm gánh nặng cho ~~nhà nước~~Nhà nước trong công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em. Thực trạng này cũng không phù hợp với xu hướng chung trên thế giới là giảm dần tỷ lệ trẻ em phải sống tập trung trong các CSND.

Nguyên nhân của thực trạng trên là do quy định của pháp luật về nuôi con nuôi và chính sách của ~~nhà nước~~Nhà nước chưa khuyến khích việc nuôi con nuôi trong nước. Trẻ em bị bỏ rơi được nhận làm con nuôi không được hưởng chế độ trợ cấp của ~~nhà nước~~Nhà nước, trong khi đó theo pháp luật về bảo trợ xã hội người tạm thời nuôi dưỡng trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc tạm thời được hưởng trợ cấp xã hội, trong khi đó trre em bị bỏ rơi được nhận làm con nuôi thì không được hưởng trợ cấp xã hội.

Ngoài ra, quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP giới hạn chỉ những CSND được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định mới được giải quyết cho



**Formatted:** Font: Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài đã hạn chế quyền được tìm gia đình thay thế trong nước và nước ngoài đối với những trẻ em hiện đang sống tại các CSND không/chưa được chỉ định, tạo sự phân biệt giữa CSND công lập và ngoài công lập.

Trên thực tế, phần lớn trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa lại được chăm sóc, nuôi dưỡng ở các cơ sở ngoài công lập không/chưa được chỉ định. Chỉ có 53/413 CSND trên toàn quốc, chiếm 12,8% được chỉ định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp].

Do đó, quy định tại Điều 11 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP không phù hợp với khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 vì đã hạn chế quyền của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được nhận làm con nuôi, không bảo đảm thực hiện nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước. Việc bãi bỏ quy định chỉ định CSND tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg là điều cần thiết nhằm loại bỏ những cản trở trong việc thực hiện tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em theo Công ước La Hay 1993 [21].

*4.1.3.2. Các cơ quan có thẩm quyền và đội ngũ cán bộ đa ngành nghề trong hoạt động nuôi con nuôi quốc tế*

Để triển khai thực hiện tốt Công ước, các nước thành viên phải có lộ trình và các bước thực hiện phù hợp với từng giai đoạn, phải có hệ thống cơ quan, tổ chức và đội ngũ cán bộ có năng lực đáp ứng với yêu cầu của Công ước [60, HccH, đoạn 163, tr,49]. Công ước La Hay 1993 đã thiết lập hệ thống các Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi quốc tế và các tổ chức được cấp phép hoạt động về nuôi con nuôi ở tất cả các nước thành viên nhằm thực hiện những nghĩa vụ được quy định tại Công ước.

*a) Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi quốc tế*

Sau khi Công ước La Hay 1993 có hiệu lực ở Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ định Bộ Tư pháp là Cơ quan Trung ương về con nuôi quốc tế trong khuôn khổ Công ước. Nghị định số 96/2017/NĐ-CP thay thế Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp, theo đó chức năng Cơ quan trung ương về con nuôi quốc

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Heading 4

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

tế của Việt Nam trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993 được giao cho Cục Con nuôi với tư cách là cơ quan thường trực.

Để thực hiện những nhiệm vụ cụ thể của Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi quốc tế, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 639/QĐ-BTP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức -của Cục Con nuôi. Trong thời gian qua, Cục Con nuôi là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi quốc tế của Nước gốc theo Công ước, trong đó chức năng quan trọng nhất là đảm bảo trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi ở nước ngoài, giữ mối liên hệ chặt chẽ và thường xuyên với Ban thường trực Công ước La Hay 1993 và Cơ quan trung ương của các nước có quan hệ hợp tác quốc tế với Việt Nam.

Tuy nhiên, quy định về Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi quốc tế theo Nghị định số 96/2017/NĐ-CP còn sơ sài; hầu như không có quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan trung ương. Vì vậy, thẩm quyền của Cục Con nuôi trong khi triển khai thực hiện Công ước La Hay 1993 còn rất hạn chế, đặc biệt trong việc giải quyết những vấn đề "*nóng*" trong lĩnh vực nuôi con nuôi có YTNNg như vấn đề tặng cho *(dons)* trực tiếp với mức độ cao, gây cạnh tranh giữa các tổ chức con nuôi nước ngoài của các nước, vấn đề trì hoãn lập danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế ở các địa phương.

Sở dĩ như vậy là do, Cục Con nuôi chưa có đủ thẩm quyền để quyết định các biện pháp phòng ngừa và ngăn chặn những biểu hiện lạm dụng, phòng tránh thu lợi bất chính và cách thức thực hiện trái Công ước [60, HccH, đoạn 628, 632, tr. 138].

*b) Các cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền ở địa phương*

Trong khi cơ quan trung ương về nuôi con nuôi quốc tế là cơ quan được thành lập/chỉ định theo yêu cầu của Công ước La Hay 1993 thì các cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền là hệ thống các cơ quan công quyền của quốc gia được nêu tại khoản 1 Điều 22 Công ước. Hệ thống các cơ quan này được hiểu là các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ giải quyết việc nuôi con nuôi quốc tế. Công ước La Hay 1993 không giới hạn đó là tòa án hay các cơ quan hành chính.

**Formatted:** Font: Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

Theo nghĩa rộng, các cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực cho nhận con nuôi quốc tế có thể bao gồm các cơ quan có liên quan đến hoạt động này như cơ quan bảo trợ xã hội trong lĩnh vực trẻ em, cơ quan công an, cơ quan tài chính, cơ quan tư pháp. Quy trình giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg đòi hỏi các cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền tổ chức phối hợp liên ngành, để bảo đảm việc nuôi con nuôi được thực hiện nhanh chóng và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Theo nghĩa hẹp, các cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền bao gồm những cơ quan tham gia trực tiếp giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg như cơ quan tư pháp hoặc cơ quan hành chính. Các cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình một cách chuyên nghiệp nhằm bảo đảm việc cho nhận con nuôi tuân thủ đúng quy định pháp luật, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Theo quy định hiện hành của pháp luật về nuôi con nuôi thì các cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền theo khoản 1 Điều 22 Công ước La Hay 1993 chính là các cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước ở địa phương bao gồm: CSND, Sở LĐ-TBXH, Sở Tư pháp và UBND cấp tỉnh.

CSND có trách nhiệm lập danh sách và hồ sơ trẻ em cần tìm gia đình thay thế để báo cáo Sở LĐ-BTXH. Sở LĐ-TBXH có trách nhiệm xác nhận trẻ em có ~~hoàn cảnh đặc biệt~~HCĐB ở CSND cần tìm gia đình thay thế ở nước ngoài, sau khi đã xem xét các biện pháp chăm sóc thay thế khác ở trong nước.

Sở Tư pháp có trách nhiệm tìm gia đình thay thế cho trẻ em ở địa phương nhằm bảo đảm nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước; trường hợp không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi mới tiến hành việc kiểm tra điều kiện, hồ sơ trẻ em được giới thiệu cho làm con nuôi ở nước ngoài; tư vấn cần thiết cho cha mẹ đẻ, người giám hộ trước khi có ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi và xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi ở nước ngoài, bảo đảm việc giới thiệu trẻ em vì lợi ích tốt nhất của trẻ.

UBND cấp tỉnh là cơ quan cao nhất ở địa phương phê duyệt kết quả giới thiệu trẻ em được cho làm con nuôi và ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài. Trong quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg, Công an tỉnh là cơ

quan chịu trách nhiệm xác minh nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi nhằm bảo đảm trẻ em có cơ hội đoàn tụ gia đình gốc.

Trong thời gian qua, phần lớn trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi ở nước ngoài thuộc diện trẻ em bị khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, nhiễm HIV/AIDS [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp], được giải quyết đích danh làm con nuôi ở nước ngoài mà không phải thông qua việc tìm gia đình thay thế ở trong nước theo [khoản 2 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP miễn thủ tục tìm gia đình thay thế ở trong nước].

Việc xác minh nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi chưa được hướng dẫn cụ thể nên trong trường hợp có thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ nhưng không liên hệ được thì thủ tục giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg bị kéo dài, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của trẻ em [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp] [5, Bộ Tư pháp].

Đặc biệt hơn, việc tìm gia đình thay thế cho trẻ em ở nước ngoài chỉ được thực hiện ở những CSND được UBND cấp tỉnh chỉ định nên hạn chế quyền được nhận làm con nuôi của những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt sống ở các CSND không được chỉ định [5, Bộ Tư pháp]. Điều này gây ảnh hưởng đáng kể tới việc giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

*c) Đội ngũ cán bộ tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi quốc tế*

Đội ngũ nhân lực và nguồn lực vật chất đảm bảo triển khai thực hiện Công ước La Hay 1993 là điều kiện quan trọng bảo đảm hiệu quả thi hành của Công ước trên toàn quốc. Theo yêu cầu của Công ước La Hay 1993, đội ngũ cán bộ tham gia giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg phải đáp ứng đủ năng lực và trình độ chuyên môn về nuôi con nuôi có YTNNg, đặc biệt phải có đội ngũ cán bộ đa ngành nghề trong lĩnh vực này, việc thiếu đội ngũ cán bộ đa ngành nghề và thiếu điều kiện vật chất là một trong những khó khăn cơ bản mà các Nước gốc gặp phải khi triển khai thực hiện Công ước La Hay 1993 [50, Martinez-Mora Laura].

Ở Trung ương, cơ cấu tổ chức và số lượng cán bộ của Cục Con nuôi chưa được bố trí tương xứng với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thường trực Cơ quan trung ương trong bối cảnh chuyển từ quan hệ hợp tác song phương sang quan hệ hợp tác đa phương; trình độ ngoại ngữ của các cán bộ còn hạn chế; chưa có đội ngũ cán bộ



**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

đa ngành nghề về tâm lý, y học, xã hội và trẻ em tại Cục Con nuôi. Đội ngũ cán bộ chưa có đầy đủ trình độ ngoại ngữ tiếng Anh và tiếng Pháp để có thể làm việc trực tiếp trong môi trường quốc tế.

Ở địa phương, trong quá trình triển khai thực hiện Công ước, các cơ quan có thẩm quyền còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là nhận thức của các CSND chưa theo kịp với những thay đổi của quy định pháp luật và trình tự thủ tục giải quyết theo Công ước [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp]. Nước ta còn thiếu đội ngũ cán bộ đa ngành nghề tham gia giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg [6, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp] để đánh giá điều kiện về gia đình, xã hội, y tế, tâm lý của trẻ em, tư vấn cho trẻ em và cha mẹ đẻ của trẻ em trong quá trình tiến hành thủ tục.

*4.1.3.3. Nhu cầu sử dụng dịch vụ nuôi con nuôi*

Trên thế giới, để thực hiện dự định nhận con nuôi trong nước hay nước ngoài người nhận con nuôi thường nhờ tới sự hỗ trợ trung gian của một tổ chức cung cấp dịch vụ về nuôi con nuôi để thực hiện những nhiệm vụ như được đào tạo, tập huấn, cung cấp thông tin về việc nuôi con nuôi, hỗ trợ nhận con nuôi ở nước ngoài.

Những dịch vụ về nuôi con nuôi đó được các nước trao cho các tổ chức được cấp phép, là những tổ chức có vai trò trung gian giữa người nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi. Vào những năm 90 của thế kỷ trước, các tổ chức con nuôi phát triển mạnh mẽ và việc cho nhận con nuôi quốc tế cũng phát triển chưa từng có [76]. Hầu hết các Nước nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi đều có tổ chức trung gian được cấp phép hoạt động về nuôi con nuôi.

Ở Việt Nam trong cùng giai đoạn đó, Nghị định số 184/CP ngày 30/11/1994 quy định về thủ tục kết hôn, nhận con ngoài giá thú, nuôi con nuôi, nhận đỡ đầu giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài vào giai đoạn đó chưa quy định về các tổ chức con nuôi nước ngoài. Tuy nhiên, trong thực tiễn các tổ chức này lại hoạt động về nuôi con nuôi dưới tư cách của các tổ chức hoạt động nhân đạo.

Cùng với sự phát triển của các công cụ pháp lý quốc tế song phương và đa phương về nuôi con nuôi, các tổ chức được cấp phép trở thành cầu nối giữa người nước ngoài nhận con nuôi và cơ quan có thẩm quyền của Nước nhận với cơ quan có

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: 14 pt, Condensed by 0.2 pt

**Formatted:** Condensed by 0.2 pt

**Formatted:** Heading 4, Indent: First line: 0 cm, Tab stops: Not at 11.05 cm

**Formatted:** Font: Not Italic

thẩm quyền của Nước gốc, được cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước ủy nhiệm và giao phó thực hiện một số dịch vụ nhất định trong hoạt động nuôi con nuôi quốc tế.

Đặc biệt hơn nữa, trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993, các trường hợp nuôi con nuôi cá lẻ/độc lập ~~tự do,~~ (không thông qua sự hỗ trợ của các tổ chức được cấp phép) không được xác nhận phù hợp với Công ước theo Điều 23 Công ước La Hay 1993. ~~.~~

Điều 10 Công ước La Hay 1993 cho phép chỉ những tổ chức chứng tỏ được khả năng phù hợp để thực hiện nhiệm vụ được giao phó thì mới chỉ định và duy trì việc chỉ định. Theo Điều 11 Công ước La Hay 1993, tổ chức được chỉ định/cấp phép chỉ theo đuổi những mục đích phi lợi nhuận; được đặt dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của người đủ tiêu chuẩn về đạo đức, chuyên môn hoặc có kinh nghiệm để làm việc trong lĩnh vực nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; chịu sự giám sát của các cơ quan có thẩm quyền về cơ cấu, hoạt động và tình trạng tài chính.

Điều 22 Công ước cho phép tổ chức được chỉ định có thể thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan trung ương từ Điều 14 đến Điều 22 về thủ tục nuôi con nuôi quốc tế và theo quy định của pháp luật quốc gia.

Theo pháp luật hiện hành của nước ta, tổ chức được cấp phép hay còn gọi là tổ chức được ủy quyền là những tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam. Luật nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP điều chỉnh việc cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép và hoạt động các tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

Tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam là những tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập ở nước ngoài, chịu sự kiểm tra, giám sát của Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi quốc tế ở nước ngoài. Tổ chức con nuôi nước ngoài hoạt động về nuôi con nuôi quốc tế ở Việt Nam phải được cơ quan có thẩm quyền (Bộ trưởng Bộ Tư pháp) cấp giấy phép hoạt động, dưới hình thức các văn phòng con nuôi nước ngoài; chịu sự quản lý, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Để được cấp phép hoạt động tại Việt Nam trong lĩnh vực nuôi con nuôi có YTNNg, tổ chức con nuôi nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện là tổ chức hoạt

động phi lợi nhuận, được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, có đội ngũ lãnh đạo và nhân viên có hiểu biết quy định pháp luật về nuôi con nuôi và kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực này.

Kể từ khi Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay 1993 có hiệu lực, Bộ Tư pháp đã cấp giấy phép hoạt động cho 37 tổ chức con nuôi nước ngoài của 13 nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi với Việt Nam (riêng Man-ta chưa giới thiệu tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép).

Các tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam đều là những tổ chức có kinh nghiệm hoạt động lâu năm tại Việt Nam; đáp ứng các điều kiện để được cấp phép theo quy định của pháp luật, người đứng đầu văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam đều đáp ứng các tiêu chuẩn về đạo đức, chuyên môn trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động một số văn phòng của tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép chưa thể hiện tính chuyên nghiệp trong lĩnh vực nuôi con nuôi và chăm sóc bảo vệ trẻ em; còn có hiện tượng liên hệ trực tiếp với các CSND, tặng cho trực tiếp cho CSND để được giới thiệu trẻ em cho làm con nuôi nước ngoài. Những thực tiễn thi hành pháp luật không tốt đã gây ảnh hưởng tới việc giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg, dẫn đến việc không bảo đảm quyền và lợi ích của trẻ em.

Để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan quản lý ~~nhà nước~~Nhà nước còn gặp phải khó khăn khi phân biệt phạm vi quản lý đối với hoạt động của các tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động và văn phòng con nuôi nước ngoài. Chính vì vậy, còn có sự lỏng lẻo trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý và kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức con nuôi nước ngoài.

Về mặt~~Về~~ lý luận, các văn phòng con nuôi nước ngoài là pháp nhân được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, có tài khoản riêng, con dấu riêng và có người đứng đầu văn phòng. Tuy nhiên, trên thực tế, hồ sơ nhận con nuôi và mọi nguồn tài chính đều do tổ chức con nuôi nước ngoài tiếp nhận và cung cấp. Văn phòng con nuôi nước ngoài ở Việt Nam không được tiếp nhận hồ sơ của người nước ngoài nhận con nuôi, không được tiến hành thu bất cứ khoản thu tài

chính nào đối với người nước ngoài nhận con nuôi nếu không có sự ủy quyền/chỉ đạo của tổ chức con nuôi ở nước ngoài.

Chính có sự xen kẽ hoạt động trung gian giữa tổ chức con nuôi nước ngoài ở nước ngoài và văn phòng con nuôi nước ngoài hoạt động tại Việt Nam mà việc quản lý ~~nhà nước~~Nhà nước còn gặp khó khăn, đặc biệt trong vấn đề minh bạch tài chính của các văn phòng con nuôi nước ngoài.

Theo Công ước La Hay 1993, thì các Cơ quan trung ương của Nước nhận và Nước gốc phải phối hợp và trao đổi thông tin về hoạt động của các tổ chức được cấp phép này. Tuy nhiên, nếu như xảy ra hành vi vi phạm pháp luật thì Nước gốc không đủ thẩm quyền để yêu cầu tổ chức con nuôi nước ngoài tuân thủ các hình thức xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật Nước gốc.

Ngoài ra, các tổ chức được chỉ định theo Công ước La Hay 1993 còn có thể được hiểu là những tổ chức trong nước được cấp phép/được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật của nước có liên quan.

Đối chiếu với các quy định trong hệ thống văn bản QPPL hiện hành về nuôi con nuôi của nước ta, chưa có chế định về các tổ chức được chỉ định ở trong nước. Đây là một hạn chế khi Việt Nam triển khai thi hành Công ước La Hay 1993. Trường hợp công dân Việt Nam nhận trẻ em nước ngoài thường trú ở nước cùng là thành viên của Công ước La Hay 1993 sẽ không thực hiện được do không có tổ chức được chỉ định theo Công ước (tổ chức con nuôi được cấp phép).

Ngoài ra, các tổ chức con nuôi trong nước cũng có thể hỗ trợ công dân Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi trong nước trong việc chuẩn bị tâm lý, tập huấn về kiến thức pháp luật về nuôi con nuôi. Chế định tổ chức con nuôi trong nước sẽ bảo đảm quyền và lợi ích của trẻ em được nhận làm con nuôi, tránh các trường hợp trung gian bất hợp pháp trong lĩnh vực này.

*4.1.3.4. Các chính sách và cơ chế bảo đảm ~~vận~~ thi hành pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài*

Formatted: Heading 4

*a) Bảo đảm thực hiện nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước*

Theo Công ước ~~về~~ Quyền trẻ em và Công ước La Hay 1993, nuôi con nuôi có YTNNg là biện pháp cuối cùng sau khi đã tiến hành các biện pháp chăm sóc thay

thế trong nước nhưng không thành. Theo Joap Doek, nuôi con nuôi quốc tế biểu hiện cho việc "toàn cầu hóa" việc bảo vệ trẻ em, là bước ngoặt trong việc hoàn thiện hệ thống chăm sóc thay thế [63, HccH, đoạn 97].

Nguyên tắc này đòi hỏi các Nước gốc phải áp dụng các biện pháp duy trì trẻ em trong môi trường gia đình gốc hoặc họ hàng; nếu không thể thực hiện được phải tìm một gia đình lâu dài ổn định ở trong nước [60, HccH, tr.129]. Thủ tục giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg nên thuộc hệ thống chăm sóc thay thế dành cho trẻ em để không có sự cắt khúc trong việc thực hiện những biện pháp chăm sóc thay thế trong đó có việc nuôi con nuôi.

Công ước La Hay 1993 cũng yêu cầu các nước thành viên phải tăng cường các chính sách duy trì/bảo vệ gia đình và các giải pháp trong nước, tuy nhiên tránh gây cản trở cho việc nuôi con nuôi quốc tế [60, HccH, đoạn 48, tr.29].

Đối chiếu với các quy định của Luật trẻ em và Nghị định số 56/2016/NĐ-CP thì nuôi con nuôi là một biện pháp chăm sóc thay thế, các CSND và các cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện việc chuyển đổi hình thức chăm sóc thay thế phù hợp. Tuy nhiên, về vĩ mô thì pháp luật về nuôi con nuôi và pháp luật về trẻ em chưa có cơ chế gắn kết giữa việc nuôi con nuôi và các biện pháp chăm sóc thay thế trong hệ thống chăm sóc và bảo vệ trẻ em.

Về mặt chính sách, ~~Nhà nước~~Nhà nước chưa có chính sách hỗ trợ việc nuôi con nuôi đối với những trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ, trẻ em bị bỏ rơi hoặc trẻ em có các ~~hoàn cảnh đặc biệt~~HCĐB khác khi~~i~~ được nhận làm con nuôi. Trong khi đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, ~~nhà nước~~Nhà nước hỗ trợ hàng tháng cho người nhận chăm sóc nuôi dưỡng đối với trẻ em bị bỏ rơi chưa được nhận làm con nuôi. Người nhận chăm sóc thay thế trẻ em bị bỏ rơi sẽ được hưởng chế độ hỗ trợ tài chính, trong khi người nhận trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi lại không được hưởng chế độ hỗ trợ của ~~Nhà nước~~Nhà nước. Chính vì vậy, việc nhận trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt làm con nuôi trong nước không được khuyến khích, người dân có xu hướng nhận chăm sóc nuôi dưỡng tạm thời trẻ em thay vì nhận trẻ em làm con nuôi.

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

Ngoài ra, điểm b khoản 2 Điều 15 Luật nuôi con nuôi quy định UBND cấp xã có trách nhiệm hỗ trợ việc nuôi dưỡng trẻ em và thông báo, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân trong thời hạn 60 ngày để tìm người nhận trẻ em làm con nuôi. Tuy nhiên, theo Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP thì diện trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích không có khả năng nuôi dưỡng nếu không thuộc hộ nghèo thì không được hưởng trợ cấp hàng tháng.

Còn nếu hiểu đối tượng trẻ em mồ côi không có người nuôi dưỡng hoặc trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích không có khả năng nuôi dưỡng thuộc diện trợ giúp đột xuất thì theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, kinh phí trợ giúp đột xuất lấy từ nguồn ngân sách địa phương tự cân đối theo quy định pháp luật về ngân sách ~~nhà nước~~Nhà nước.

Điều này cho thấy việc quy định UBND cấp xã hỗ trợ nuôi dưỡng cho trẻ em cần tìm gia đình thay thế là một quy định tốt nhưng cơ chế bảo đảm thực hiện lại không có, thiếu cơ chế tài chính hỗ trợ cho đối tượng trẻ em cần tìm gia đình thay thế ở địa phương. Đối với việc tìm gia đình thay thế trong nước trên địa bàn phạm vi tỉnh cho trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng, thì lại không có quy định về kinh phí dành cho Sở Tư pháp để thực hiện việc đăng tin tìm gia đình thay thế trên các phương tiện thông tin đại chúng ở cấp tỉnh.

Đồng thời, cần có cơ chế tháo gỡ khó khăn cho các CSND trong công tác phân loại trẻ em cần tìm gia đình thay thế theo tình trạng sức khỏe của trẻ. Việc lập danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế phải dựa vào chính nhu cầu của trẻ em về hoàn cảnh gia đình, điều kiện xã hội, tâm lý, khả năng đoàn tụ gia đình gốc chứ không chỉ đơn thuần dựa vào nhu cầu sức khỏe để quyết định trẻ em nào cần tìm gia đình thay thế ở nước ngoài.

Như vậy, cơ chế tài chính là một trong những điểm gây hạn chế việc thực hiện nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước.

*b) Bảo đảm thực hiện nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em*

Biện pháp tìm gia đình cha mẹ nuôi phù hợp cho trẻ em là nhằm bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em. Nguyên tắc này đã được nội luật hóa tại Điều 35 Luật nuôi con nuôi khi giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài. Tuy nhiên, Công ước La

Hay 1993 yêu cầu việc giới thiệu trẻ em phải do các nhà chuyên môn đa ngành nghề thực hiện, dựa trên nhu cầu cần tìm gia đình thay thế của trẻ em và khả năng tiếp nhận con nuôi của cha mẹ nuôi tương lai, chứ không phải chỉ dựa trên những điều kiện pháp lý.

Do vậy, việc hoàn thiện quy định pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg phải đáp ứng yêu cầu của Công ước La Hay 1993 về việc tìm gia đình nhận con nuôi phù hợp với trẻ em có nhu cầu được nhận làm con nuôi.

Trong quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg, cơ quan có thẩm quyền của Nước gốc phải có trách nhiệm thu thập và lưu giữ thông tin của trẻ em và gia đình cha mẹ đẻ của trẻ. Trách nhiệm này bảo đảm cho trẻ em quyền có được thông tin về cha mẹ đẻ của mình theo khoản 1 Điều 7 Công ước Quyền trẻ em, đồng thời phải có cơ chế tiếp cận thông tin về nguồn gốc của trẻ em trong chừng mực pháp luật của nước đó cho phép theo Điều 30 Công ước La Hay 1993 [60, HccH, tr.127].

Một số Nước nhận không hạn chế quyền tiếp cận thông tin của trẻ em khi đã ở độ tuổi thành niên. Một số nước liên bang, luật của tỉnh, bang được áp dụng đối với việc tiếp cận thông tin của con nuôi. Một số nước gốc quyền tiếp cận thông tin của trẻ em về nguồn gốc của mình được Hiến pháp bảo vệ [60, HccH, tr.128]. Ở nước ta, BLDS năm 2015 quy định đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, pháp luật về nuôi con nuôi chưa có quy định cụ thể về vấn đề tiếp cận nguồn gốc của con nuôi cũng như cơ chế để bảo đảm thực hiện quyền được biết về nguồn gốc của mình.

*~~e)~~c) Bảo đảm thực hiện nguyên tắc tách bạch việc nuôi con nuôi và hỗ trợ nhân đạo*

Trong một thời gian dài, hoạt động nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta gắn liền với hỗ trợ nhân đạo do ~~cơ chế~~quy định pháp luật cho phép theo ~~[~~khoản 3 Điều 58 Nghị định số 68/2002/NĐ-CP quy định các tổ chức con nuôi nước ngoài phải có chương trình, kế hoạch hoặc dự án hoạt động nhân đạo, từ thiện nhằm hỗ trợ việc xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi~~]~~. Quy định pháp luật đó đã dẫn đến những hệ lụy tiêu cực, thỏa thuận ngầm trong việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi, trái với pháp luật và thông lệ quốc tế [15, Chính phủ, tr.9].

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Italic

**Formatted:** Numbered + Level: 1 + Numbering Style: a, b, c, … + Start at: 1 + Alignment: Left + Aligned at: 1.5 cm + Indent at: 2.14 cm

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Not Italic

Vì vậy, Điều 7 Luật nuôi con nuôi quy định ~~nhà nước~~Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân hỗ trợ nhân đạo cho việc chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, việc hỗ trợ nhân đạo không được ảnh hưởng đến việc cho nhận con nuôi.

Tuy nhiên, Điều 4 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP quy định về hỗ trợ nhân đạo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em thông qua chương trình, dự án chưa phù hợp với thực tiễn [5, Bộ Tư pháp]. Một số khái niệm cơ bản như ”không ảnh hưởng tới việc nuôi con nuôi” và ”hỗ trợ phi dự án” không có hướng dẫn cụ thể. Hơn nữa, cơ chế bảo đảm tuân thủ nguyên tắc tách bạch hỗ trợ nhân đạo và việc nuôi con nuôi lại không được quy định cụ thể, thiếu hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này.

Formatted: Font: Not Italic

Trên thực tế, việc hỗ trợ nhân đạo thường được thực hiện dưới hình thức tặng cho bằng tiền hoặc hiện vật (viện trợ phi dự án). Tuy nhiên, hình thức hỗ trợ này lại không được quy định trong Nghị định số 19/2011~~22~~/NĐ-CP, do đó không có sự kiểm tra, giám sát của cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước có thẩm quyền [5, Bộ Tư pháp].

Formatted: Font: Not Italic

Quy định tách bạch hoạt động nuôi con nuôi và hỗ trợ nhân đạo là hoàn toàn phù hợp với Công ước La Hay 1993, nhằm ngăn ngừa sự lệ thuộc về tài chính giữa việc nuôi con nuôi có YTNNg với các khoản hỗ trợ nhân đạo, ngăn chặn và phòng ngừa việc thu lợi bất chính trong việc cho nhận con nuôi có YTNNg. Thực hiện tốt nguyên tắc này cũng chính là thực hiện tốt nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em được cho làm con nuôi.

Qua phân tích ảnh hưởng của thực trạng pháp luật và hoàn thiện pháp luật tới thực tiễn giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg cho thấy, mức độ hoàn thiện của quy định pháp luật và cơ chế bảo đảm tuân thủ nguyên tắc chưa đáp ứng yêu cầu, dẫn đến thực trạng giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg~~G~~ gắn với các khoản hỗ trợ tài chính dưới hình thức tặng cho trực tiếp, dẫn đến sự hoài nghi về mức độ minh bạch tài chính của các nước có quan hệ hợp tác với nước ta.

Để bảo đảm các quy định pháp luật phát huy hiệu quả trên thực tế, việc hoàn thiện các văn bản QPPL về nuôi con nuôi có YTNNg phải đáp ứng yêu cầu của Công ước La Hay 1993 về vấn đề tài chính, có biện pháp tháo gỡ những vướng mắc khó khăn về cơ chế tài chính cho các CSND được thụ hưởng các khoản chi phí giải quyết

việc nuôi con nuôi có YTNNg, không nên đặt vấn đề hỗ trợ nhân đạo trong hệ thống văn bản QPPL về nuôi con nuôi [67, Cơ quan xã hội quốc té].

**4.2. Kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta trong tình hình mới**

Trên cơ sở lý luận mới về hệ thống pháp luật và Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật cho đến năm 2020, căn cứ nhu cầu hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg, nghiên cứu sinh đề xuất 4 nhóm giải pháp cơ bản hoàn thiện pháp luật, bao gồm giải pháp hoàn thiện hệ thống các QPPL về nuôi con nuôi có YTNNg thông qua nội luật hóa Công ước La Hay 1993, giải pháp các thiết chế bảo đảm thực hiện pháp luật, giải pháp về tổ chức thi hành pháp luật và giải pháp về nguồn nhân lực và cơ cấu tổ chức.

***4.2.1. Nội luật hóa Công ước La Hay 1993***

*4.2.1.1. Thay thế một số khái niệm*

*a) Sử dụng thuật ngữ gia đình nhận con nuôi thay cho thuật ngữ gia đình thay thế*

Theo thông lệ quốc tế, biện pháp chăm sóc thay thế chính là việc giao/nhận tạm thời chăm sóc và nuôi dưỡng (*foster care*) một trẻ em có ~~hoàn cảnh đặc biệt~~ HCĐB cho một gia đình đã đăng ký nhận chăm sóc thay thế. Đó chính là gia đình nhận chăm sóc thay thế, tiếng Anh gọi là *"family foster care"* hoặc theo tiếng Pháp là *"famille d'accueil"*.

Hình thức chăm sóc thay thế *"foster care"* này không tạo ra mối quan hệ gia đình/quan hệ cha mẹ con giữa trẻ em và người nhận chăm sóc thay thế, trong khi đó việc nuôi con nuôi là nhằm tạo lập mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, bền vững giữa người nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi.

Trong nội dung Công ước La Hay 1993 không có thuật ngữ gia đình thay thế. Theo Lời nói đầu của Công ước, thì nuôi con nuôi quốc tế là đem lại một gia đình lâu dài cho những trẻ em không tìm được một gia đình thích hợp tại Nước gốc của mình.



**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Normal

**Formatted:** Font: Italic, Condensed by 0.8 pt

**Formatted:** Font: Not Bold, Italic

**Formatted:** Font: Not Bold

Vì vậy, nếu sử dụng thuật ngữ "*gia đình thay thế*" nhằm chỉ gia đình nhận con nuôi theo khoản 9 Điều 3 Luật nuôi con nuôi thì, vừa không phù hợp với bản chất pháp lý của việc nuôi con nuôi, vừa gây sự nhầm lẫn với gia đình nhận chăm sóc thay thế theo quy định tại Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

Nếu sử dụng thuật ngữ "*gia đình nhận con nuôi*" sẽ phù hợp với hệ thống văn bản QPPL về trẻ em, phân biệt được việc nuôi con nuôi với các hình thức chăm sóc thay thế khác và thể hiện được bản chất pháp lý của việc nuôi con nuôi. Thuật ngữ này tương ứng với thuật ngữ "*người nhận con nuôi*" hoặc "*gia đình nhận con nuôi*". Sau khi gia đình nhận trẻ em làm con nuôi hoàn tất thủ tục đăng ký nhận con nuôi thì trở thành gia đình cha mẹ nuôi.

*b) Sử dụng thuật ngữ nuôi con nuôi quốc tế thay cho thuật ngữ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài~~YTNNg~~*

Trong khi thuật ngữ nuôi con nuôi có YTNNg được sử dụng phổ biến và chính thức ở nước ta để chỉ hoạt động cho nhận trẻ em làm con nuôi người nước ngoài thì, trên thế giới thuật ngữ nuôi con nuôi quốc tế lại được sử dụng phổ biến trong các văn bản QPPL của nhiều nước như Pháp, Tây Ban Nha, Italia, Ailen và Công ước La Hay 1993.

Ở nước ta, thuật ngữ nuôi con nuôi quốc tế chỉ được sử dụng trong một số công trình nghiên cứu khoa học [27][24][21][15][33] nhằm chỉ việc nuôi con nuôi có YTNNg nhưng với những ý nghĩa khác nhau.

Tác giả Nguyễn Hồng Bắc cho rằng giải pháp nuôi con nuôi quốc tế được thực hiện sau giải pháp nuôi con nuôi trong nước nhằm đem lại cho trẻ một gia đình ổn định khi không tìm được một gia đình ở trong nước [22]. Đây là quan điểm coi nuôi con nuôi quốc tế là một biện pháp chăm sóc thay thế cuối cùng dành cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Tác giả Vũ Ngọc Bình xác định nuôi con nuôi nước ngoài là một biện pháp phúc lợi dành cho trẻ em (*a child welfare mesure*) trong hệ thống chính sách quốc gia về chăm sóc và bảo vệ trẻ em [23]. Dưới góc độ bảo trợ xã hội, nuôi con nuôi quốc tế hay nuôi con nuôi nước ngoài/có YTNNg đều là biện pháp chăm sóc thay thế dành cho trẻ em có ~~hoàn cảnh đặc biệt~~HCĐB.

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

Dưới góc độ nhân chủng học, quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg/nuôi con nuôi quốc tế được hình thành từ việc công dân của nước này nhận trẻ em của nước khác về nuôi dưỡng và coi như con đẻ của mình; nguồn gốc và chủng tộc của trẻ em nước ngoài được nhận làm con nuôi dễ dàng nhận biết do có sự khác biệt với người nhận con nuôi. Nuôi con nuôi có YTNNg hay nuôi con nuôi quốc tế tạo ra đặc điểm pha trộn nguồn gốc và văn hóa trong gia đình nhận trẻ em có nguồn gốc nước ngoài làm con nuôi.

Trong cả hai khái niệm, khi có yếu tố ngoại lai (yếu tố nước ngoài/quốc tế) [35] tham gia vào hành vi cho, nhận con nuôi thì quan hệ nuôi con nuôi sẽ trở thành quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg/nuôi con nuôi quốc tế. Yếu tố ngoại lai được xác định theo quốc tịch, hoặc/và theo nơi thường trú của người nhận con nuôi và người được nhận con nuôi [46, tr.198].

Trong tư pháp quốc tế, khi có sự hiện diện của các chủ thể có quốc tịch khác nhau hoặc có nơi thường trú/cư trú khác nhau thì đều dẫn đến xung đột pháp luật [46, tr.198] do bản cho bảnn xung đột pháp luật [sự hiện diện của các chủ thể có quốc tịch ]. Quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg/nuôi con nuôi quốc tế về bản chất đều là quan hệ dân sự, gia đình có yếu tố nước ngoài/quốc tế và đều dẫn đến hiện tượng xung đột pháp luật. Do Công ước La Hay 1993 không giải quyết vấn đề xung đột pháp luật nên các nước thành viên phải điều chỉnh vấn đề này theo nội luật của mỗi nước [44, tr.41, Goldstein Gérald].

Như vậy, quan điểm phân biệt nuôi con nuôi có YTNNg và nuôi con nuôi quốc tế dưới góc độ xây dựng quy phạm xung đột pháp luật [22] không phải là sự phân biệt thích đáng. Theo pháp luật của nhiều nước trên thế giới, vấn đề giải quyết xung đột pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg/quốc tế đều được đặt ra trong hệ thống các văn bản QPPL về nuôi con nuôi.

Suy cho cùng, nuôi con nuôi có YTNNg và nuôi con nuôi quốc tế đều có cùng mục đích, cùng tuân thủ nguyên tắc, thẩm quyền, điều kiện và trình tự, thủ tục giải quyết và đều dẫn đến hiện tượng xung đột pháp luật, do có sự hiện diện của các yếu tố nước ngoài/quốc tế. Do đó, việc phân biệt nuôi con nuôi có YTNNg và nuôi con nuôi quốc tế chỉ mang tính chất tương đối.



**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

Theo nghiên cứu sinh, thuật ngữ nuôi con nuôi quốc tế hoàn toàn có thể thay thế cho thuật ngữ nuôi con nuôi có YTNNg. Trên thực tế, một số quy định pháp luật của nước ta đã sử dụng thuật ngữ "*nuôi con nuôi nước ngoài*" tương đương với thuật ngữ "*nuôi con nuôi quốc tế*".

Nuôi con nuôi quốc tế ngày nay trở thành một khái niệm chung, được sử dụng phổ biến và rộng rãi, nhằm chỉ hiện tượng cho và nhận trẻ em từ một nước chậm/ đang phát triển làm con nuôi ở nước ngoài, với mục tiêu tìm một gia đình thay thế ở nước ngoài khi không có một gia đình phù hợp cho trẻ em ở Nước gốc ~~[~~(*Lời nói đầu Công ước La Hay 1993*)~~]~~.

Hiện nay, việc nuôi con nuôi quốc tế không chỉ dựa vào ý chí thỏa thuận của các cá nhân mà nay trở thành nhiệm vụ của ~~Nhà nước~~Nhà nước và cần phải có sự hợp tác giữa các nước với nhau, thông qua việc các quốc gia ký kết các điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương về nuôi con nuôi quốc tế nhằm mục đích bảo vệ trẻ em. Trong bối cảnh Việt Nam đã trở thành thành viên Công ước La Hay 1993 thì việc giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg phải theo xu hướng chung, tuân thủ mục tiêu và nguyên tắc của ĐƯQT về nuôi con nuôi nhằm bảo đảm quyền và lợi ích tốt nhất của trẻ em, phòng chống tệ nạn bắt cóc, mua bán trẻ em để cho làm con nuôi vì mục đích trục lợi. Do đó, việc sử dụng chính thức thuật ngữ "*nuôi con nuôi quốc tế*" thay vì "*nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài*" được quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật nuôi con nuôi là một yêu cầu khách quan, bảo đảm xu hướng hội nhập quốc tế và phù hợp với Công ước La Hay 1993.

*4.2.1.2. Bổ sung một số quy định pháp luật bảo đảm tính tương thích với Công ước La Hay 1993*

*a) Xác định phạm vi áp dụng của Công ước La Hay 1993*

Theo phân tích tại mục 3.1.1.1,~~ở trên,~~ Luật nuôi con nuôi chưa có quy định về việc xác định phạm vi áp dụng của Công ước La Hay 1993. Vì vậy dẫn đến thực trạng lẩn tránh áp dụng Công ước và Công ước chưa được áp dụng một cách thống nhất.

qQuy định tại Điều 28 Luật nuôi con nuôi chỉ liệt kê những trường hợp nuôi con nuôi có YTNNg trong đó có trường hợp nuôi con nuôi giữa người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước cùng là thành viên điều ước quốc tế với Việt Nam.

Tuy nhiên, Tuy nhiên,theo Điều 2 Công ước La Hay 1993 sẽ không được áp dụng nếu chỉ căn cứ vào yếu tố thường trú ở nước cùng là thành viên của Công ước, mặc dù đó là yếu tố xác đáng để xác định phạm vi áp dụng của Công ước [60, đo của Cô tr.110]. Công ưủa Công ước [xác định trng ưủđã, đang hong sẽã, đang hong ước [xác định phạ nhằnh đang hong ước [xác định phạm, đođang hong ước ].

Đối chiếu với khoản 5 Điều 3 và khoản 1 Điều 28 Luật nuôi con nuôi thì yếu tố di chuyển trẻ em từ nước này sang nước khác nhằm mục đích cho làm con nuôi chưa được quy định để xác định phạm vi áp dụng theo Điều 2 Công ước. Quy định này là cần thiết vì theo BLDS năm 2015, chủ thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài không còn là chủ thể của quan hê dân sư có YTNNg [25]. Do đó, trường hợp công dân Việt Nam ở nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi cũng phải tuân thủ Công ước khi di chuyển trẻ em từ nước thành viên này sang nước thành viên khác.

~~Giả sử trường hợp trẻ em có quốc tịch Bra-xin thường trú ở nước Costa Rica, theo Công ước La Hay 1993, thẩm quyền giải quyết thuộc về các cơ quan có thẩm quyền của nước Costa Rica nơi trẻ em thường trú. Cơ quan trung ương về con nuôi quốc tế của nước này sẽ tiếp nhận đơn xin nhận con nuôi và áp dụng thủ tục và các biện pháp bảo đảm theo Công ước La Hay 1993 [*60, đoạn 480, tr.110*]. Trường hợp nếu trẻ em đó được đưa sang nước Bra-xin (nước mà trẻ em mang quốc tịch) để nhằm mục đích nuôi con nuôi thì vẫn phải áp dụng Công ước [*60, đoạn 480, tr.110*].~~

Ngoài ra, ~~Đ~~đối chiếu với các quy định của pháp luật trong nước thì rõ ràng Điều 28 Luật nuôi con nuôi chưa quy định trường hợp trẻ em có quốc tịch nước ngoài thường trú ở Việt Nam được nhận làm con nuôi thì cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết. Trên thực tế, các cơ quan có thẩm quyền của nước ta không xác định được thẩm quyền giải quyết trong trường hợp trẻ em nước ngoài cư trú ở Việt Nam được công dân Việt Nam nhận làm con nuôi.

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

**Formatted:** Font: Not Bold

**Formatted:** Font: Not Bold, Not Italic

Do đó, cần quy định bổ sung các tiêu chí áp dụng Công ước La Hay 1993 tại Điều 28 Luật nuôi con nuôi, nhằm phân biệt với các trường hợp nuôi con nuôi có YTNNg không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước La Hay.

*b) Quy định thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi quốc tế theo Công ước La Hay 1993*

Pháp luật hiện hành quy định hai loại thủ tục giới thiệu trẻ em theo Điều 36 Luật nuôi con nuôi và thủ tục nhận con nuôi đích danh theo khoản 2 Điều 28 Luật nuôi con nuôi và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP.

Qua thực tiễn cho thấy đa số trẻ em ở CSND chủ yếu là những trẻ em thuộc diện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 Luật Nuôi con nuôi được giải quyết đích danh cho làm con nuôi nước ngoài. Theo nghiên cứu sinh, quy định thủ tục giải quyết đích danh cho làm con nuôi ở nước ngoài đối với việc nhận trẻ em ở CSND là chưa phù hợp với Điều 39 Công ước La Hay 1993, vì tạo sự tiếp xúc trực tiếp giữa người nuôi dưỡng trẻ em với tổ chức con nuôi nước ngoài.

Do đó, cần giới hạn đối tượng trẻ em được giải quyết đích danh cho làm con nuôi nước ngoài theo điểm d khoản 2 Điều 28 Luật nuôi con nuôi. ~~Nên chăng~~Theo nghiên cứu sinh, pháp luật cần quy định rõ đối với trẻ em ở CSND thì phải giải quyết theo thủ tục giới thiệu trẻ em theo Điều 36 Luật nuôi con nuôi hoặc trong trường hợp việc nuôi con nuôi thuộc phạm vi áp dụng Công ước La Hay 1993 thì phải được giải quyết theo thủ tục được quy định từ Điều 14 đến Điều 22 Công ước.

Việc bổ sung quy định về thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg theo Công ước La Hay 1993 là cần thiết nhằm khắc phục khiếm khuyết của thủ tục giải quyết cho nhận con nuôi đích danh theo quy định của Luật nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP. Thủ tục này chưa phù hợp với Điều 17c) Công ước La Hay 1993 do còn thiếu thủ tục thông báo kết quả giới thiệu trẻ em được cho làm con nuôi ở nước ngoài cho Cơ quan trung ương của Nước nhận.

Việc khiếm khuyết trong thủ tục giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg theo thủ tục nhận con nuôi đích danh có thể dẫn đến việc quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi không được công nhận ở các nước thành viên của Công ước, trừ phi cả Nước nhận và Nước gốc cùng thỏa thuận về hiệu lực hồi tố của Điều 17c) của

Công ước La Hay 1993 và các cơ quan có thẩm quyền phải lập giấy chứng nhận theo Điều 23 (1) Công ước [60, đo ướcận theo Đi].

Để khắc phục khiếm khuyết trong thủ tục giải quyết, Thông tư số 15/2014/TT-BTP đã quy định thủ tục thông báo kết quả giới thiệu trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo cho cơ quan có thẩm quyền của Nước nhận. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh của Thông tư chỉ giới hạn đối với trường hợp trẻ em thuộc diện Danh sách 2 (trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo) trong khi Công ước La Hay 1993 điều chỉnh cả trường hợp nhận con riêng, cháu ruột của người nhận con nuôi.

*c)*

*~~c)~~Bổ sung quy định về hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg, chuyển đổi và công nhận việc nuôi con nuôi*

Theo phân tích ở trên, hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg là một chế định quan trọng liên quan đến nhân thân và tình trạng hộ tịch, quốc tịch của trẻ em sau khi được nhận làm con nuôi, nhằm bảo đảm cho con nuôi nước ngoài có sự gắn bó và hòa nhập trọn vẹn với gia đình cha mẹ nuôi nước ngoài.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Luật Nuôi con nuôi, Chính phủ đã đề xuất việc giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg theo hình thức nuôi con nuôi trọn vẹn nhằm bảo đảm quyền và lợi ích của trẻ em [15]. Tuy nhiên, đề xuất đó không được ~~Quốc hội không~~ thông qua ~~đề xuất đó;~~ , đồng thời dự thao Luật cũng không xây dựng quy định về hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg~~thay thế trong dự thảo Luật~~. Điều này dẫn đến Luật nuôi con nuôi không có quy định về hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg.

Theo nghiên cứu sinh, việc bổ sung quy định về hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg là cần thiết. Nội dung quan trọng của quy định về hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg chính là việc phải xác định có duy trì hay cắt đứt hoàn toàn mối quan hệ tồn tại trước đó giữa con nuôi và cha mẹ đẻ; quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài không bị chấm dứt, thu hồi hay hủy bỏ.

Theo nghiên cứu sinh, nên quy định hai hình thức nuôi con nuôi trọn vẹn và đơn giản cho phù hợp với thông lệ quốc tế. Việc nhận con nuôi theo hình thức trọn vẹn phù hợp với những trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em bị mồ côi cả cha và mẹ hoặc cha mẹ



**Formatted:** Font: Not Italic

**Formatted:** Font: Italic

**Formatted:** Indent: Left: 1.27 cm

**Formatted:** Font: Not Italic

đẻ đồng ý với hình thức nuôi con nuôi trọn vẹn. Hình thức này tương ứng với hình thức con nuôi có văn tự theo Bộ luật Hồng Đức.

Việc nhận con nuôi đơn giản có thể không giới hạn độ tuổi của con nuôi nhằm bảo đảm quyền được nhận làm con nuôi theo BLDS 2015 hoặc những trường hợp cha mẹ đẻ thể hiện ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi theo hình thức đơn giản. Tức là quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tồn tại đồng thời với quan hệ cha mẹ và con giữa cha mẹ đẻ và người được nhận làm con nuôi.

Quy định về hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg bao gồm cả nội dung chuyển đổi việc nuôi con nuôi theo khoản 1 Điều 27 Công ước La Hay 1993. Việc bổ sung quy định chuyển đổi việc nuôi con nuôi là cần thiết nhằm bảo đảm quyết định nuôi con nuôi của nước ngoài sẽ phát sinh hệ quả ở Việt Nam phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993, việc đương nhiên công nhận quyết định nuôi con nuôi quốc tế được thực hiện ở nước ngoài được công nhận theo Điều 24 Công ước cũng phải được nội luật hóa theo hướng phân biệt rõ thủ tục đương nhiên công nhận việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài nếu như thủ tục được thực hiện theo Công ước La Hay 1993, trừ trường hợp vi phạm trật tự công hoặc những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Các quyết định nuôi con nuôi quốc tế được đương nhiên công nhận sẽ được ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

Trường hợp việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài, cần có thủ tục công nhận việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, trước khi ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về hộ tịch, nhằm tránh cho các cơ quan đăng ký hộ tịch ghi chú các quyết định nuôi con nuôi ở nước ngoài trái với trật tự công hoặc những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

*4.2.1.3. Bãi bỏ một số quy định cản trở việc thực hiện nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước*

Formatted: Font: 14 pt, Not Highlight

Formatted: Heading 4, Indent: First line: 0 cm, Tab stops: Not at 11.05 cm

Để bảo đảm không phân biệt đối tượng trẻ em được cho làm con nuôi trong nước và nước ngoài, không hạn chế quyền của trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước, nghiên cứu sinh đề xuất bãi bỏ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP. Quy định miễn thủ tục tìm gia đình thay thế trong nước đối với trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo là không phù hợp với khuyến nghị của Công ước La Hay 1993.

Đồng thời, bãi bỏ Điều 11 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP quy định UBND cấp chỉ định các CSND tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài. Quy định này đã hạn chế quyền được nhận làm con nuôi trong nước và nước ngoài của những trẻ em sống ở các CSND không được chỉ định, tạo sự phân biệt CSND công lập và ngoài công lập. Trên thực tế, những CSND không được UBND cấp tỉnh chỉ định thường không lập danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế trên phạm vi tỉnh và toàn quốc.

Do đó, việc bãi bỏ những quy định pháp luật nêu trên là cần thiết nhằm bảo đảm tính thống nhất và liên thông trong hệ thống pháp luật về trẻ em và pháp luật về nuôi con nuôi, bảo đảm không có sự phân biệt đối xử trẻ em trong trình tự thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước và nước ngoài.

*4.2.1.4. Bổ sung quy định xác định điều kiện nuôi con nuôi trong nước*

Formatted: Heading 4, Indent: First line: 0 cm, Tab stops: Not at 11.05 cm

Như phân tích ở trên, để bảo đảm tính liên thông giữa con nuôi trong nước và con nuôi nước ngoài, theo nghiên cứu sinh cần thiết phải bổ sung quy định về việc xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi, xác nhận điều kiện của người nhận con nuôi.

Theo quy định hiện hành, đối tượng trẻ em được cho làm con nuôi ở nước ngoài lại được xác định dễ dàng hơn đối tượng trẻ em được cho làm con nuôi trong nước. Đây cũng là một cản trở trong việc thực thi Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay 1993 khi thực hiện nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước. Trẻ em dù được nhận làm con nuôi trong nước hay nước ngoài đều phải được hưởng các dịch vụ và

thủ tục như nhau, không được phân biệt đối xử giữa trẻ em được nhận làm con nuôi ở nước ngoài với trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước.

Pháp luật thực định về nuôi con nuôi ở nước ta hiện nay còn phân biệt trẻ em được cho làm con nuôi trong nước và trẻ em được cho làm con nuôi ở nước ngoài và người nhận làm con nuôi trong nước chưa được đánh giá và xác nhận điều kiện nuôi con nuôi. Chính vì vậy đã dẫn đến hiện tượng người nhận con nuôi mang trả lại trẻ em đã được nhận làm con nuôi do không đáp ứng được yêu cầu và mục đích của mình [6]. Điều này ~~sẽ~~ làm ảnh hưởng tới lợi ích tốt nhất của trẻ em, hoặc có thể trẻ em được cho làm con nuôi trong trường hợp không cần thiết.

Theo Công ước La Hay 1993, xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi là một biện pháp bảo đảm quan trọng để thực hiện tốt nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Vì vậy, đối với trẻ em được cho làm con nuôi trong nước cần phải có thủ tục xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi, tương tự như điều kiện đối với trẻ em được cho làm con nuôi ở nước ngoài.

Ngoài ra, do hệ thống văn bản QPPL về nuôi con nuôi còn thiếu quy định hướng dẫn cụ thể đối tượng trẻ em được cho làm con nuôi nên các cơ quan có thẩm quyền gặp khó khăn trong việc giải quyết nuôi con nuôi. Vì vậy, cần bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể đối tượng trẻ em được cho làm con nuôi theo quy định tại Điều 8 Luật ~~N~~nuôi con nuôi, theo hướng đối tượng trẻ em được cho làm con nuôi phải thống nhất với đối tượng trẻ em cần được chăm sóc thay thế bao gồm trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi và trẻ em không nơi nương tựa.

Theo nghiên cứu sinh, nội dung quy định xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi phải bao gồm quy định cụ thể về đối tượng trẻ em được cho làm con nuôi, các tiêu chí về gia đình, sức khỏe, tâm lý và xã hội để đánh giá nhu cầu trẻ em cần được nhận làm con nuôi, điều kiện pháp lý liên quan đến trẻ em và trình tự thủ tục xác nhận và điều kiện của người trong nước nhận con nuôi.

Đặc biệt hơn, Luật nuôi con nuôi cho phép công dân Việt Nam trực tiếp nhận trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác làm con nuôi, trong khi Luật trẻ em và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP yêu cầu cá nhân, gia đình

nhận chăm sóc thay thế phải đăng ký nhu cầu nhận chăm sóc thay thế, được đào tạo, tập huấn và được cơ quan có thẩm quyền cho phép nhận trẻ em chăm sóc thay thế.

Ngoài ra, pháp luật về trẻ em cho phép người nước ngoài cư trú có thời hạn ở Việt Nam theo điểm d khoản 3 Điều 42 của Nghị định số 56/2016/NĐ-CP được nhận chăm sóc thay thế trẻ em. Đây là một thay đổi căn bản trong việc thực hiện pháp luật về trẻ em. Theo quy định của Luật nuôi con nuôi thì đối tượng trẻ em bị bỏ rơi hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được người nước ngoài cư trú ở Việt Nam nhận về chăm sóc, nuôi dưỡng không thuộc diện được cho làm con nuôi nước ngoài.

Trên thực tế, khi người nước ngoài cư trú có thời hạn ở Việt Nam đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam giao chăm sóc thay thế trẻ em, nếu họ có nhu cầu nhận trẻ em đó làm con nuôi thì có được các cơ quan có thẩm quyền xem xét và chuyển đổi sang hình thức nuôi con nuôi không ?

Nếu chấp thuận cho họ nhận trẻ em được chăm sóc thay thế làm con nuôi thì pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg sẽ có sự thay đổi cơ bản về đối tượng trẻ em được nhận làm con nuôi. Trong trường hợp này việc sửa đổi Điều 8 Luật nuôi con nuôi là cần thiết, theo hướng bổ sung đối tượng trẻ em được nhận chăm sóc thay thế có thể được cho làm con nuôi nếu có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi.

### *4.2.2. Hoàn thiện ~~hệ thống~~các quy phạm xung đột pháp luật*

Formatted: Heading 3, Indent: First line: 0 cm, Tab stops: Not at 11.05 cm

*4.2.2.1. Bổ sung quy định xác định pháp luật áp dụng về điều kiện ~~nuôi con nuôi~~ của người nhận con nuôi*

*a) Trường hợp người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi*

Theo phân tích ở trên, khoản 1 Điều 29 Luật nuôi con nuôi mới chỉ quy định xác định luật áp dụng về điều kiện đối với người nhận con nuôi được xác định theo pháp luật của nước nơi người nhận con nuôi thường trú và Điều 14 của Luật này. Người nhận con nuôi trong trường hợp này được ngầm hiểu là một người hoặc một cặp vợ chồng nhận con nuôi có cùng quốc tịch. Quy định này chưa dự liệu được

những trường hợp nuôi con nuôi có YTNNg không có tính chất thuần túy (không có cùng quốc tịch hoặc không có cùng nơi cư trú/thường trú).

Trong khi đó trên thực tế lại xảy ra những trường hợp người nhận con nuôi là một cặp vợ chồng có quốc tịch khác nhau hoặc không có cùng nơi thường trú. ~~Khoản 1 Điều 29 chưa dự liệu những trường hợp này, d~~Do đó thực tiễn áp dụng khoản 1 Điều 29 Luật nuôi con nuôi ~~pháp luật~~ còn gặp khó khăn.

Cụ thể như trường hợp nhận nuôi con nuôi giữa trẻ em Việt Nam và người nhận con nuôi là một cặp vợ chồng trong đó một bên vợ/chồng là công dân Việt Nam thường trú ở Việt Nam còn người kia ở nước ngoài hoặc công dân Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài nhưng chưa có thẻ thường trú ở nước sở tại hoặc chưa có quốc tịch nước ngoài và một bên có quốc tịch nước ngoài thường trú ở nước đó.

Trên thực tế tòa án của Đài Loan (Trung Quốc) chỉ ra quyết định cho nhận con nuôi đối với bên vợ/chồng là người có quốc tịch của nước sở tại và thường trú ở nước sở tại, từ chối ra quyết định cho nhận con nuôi đối với bên chồng/vợ là người có quốc tịch nước ngoài hoặc không thường trú ở nước sở tại.

Trong trường hợp này, theo nghiên cứu sinh nên bổ sung quy định giải quyết xung đột pháp luật nếu cặp vợ chồng người nhận con nuôi có quốc tịch khác nhau hoặc có nơi thường trú khác nhau. Trong trường hợp này có thể xác định pháp luật áp dụng theo hướng điều kiện nuôi con nuôi được xác định theo pháp luật điều chỉnh hệ quả hôn nhân hoặc nơi thường trú chung của hai vợ chồng; trường hợp có nơi thường trú khác nhau thì pháp luật áp dụng có thể được xác định theo quy định giải quyết xung đột pháp luật của nước nơi người vợ/chồng thường trú.

~~f)~~*a) Trường hợp công dân Việt Nam nhận con nuôi ở nước ngoài*

Formatted: Font: Italic

Formatted: Numbered + Level: 1 + Numbering Style: a, b, c, … + Start at: 1 + Alignment: Left + Aligned at: 1 cm + Indent at: 1.63 cm

Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật nuôi con nuôi, trường hợp công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em Việt Nam hoặc trẻ em nước ngoài thường trú ở nước ngoài làm con nuôi phải có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 14 Luật này và pháp luật của nước nơi người được nhận làm con nuôi thường trú.

Theo nghiên cứu sinh, đối với công dân Việt Nam nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi thì chỉ cần quy định người nhận con nuôi đủ điều kiện theo quy định pháp luật Việt Nam. Quy định như khoản 2 Điều 29 Luật nuôi con nuôi hiện nay là quá

chặt chẽ và có thể dẫn đến việc hạn chế quyền nhận con nuôi của công dân mình vì nếu như pháp luật của nước nơi người được nhận làm con nuôi thường trú chỉ yêu cầu người nhận con nuôi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật của nước mà người đó có quốc tịch (*lex nationalis*). Đồng thời, các cơ quan có thẩm quyền của nước ta cũng không thể xác nhận được việc công dân Việt Nam đủ điều kiện theo pháp luật của nước nơi người được nhận làm con nuôi thường trú.

Pháp luật nước ta cũng chưa có quy định xác định pháp luật áp dụng trong trường hợp quy phạm xung đột của pháp luật nước ngoài dẫn chiếu áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg liên quan đến công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Trên thực tế, hệ thuộc luật quốc tịch là hệ thuộc luật phổ biến đối với các nước châu Âu như Pháp, Đức, Bồ Đào Nha để xác định pháp luật áp dụng đối với điều kiện nuôi con nuôi. Ví dụ như trường hợp công dân Việt Nam thường trú ở Đức nhận một trẻ em có quốc tịch Đức thường trú ở Đức làm con nuôi, theo Điều 4 Luật Tư pháp quốc tế của Đức thì điều kiện của người nhận con nuôi được xác định theo pháp luật của nước mà người đó có quốc tịch (tức là pháp luật Việt Nam) trong khi đó việc nhận con nuôi hoàn toàn không phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam.

Trong trường hợp này, nếu phía Đức yêu cầu Việt Nam xác nhận điều kiện nuôi con nuôi đối với công dân Việt Nam thì theo quy định hiện hành không có cơ quan nào của Việt Nam có thẩm quyền xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở Đức đáp ứng đủ điều kiện nuôi con nuôi trên lãnh thổ Đức, vì Điều 40 Luật nuôi con nuôi chỉ quy định Bộ Tư pháp xác nhận điều kiện nuôi con nuôi đối với công dân Việt Nam thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.

Mặt khác, Điều 40 Luật nuôi con nuôi chưa quy định trường hợp xác nhận điều kiện nuôi con nuôi đối với một cặp vợ chồng trong đó một bên có quốc tịch Việt Nam và một bên có quốc tịch nước ngoài. Thực tiễn đã xảy ra trường hợp này và cơ quan có thẩm quyền của nước ta gặp khó khăn trong việc xác định điều kiện nuôi con nuôi cho cặp vợ chồng người nhận con nuôi đó.

*~~a)~~b) Trường hợp trẻ em nước ngoài cư trú ở Việt Nam*

**Formatted:** Numbered + Level: 1 + Numbering Style: a, b, c, … + Start at: 1 + Alignment: Left + Aligned at: 1 cm + Indent at: 1.63 cm

Luật nuôi con nuôi chưa có quy định xác định pháp luật áp dụng đối với điều kiện của trẻ em nước ngoài được nhận làm con nuôi và thẩm quyền giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trong trường hợp công dân Việt Nam nhận trẻ em nước ngoài cư trú ở Việt Nam làm con nuôi.

Công ước La Hay 1993 cho phép có thể áp dụng pháp luật nước ngoài nếu như quy định lựa chọn pháp luật của nước đó yêu cầu để xác định trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi [60~~52~~, đoạn 485, tr.111].

~~*Mặt khác, Điều 40 Luật nuôi con nuôi quy định trường hợp công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi thì Bộ Tư pháp sẽ xem xét và cấp giấy xác nhận người nhận con nuôi có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, trên thực tiễn trường hợp người nhận con nuôi là một cặp vợ chồng trong đó một bên có quốc tịch Việt Nam và một bên có quốc tịch nước ngoài thì việc xác nhận điều kiện nuôi con nuôi gặp khó khăn, lý do là vì pháp luật nước ta chưa dự liệu trường hợp cặp vợ chồng nhận con nuôi có quốc tịch khác nhau và/hoặc có nơi thường trú khác nhau.*~~

Formatted: Heading 4, Indent: First line: 0 cm, Tab stops: Not at 11.05 cm

*4.2.2.2. Bổ sung quy định xác định pháp luật áp dụng đối với hệ quả của việc nuôi con nuôi có ~~YTNN~~yếu tố nước ngoài*

Để kế thừa Điều 105 Luật HN&GĐ 2000, cần bổ sung quy định xác định pháp luật áp dụng đối với hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNNg như quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi nước ngoài với trẻ em Việt Nam được nhận làm con nuôi sẽ được điều chỉnh theo pháp luật của nước nơi cha mẹ nuôi thường trú hoặc pháp luật của nước mà cha mẹ nuôi mang quốc tịch. Quy định này nhằm bảo đảm trẻ em được hưởng đầy đủ quyền ~~của trẻ em~~ như con đẻ của người nhận con nuôi theo quy định của pháp luật của Nước nhận.

Đối với việc trẻ em nước ngoài được công dân Việt Nam nhận làm con nuôi thì cần bổ sung quy định hệ quả của việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài nhằm bảo đảm trẻ em nước ngoài được công dân Việt Nam nhận làm con nuôi sẽ có đầy đủ quyền như con đẻ của người nhận con nuôi. Sau khi việc nuôi con nuôi được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài

được công nhận và ghi chú ở Việt Nam thì việc nuôi con nuôi có đầy đủ hệ quả theo quy định của pháp luật Việt Nam.

### *4.2.3. Tăng cường cơ chế bảo đảm thực hiện Công ước La Hay 1993*

*4.2.3.1. Quy định tTách bạch nuôi con nuôi có YTNNg và hỗ trợ nhân đạo*

Trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993, các khoản hỗ trợ nhân đạo vẫn được coi là có tính chất thúc đẩy việc giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg. Theo khuyến nghị của Cơ quan xã hội quốc tế (ISS), không nên quy định vấn đề hỗ trợ nhân đạo trong Luật nuôi con nuôi [Bản góp ý dự thảo Luật nuôi con nuôi ISS67].

Để bảo đảm pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg phù hợp với Công ước La Hay 1993 thì không quy định vấn đề hỗ trợ nhân đạo tại Luật nuôi con nuôi. Vấn đề hỗ trợ nhân đạo sẽ được điều chỉnh ngoài Luật nuôi con nuôi, theo các quy định của pháp luật về các khoản viện trợ phi chính phủ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Trong thời gian qua, trên thực tế các khoản tặng cho sau khi nhận con nuôi đã dẫn đến những tác động có chiều hướng tiêu cực trong hoạt động nuôi con nuôi có YTNNg khi khi các khoản tặng cho này mặc dù có tính chất tự nguyện nhưng lại cóở mức độ lớn, trở thành điều kiện bắt buộc và có tính phổ biến. Để có cơ chế bảo đảm tuân thủ nguyên tắc tách bạch việc nuôi con nuôi và hỗ trợ nhân đạo thì cần bãi bỏ Điều 7 Luật nuôi con nuôi.

*4.2.33.22. Thay đổi cơ chế tài chính và tăng cường nguồn lực tài chính cho CSNDcơ sở nuôi dưỡng*

Để thực hiện tốt mục tiêu đề ra của nguyên tắc tách bạch việc nuôi con nuôi có YTNNg và hỗ trợ nhân đạo nhằm tuân thủ Công ước La Hay 1993, trước hết theo nghiên cứu sinh cần phải thay đổi cơ chế tài chính theo quy định hiện hành. Sở dĩ như vậy là vì, các CSND không được bảo đảm kinh phí từ nguồn chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg để cải thiện điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em và nâng cao điều kiện vật chất của các CSND; dẫn đến tình trạng lệ thuộc vào các khoản hỗ trợ trực tiếp của cha mẹ nuôi, tổ chức con nuôi nước ngoài.

**Formatted:** Heading 3, Indent: First line: 0 cm, Tab stops: Not at 11.05 cm

**Formatted:** Font: 14 pt, English (United States)

**Formatted:** Heading 4, Indent: First line: 0 cm, Tab stops: Not at 11.05 cm

**Formatted:** Font: Not Italic, English (United States)

Cụ thể là phải coi các khoản chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg theo Điều 12 Luật nuôi con nuôi là các khoản đóng góp (*contributions*) của cha mẹ nuôi nước ngoài theo Công ước La Hay 1993. Trên cơ sở đó, các khoản chi phí sẽ được Cơ quan trung ương chuyển trực tiếp cho CSND trẻ em (là cơ quan thụ hưởng) để sử dụng, nhằm mục đích chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em và nâng cao điều kiện vật chất của các CSND, thay vì như hiện nay pháp luật hiện hành coi chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg là nguồn ngân sách của địa phương.

Hơn nữa, nhằm hạn chế sự lệ thuộc về tài chính với việc nuôi con nuôi có YTNNg, ~~nhà nước~~Nhà nước cần phải bổ sung, tăng cường nguồn lực tài chính cho các CSND trẻ em và các cơ quan tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg, tháo gỡ những ách tắc do cơ chế tài chính hiện hành gây ra.

*4.2.3.3. Xây dựng chính sách hỗ trợ bảo vệ/duy trì gia đình*

**Formatted:** Heading 4, None, Indent: First line: 0 cm, Tab stops: Not at 11.05 cm

Theo phân tích ở trên, nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước ~~phần nào~~ chưa được tuân thủ nghiêm và chưa khuyến khích được việc nuôi con nuôi trong nước là do ~~nhà nước~~Nhà nước thiếu chính sách hỗ trợ gia đình gốc và gia đình nhận con nuôi trong nước.

Theo khuyến nghị của các tổ chức quốc tế như Cơ quan xã hội quốc tế (ISS), Quỹ bảo vệ nhi đồng của Liên hợp quốc và Ban thường trực Công ước La Hay thì ~~nhà nước~~Nhà nước phải có chính sách hỗ trợ cho các gia đình không có khả năng chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em để duy trì việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em trong gia đình gốc.

Điều 15 Luật nuôi con nuôi ~~đã có~~ quy định ~~về việc~~ UBND cấp xã hỗ trợ việc chăm sóc nuôi dưỡng cho trẻ em mà cha mẹ đẻ không có khả năng nuôi dưỡng trẻ. Tuy nhiên, quy định này chưa được cụ thể hóa thành chính sách bảo trợ xã hội. ~~Dẫn đến việc~~Vì vậy, trẻ em mau chóng được đưa vào nuôi dưỡng tập trung tại các CSND. Sở dĩ như vậy là do, ~~mà~~ các cơ quan ~~nhà nước~~Nhà nước không có nguồn lực tài chính để hỗ trợ việc duy trì gia đình gốc cho trẻ em hoặc hỗ trợ các gia đình nhận con nuôi trong nước thay vì ~~nhà nước~~Nhà nước hỗ trợ kinh phí chăm sóc thay thế dành cho trẻ em bị bỏ rơi.

Hơn nữa việc chỉ hỗ trợ tài chính cho trẻ em bị bỏ rơi chưa được nhận làm con nuôi ~~là chưa phù hợp vì mục đích được hưởng khoản hỗ trợ tài chính~~có thể dẫn đến tác dụng tiêu cực, vì ~~này~~ các gia đình nhận chăm sóc thay thế sẽ kéo dài thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em trong khi các gia đình có nguyện vọng nhận con nuôi lại không được xem xét, giải quyết. Chính vì vậy, tỷ lệ trẻ em bị bỏ rơi được nhận làm con nuôi trong nước rất thấp so với diện trẻ em sống tại gia đình. Điều này cũng không phù hợp với lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Như vậy, chính sách và cơ chế tài chính là những biện pháp bảo đảm góp phần thực hiện hiệu quả nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước. Về lâu dài ~~Nhà nước~~Nhà nước phải có chính sách hỗ trợ cho những gia đình trong nước nhận trẻ em làm con nuôi và chính sách ~~đó~~nuôi con nuôi phải gắn ~~kết~~với chính sách bảo trợ xã hội.

### *4.2.4. Hoàn thiện thiết chế thực hiện Công ước La Hay 1993*

#### *4.2.4.1. Hoàn thiện chức năng nhiệm vụ của Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi quốc tế*

Theo yêu cầu của Công ước La Hay 1993, Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi quốc tế phải có đủ thẩm quyền để kiểm tra trình tự thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định từ Điều 14 đến Điều 22 Công ước; tháo gỡ những cản trở khi thực hiện Công ước theo điểm b khoản 2 Điều 7 và ngăn chặn mọi cách thức thực hiện trái với mục tiêu Công ước [1][60~~52~~, đoạn 148,tr.47] để có thể bảo đảm Công ước được tuân thủ trên phạm vi toàn quốc; tăng cường chức năng thu thập, lưu giữ thông tin và bảo đảm cung cấp thông tin về nguồn gốc của trẻ em được cho làm con nuôi ở nước ngoài.

Trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993, việc phối hợp và trao đổi thông tin giữa các cơ quan, tổ chức tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi quốc tế rất quan trọng [60~~52~~, đoạn 122, tr.43]. Khoản 1 Điều 7 Công ước quy định nghĩa vụ của Cơ quan trung ương là phải "tăng cường hợp tác giữa các cơ quan có thẩm quyền của

[1] Ban Thường trực Công ước La Hay, Sách hướng dẫn thực hiện tốt Công ước số 1, đoạn 148, tr. 47



**Formatted:** Heading 3, Indent: First line: 0 cm, Tab stops: Not at 11.05 cm

**Formatted:** Heading 4, Indent: First line: 0 cm, Line spacing: single

**Formatted:** Danish

nước mình để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ trẻ em và thực hiện các mục tiêu khác của Công ước" [60~~52~~, đoạn 123, tr.43].

Vì vậy, Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp với vai trò thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi quốc tế của Việt Nam phải đảm đương thực hiện nhiệm vụ này, có trách nhiệm thông tin và tập huấn về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức ở địa phương tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi quốc tế trong khuôn khổ Công ước La Hay.

Trước mắt, cần có các giải pháp tăng cường năng lực chuyên môn, trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ làm việc tại Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi quốc tế; thực hiện tốt Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Đề án thu hút chuyên gia y tế, tâm lý, xã hội tham gia vào các Hội đồng tư vấn thẩm định giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài tại Cục Con nuôi.

Đặc biệt, phải phát huy vai trò của Tổ công tác liên ngành bảo đảm thực thi Công ước La Hay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế ~~chưa phát huy được hiệu quả~~ trong công tác hoạch định chính sách về nuôi con nuôi nói chung và con nuôi quốc tế nói riêng.

Về lâu dài, cần thay đổi cơ bản về chức năng, nhiệm vụ của Cục Con nuôi nhằm tách bạch chức năng kiểm tra trình tự thủ tục cho nhận con nuôi quốc tế và chức năng thẩm định hồ sơ giải quyết việc nuôi con nuôi quốc tế, tránh *"tình trạng vừa đá bóng, vừa thổi còi*".

Cần thiết phải nội luật hóa chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan trung ương trong hệ thống các văn bản QPPL về nuôi con nuôi có YTNNg để bảo đảm Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp thực hiện được những nhiệm vụ của Công ước La Hay 1993, theo hướng tăng cường chức năng quản lý ~~nhà nước~~Nhà nước, theo dõi và kiểm tra tình hình thi hành Công ước trên toàn quốc, là cơ quan nắm giữ ~~được~~ nguồn thông tin về danh sách trẻ em ~~cần tìm gia đình thay thế~~đủ điều kiện đươc cho làm con nuôi và danh sách người nhận con nuôi trong nước và nước ngoài.

*4.2.4.2. Xây dựng chế định tổ chức được ủy quyền*

Theo phân tích ở trên, xu hướng chung trên thế giới đòi hỏi việc nuôi con nuôi phải được thực hiện bởi các cơ quan, tổ chức chuyên nghiệp, trong đó có vai trò trung gian hợp pháp của các tổ chức được chỉ định (hay còn gọi là tổ chức con nuôi). Công ước La Hay 1993 không cho phép hoạt động trung gian không được cấp phép và chỉ chấp nhận những tổ chức, cá nhân được ủy quyền thực hiện nhiệm vụ trung gian về nuôi con nuôi.

Việc ~~quy định~~ pháp luật ~~trong nước~~nước ta chưa quy định về tổ chức con nuôi trong nước là chưa tương thích với Công ước La Hay 1993 và sẽ gây khó khăn ~~lớn~~ đối với công dân Việt Nam khi xin nhận trẻ em ở nước ngoài làm con nuôi.

Vì vậy, cần nghiên cứu xây dựng chế định về tổ chức con nuôi trong nước được cấp phép. Đây sẽ là những tổ chức con nuôi chuyên nghiệp, thay mặt Cơ quan con nuôi trung ương (Bộ Tư pháp) để thực hiện một số nhiệm vụ như: đào tạo các gia đình nhận con nuôi trong nước; đánh giá điều kiện gia đình, xã hội của người nhận con nuôi; đánh giá đặc điểm và nhu cầu cần tìm gia đình thay thế của trẻ em được cho làm con nuôi và theo dõi tình hình phát triển của con nuôi.

Về thủ tục giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg, các tổ chức con nuôi trong nước vừa có thể tham gia giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg vừa là cánh tay nối dài của Cơ quan trung ương của Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập của Việt Nam với những nước là thành viên của Công ước La Hay, đáp ứng yêu cầu của công dân Việt Nam nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.

*4.2.4.3. Nâng cao chức năng, nhiệm vụ của Tổ công tác liên ngành thực thi Công ước La Hay 1993*

Ở cấp Trung ương, khoản 2 Điều 44 Luật nuôi con nuôi quy định Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý ~~nhà nước~~Nhà nước về nuôi con nuôi; điểm 16d) khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 96/2017/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp quy định thực hiện chức năng là Cơ quan trung ương về nuôi con nuôi quốc tế theo Công ước La Hay 1993.



**Formatted:** Font: 14 pt, Portuguese (Brazil)

**Formatted:** Heading 4, Indent: First line: 0 cm, Line spacing: single

**Formatted:** Font: Not Italic, Portuguese (Brazil)

**Formatted:** Portuguese (Brazil)

**Formatted:** Heading 4, Indent: First line: 0 cm, Tab stops: Not at 11.05 cm

Điều 46 Luật nuôi con nuôi quy định Bộ LĐ-TBXH chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc tiếp nhận trẻ em vào CSND và cho trẻ em ở CSND làm con nuôi bảo đảm đúng đối tượng theo quy định của pháp luật, có biện pháp phòng ngừa tình trạng trẻ em bị bỏ rơi. Như vậy, pháp luật về nuôi con nuôi đã quy định cụ thể về chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức tham gia giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài.

Để thực hiện tốt việc cho nhận con nuôi có YTNNg, cần tăng cường công tác phối hợp liên ngành giữa các cơ quan, tổ chức tham gia vào giải quyết cho nhận con nuôi quốc tế, bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em. Trong thời gian tới, hai Bộ Tư pháp và LĐ-TBXH tích cực thực hiện Quy chế số 721/QC-BTP-BLĐTBXH ngày 14/3/2016 về việc giải quyết nuôi con nuôi đối với trẻ em sống tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao cần tăng cường hơn nữa công tác phối hợp trong chỉ đạo, điều hành và giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong công tác quản lý ~~nhà nước~~Nhà nước về nuôi con nuôi; triển khai thực hiện tốt Thông tư liên tịch số 03/2016/TTLT-BTP-BNG-BCA-BLĐTBXH hướng dẫn việc theo dõi tình hình phát triển của trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi nước ngoài và bảo vệ trẻ em trong trường hợp cần thiết.

Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án triển khai thực hiện Công ước La Hay 1993 giai đoạn 2012-2015, Bộ Tư pháp đã thành lập Tổ công tác liên ngành bao gồm đại diện của Bộ LĐ-TBXH, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và Văn phòng Chính phủ. Tuy nhiên, trong thời gian qua, Tổ công tác liên ngành chưa phát huy được chức năng là cơ quan triển khai thực thi Công ước La Hay 1993.

Trong thời gian tới, cần rà soát lại cơ cấu và chức năng hoạt động của Tổ công tác liên ngành. Tổ công tác liên ngành cấp trung ương phải phát huy hiệu quả trong việc đưa ra định hướng về nuôi con nuôi có YTNNg, đưa ra giải pháp giải quyết những vấn đề nóng trong lĩnh vực này như hỗ trợ nhân đạo dưới hình thức tặng cho, trì hoãn lập danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế.

Cơ quan trung ương của nước thành viên phải có đầy đủ chức năng và thẩm quyền để hoàn thành nhiệm vụ của mình: phải có hệ thống cho phép các tổ chức, cá nhân tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi; đảm bảo việc nuôi con nuôi quốc tế vì lợi ích tốt nhất của trẻ em và ưu tiên việc nuôi con nuôi trong nước, nuôi con nuôi quốc tế phải là giải pháp cuối cùng, cần phải có chính sách gắn kết nuôi con nuôi quốc tế trong chính sách tổng thể bảo vệ gia đình và trẻ em[2][60~~52~~, đoạn 48, tr,29]; phải có các biện pháp phòng ngừa và ngăn chặn những biểu hiện lạm dụng, phòng tránh thu lợi bất chính và cách thức thực hiện trái Công ước[3][60~~52~~, đoạn 628, 632, tr.138].

***4.2.5. Đào tạo nguồn cán bộ làm công tác trợ giúp xã hội trong lĩnh vực nuôi con nuôi***

Với số lượng lớn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như đã nêu trên, việc chuẩn bị, đánh giá nhu cầu được nhận làm con nuôi là một yêu cầu cần thiết. Đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp xã hội là nguồn nhân lực chính bảo đảm cung cấp dịch vụ công tác xã hội trong lĩnh vực nuôi con nuôi trong nước và nước ngoài.

Trong lĩnh vực nuôi con nuôi trong nước và nước ngoài, cán bộ làm công tác xã hội đảm đương nhiệm vụ tập huấn, đào tạo cho người nhận con nuôi trong nước; đánh giá điều kiện kinh tế, gia đình và xã hội của người nhận con nuôi và điều kiện sức khỏe, tâm lý và đặc điểm, nhu cầu của trẻ em được nhận làm con nuôi; chuẩn bị cho người nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước.

Nếu thực hiện tốt nhiệm vụ này thì việc giải quyết nuôi con nuôi mới bảo đảm tìm được gia đình phù hợp cho trẻ em có nhu cầu được nhận làm con nuôi, hạn chế được tình trạng nhận con nuôi theo cảm tính, tự phát không vì lợi ích của con nuôi. Đồng thời, cán bộ làm công tác xã hội có thể tham gia vào hoạt động của tổ chức con nuôi trong nước sau này.

Formatted: Heading 3, Line spacing: single

[2] Ban thường trực Công ước La Hay, Sách hướng dẫn thực hiện tốt Công ước số 1, đoạn 48, tr. 29.

[3] Ban thường trực Công ước La Hay, Sách hướng dẫn thực hiện tốt Công ước số 1, đoạn 628, 632, tr. 138.

Do đó, trước mắt Luật công tác xã hội là một công cụ pháp lý quan trọng nhằm thực hiện xây dựng nguồn nhân lực tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi nhằm đáp ứng yêu cầu của Công ước La Hay 1993.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Formatted: Heading 1, Space Before: 6 pt, After: 6 pt

Hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg phải tuân thủ quan điểm chỉ đạo của Đảng và ~~Nhà nước~~Nhà nước trong công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật; đồng thời phải bảo đảm tính thống nhất, phù hợp giữa pháp luật trong nước về nuôi con nuôi với các văn bản QPPL khác có liên quan và phù hợp với ĐƯQTvề nuôi con nuôi là thành viên; đặc biệt phải tháo gỡ được những vướng mắc khó khăn trong thực tiễn thi hành Công ước La Hay 1993.

Giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta tập trung xoay quanh 4 trụ cột của hệ thống pháp luật:

Về hệ thống nguồn luật cần tiếp tục nội luật hóa những nguyên tắc *jus cogens* của Công ước La Hay 1993, cụ thể là nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước, lợi ích tốt nhất của trẻ em và minh bạch tài chính. Cơ chế tài chính yếu và không thông suốt là một cản trở lớn trong công tác giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg, dễ dẫn đến những cách thức thực hiện không đúng chuẩn mực quốc tế.

Về hệ thống thiết chế thi hành phải thay đổi cơ chế tài chính, coi nguồn chi phí giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài là khoản đóng góp của cha mẹ nuôi theo hướng dẫn của Công ước La Hay 1993; tăng cường nguồn lực tài chính cho CSND; cụ thể hóa chính sách hỗ trợ duy trì/bảo vệ gia đình gốc và gia đình nhận con nuôi.

Về tổ chức thi hành, cần tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành ở địa phương. Ở trung ương, tăng cường vai trò và nhiệm vụ của Tổ công tác liên ngành.

Về nguồn nhân lực, phải xây dựng đội ngũ cán bộ đa ngành nghề và tổ chức con nuôi trong nước tham gia giải quyết việc nuôi con nuôi có YTNNg từ cấp trung ương tới địa phương. ~~.~~

# KẾT LUẬN

Nuôi con nuôi có YTNNg là một hiện tượng xã hội khá phổ biến ở Việt Nam, đặc biệt trong những năm 80, 90 của thế kỷ trước. Pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg của nước ta từ khi hình thành và trong suốt quá trình phát triển đều gắn liền với số lượng lớn trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi ở nước ngoài.

Cho đến nay, pháp luật hiện hành của nước ta về nuôi con nuôi có YTNNg vẫn còn mang đặc trưng pháp luật của Nước gốc (nước cho trẻ em làm con nuôi). Chính vì vậy, hầu như việc nhận trẻ em Việt Nam thường trú ở nước ngoài hoặc trẻ em nước ngoài làm con nuôi của công dân Việt Nam về cơ bản còn thiếu các quy định điều chỉnh.

Mặc dù vậy, pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg của nước ta cũng đã đạt được những tiến bô nhất định: từ văn bản QPPL có hiêu lực giá tri thấp và hiêu lực tạm thời như Quyết định số 145/1992/HĐBT đến nay chế định nuôi con nuôi đã trở thành một ngành luật chuyên ngành. Hệ thống các văn bản QPPL về nuôi con nuôi có YTNNg đã được sửa đổi, bổ sung qua nhiều giai đoạn. Tuy nhiên, kể từ khi Việt Nam trở thành thành viên Công ước La Hay 1993 thì Luật nuôi con nuôi chưa được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp Công ước.

Về cấu trúc hệ thống pháp luật, chế định nuôi con nuôi đã tách khỏi Luật HN&GĐ và được điều chỉnh thống nhất về nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi nước ngoài tại Luật nuôi con nuôi 2010. Do bản chất pháp lý của việc nuôi con nuôi có YTNNg là quan hệ dân sự về hôn nhân và gia đình có YTNNg nên các quy định pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg cũng có những phu thuôc nhất định vào hê thống pháp luật về dân sư, hôn nhân và gia đình nói chung.

Dưới góc độ là một sự kiện hộ tịch, nuôi con nuôi có YTNNg còn được điều chỉnh bởi các quy định liên quan về vấn đề hộ tịch. Dưới góc độ là một quan hệ dân sự có YTNNg thì mọi vấn đề liên quan đến tư pháp quốc tế cũng phải được điều chỉnh trong hệ thống các quy định pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg.

Ngày nay, trong xu hướng phát triển chung trên thế giới, nuôi con nuôi có YTNNg còn gắn liền với hệ thống chăm sóc và bảo vệ trẻ em, gắn với các biện pháp

chăm sóc thay thế dành cho trẻ em có HCĐB. Vì vậy, pháp luật về nuôi con nuôi nói chung và nuôi con nuôi có YTNNg nói riêng còn có mối liên hệ nội tại với pháp luật về trẻ em, nhằm bảo đảm việc nuôi con nuôi vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Việc giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg cũng không chỉ giới hạn trong phạm vi lãnh thổ quốc gia của một nước, không chỉ tuân thủ theo ý chí, thỏa thuận riêng của các cá nhân mà phải có sự tham gia của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời phải có sự hợp tác và phối hợp chặt chẽ giữa các nước với nhau, nhằm ngăn ngừa và phòng tránh tệ nạn mua bán, bắt cóc trẻ em để cho làm con nuôi ở nước ngoài.

Có thể nói, để thực hiện được mục tiêu này thì hệ thống nguồn luật trong nước là một yếu tố quan trọng. Thực tiễn đã chứng minh khi quy định pháp luật không phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, thì việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài bị lạm dụng, gây tác động xấu tới mục đích, ý nghĩa của việc nuôi con nuôi. Chính vì vậy, việc nuôi con nuôi nước ngoài đã từng bị gián đoạn nhằm chấn chỉnh tình hình thực tiễn và thay đổi quy định pháp luật.

Kể từ khi Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay 1993 có hiệu lực thi hành, điều kiện, trình tự thủ tục giải quyết được quy định chặt chẽ theo hướng bảo đảm quyền và lợi ích của trẻ em và tuân thủ nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước. Tuy nhiên, số lượng trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài giảm nhiều so với các thời kỳ trước và vẫn còn có những biểu hiện lạm dụng quy định pháp luật dẫn đến những quan ngại của phía nước ngoài.

Nguyên nhân của thực trạng cơ bản là do hệ thống nguồn luật trong nước đã lại bắt đầu bộc lộ những điểm hạn chế, đặc biệt liên quan đến vấn đề tài chính và giải quyết đối với diện trẻ em thuộc diện Danh sách 2 (khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo). Vấn đề tặng cho trực tiếp trở nên phổ biến và có xu hướng trở thành điều kiện bắt buộc. Thực trạng giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của nước ta lại đang đứng trước một thách thức mới, đòi hỏi phải sửa đổi và bổ sung những quy định pháp luật hiện hành.

Có thể nói, trong tình hình mới việc giải quyết nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta phải là một nhiệm vụ quốc gia và liên quốc gia; không thể có một "*khoảng không*

*gian riêng*" dành cho việc nuôi con nuôi đối với một chủ thể trẻ em nhất định hoặc một loại cơ sở nuôi dưỡng được chỉ định. Đã đến lúc các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cần tháo gỡ những cản trở không đáng có trong việc giải quyết nuôi con nuôi đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, từ đó hạn chế quyền được nhận làm con nuôi của trẻ em.

Bên cạnh đó, hệ thống thiết chế bảo đảm thực hiện, thực tiễn tổ chức thi hành pháp luật và nguồn nhân lực cũng có những điểm hạn chế nhất định nên hiệu quả điều chỉnh của pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg chưa cao, chậm đi vào cuộc sống. Vì vậy, để pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg phát huy hiệu quả trong cuộc sống, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, cần tăng cường bảo đảm cơ chế thực hiện, thay đổi cách thức tổ chức thi hành pháp luật và đào tạo chuyên môn cho nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Trong tương lai, hệ thống pháp luật về nuôi con nuôi có YTNNg ở nước ta ngoài những đặc trưng riêng vốn có, phải là một chỉnh thể thống nhất, liên thông với việc nuôi con nuôi trong nước, gắn với hệ thống chăm sóc và bảo vệ trẻ em nhằm bảo đảm tính phù hợp với nội dung Công ước, đặc biệt là các nguyên tắc jus cogens của Công ước La Hay 1993./.

# DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Formatted: Heading 1, Left

Formatted Table


| | |
|---|---|
| | **TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT** |
| **A** | **CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC** |
| [1] | Bộ Tư pháp (2004), Tọa đàm về vấn đề con nuôi quốc tế, Hà Nội. |
| [2] | Bộ Tư pháp (2005), Vũ Đức Long (chủ nhiệm đề tài), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, *Hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trước yêu cầu gia nhập Công ước La Hay năm 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế*, Hà Nội, 255 tr. |
| [3] | Bộ Tư pháp (2014), Báo cáo rà soát Hiệp định hợp tác song phương về nuôi con nuôi đang có hiệu lực giữa Việt Nam và các nước theo Công ước La Hay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế. |
| [4] | Bộ Tư pháp (2017), Báo cáo thực hiện Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị giai đoạn 2002-6/2017. |
| [5] | Bộ Tư pháp (2018), *Tờ trình Chính phủ về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi.* |
| [6] | Bộ Tư pháp, Cục Con nuôi (2016), *"Báo cáo đánh giá 06 năm thi hành Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay 1993"*, Hội nghị tổng kết thi hành 06 năm thực hiện Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay 1993, Hà Nội. |
| [7] | Bộ Tư pháp, Cục Con nuôi quốc tế (2007), Tìm hiểu Công ước La Hay về nuôi con nuôi, Nxb Tư pháp, Hà Nội. |
| [8] | Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý (2016), Nguyễn Khánh Ngọc (chủ nhiệm đề tài) đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ về *"Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng Luật tư pháp quốc tế"*, Hà Nội. |
| [9] | Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý, Cao Xuân Phong (chủ nhiệm đề tài) (2016), đề tài khoa học cấp Bộ về "*Nghiên cứu xây dựng cơ chế bảo đảm thực thi cam kết quốc tế của Việt Nam về quyền con nuôi trong lĩnh vực hành chính-tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp*", Hà Nội. |

| | |
|---|---|
| [10] | Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý, TS. Nguyễn Văn Cương (Chủ biên) (2018), *Nhu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2030*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2018. |
| [11] | Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý (1998), Chế định nuôi con nuôi quốc tế trong pháp luật Việt Nam và quốc tế, Thông tin khoa học pháp lý |
| [12] | Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý (2008), Điều tra cơ bản thực trạng nuôi con nuôi, Hà Nội. |
| [13] | Bộ Tư pháp-Unicef, Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý (1998), Chế định nuôi con nuôi trong pháp luật Việt Nam và quốc tế, Thông tin khoa học pháp lý, Công ty in Tài chính. |
| [14] | Bộ Tư pháp-Unicef, Cục Con nuôi (2009), Pháp luật về nuôi con nuôi của Việt Nam & một số nước trên thế giới, Nxb Thời đại, Hà Nội. |
| [15] | Chính phủ (2009), *Tờ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội dự án Luật nuôi con nuôi*, Hà Nội. |
| [16] | Đại học Luật Hà Nội (2011), *Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo Luật nuôi con nuôi năm 2010*, Hà Nội. |
| [17] | Đại học Luật Hà Nội (2017), TS. Nguyễn Phương Lan chủ nhiệm, đề tài khoa học cấp trường về "*Luật nuôi con nuôi - thực tiễn thi hành và giải pháp hoàn thiện*", Hà Nội. |
| [18] | Nhà pháp luật Việt-Pháp (2005), *Kỷ yếu hội thảo về một số vấn đề thực tiễn về quan hệ nhân thân và tài sản trong tư pháp quốc tế (Bản dịch của Nhà Pháp luật Việt-Pháp)*, Hà Nội |
| **B** | **TÁC GIẢ TRONG NƯỚC** |
| [19] | Phạm Thị Kim Anh (2017), Khó khăn, vướng mắc trong thực thi Công ước La Hay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế ở Việt Nam, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, Số tháng 9/2017, tr.45-50. |
| [20] | Pham Thi Kim Anh (2017), Thực tiễn công nhận quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở nước ngoài và phát sinh hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNN, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, tháng 11/2017. |


**Formatted:** Right, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li

| | |
|---|---|
| [21] | Phạm Thị Kim Anh (2017), Định hướng sửa đổi, bổ sung Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, Số chuyên đề tháng 7/2018, tr.7-12. |
| [22] | Nguyễn Hồng Bắc (2003), *Pháp luật điều chỉnh quan hệ gia đình có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội. |
| [23] | Vũ Ngọc Bình (2000), *Vấn đề con nuôi nước ngoài (Intercountry adoption)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội. |
| [24] | Nông Quốc Bình & Nguyễn Hồng Bắc (2006), Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế, NXB Tư pháp. |
| [25] | Đào Thị Hà (2018), Một số vấn đề về giải quyết việc nuôi con nuôi đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, Số chuyên đề tháng 7/2018. |
| [26] | Phạm Hồ Hương (2016), "Thực tiễn áp dụng các quy định về TPQT tại các cơ quan hành chính nhà nước", *Báo cáo kết quả Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ "Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng luật tư pháp quốc tế"*, tr. 208 |
| [27] | Nguyễn Công Khanh (2003), Cơ sở lý luận và thực tiễn của pháp luật điều chỉnh một số quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài ở nước ta hiện nay, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội. |
| [28] | Nguyễn Công Khanh (2005), "Giải quyết xung đột pháp luật và xung đột thẩm quyền về nuôi con nuôi có YTNNg trong tư pháp quốc tế Việt Nam", *Kỷ yếu hội thảo về một số vấn đề thực tiễn về quan hệ nhân thân và tài sản trong tư pháp quốc tế*, Hà Nội, tr. 35-39. |
| [29] | Nguyễn Công Khanh (2011), "Sự hình thành và phát triển của pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi có YTNNg", *Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường Nuôi con nuôi có YTNNg theo Luật nuôi con nuôi năm 2010*, Hà Nội, tr.2-17. |
| [30] | Tường Duy Kiên (2016), "Tổng quan các cam kết của Việt Nam về Quyền con người trong lĩnh vực hành chính tư pháp", *Nghiên cứu xây dựng cơ chế bảo đảm thực thi cam kết quốc tế của Việt Nam về quyền con nuôi trong* |

| | |
|---|---|
| | *lĩnh vực hành chính-tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Bộ Tư pháp, Hà Nội. |
| [31] | Nguyễn Phương Lan (2006), Cơ sở lý luận và thực tiễn của chế định pháp lý về nuôi con nuôi ở Việt Nam, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội. |
| [32] | Nguyễn Phương Lan (2011), Hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo Luật nuôi con nuôi, *Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường, Nuôi con nuôi có YTNNg theo Luật nuôi con nuôi năm 2010*, Đại học Luật Hà Nội. |
| [33] | Vũ Đức Long (2011), Một số điểm bất cập của Luật nuôi con nuôi 2010 về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, tr.27-30, *Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường, Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo Luật nuôi con nuôi năm 2010*, Đại học Luật Hà Nội. |
| [34] | Hoàng Văn Nghĩa (2014), Những chế định mới về quyền con người trong Hiến pháp năm 2013, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 12/2014, tr. 212. |
| [35] | Trần Minh Ngọc, Tổng quan về tư pháp quốc tế, Giáo trình Tư pháp quốc tế, ĐHL Hà Nội, NXB Tư pháp, 2017. |
| [36] | Đinh Dũng Sỹ (2010), Quan niệm về một hệ thống pháp luật hoàn thiện, Tạp chí nghiên cứu lập pháp. Theo: https://luatminhkhue.vn/tu-van-lao-dong/quan-niem-ve-mot-he-thong-phap-luat-hoan-thien.aspx |
| [37] | Lưu Ngọc Tố Tâm (2017): Đảm bảo thực thi quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp năm 2013, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, số 6 (303) năm 2017. |
| **C** | **TÁC GIẢ NƯỚC NGOÀI** |
| [38] | Audit Bernard (2005), "Báo cáo tổng kết hội thảo", *Kỷ yếu hội thảo về một số vấn đề thực tiễn về quan hệ nhân thân và tài sản trong tư pháp quốc tế (Bản dịch của Nhà Pháp luật Việt-Pháp)*, Hà Nội, tr.184-188 |
| [39] | Boulanger François (2001), Difficultés et enjeux dans l'adoption, Etudes de droit comparé et international, Ed.Economica, 2001. pp. 197 |


**Formatted:** Right, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li

| | |
|---|---|
| [40] | Boéchat Hervé (2010), Les zones grises dans l'adoption internationale. Nguồn từ: https://www.hcch.net/upload/wop/adop2010_info6f.pdf |
| [41] | Bischoff J-M. (1985), Adoption-Introductions, Revue de droit international comparé, mars 1985. |
| [42] | Colombani Jean-Marie (2008), Rapport sur l'adoption, La Documentation Française, France. |
| [43] | Derruppé Jean (2001), Droit international privé, Mementos, 14è édition, Dalloz, 2001, pp. 182. |
| [44] | Goldstein Gérald (2005), "*Quy phạm xung đột về con nuôi có YTNN*", Kỷ yếu hôi thảo về môt số vấn đề thưc tiễn về quan hê nhân thân và tài sản trong tư pháp quốc tế, (Bản dịch của Nhà Pháp luật Việt-Pháp), Hà Nội, tr. 40-49 |
| [45] | Issac-Sibille Bernadette (2000), Rapport N°2370, nguồn: http://www.assemblee-nationale.fr/11/rapports/r2370.asp |
| [46] | Leroy Céline Ferrand & Katell (2002), Adoption internationale en droit international privé, Revue de droit Ouest, 2002/2. tr.198. |
| [47] | Le Boursicot Marie-Christine, La kafala ou le recueil légitime d'enfant dans les pays mulsumans. Theo http://jounals.openedition.org/droitcultures/2138. |
| [48] | Lucker-Babel Marie-Francoise, Adoption internationale: Comprendre les nouvelles règles: Les principes et les mécanismes de la Convention de La Hay du 29 mai 1993. Revue du droit de l'enfant. Volume 4. |
| [49] | Mayer Fabre, N. (1994), La Convention de La Haye du 29 mai 1993 sur la protection d'enfants et la coopération dans l'adoption internaationale, Revue critique en droit international privé, Ed. Dalloz. |
| [50] | Martinez-Mora Laura, Quelles sont les difficultés rencontrées par les nouveaux pays membres de la Convention de La Haye 1993? |
| [51] | Nicolas de La Casinière (1998), "Ces enfants adoptés au Viêt-nam ont-ils été achetés?". https://www.liberation.fr/societe/1998/12/25/ces- |

| | |
|---|---|
| | enfants-adoptes-au-viet-nam-ont-ils-ete-achetes-le-procureur-de-nantes-poursuit-dix-familles-pou_254315 |
| [52] | Smolin David M. (2018), *Child laundering*, How the intercountry adoption systems legitimizes and incentivizes the pratice of buying, trafficking, kidnapping and stealing children, nguồn: http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1.1.693.3159&rep=rep1&type=pdf |
| [53] | Selman Peter (2015), Twenty years of the Hague Convention: a Statistical review, nguồn: https://www.hcch.net/en/publications-and-studies/details4/?pid=5955&dtid=32 |
| [54] | Van Loon J.H (1990), Rapport sur l'adoption d'enfants d'origine étrangère, Bureau permanent de la Convention de La Haye, La Haye. |
| D | ẤN PHẨM, BÁO CÁO NƯỚC NGOÀI, TRANG WEB |
| [55] | AFA, Brochure Vietnam (2013). http://www.agence-adoption.fr/wp-content/uploads/2013/12/Brochure_Vietnam_02.12.2013_1.pdf |
| [56] | Cours de droit http://www.cours-de-droit.net/l-adoption-en-droit-international-a121605308 |
| [57] | Comission internationale de l'état civil, Pratiques notariales en matière d'état civil de l'Allemagne. http://jafbase.fr/docUE/Allemagne/Allemagne-Chap3a5-marsr2006.pdf |
| [58] | Comission internationale de l'état civil, Pratiques notariales en matière d'état civil de l'Italie. http://jafbase.fr/docUE/Italie/Italie-Chap3a5-sept2006.pdf |
| [59] | Comission internationale de l'état civil, Pratiques notariales en matière d'état civil de la Suisse. http://jafbase.fr/docUE/Suisse/Suisse-Chap3a5.1.12juin2008.pdf |
| [60] | HccH (2008), *La mise en oeuvre et le fonctionnement de la Convention de La Haye de 1993 sur l'adoption internationale*, Guide de bonnes pratiques N°1, Family Law, Royaume Uni. |
| [61] | HccH (2017), Notes sur la résidence dans les adoptions internales. |


**Formatted:** Right, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li

**Formatted:** Normal, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li

**Formatted:** Right, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt

| | |
|---|---|
| [62] | HccH (2013), Notes sur les aspects financiers |
| [63] | HccH (2015), "20 years of the Hague 1993 Convention: assessing the impact of the Convention on law and pratices relating to intercountry adoption and the protection of children". Nguồn: https://assets.hcch.net/docs/f9f65ec0-1795-435c-aadf-77617816011c.pdf |
| [64] | HccH (2018), "Rapport du groupe d'experts sur le projet Filiation/Marternité de substitution" Doc.prél.N°2A d'octobre 2018, La Haye. |
| [65] | National Council for Adoption, AdoptionadvocateN°44, nguồn: http://www.adoptioncouncil.org/publications/2018/03/adoption-advocate-no-44 |
| [66] | Service social international (ISS) (2009), Adoption from Vietnam: Findings and recommandations of an assessment, Geneva, nguồn: https://www.unicef.org/vietnam/Eng_Adoption_report.pdf |
| [67] | Service social international (ISS) (2009), Preliminary comments on the draft adoption law, Genève. |
| [68] | Service social international (ISS) (2017), Bulletin mensuel N°215 septembre 2017, Adoption prioritaire d'enfants dits à besoins spécifiques: diversités des pratiques. |
| [69] | Service social international (ISS) (2018), Bulletin mensuel N°221 mai 2018, Rapport sur la vente d'enfants et les adoptions illégales. |
| [70] | Service social international (ISS) (2015), "Vietnam", Bulletin mensuel, août 2015, Genève. |
| [71] | Sénat (2000), Rapport N°410, nguồn: https://www.senat.fr/rap/l99-410/l99-4100.html |
| [72] | https://www.senat.fr/rap/l09-334/l09-3341.html |
| [73] | http://www.actualitesdroitbelge.be/droit-de-la-famille/adoption/l-adoption-internationale/le-droit-applicable-a-l-adoption-internationale. |
| [74] | http://www.mjusticia.gob.es/cs/Satellite/Portal/1292426985275?blobheader=application%2Fpdf&blobheadername1=ContentDisposition&blobheade |


**Formatted:** Right, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt

| | |
|---|---|
| | rvalue1=attachment%3B+filename%3DLoi_n_54_du_28_decembre_2007_sur_LAdoption_Internacionale_(Adopcion_Internacional).PDF |
| [75] | *https://www.uscis.gov/.../USCIS/.../Habitual-Residence-PM-Interim.pdf* |
| [76] | http://adoption.gouv.qc.ca/fr_adopter-a-letranger |
| [77] | http://justice.belgium.be/fr/themes_et_dossiers/personnes_et_familles/adoption/adoption_a_letranger#rec |
| [78] | Le projet de loi sur l'autoriation de l'adoption des couples pacse, https://www.senat.fr/rap/l09-334/l09-3341.html |
| [79] | https://fr.wikipedia.org/wiki/Adoption_homoparentale_en_France. |

| | |
|---|---|
| **Đ** | **CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ** |
| 1. | Công ước quốc tế của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em năm 1989 |
| 2. | Công ước La Hay số 33 ngày 29 tháng 5 năm 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế |
| 3. | Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa CH XHCN Việt Nam và CH Pháp |
| 4. | Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa CH XHCN Việt Nam và CH Italia |
| 5. | Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa CH XHCN Việt Nam và Đan Mạch |
| 6. | Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa CH XHCN Việt Nam và Tây Ban Nha |
| 7. | Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa CH XHCN Việt Nam và Thuỵ Sỹ |
| E | NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG, CÁC VĂN BẢN LUẬT, NGHỊ ĐỊNH, THÔNG TƯ |
| 1 | Hiến pháp năm 2013 |


**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li

**Formatted Table**

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li

| | |
|---|---|
| 2 | Nghị quyết của Bộ Chính trị số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 |
| 3 | Bộ luật dân sự năm 2015 |
| 4 | Luật nuôi con nuôi số 52/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 |
| 5 | Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, 1986, 2000 và 2014 |
| 6 | Luật quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 & Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 số 56/2014/QH13 |
| 7 | Luật hộ tịch số 60/2014/QH13 |
| 8 | Luật trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 5 tháng 4 năm 2016 |
| 9 | Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. |
| 10 | Nghị định số 138/2006/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2006 quy định chi tiết thi hành các quy định của Bộ luật dân sự về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. |
| 11 | Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi. |
| 12 | Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch |
| 13 | Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 9 tháng 5 năm 2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật trẻ em. |
| 14 | Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trong tình hình mới. |

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt, Line spacing: Multiple 1.3 li

# PHỤ LỤC A

## SỐ LIỆU GIẢI QUYẾT NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

**Bảng 1**

**Số liệu trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài**

**từ năm 1990 đến năm 1996 [23]**

| 1990 | 1991 | 1992 | 1993 | 1994 | 1995 | 1996 | 1990-1996 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 60 | 181 | 423 | 638 | 1233 | 1584 | 1695 | 5814 |

*Chú thích:*

- Tổng số trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi nước ngoài từ năm 1990-1996 là 5814 trường hợp.
- Từ năm 1990 đến năm 1999, trên thế giới có 222.758 trẻ em nước ngoài được nhận làm con nuôi ở Hoa Kỳ, Pháp, Italia, Thuy Điển và Canada [53]

**Formatted:** Heading 1, Left, Indent: First line: 0 cm, Tab stops: Not at 11.05 cm

**Formatted:** Font: Not Bold

**Formatted:** Left, Indent: First line: 0 cm, Line spacing: single, Tab stops: Not at 11.05 cm

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm

**Formatted:** Indent: Left: 1.27 cm, No bullets or numbering

**Bảng 2**
**Số liệu trẻ em Việt Nam làm con nuôi quốc tế từ năm 2003 đến hết năm 2018 [65]**

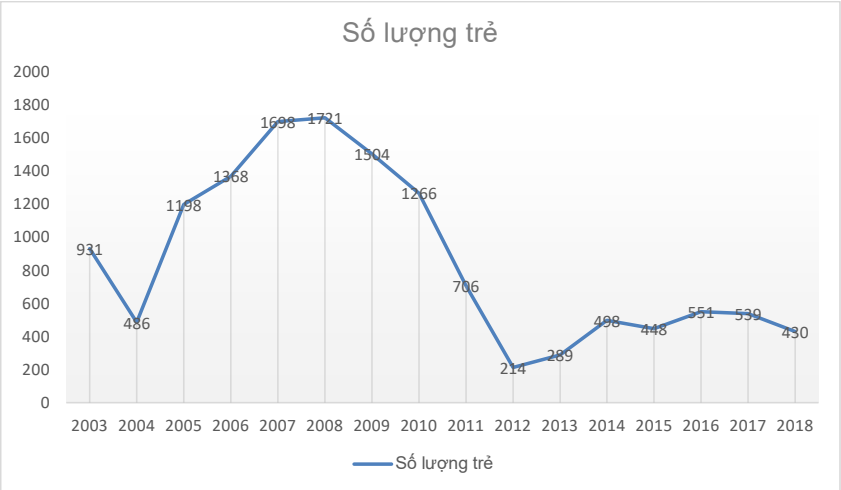


*Chú thích:* Sang thế kỷ XX, trong khoảng từ năm 2001 đến năm 2013, trên thế giới có 469.123 trẻ em nước ngoài được nhận làm con nuôi chủ yếu ở Hoa Kỳ, Pháp, Italia, Tây Ban Nha và Canada[65].

**Formatted:** Normal, Left, Space After: 10 pt, Line spacing: Multiple 1.15 li, Font Alignment: Auto, Pattern: Clear

**Formatted:** Pattern: Clear

**Formatted:** Pattern: Clear

**Formatted:** Pattern: Clear

**Bảng 3**

**Số lượng trẻ em được giải quyết làm con nuôi nước ngoài theo đối tượng trẻ em giai đoạn 2011-2018**

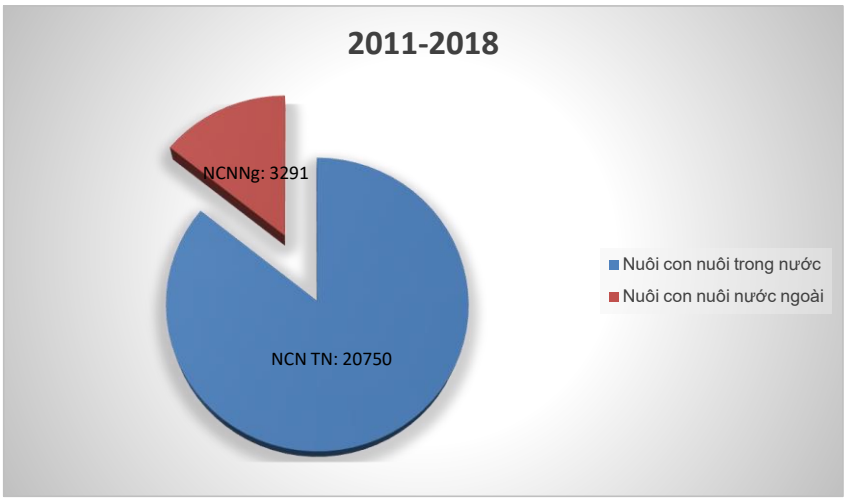


Nuôi con nuôi trong nước khoảng hơn **20750** trường hợp từ 2011 -2018

Nuôi con nuôi nước ngoài khoảng hơn **3291** trường hợp từ 2011-2018

| Năm | Danh sách 1 | Danh sách 2 | Con riêng/cháu ruột | Tổng |
|---|---|---|---|---|
| 2011 | 7 | 35 | 24 | **66** |
| 2012 | 76 | 141 | 81 | **298** |
| 2013 | 85 | 188 | 61 | **334** |
| 2014 | 48 | 330 | 120 | **498** |
| 2015 | 23 | 395 | 157 | **575** |
| 2016 | 13 | 402 | 136 | **551** |
| 2017 | 20 | 375 | 144 | **539** |
| **Tổng** | **272** | **1866** | **723** | **2861** |

**Formatted:** Centered, Indent: First line: 0 cm

**Formatted:** Centered, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt

**Formatted Table**

**Formatted:** Centered, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt

**Formatted:** Centered, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt

**Formatted:** Centered, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt

**Formatted:** Centered, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt

**Formatted:** Centered, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt

**Formatted:** Centered, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt

**Formatted:** Centered, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt

**Formatted:** Centered, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 3 pt, After: 3 pt

**Bảng 4**

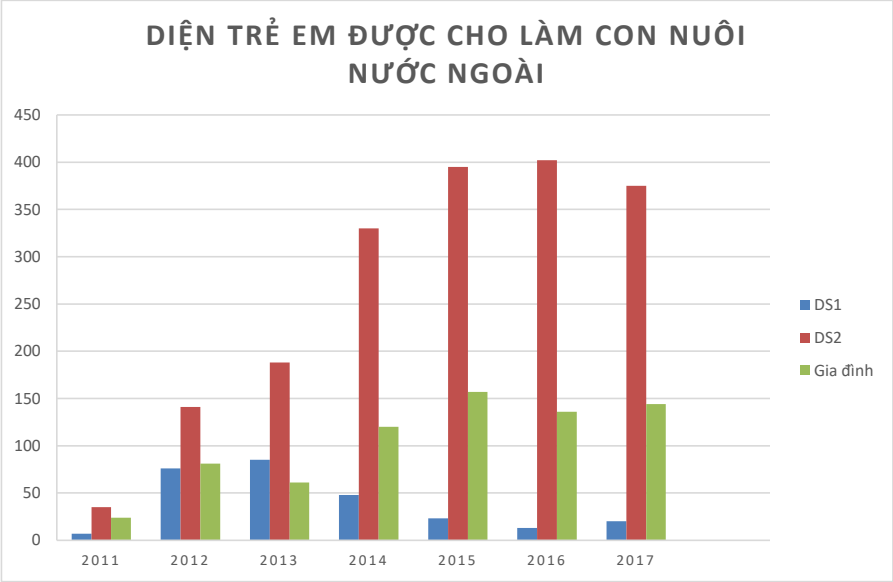


Formatted: Centered

Formatted: Font: Bold

# PHỤ LỤC B

## BHỤ LỤ

**THỤ LỤC B/cháu ruột-2018 khoảng hơn con nuôi nước ngoài theo đối tượng trẻ em giai đoạn 2011-2018 được nhận là**

| Nước | 2005 | 2007 | 2009 |
|---|---|---|---|
| Thụy Điển | 6% | 25% | 69% |
| Hà Lan | 13% | 42% | 66% |
| Hoa Kỳ | 14% | 42% | 61% |
| Mọi quốc gia | 9% | 30% | 49% |
| Pháp | 6% | 13% | 34% |
| Na Uy | 0.1% | 7% | 28% |
| Tây Ban Nha | 0.1% | 4% | 9% |

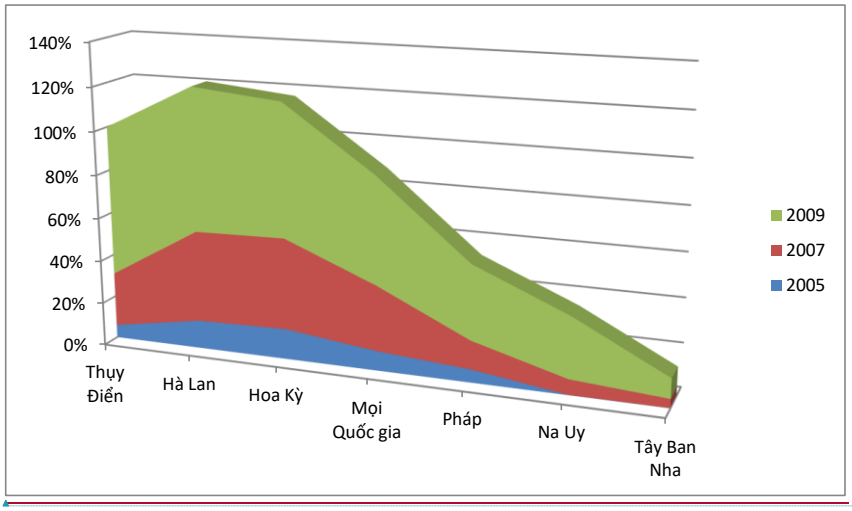


Formatted: Font: Not Bold
Formatted: Heading 1, Space After: 0 pt, Line spacing: single
Formatted: Vietnamese
Formatted: Normal, No bullets or numbering
Formatted: Font color: Red
Formatted: Font: Bold, Font color: Red
Formatted: Indent: First line: 0 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt, Line spacing: single
Formatted: Indent: First line: 0 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt, Line spacing: single
Formatted: Indent: First line: 0 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt, Line spacing: single
Formatted: Indent: First line: 0 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt, Line spacing: single
Formatted: Indent: First line: 0 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt, Line spacing: single
Formatted: Indent: First line: 0 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt, Line spacing: single
Formatted: Indent: First line: 0 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt, Line spacing: single
Formatted: Indent: First line: 0 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt, Line spacing: single
Formatted: Font:
Formatted: Centered, Indent: First line: 0 cm

**(Bảng 2)**

**Số liệu giải quyết nuôi con nuôi quốc tế ở các nước Châu Á từ năm 2003 – 2013[53]**

| | 2003 | 2005 | 2007 | 2010 | 2013 | **2003 -13** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Trung Quốc | 11,231 | 14,483 | 8,748 | 5,429 | 3,406 | **86,873** |
| Hàn Quốc | 2,332 | 2,121 | 1,226 | 1,125 | 227 | 15,623 |
| Việt Nam | 931 | 1,198 | 1,698 | 1,260 | 295 | 11,379 |
| Ấn Độ | 1,169 | 875 | 1,013 | 607 | 351 | 8,438 |
| Philippines | 412 | 508 | 571 | 496 | 534 | 5,448 |
| Thái Lan | 489 | 466 | 442 | 303 | 306 | 4,236 |
| **Tổng châu Á** | **17,608** | **20,559** | **14,767** | **10,238** | **5,566** | **142,273** |

*Các nước gốc là những nước cho trẻ em làm con nuôi quốc tế, chủ yếu là những nước phải trải qua chiến tranh, chậm phát triển, là những nước thuộc thế giới thứ ba. Trên thế giới, các nước gốc chủ yếu là những nước ở châu Á (như Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, Căm-pu-chia, Thái Lan, Philippines...), châu Phi (Nigeria, Furkina-Faso, Cameroun, Etiopia...), châu Mỹ La-tinh (Bra-xin, Colombia, Chi-lê, Haiti...) và một số nước ở Đông Âu (Nga, Rumani, Ba Lan...).*

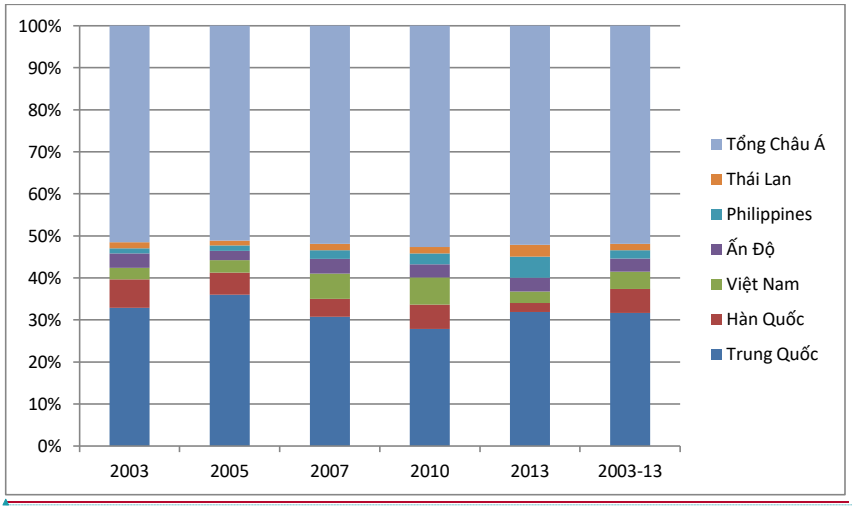


**Formatted:** Indent: First line: 0 cm

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt, Line spacing: single

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt, Line spacing: single

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt, Line spacing: single

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt, Line spacing: single

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt, Line spacing: single

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt, Line spacing: single

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt, Line spacing: single

**Formatted:** Space Before: 6 pt

**Formatted:** Font:

**(Bảng 3)**

**Số liệu giải quyết nuôi con nuôi quốc tế ở các nước châu Phi [53]**

| | 2013 | 2012 | 2009 | 2007 | 2003 |
|---|---|---|---|---|---|
| Etiopia | 2,005 | 2,800 | 4,575 | 3,034 | 855 |
| CH Công gô | 587 | 518 | 156 | 65 | 26 |
| Uganda | 292 | 249 | 74 | 57 | 12 |
| Nigeria | 243 | 266 | 185 | 83 | 64 |
| Nam Phi | 222 | 173 | 292 | 212 | 188 |
| Ghana | 190 | 186 | 121 | 58 | 18 |
| Mali | 13 | 154 | 196 | 158 | 136 |
| Tổng châu Phi | 4,450 | 5,292 | 6,510 | 4,820 | 2,344 |

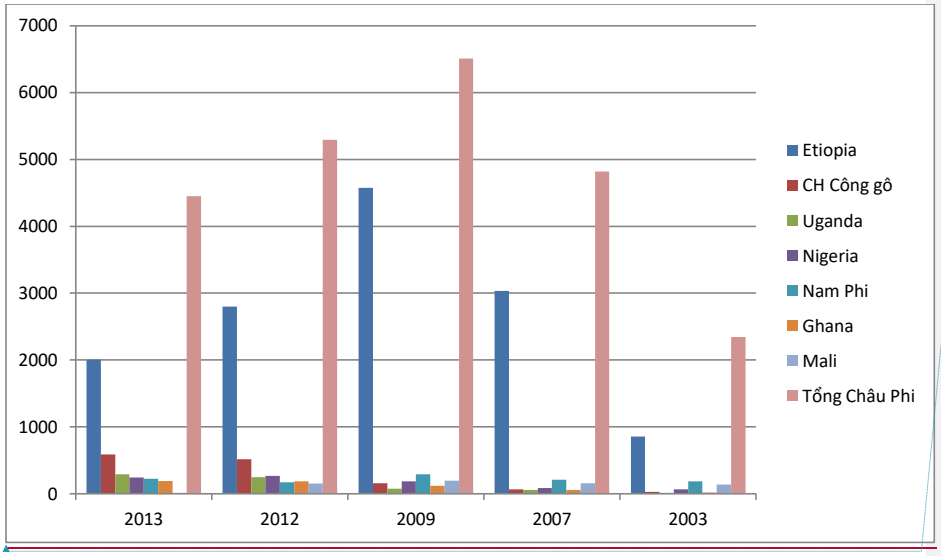


**Formatted:** Centered, None, Indent: First line: 1 cm

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm, Space Before: 6 pt, After: 6 pt

**Formatted:** Font:

**(Bảng 4**

**)Số liệu giải quyết nuôi con nuôi quốc tế ở các nước Đông Âu**

**từ năm 2003 – 2013[53]**

| - | 2003 | 2004 | 2008 | 2013 |
|---|---|---|---|---|
| Nga | 7,737 | 9,384 | 4,132 | 1,793 |
| Ucraina | 2,052 | 2,021 | 1,577 | 642 |
| Bungari | 965 | 387 | 140 | 411 |
| Bêlarus | 656 | 616 | 7 | 6 |
| Rumania | 471 | 289 | 0 | 15 |
| Ba Lan | 347 | 420 | 408 | 304 |
| Lituani | 85 | 103 | 127 | 77 |
| Latvia | 67 | 127 | 90 | 131 |
| **Tất cả châu Âu** | **13,189** | **14,011** | **7,105** | **3,777** |

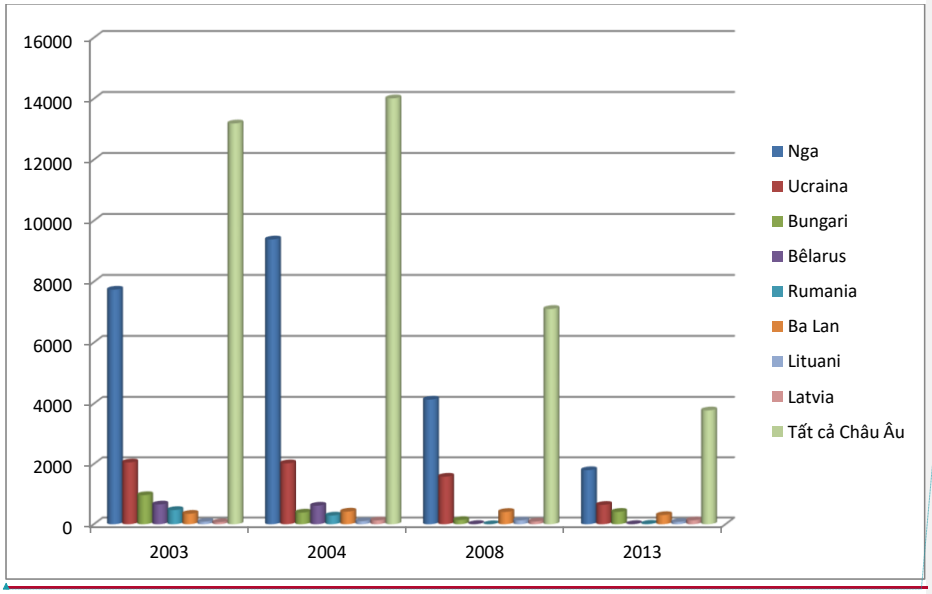


**Formatted:** Indent: First line: 1 cm

**Formatted:** Indent: First line: 0 cm

**Formatted:** Centered, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 0 pt, After: 0 pt, Line spacing: 1.5 lines

**Formatted:** Font: Bold

**(Bảng 5)**

**Số liệu giải quyết nuôi con nuôi quốc tế ở các nước châu Mỹ La-tinh từ năm 2003 – 2013[53]**

| - | 2003 | 2005 | 2007 | 2010 | 2013 | 2000-13 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Guatemala | 2,676 | 3,873 | 4,854 | 58 | 26 | 24,164 |
| Colombia | 1,750 | 1,472 | 1,635 | 1,828 | 566 | 16,152 |
| Hai-ti | 1,049 | 922 | 755 | 2,489 | 546 | 11,124 |
| Bra-xin | 472 | 479 | 485 | 380 | 241 | 4,691 |
| Pê-ru | 114 | 174 | 171 | 24 | 111 | 1,577 |
| Bolivia | 274 | 252 | 152 | 73 | 22 | 1,564 |
| Mê-hi-cô | 122 | 163 | 181 | 117 | 37 | 1,354 |

**Formatted:** Centered, Indent: First line: 0 cm, Space Before: 0 pt, After: 0 pt, Line spacing: 1.5 lines

**Formatted:** Font: 12 pt

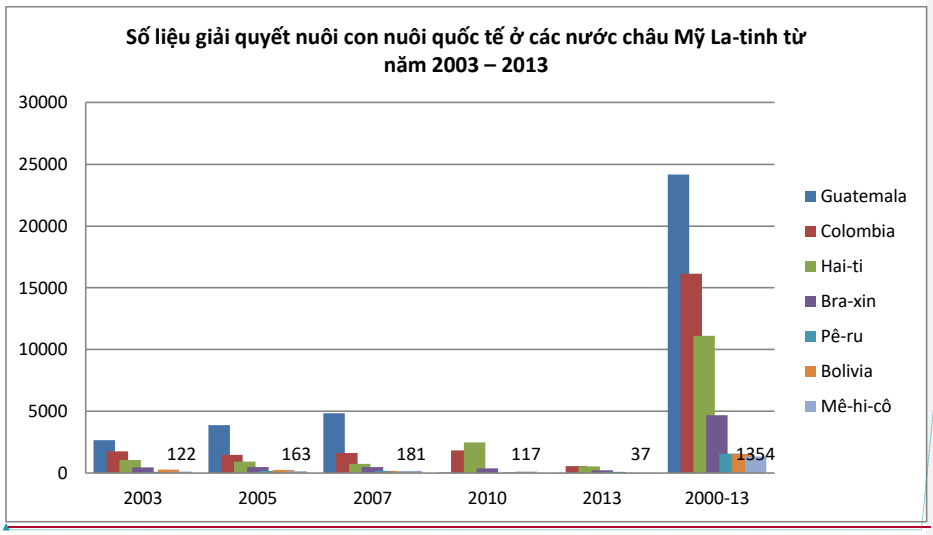


~~So với các nước khác trên thế giới, pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Việt Nam hình thành muộn, vào cuối những năm 80 của thế kỷ XX.~~

~~Pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của nước tâ phát triển gắn liền với số lượng lớn trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi ở nước ngoài. Do vậy, pháp luật của nước ta còn thiếu cơ bản các quy định pháp luật về việc công dân Việt Nam nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.~~

~~Hệ thống các văn bản QPPL đã được sửa đổi, bổ sung từ văn bản QPPL có hiệu lực giá trị thấp và tạm thời như Quyết định số 145/HDDBT nay đã trở thành một ngành luật chuyên ngành về nuôi con nuôi.~~

~~Về cấu trúc hệ thống pháp luật, Luật Nuôi con nuôi đã tách khỏi Luật HN&GĐ. Nhưng trong tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài cũng phụ thuộc vào pháp luật về dân sự, trẻ em, hôn nhân và gia đình và hộ tịch.~~

~~Hệ thống nguồn luật là một yếu tố quan trọng trong hệ thống pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Thực tiễn đã chứng minh khi quy định pháp luật không phù hợp với thông lệ quốc tế, quy định và chuẩn mực quốc tế, thì việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài bị lạm dụng gây tác động xấu tới mục đích, ý nghĩa của việc nuôi con nuôi. Chính vì vậy, việc nuôi con nuôi nước ngoài đã có giai đoạn gián đoạn nhằm trấn chỉnh tình hình và thay đổi quy định pháp luật.~~

~~Kể từ khi Luật Nuôi con nuôi và Công ước La Hay số 33 có hiệu lực thi hành, điều kiện, trình tự thủ tục giải quyết được quy định chặt chẽ theo hướng bảo đảm quyền và lợi ích của trẻ em và tuân thủ nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước. Tuy nhiên, số lượng trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài giảm nhiều so với các thời kỳ trước; có những biểu hiện lạm dụng quy định pháp luật dẫn đến những quan ngại của phía nước ngoài.~~

~~Nguyên nhân của thực trạng cơ bản là do hệ thống nguồn luật trong nước đã lại bắt đầu bộc lộ những điểm hạn chế, đặc biệt liên quan đến vấn đề tài chính và giải quyết đối với diện trẻ em thuộc diện Danh sách 2 (khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo). Vấn đề tặng cho trực tiếp trở nên phổ biến và có xu hướng trở thành điều kiện bắt buộc. Thực trạng giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của nước ta lại đang đứng trước một thách thức mới, đòi hỏi phải sửa đổi và bổ sung những quy định pháp luật hiện hành.~~

~~Bên cạnh đó, hệ thống thiết chế bảo đảm thực hiện, thực tiễn tổ chức thi hành pháp luật và nguồn nhân lực cũng có những điểm hạn chế nhất định nên hiệu quả điều chỉnh của pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài chưa cao, chậm đi vào cuộc sống. Vì vậy, để pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài phát huy hiệu quả trong cuộc sống, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, cần tăng cường bảo đảm cơ chế thực hiện, thay đổi cách thức tổ chức thi hành pháp luật và đào tạo chuyên môn cho nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra.~~

~~Trong tương lai, hệ thống pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở nước ta phải là một thể thống nhất, liên thông với việc nuôi con nuôi trong nước gắn với hệ thống chăm sóc và bảo vệ trẻ em nhằm bảo đảm các nguyên tắc cơ bản của Công ước La Hay số 33./.~~

## ~~DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO~~


| | |
|---|---|
| | ~~TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT~~ |
| ~~A~~ | ~~CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC~~ |
| ~~[1]~~ | ~~Bộ Tư pháp (2004), Tọa đàm về vấn đề con nuôi quốc tế, Hà Nội.~~ |
| ~~[2]~~ | ~~Bộ Tư pháp (2005), Vũ Đức Long (chủ nhiệm đề tài), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, *Hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trước yêu cầu gia nhập Công ước La Hay năm 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế*, Hà Nội, 255 tr.~~ |
| ~~[3]~~ | ~~Bộ Tư pháp (2014), Báo cáo rà soát Hiệp định hợp tác song phương về nuôi con nuôi đang có hiệu lực giữa Việt Nam và các nước theo Công ước La Hay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế.~~ |
| ~~[4]~~ | ~~Bộ Tư pháp (2017), Báo cáo thực hiện Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị giai đoạn 2002-6/2017.~~ |
| ~~[5]~~ | ~~Bộ Tư pháp (2018), *Tờ trình Chính phủ về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi.*~~ |
| ~~[6]~~ | ~~Bộ Tư pháp, Cục Con nuôi (2016), *"Báo cáo đánh giá 06 năm thi hành Luật nuôi con nuôi"*, Hội nghị tổng kết thi hành 06 năm thực hiện Luật nuôi con nuôi, Hà Nội.~~ |
| ~~[7]~~ | ~~Bộ Tư pháp, Cục Con nuôi quốc tế (2007), Tìm hiểu Công ước La Hay về nuôi con nuôi, Nxb Tư pháp, Hà Nội.~~ |
| ~~[8]~~ | ~~Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý (2016), Nguyễn Khánh Ngọc (chủ nhiệm đề tài) đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ về *"Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng Luật tư pháp quốc tế"*, Hà Nội.~~ |
| ~~[9]~~ | ~~Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý, Cao Xuân Phong (chủ nhiệm đề tài) (2016), đề tài khoa học cấp Bộ về "*Nghiên cứu xây dựng cơ chế bảo đảm thực*~~ |

| | |
|---|---|
| | ~~*thi cam kết quốc tế của Việt Nam về quyền con nuôi trong lĩnh vực hành chính tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp*", Hà Nội.~~ |
| ~~[10]~~ | ~~Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý, TS. Nguyễn Văn Cương (Chủ biên) (2018), *Nhu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2030*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2018.~~ |
| ~~[11]~~ | ~~Bộ Tư pháp-Unicef (2003), Hỏi Đáp về đăng ký việc nuôi con nuôi (*Questions and Answers on adoption*), Hà Nội.~~ |
| ~~[12]~~ | ~~Bộ Tư pháp-Unicef, Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý (1998), Chế định nuôi con nuôi trong pháp luật Việt Nam và quốc tế, Thông tin khoa học pháp lý, Công ty in Tài chính.~~ |
| ~~[13]~~ | ~~Bộ Tư pháp-Unicef, Cục Con nuôi (2009), Pháp luật về nuôi con nuôi của Việt Nam & một số nước trên thế giới, Nxb Thời đại, Hà Nội.~~ |
| ~~[14]~~ | ~~Chính phủ (2009), *Tờ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội dự án Luật nuôi con nuôi*, Hà Nội.~~ |
| ~~[15]~~ | ~~Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Tư pháp quốc tế, NXB Tư pháp, 2017.~~ |
| ~~[16]~~ | ~~Đại học Luật Hà Nội (2011), *Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường, Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo Luật nuôi con nuôi năm 2010*, Hà Nội.~~ |
| ~~[17]~~ | ~~Nhà pháp luật Việt-Pháp (2005), *Kỷ yếu hội thảo về một số vấn đề thực tiễn về quan hệ nhân thân và tài sản trong tư pháp quốc tế (Bản dịch của Nhà Pháp luật Việt-Pháp)*, Hà Nội~~ |
| ~~I~~ | ~~**TÁC GIẢ TRONG NƯỚC**~~ |
| ~~[18]~~ | ~~Phạm Thị Kim Anh (2017), Khó khăn, vướng mắc trong thực thi Công ước La Hay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế ở Việt Nam, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, Số tháng 9/2017, tr.45-50.~~ |
| ~~[19]~~ | ~~Phạm Thị Kim Anh (2017), Thực tiễn công nhận quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở nước ngoài và phát sinh hệ quả của việc nuôi con nuôi có YTNN, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, tháng 11/2017.~~ |

| | |
|---|---|
| [20] | Phạm Thị Kim Anh (2017), Định hướng sửa đổi, bổ sung Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, Số chuyên đề tháng 7/2018, tr.7-12. |
| [21] | Nguyễn Hồng Bắc (2003), *Pháp luật điều chỉnh quan hệ gia đình có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội. |
| [22] | Vũ Ngọc Bình (2000), *Vấn đề con nuôi nước ngoài (Intercountry adoption)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội. |
| [23] | Nguyễn Quốc Cường (1998), "Quản lý nhà nước trong lĩnh vực con nuôi - thực trạng và những giải pháp hoàn thiện pháp luật", *Chuyên đề về chế định nuôi con nuôi trong pháp luật Việt Nam và quốc tế, Thông tin khoa học pháp lý*, Viện Khoa học pháp lý-Bộ Tư pháp. |
| [24] | Vũ Kim Dung (2013), *Pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài của Việt Nam trong mối tương quan với Công ước La Hay*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học quốc gia Hà Nội. |
| [25] | Đào Thị Hà (2018), Một số vấn đề về giải quyết việc nuôi con nuôi đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, Số chuyên đề tháng 7/2018. |
| [26] | Phạm Hồ Hương (2016), "Thực tiễn áp dụng các quy định về TPQT tại các cơ quan hành chính nhà nước", *Báo cáo kết quả Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ "Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng luật tư pháp quốc tế"*, tr. 208 |
| [27] | Nguyễn Công Khanh (2003), Cơ sở lý luận và thực tiễn của pháp luật điều chỉnh một số quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài ở nước ta hiện nay, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội. |
| [28] | Nguyễn Công Khanh (2005), "Giải quyết xung đột pháp luật và xung đột thẩm quyền về nuôi con nuôi có YTNNg trong tư pháp quốc tế Việt Nam", *Kỷ yếu hội thảo về một số vấn đề thực tiễn về quan hệ nhân thân và tài sản trong tư pháp quốc tế*, Hà Nội, tr. 35-39. |

| | |
|---|---|
| [29] | Nguyễn Công Khanh (2011), "Sự hình thành và phát triển của pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi có YTNNg", *Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường Nuôi con nuôi có YTNNg theo Luật nuôi con nuôi năm 2010*, Hà Nội, tr.2-17. |
| [30] | Tường Duy Kiên (2016), "Tổng quan các cam kết của Việt Nam về Quyền con người trong lĩnh vực hành chính tư pháp", *Nghiên cứu xây dựng cơ chế bảo đảm thực thi cam kết quốc tế của Việt Nam về quyền con nuôi trong lĩnh vực hành chính tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Bộ Tư pháp, Hà Nội. |
| [31] | Nguyễn Phương Lan (2006), Cơ sở lý luận và thực tiễn của chế định pháp lý về nuôi con nuôi ở Việt Nam, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội. |
| [32] | Nguyễn Phương Lan (2011), Hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo Luật nuôi con nuôi, *Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường, Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo Luật nuôi con nuôi năm 2010*, Đại học Luật Hà Nội. |
| [33] | Vũ Đức Long (2011), Một số điểm bất cập của Luật nuôi con nuôi 2010 về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, tr.27-30, *Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường, Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo Luật nuôi con nuôi năm 2010*, Đại học Luật Hà Nội. |
| [34] | Hoàng Văn Nghĩa (2014), Những chế định mới về quyền con người trong Hiến pháp năm 2013, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 12/2014, tr. 212. |
| [35] | Trần Minh Ngọc, Tổng quan về tư pháp quốc tế, Giáo trình Tư pháp quốc tế, ĐHL Hà Nội, NXB Tư pháp, 2017. |
| [36] | Đinh Dũng Sỹ (2010), Quan niệm về một hệ thống pháp luật hoàn thiện, Tạp chí nghiên cứu lập pháp. Theo: https://luatminhkhue.vn/tu-van-lao-dong/quan-niem-ve-mot-he-thong-phap-luat-hoan-thien.aspx |
| [37] | Lưu Ngọc Tố Tâm (2017): Đảm bảo thực thi quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp năm 2013, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, số 6 (303) năm 2017. |
| | **TÁC GIẢ NƯỚC NGOÀI** |

| | |
|---|---|
| [38] | Audit Bernard (2005), "Báo cáo tổng kết hội thảo", *Kỷ yếu hội thảo về một số vấn đề thực tiễn về quan hệ nhân thân và tài sản trong tư pháp quốc tế (Bản dịch của Nhà Pháp luật Việt-Pháp)*, Hà Nội, tr.184-188 |
| [39] | Boulanger François (2001), Difficultés et enjeux dans l'adoption, Etudes de droit comparé et international, Ed.Economica, 2001. pp. 197 |
| [40] | Boéchat Hervé (2010), Les zones grises dans l'adoption internationale. Nguồn từ: https://www.hcch.net/upload/wop/adop2010_info6f.pdf |
| [41] | Bischoff J.M. (1985), Adoption Introductions, Revue de droit international comparé, mars 1985. |
| [42] | Colombani Jean-Marie (2008), Rapport sur l'adoption, La Documentation Française, France. |
| [43] | Derruppé Jean (2001), Droit international privé, Mementos, 14è édition, Dalloz, 2001, pp. 182. |
| [44] | Goldstein Gérald (2005), "*Quy phạm xung đột về con nuôi có yếu tố nước ngoài*", Kỷ yếu hội thảo về một số vấn đề thực tiễn về quan hệ nhân thân và tài sản trong tư pháp quốc tế, (Bản dịch của Nhà Pháp luật Việt-Pháp), Hà Nội, tr. 40-49 |
| [45] | Issac-Sibille Bernadette (2000), Rapport N°2370, nguồn: http://www.assemblee-nationale.fr/11/rapports/r2370.asp |
| [46] | Leroy-Céline Ferrand & Katell (2002), Adoption internationale en droit international privé, Revue de droit Ouest, 2002/2. tr.198. |
| [47] | Le Boursicot Marie-Christine, La kafala ou le recueil légitime d'enfant dans les pays mulsumans. Theo http://jounals.openedition.org/droitcultures/2138. |
| [48] | Lucker-Babel Marie-Francoise, Adoption internationale: Comprendre les nouvelles règles: Les principes et les mécanismes de la Convention de La Hay du 29 mai 1993. Revue du droit de l'enfant. Volume 4. |

| | |
|---|---|
| [49] | Mayer Fabre, N. (1994), La Convention de La Haye du 29 mai 1993 sur la protection d'enfants et la coopération dans l'adoption internaationale, Revue critique en droit international privé, Ed. Dalloz. |
| [50] | Martinez-Mora Laura, Quelles sont les difficultés rencontrées par les nouveaux pays membres de la Convention de La Haye 1993? |
| [51] | Smolin David M. (2018), *Child laundering*, How the intercountry adoption systems legitimizes and incentivizes the pratice of buying, trafficking, kidnapping and stealing children, nguồn: http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1.1.693.3159&rep=rep1&type=pdf |
| [52] | Selman Peter (2015), Twenty years of the Hague Convention: a Statistical review, nguồn: https://www.hcch.net/en/publications-and-studies/details4/?pid=5955&dtid=32 |
| [53] | Van Loon J.H (1990), Rapport sur l'adoption d'enfants d'origine étrangère, Bureau permanent de la Convention de La Haye, La Haye. |
| | **ẤN PHẨM, BÁO CÁO NƯỚC NGOÀI, TRANG WEB** |
| [54] | Cours de droit http://www.cours-de-droit.net/l-adoption-en-droit-international-a121605308 |
| [55] | Comission internationale de l'état civil, Pratiques notariales en matière d'état civil de l'Allemagne. http://jafbase.fr/docUE/Allemagne/Allemagne-Chap3a5-marsr2006.pdf |
| [56] | Comission internationale de l'état civil, Pratiques notariales en matière d'état civil de l'Italie. http://jafbase.fr/docUE/Italie/Italie-Chap3a5-sept2006.pdf |
| [57] | Comission internationale de l'état civil, Pratiques notariales en matière d'état civil de la Suisse. http://jafbase.fr/docUE/Suisse/Suisse-Chap3a5.1.12juin2008.pdf |

| | |
|---|---|
| [58] | HccH (2008), *La mise en oeuvre et le fonctionnement de la Convention de La Haye de 1993 sur l'adoption internationale*, Guide de bonnes pratiques Nº1, Family Law, Royaume Uni. |
| [59] | HccH (2017), Notes sur la résidence dans les adoptions internales. |
| [60] | HccH (2013), Notes sur les aspects financiers |
| [61] | HccH (2015), 20 years of the Hague 1993 Convention: assessing the impact of the Convention on law and pratices relating to intercountry adoption and the protection of children. Nguồn: https://assets.hcch.net/docs/f9f65ec0-1795-435c-aadf-77617816011c.pdf |
| [62] | HccH (2018), Rapport du groupe d'expert sur la parentalité et la mère porteuse |
| [63] | National Council for Adoption, AdoptionadvocateNº44, nguồn: http://www.adoptioncouncil.org/publications/2018/03/adoption-advocate-no-44 |
| [64] | Service social international (ISS) (2009), Adoption from Vietnam: Findings and recommandations of an assessment, Geneva, nguồn: https://www.unicef.org/vietnam/Eng_Adoption_report.pdf |
| [65] | Service social international (ISS) (2009), Preliminary comments on the draft adoption law, Genève. |
| [66] | Service social international (ISS) (2017), Bulletin mensuel Nº215 septembre 2017, Adoption prioritaire d'enfants dits à besoins spécifiques: diversités des pratiques. |
| [67] | Service social international (ISS) (2018), Bulletin mensuel Nº221 mai 2018, Rapport sur la vente d'enfants et les adoptions illégales. |
| [68] | Service social international (ISS) (2015), "Vietnam", Bulletin mensuel, août 2015, Genève. |

| | |
|---|---|
| [69] | Sénat (2000), Rapport N°410, nguồn: https://www.senat.fr/rap/l99-410/l99-4100.html |
| [70] | https://www.senat.fr/rap/l09-334/l09-3341.html |
| [71] | http://www.actualitesdroitbelge.be/droit-de-la-famille/adoption/l-adoption-internationale/le-droit-applicable-a-l-adoption-internationale. |
| [72] | http://www.mjusticia.gob.es/cs/Satellite/Portal/1292426985275?blobheader=application%2Fpdf&blobheadername1=ContentDisposition&blobheadervalue1=attachment%3B+filename%3DLoi_n_54_du_28_decembre_2007_sur_LAdoption_Internacionale_(Adopcion_Internacional).PDF |
| [73] | *https://www.uscis.gov/.../USCIS/.../Habitual-Residence-PM-Interim.pdf* |
| [74] | http://adoption.gouv.qc.ca/fr_adopter-a-letranger |
| [75] | http://justice.belgium.be/fr/themes_et_dossiers/personnes_et_familles/adoption/adoption_a_letranger#rec |
| [76] | Le projet de loi sur l'autoriation de l'adoption des couples pacse, https://www.senat.fr/rap/l09-334/l09-3341.html |
| [77] | https://fr.wikipedia.org/wiki/Adoption_homoparentale_en_France. |

| | |
|---|---|
| **Đ** | **CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ** |
| 1. | Công ước quốc tế của Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989 |

| | |
|---|---|
| 2. | Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 Công ước La Hay số 33 ngày 29 tháng 5 năm 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế |
| 3. | Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa CH XHCN Việt Nam và CH Pháp |
| 4. | Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa CH XHCN Việt Nam và CH Italia |
| 5. | Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa CH XHCN Việt Nam và Đan Mạch |
| 6. | Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa CH XHCN Việt Nam và Tây Ban Nha |
| 7. | Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi giữa CH XHCN Việt Nam và Thụy Sỹ |
| **I** | **NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG, CÁC VĂN BẢN LUẬT, NGHỊ ĐỊNH, THÔNG TƯ** |
| 1 | Hiến pháp năm 2013 |
| 2 | Nghị quyết của Bộ Chính trị số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 |
| 3 | Bộ luật dân sự năm 2015 |
| 4 | Luật nuôi con nuôi số 52/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 |
| 5 | Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, 1986, 2000 và 2014 |
| 6 | Luật quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 & Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 số 56/2014/QH13 |
| 7 | Luật hộ tịch số 60/2014/QH13 |
| 8 | Luật trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 5 tháng 4 năm 2016 |
| 9 | Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. |

| | |
|---|---|
| ~~10~~ | ~~Nghị định số 138/2006/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2006 quy định chi tiết thi hành các quy định của Bộ luật dân sự về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.~~ |
| ~~11~~ | ~~Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi.~~ |
| ~~12~~ | ~~Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch~~ |
| ~~13~~ | ~~Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 9 tháng 5 năm 2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật trẻ em.~~ |
| ~~14~~ | ~~Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trong tình hình mới.~~ |

**~~PHỤ LỤC A~~**

**~~SỐ LIỆU GIẢI QUYẾT NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM~~**

**~~(1) Bảng tổng hợp số liệu trẻ em Việt Nam làm con nuôi quốc tế từ năm 1990 đến năm 1996[22]~~**

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ~~1990~~ | ~~1991~~ | ~~1992~~ | ~~1993~~ | ~~1994~~ | ~~1995~~ | ~~1996~~ | ~~1990-1996~~ |
| ~~60~~ | ~~181~~ | ~~423~~ | ~~638~~ | ~~1233~~ | ~~1584~~ | ~~1695~~ | ~~5814~~ |

~~*Chú thích:* Từ năm 1990 đến năm 1999, trên thế giới có 222.758 trẻ em nước ngoài được nhận làm con nuôi ở Hoa Kỳ, Pháp, Italia, Thụy Điển và Canada [78]~~

**~~(2) Bảng tổng hợp số lượng trẻ em Việt Nam làm con nuôi quốc tế từ năm 2003 đến hết năm 2015[62]~~**

| | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ~~2003~~ | ~~2004~~ | ~~2005~~ | ~~2006~~ | ~~2007~~ | ~~2008~~ | ~~2009~~ | ~~2010~~ | ~~2011~~ | ~~2012~~ | ~~2013~~ | |
| ~~931~~ | ~~486~~ | ~~1198~~ | ~~1368~~ | ~~1698~~ | ~~1721~~ | ~~1504~~ | ~~1266~~ | ~~706~~ | ~~214~~ | ~~289~~ | |

~~*Chú thích:* Sang thế kỷ XX, trong khoảng từ năm 2001 đến năm 2013, trên thế giới có 469.123 trẻ em nước ngoài được nhận làm con nuôi chủ yếu ở Hoa Kỳ, Pháp, Italia, Tây Ban Nha và Canada[78].~~

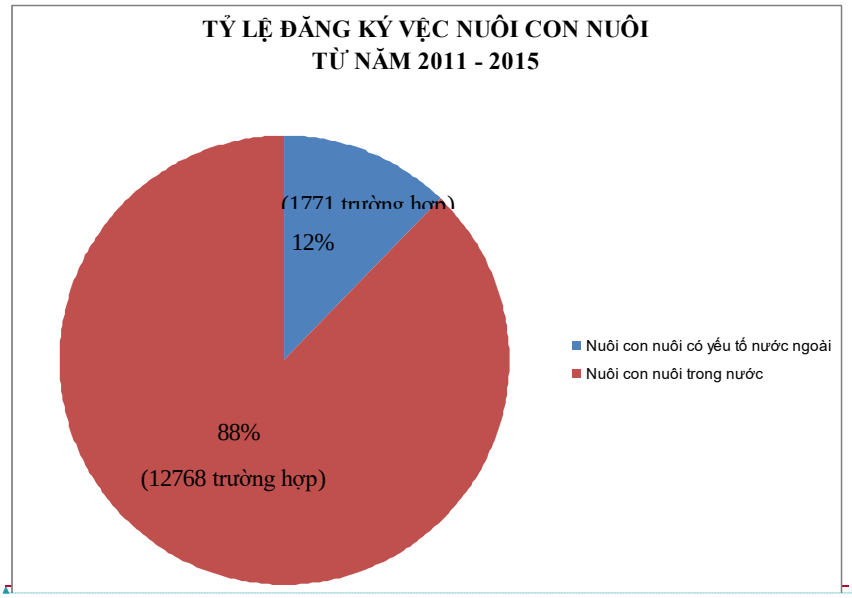


**Formatted:** Font:

~~**Số liệu về tỷ lệ trẻ em nam và nữ được cho làm con nuôi nước ngoài**~~

**Formatted:** Font: 12 pt, Bold

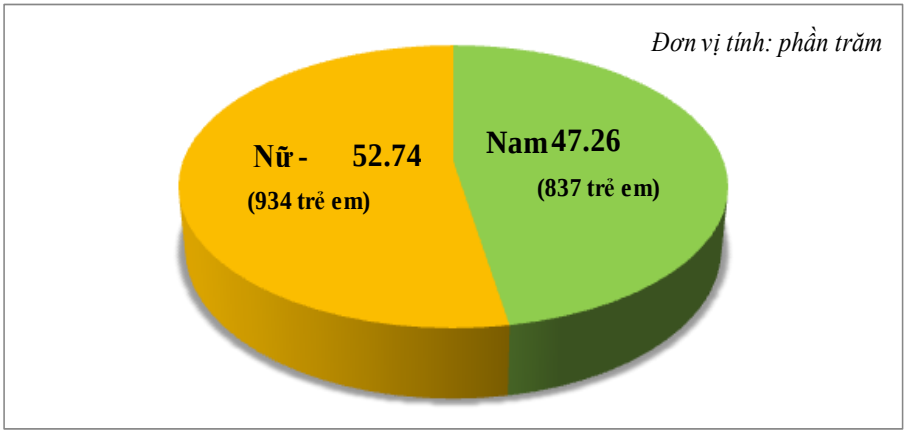

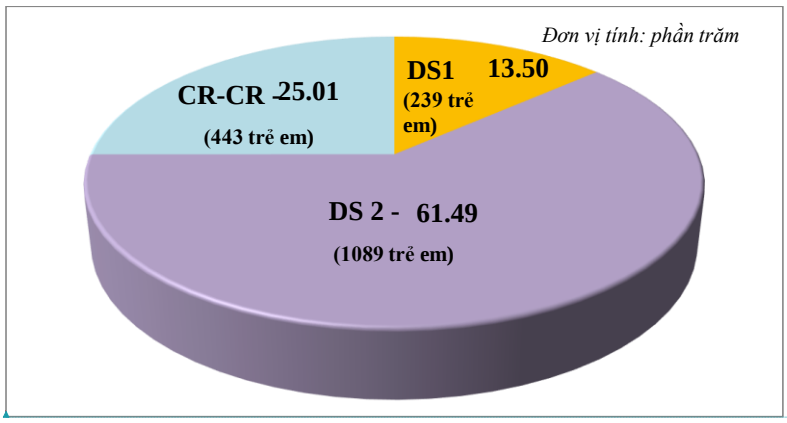


**~~Tỷ lệ đối tượng trẻ em được cho làm con nuôi nước ngoài~~**

~~DS1: Danh sách 1(trẻ em có sức khỏe bình thường)~~

~~DS2: Danh sách 2(trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo)~~

~~CR-CR: con riêng, cháu ruột~~

Formatted: Font: Bold

~~PHỤ LỤC B~~

**~~Tỷ lệ các nước thành viên Công ước La Hay nhận trẻ em nước ngoài có nhu cầu chăm sóc đặc biệt làm con nuôi[78]~~**

| ~~Nước~~ | ~~2005~~ | ~~2007~~ | ~~2009~~ |
|---|---|---|---|
| ~~Thụy Điển~~ | ~~6%~~ | ~~25%~~ | ~~69%~~ |
| ~~Hà Lan~~ | ~~13%~~ | ~~42%~~ | ~~66%~~ |
| ~~Hoa Kỳ~~ | ~~14%~~ | ~~42%~~ | ~~61%~~ |
| ~~Mọi quốc gia~~ | ~~9%~~ | ~~30%~~ | ~~49%~~ |
| ~~Pháp~~ | ~~6%~~ | ~~13%~~ | ~~34%~~ |
| ~~Na Uy~~ | ~~0.1%~~ | ~~7%~~ | ~~28%~~ |
| ~~Tây Ban Nha~~ | ~~0.1%~~ | ~~4%~~ | ~~9%~~ |

**~~(2) Số liệu giải quyết nuôi con nuôi quốc tế ở các nước Châu Á từ năm 2003 – 2013[78]~~**

| | ~~2003~~ | ~~2005~~ | ~~2007~~ | ~~2010~~ | ~~2013~~ | ~~**2003 – 13**~~ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ~~Trung Quốc~~ | ~~11,231~~ | ~~14,483~~ | ~~8,748~~ | ~~5,429~~ | ~~3,406~~ | ~~**86,873**~~ |
| ~~Hàn Quốc~~ | ~~2,332~~ | ~~2,121~~ | ~~1,226~~ | ~~1,125~~ | ~~227~~ | ~~15,623~~ |
| ~~Việt Nam~~ | ~~931~~ | ~~1,198~~ | ~~1,698~~ | ~~1,260~~ | ~~295~~ | ~~11,379~~ |
| ~~Ấn Độ~~ | ~~1,169~~ | ~~875~~ | ~~1,013~~ | ~~607~~ | ~~351~~ | ~~8,438~~ |
| ~~Philippines~~ | ~~412~~ | ~~508~~ | ~~571~~ | ~~496~~ | ~~534~~ | ~~5,448~~ |
| ~~Thái Lan~~ | ~~489~~ | ~~466~~ | ~~442~~ | ~~303~~ | ~~306~~ | ~~4,236~~ |
| ~~**Tổng châu Á**~~ | ~~**17,608**~~ | ~~**20,559**~~ | ~~**14,767**~~ | ~~**10,238**~~ | ~~**5,566**~~ | ~~**142,273**~~ |

~~*Các nước gốc là những nước cho trẻ em làm con nuôi quốc tế, chủ yếu là những nước phải trải qua chiến tranh, chậm phát triển, là những nước thuộc thế giới thứ ba. Trên thế giới, các nước gốc chủ yếu là những nước ở châu Á (như Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, Căm-pu-chia, Thái Lan, Philippines...), châu Phi (Nigeria, Furkina-Faso, Cameroun, Etiopia...), châu Mỹ La-tinh (Bra-xin, Colombia, Chi-lê, Haiti...) và một số nước ở Đông Âu (Nga, Rumani, Ba Lan...).*~~

**~~(3) Số liệu giải quyết nuôi con nuôi quốc tế ở các nước châu Phi [78]~~**

| - | 2013 | 2012 | 2009 | 2007 | 2003 |
|---|---|---|---|---|---|
| Etiopia | 2,005 | 2,800 | 4,575 | 3,034 | 855 |
| CH Công gô | 587 | 518 | 156 | 65 | 26 |
| Uganda | 292 | 249 | 74 | 57 | 12 |
| Nigeria | 243 | 266 | 185 | 83 | 64 |
| Nam Phi | 222 | 173 | 292 | 212 | 188 |
| Ghana | 190 | 186 | 121 | 58 | 18 |
| Mali | 13 | 154 | 196 | 158 | 136 |
| Tổng – châu Phi | 4,450 | 5,292 | 6,510 | 4,820 | 2,344 |

**~~(4) Số liệu giải quyết nuôi con nuôi quốc tế ở các nước Đông Âu từ năm 2003 – 2013[78]~~**

| - | 2003 | 2004 | 2008 | 2013 |
|---|---|---|---|---|
| Nga | 7,737 | 9,384 | 4,132 | 1,793 |
| Ucraina | 2,052 | 2,021 | 1,577 | 642 |
| Bungari | 965 | 387 | 140 | 411 |
| Bêlarus | 656 | 616 | 7 | 6 |
| Rumania | 471 | 289 | 0 | 15 |
| Ba Lan | 347 | 420 | 408 | 304 |
| Lituani | 85 | 103 | 127 | 77 |
| Latvia | 67 | 127 | 90 | 131 |
| **Tất cả châu Âu** | **13,189** | **14,011** | **7,105** | **3,777** |

**~~(5) Số liệu giải quyết nuôi con nuôi quốc tế ở các nước châu Mỹ La-tinh từ năm 2003 – 2013[78]~~**

| - | ~~2003~~ | ~~2005~~ | ~~2007~~ | ~~2010~~ | ~~2013~~ | ~~2000-13~~ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| ~~Guatemala~~ | ~~2,676~~ | ~~3,873~~ | ~~4,854~~ | ~~58~~ | ~~26~~ | ~~24,164~~ |
| ~~Colombia~~ | ~~1,750~~ | ~~1,472~~ | ~~1,635~~ | ~~1,828~~ | ~~566~~ | ~~16,152~~ |
| ~~Hai-ti~~ | ~~1,049~~ | ~~922~~ | ~~755~~ | ~~2,489~~ | ~~546~~ | ~~11,124~~ |
| ~~Bra-xin~~ | ~~472~~ | ~~479~~ | ~~485~~ | ~~380~~ | ~~241~~ | ~~4,691~~ |
| ~~Pê-ru~~ | ~~114~~ | ~~174~~ | ~~171~~ | ~~24~~ | ~~111~~ | ~~1,577~~ |
| ~~Bolivia~~ | ~~274~~ | ~~252~~ | ~~152~~ | ~~73~~ | ~~22~~ | ~~1,564~~ |
| ~~Mê-hi-cô~~ | ~~122~~ | ~~163~~ | ~~181~~ | ~~117~~ | ~~37~~ | ~~1,354~~ |

~~Khái niệm "định cư ở nước ngoài" tương ứng với khái niệm "đang cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài ở nước ngoài". Tuy nhiên, trên thực tế rất khó xác định yếu tố "cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài". Có quan điểm cho rằng việc xác định thời gian cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài cần phải đối chiếu với pháp luật về nhập cư của nước sở tại, ví dụ như họ đã nhập quốc tịch nước ngoài, hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thường trú tại nước sở tại; đã có thời gian cư trú, sinh sống lâu dài ở nước đã cho phép họ thường trú và không vượt quá giới hạn về thời gian được rời khỏi nước đó khi đến quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác [35].~~

~~Khái niệm người Việt Nam định cư ở nước ngoài còn có thể được hiểu theo nghĩa hẹp là người gốc Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thường trú theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 82/2015/NĐ-CP về việc miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài (dưới đây gọi là Nghị định số 82/2015/NĐ-CP).~~

~~Theo đó, người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải nộp giấy tờ cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài thường trú do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp và một trong các loại giấy tờ chứng minh thuộc diện cấp giấy miễn thị thực bao gồm Giấy khai sinh, quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam, giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó.~~

~~Dưới góc độ nghiên cứu, theo tác giả Đào Thị Hà thì, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không còn là một trong những chủ thể của quan hệ dân sự có YTNNg theo BLDS năm 2015. Việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài xác lập quan hệ nuôi con nuôi ở Việt Nam không phải là quan hệ dân sự có YTNNg, nghĩa là không phải là trường hợp nuôi con nuôi có YTNNg [25]. Tuy nhiên, quy định như vậy sẽ không phù hợp trong lĩnh vực nuôi con nuôi có YTNNg [25].~~

~~TS.Nguyễn Công Khanh lại có quan điểm nên xóa bỏ phân biệt đối xử giữa công dân Việt Nam ở trong nước với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài [27]; khó có thể chấp nhận quan điểm cho rằng việc định cư ở nước ngoài là dấu hiệu thứ~~

~~tư để xác định YTNNg trong quan hệ hôn nhân và gia đình, xét dưới góc độ xung đột pháp luật [27].~~

~~Theo nghiên cứu sinh, khái niệm "định cư ở nước ngoài" tương đương với khái niệm "thường trú ở nước ngoài" và việc coi người Việt Nam định cư ở nước ngoài là một chủ thể của quan hệ nuôi con nuôi có YTNNg là hoàn toàn phù hợp với Công ước La Hay 1993. Sở dĩ như vậy là vì yếu tố thường trú/định cư hay cư trú ở nước ngoài là yếu tố cơ bản để xác định phạm vi áp dụng của Công ước. Yếu tố quốc tịch không phải là yếu tố cơ bản để xác định phạm vi áp dụng của Công ước La Hay 1993 [53].~~

~~Tuy nhiên, trong bối cảnh quan hệ giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng, việc di chuyển quốc tế ngày càng trở nên phổ biến và dễ dàng hơn thì các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ gặp khó khăn hơn trong việc xác định như thế nào người Việt Nam định cư ở nước ngoài, nhất là khi những chủ thể này vẫn còn giữ những mối quan hệ gia đình ở Việt Nam, vẫn còn có tài sản là bất động sản ở Việt Nam, còn sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và vẫn thường xuyên đi lại giữa Việt Nam và nước nơi họ sinh sống và làm ăn lâu dài.~~

~~Theo nghiên cứu sinh, trong khi chưa có hướng dẫn cụ thể có thể vận dụng quy định tại Điều 6 của Nghị định số 82/2015/NĐ-CP để xác định chủ thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi bao gồm công dân Việt Nam hoặc người gốc Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cho phép thường trú ở nước đó.~~

~~Khoản 4 Điều 28 Luật nuôi con nuôi quy định người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi ở Việt Nam thuộc trường hợp nuôi con nuôi có YTNNg. Trường hợp này được phân biệt như sau:~~

~~- Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan nhà nước Việt Nam theo khoản 3 Điều 41 Luật nuôi con nuôi.~~

~~- Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi: trường hợp này chưa có quy định về điều kiện, thẩm quyền, trình tự thủ tục thực hiện.~~